

PHỔ THÔNG

165

XUÂN BÌNH-NGO 1966

Giám-đọc : NGUYỄN-VY



tối khi đi ngủ



sau mỗi bữa ăn

bài học vệ sinh thường thức



sáng sớm thức dậy



Perlon

bạn của răng bạn

Có thể rằng các em quên chải răng sau mỗi bữa ăn, nhưng các em phải giữ đúng phép vệ - sinh thường thức tối cần này: chải răng sáng sớm thức dậy và tối khi đi ngủ.

Thuốc đánh răng **Perlon** sẵn sàng phục vụ các em với ly từ FLUOR màu nhiệm, bảo vệ ngà răng chống sâu răng.



những

With our best
Compliments

Saigon, October 26th
1967

The Publisher and
Editor-in-Chief

Ng Ng



NGUYỄN-VỸ

và toàn thể nhân-viên
Phổ-Thông tạp-chí
thân-ái chúc quý Báo tạo
trong năm Bình-Ngo niên Hạnh-phúc

Hãng B.G.I. Cung chúc
Thịnh vượng - Thành công
Hạnh-phúc



CUNG
CHÚC
TÂN
NIÊN

NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÁU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU, YÊU ĐỜI

Nước ngọt Con Cọp mỗi chai
Là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi xuân

PHỐ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
CHO BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ
Địa-địa: 231, đường Phạm-Ngũ-Lào, Saigon - Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ số 165 ★ 15-1-1966

1. - Đặc biệt xuân Bình Ngô	Nguyễn Vỹ	7	-	3
2. - Tặng các bạn kỹ giả (thơ)	Nguyễn-Vỹ			9
3. - Cỏ nhân vai xuân theo ý nghĩa gì? Phạm Văn Sơn		10	-	24
4. - Tiệc xuân năm ấy (truyện)	Phát Tuấn	25	-	30
5. - Thế giới một năm qua	Giang Tân	31	-	43
6. - Đứng nhìn vết chân xuân (thơ)	Kiểm Thêm			44
7. - Nhà xích mạng bị giam kín trong lòn đại sứ	Tân Phong	45	-	49
8. - Miếng bánh còn lại (truyện)	Lan Đình	50	-	55
9. - Con Ngựa từ Đông sang Tây	Từ Trâm Lệ	56	-	69
10. - Ngợi ca mùa xuân em (thơ)	Tân Hôi Dạ Vũ			70
11. - Mùa xuân ửng tròn (thơ)	Dinh Trâm Ca			71
12. - Bức thư Tết Paris.	Nguyễn Văn Cồn	72	-	78
13. - Picasso và Gilot.	Tân Phong	79	-	85
14. - Nhạc ngựa, em nhỏ (thơ)	Nguyễn Vương			86
15. - Thư xuân cho người yêu	Hồ Nam	87	-	90
16. - Thơ cho mùa xuân (thơ)	Phượng Tấn			91
17. - Ngựa Địch-Lưu cầu Lưu-Bị	Nguyễn tử Quang	92	-	98
18. - Niềm đau thể xác (truyện)	Nguyễn Thu Minh	99	-	103

19. —	<i>Ngựa trong nghệ thuật hội họa</i> . . .	Lê trằng Kiều	109	—	110
20. —	<i>Giận anh đó (thơ)</i>	Phương Duyên			120
21. —	<i>Vụ án kim cương (truyện trinh thám)</i>	Trọng Tấn	121	—	120
22. —	<i>Khóc em Thiều (thơ)</i>	Tôn Nữ Hỷ Khương			120
23. —	<i>Bồ tát Quán thế âm</i>	Nguyễn Ý	130	—	130
24. —	<i>Điểm, ánh đạo thiên (thơ)</i>	Đài — CHỮ			130
25. —	<i>Mười năm (thơ)</i>	Tương Phó			137
26. —	<i>Cùng đi vào những mùa xuân</i>	Tuấn Huy	138	—	140
27. —	<i>Xuân lên,</i> <i>Sài thành xuân cảm (thơ)</i>	Thùy dương Tử			140
28. —	<i>Diễn tả (thơ)</i>	Trần đức Uyên			150
29. —	<i>Ngựa Việt ngựa Tàu</i>	Thái Bạch	151	—	150
30. —	<i>Mùa xuân hôm nay (thơ)</i>	Vương Tân			157
31. —	<i>Mộng tưởng (thơ)</i>	Tru Nhi			150
32. —	<i>Sinh viên đạp xe cyclo</i>	Nguyễn Vỹ	159	—	160
33. —	<i>Gió xuân (thơ)</i>	Trần-tuấn-Kiệt			160
34. —	<i>Mình ơi !</i>	Diệu Huyền	167	—	170
35. —	<i>Văn chương thoát ly</i>	Thâm thế Hà	179	—	180
36. —	<i>Hoà xuân, đợi chờ (thơ)</i>	Phụng — Liên			180
37. —	<i>Tuấn, chàng trai nước Việt</i>	Nguyễn Vỹ	184	—	188
38. —	<i>Catalina của Somerset Maugham</i>	Diệu Huyền	189	—	190
39. —	<i>Át Ty giao thừa (thơ)</i>	Song Thu	196	—	197
40. —	<i>Một người tên là Huyền (truyện)</i>	Như Trĩ	198	—	204
41. —	<i>Dominique aujourd'hui présente</i> <i>(thơ ngoại quốc)</i>	Paul Eluard	205	—	208
42. —	<i>Khi một người chết (thơ)</i>	Nguyễn hùng Trát			208
43. —	<i>Lửa tình</i>	Trần tuấn Kiệt	210	—	213
44. —	<i>Thư bạn đọc</i>	P.T.	214	—	216
45. —	<i>Đáp bạn bốn phương</i>	Diệu Huyền	217	—	220



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).
 - * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.



PHỔ-THÔNG tạp-chi xuân này trải qua 8 Xuân. 3 xuân tương-đối hòa-bình, 5 xuân máu lửa, loạn-ly.

Máu lửa nổ hoa mũi sát-khí, đỏ rực Non-Sông. Tiếng súng vang-lừng thay cho tiếng pháo. Xác người ngồn-ngang thay vì xác pháo, xác hoa.

Chiến-tranh là Tết của Tử-thần, Xuân của tang-tóc. 5 mùa Xuân máu lửa, hàng vạn thiếu-phụ, thanh thiếu niên, thiếu-nữ, nhi-dồng, hồ lão, để khăn trắng trên đầu, gấn băng đen trên áo, ôm nắm mộ trong lòng.

Nụ cười hồn-nhiên vô-tư bỗng biến thành

ngấn lệ. Tiếng hân hoan mừng năm mới thành
tiếng khóc thê thảm, bi-ai trong các gia đình Việt.
ở miền Nam cũng như miền Bắc.

Việt miền Bắc của Cộng-sản Quốc-tế, của Trung
Cộng, Nga-xô, Tiệp khắc, Đông-Đức, đã lên vượt qua
vĩ tuyến 17, đem chiến tranh phá hoại, chiến tranh
tàn sát, điêu linh, gieo khắp miền Nam. Mảnh đất
của Tự do, bỗng trở nên thành trì của ly loạn.

Miền Bắc cũng bị ném bom. Bộ-đội miền Bắc
vào Nam cũng bỏ muôn nghìn xác chết khắp các
Rừng núi ruộng lầy ở Việt-Nam Cộng-Hòa.

Bom đạn tiếp tục nổ ngày nổ đêm, liên miên ;
tiếng pháo khóc xuân của Dân-tộc, pháo oán hận,
căm hờn củ Lịch-sử.

Xác người ngã gục, ngồn ngang, dẫm máu.
xác Việt Cộng Sản, xác Việt Quốc-gia : xác đàn
con thù địch của Việt Nam Đất Mẹ.

Đạo Chúa hô hào ngưng bắn. Đạo Phật kêu gọi
Hòa Bình. Chúng ta thấp nhen hương lòng, cầu
nguyện cho những tiếng bất sán-si, vô tham-vọng,
những tiếng từ bi, bác ái, được tất cả hai bên Nam
Bắc cùng nghe.

Hòa bình sẽ vẫn hồi nhanh chóng nếu Bắc về
Bắc, Nam ở Nam, không cần ai giải phóng.

Với ý nghĩa đó, Phở Thông tạt chi mong tất
cả bạn đọc cầu nguyện đêm giao thừa cho Tổ quốc
Việt Nam được hòa bình, thống nhất, cho Dân-tộc
Việt Nam được giữ vẹn Tự do, hạnh phúc, hùng
cường. Dân-tộc Việt-Nam muôn năm!

PHỞ THÔNG Tạt Chi

tặng các bạn ký-giả và thi-sĩ nghèo

Tớ cũng đã nghèo như các anh,
Hết tiền, hết gạo, chạy loanh-quanh.
Nhưng thơ không hết, ngồi ngấm mồi,
Ngâm cạn vãn thơ, ruột ráo-hoanh !

Tớ cũng đã nghèo như các anh,
Vết vằn bụng đói, chịu nằm khoanh,
Vỗ-về người đẹp trong giây lát
Tưởng-tượng Nàng-Thơ đôi mắt xanh.

Tớ cũng đã nghèo như các anh,
Viết bài hăm-hở thức năm canh.
Đợi tiền nhuận-bút ngồi dờ mớ,
An ủi bằng li nước đá chanh.

Tớ cũng đã nghèo như các anh,
Mỗi lần lo Tết dứt gân xanh !
Quanh năm chuyện ngắn, thơ, hồi ký,
Tết đến năm queo chiếc chiếu manh.

Tớ cũng đã nghèo như các anh,
Tiền vô trong túi, vội ra nhanh.
Vãn-chương dính áo, tiền không dính,
Mãn cuộc mà tay vẫn trắng-toanh !

Đã mang cái nghiệp, thế thôi đành !
Tớ vẫn còn nghèo như các anh,
Nước mắt mồ-hôi hai thể-hệ,
Mĩa-mai còn lại chút... hư danh !

★ NGUYỄN-VY

● **cổ - nhân**

VUI XUÂN

THEO
Ý
NGHĨA
GÌ ?

Tháng giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng hai cò bợ tháng ba hỏi
hè,
Tháng tư trồng đậu mùa chèo
An Tết Đoàn-ngộ trở về tháng
năm,
Tháng sáu buôn nhân bán trâu,
Tháng bảy ngày rằm xá tội vong
nhân,
Tháng tám chơi đèn kéo quân,
Bước qua tháng chín chung chẵn
buôn hồng,
Tháng mười đông thóc bán bông,
Tháng một, tháng chạp nên công
hoàn toàn (1)...

Qua bài ca dao đã có từ lâu đời, chúng ta được dịp nhận

xét ít nhiều về cuộc sống của dân tộc Việt - Nam chúng ta trước về một xứ hoàn toàn nông nghiệp, để duy trì sự sống còn và tìm nguồn vui cho những ngày nắng mưa rã rầu, làm ăn cực nhọc, ông cha chúng ta đã nghĩ rất nhiều trên phương diện tổ chức gia đình và xã-hội sao cho thành thoi dễ chịu.

Tranh đấu để mà sống, người Việt đã lo chống thiên nhiên, chống ngoại xâm, chống giặc cướp... riêng với ba cuộc chống trả đó ta đã thấy ông cha chúng

1) Nếu có chữ nào sai, xin đọc giả thứ lỗi.

CỔ NHÂN VUI XUÂN

ta chịu vất vả gian lao đến tột bực trên một mảnh đất sát với cường lân ngoại-dịch luôn luôn chia vào ta những mũi dùi bén nhọn. Đã vậy, với rừng núi âm u, hoang lạnh nước độc ma thiêng lại nay hạn hán mai lụt lợi con người Việt-Nam luôn luôn cảm thấy mình bị đe dọa mà không thể ngừng đổi phỏ. Chính cái hoàn cảnh, cái vị-trí bất lợi ấy đã thúc đẩy người cổ của chúng ta đạt tới hai đức tính vô cùng cần thiết là sự siêng năng cần cù trong việc làm ăn và lòng yêu đời là căn bản cho mọi hoạt động.

Bài ca dao trên đây đã nói lên cái quan-điểm nhân sinh của dân tộc chúng ta, đồng thời nó nêu ra cái trình-tự của cuộc sống hàng tháng hàng năm sao cho có vất vả thì cũng có thanh nhàn. Trình-tự này quả rất có qui-cũ nghĩa là việc mưu sinh với cuộc hành-lạc xen kẽ rất đều hòa, rất phù hợp với thiên-nhiên, với thời-tiết, với đời sống nông-nghiệp và cả đời sống xã hội nữa.

Ở nước ta người dân quê bận nhiều nhất vào hai vụ cấy gặt hái: vụ chiêm và vụ

mùa. Ngoài hai vụ này có những vụ trồng mầu là những vụ trồng ngô, đậu, khoai ráy, rau dưa ít quan trọng hơn, nghĩa là ai muốn làm thêm thì làm, căn bản của nông nghiệp vẫn là hạt thóc, cây lúa. Do đó vào mùa Xuân người ta được rảnh rỗi nhiều nhất và nếu bày các cuộc vui thì cũng vào mùa này thời tiết dễ chịu hơn hết.

Mỗi tầng lớp xã hội đều có các cuộc mua vui riêng và các trò vui thường là các cỗ tục, có những cỗ tục áp dụng cho toàn quốc và cũng có những cỗ tục thuộc từng địa phương. Rồi với ngày Tết Nguyên-đán, người ta bắt đầu mọi cuộc hành lạc và các cuộc hành lạc có nhiều nhất vào tháng ba đầu năm.

Tục ăn Tết và vui Xuân đối với các nước Đông phương nói chung và Việt-Nam nói riêng bao gồm nhiều ý nghĩa do tục này chịu ảnh hưởng rất nhiều về tôn giáo, về đạo thờ kính tổ tiên, về những liên hệ thiêng với gia đình và xã hội do dân tộc chúng ta đã là một khối người ràng buộc với nhau rất chặt chẽ từ lâu đời. Nhất cử nhất động của mỗi cá nhân, mỗi

tập thể đều có sự gắn bó trên mọi phương diện. Bởi lẽ này nếu ta so sánh thì tục ăn Tết, vui xuân của người Đông phương không đơn giản như tục ăn Tết của người Tây phương nếu ta có thể đồng ý rằng ngày Tết của Tây phương không long trọng hơn một ngày chúa nhật hàng tuần, ngày mừng lễ Thiên Chúa giáng sinh còn tưng bừng hơn cả ngày đầu năm của họ.

Cái Tết của chúng ta trái lại nhộn nhịp hơn, thiêng liêng hơn. Bỏ qua cái phần họp nhau cha con, chồng vợ, họ hàng, làng xóm đề liên hoan, đề chúc tụng, đề chạm chén chạm đĩa say sưa ngây ngất, ta còn thấy cái không khí giao cảm giữa kẻ sống và người chết, với quỷ thần trời đất và vũ trụ. Chẳng hạn: đến ngày Tết mọi gia đình Việt-Nam từ thượng du xuống tới trung châu đều làm cỗ tiễn ông Táo (2) trồng cây nêu, nấu bánh chưng, sửa soạn lễ đón ông bà v.v...

Ở đây có vài điểm xin lưu ý:

Mỗi gia đình có một bếp và có vua bếp. Bếp là một hộ, một nhà, được ghi nhận kể từ khi

ông cha chúng ta chấm dứt đời sống bộ lạc, du mục và cũng từ giai đoạn ông cha ta biết làm ruộng. Cuộc sống đã được cố định ở một vị trí, một địa phương thì từ đó đời sống tinh thần của tổ tiên ta bắt đầu phát triển mạnh cho tới ngày nay.

Chúng ta có tục thờ cúng ông bà là do quan niệm sùng bái người chết, nhưng người đã có nhiều công ơn với chúng ta. Quan niệm này còn phù hợp với giáo lý của Khổng Mạnh sau khi chúng ta đã chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán tộc và được tăng cường thêm mỗi ngày. Theo nhận xét của chúng tôi, việc thờ cúng ông bà của người Việt chúng ta còn thành kính hơn việc thờ cúng tổ tiên của người Tàu.

(2) Ta thờ vua bếp có lẽ là do lúc này xã hội Việt-Nam đã tổ chức thành gia đình nhỏ và đã có đời sống định cư. Chúng ta tin rằng Táo thần có nhiệm vụ trông nom từng gia đình và có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thịnh suy của chúng ta. Sự thờ cúng này, không ngoài một tín ngưỡng, một mê tín bắt đầu từ một thời xa xưa của lịch sử ngày nay và vẫn tồn tại trong dân gian nhất là ở thôn quê.

Truyền thuyết về bánh chưng, bánh dày cũng nói lên sự việc này (vua Hùng trong khi chấm giải các món ăn cúng ông bà ngày Tết của 22 người con đã chọn món bánh chưng bánh dày). Bánh chưng hình vuông ngoài bọc lá xanh tượng trưng hình Đất. Bánh dày hình tròn, mặt nổi vòng lên, màu trắng tượng trưng cho Trời (mặt trời). Hai thứ bánh này dâng lên cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã khuất có ý nghĩa là con cháu nhìn nhận sự nghiệp nuôi dưỡng, gây dựng của ông cha mình lớn rộng như trời, đất. Với quan niệm này các món nem công, chả phượng, tay gấu, gân nai và các thứ cao lương, mỹ vị khác thua là phải. Nhất là người Đông-phương trọng tinh thần hơn vật chất, đặc điểm của Đông-phương so với Tây-phương là ở chỗ này...

Chúng ta ngoài điều biết ơn tổ tiên, trong dịp Tết còn muốn có sự thông cảm với người chết, với quá khứ về những việc chúng ta đã làm hoặc hay hoặc dở trong năm. Chúng ta đã nghĩ rằng con cháu là những kẻ nối dõi ông bà trên con đường sự nghiệp mà tiền

nhân đã để lại thì ngay đầu năm, ngày thiêng liêng nhất của một năm nếu táo công lên châu trời đề báo cáo việc thế gian chúng ta cũng có bổn phận phải thanh toán với người chết thân yêu những hành động của chúng ta, đồng thời kêu nài người chết phù hộ độ trì con cháu ăn nên làm ra. Với chúng ta, người chết chưa là hết, người chết vẫn lẫn quần với kẻ sống cũng như chúng ta còn có rất nhiều liên hệ vô hình với Trời, Đất, quỷ thần.

Tóm lại Tết không phải là một dịp đề « xả hơi » để giải trí, để giải lao sau những tháng tranh đấu gian lao với cuộc sống như người Tây Phương đã nghĩ.

Đối với quỷ thần, do chúng ta không đi sâu vào khoa học, chúng ta có nhiều mê-tín, dị đoan. Chúng ta coi mọi hiện tượng trong trời đất như gió, mưa, sấm, sét và mọi vật ở ngoài vũ trụ đều có ảnh hưởng đến bản thân chúng ta, đến gia đình, làng mạc và cả đến đất nước. Chúng ta đã nghĩ: đất có thần đất (thờ thần) núi có

thần núi (sơn thần), sông có Hà-Bá, nước có thủy thần v.v... khiến ta phải kính sợ, sùng bái cho được yên. Rồi chúng ta quan niệm vào hai mùa thu, đông cổ cây tiêu sái, mọi vật ngừng sinh động thì trong khoảng thời gian này thần đất cũng vắng mặt ở hạ giới. Ta phải kiêng «động-thổ», nghĩa là kiêng việc cày bừa, cuốc xới hay gĩa gạo e động đến đất, kiêng nhất là vào ngày mồng một Tết.

Ta có tục xông đất.

Với tục này, người vào nhà ta đầu tiên phải là người đang làm ăn phát đạt, có uy vọng, có tính tình cởi mở, có lòng nhân hậu v.v... thì sẽ mang lại cho gia đình ta nhiều may mắn trong năm. Vì sự mê tín này người ta phải lựa chọn trước người xông đất cho nhà mình hoặc nếu không tìm được ai vừa ý mình thì người gia chủ xông đất lấy.

Tiếng pháo giao thừa dứt thì người gia chủ ăn vận chỉnh tề bước ra ngoài nhà, đi một quãng đường rồi trở về, coi như thế là làm xong việc xông đất. Ngoài ra người ta kỵ nhất người nào có đại tang đến nhà vào

giờ phút đầu năm (ngày mồng một) do đó những người «nhà có bụi» không bước ra khỏi ngõ trong mấy hôm tết.

★

Mùa Xuân, mùa cởi mở cho tình cảm.

Luân lý cổ truyền của Á-đông vốn xưa nay rất nghiêm khắc đối với sự giao du thân mật giữa các thanh niên nam nữ. Vậy mà ở một vài địa phương luân lý, đạo đức đã phải nhường bước do ý nghĩa mùa Xuân là mùa phát triển mọi năng lực thiên nhiên từ vạn vật đến con người, mùa Xuân là mùa sinh sôi, nảy nở, những sự gò bó, những cản trở đối với cuộc sống đều trái với ý chí thiên liêng của tạo hóa. Rồi người ta đã làm ngõ cho các cuộc rập riu oanh yến của trai thanh gái lịch nhờ vậy làng Lim tại tỉnh Bắc Ninh (Bắc phần) có tục mở hội để trai gái hát xướng và tìm bạn. Mỗi năm, không phải chỉ có dân vùng Lim được hưởng cuộc vui này mà cả người ở các tỉnh xa cũng tới chật ních cả gò đồng, đồng bãi, từ nơi đình trung đang nhộn nhịp tiếng trống, tiếng chiêng ra tới ngoài thôn xóm. Cứ vừa

mắt nhau là họ ngừng bước đứng lại hát lên những câu «huê tình», mỗi chỗ năm mười người, tiếng nam cất trước, tiếng nữ cất sau, riêu cợt nhau, trao tình ý với nhau rất là vui vẻ. Những người đến xem cũng vỗ tay góp vui hay tán thưởng khi được nghe những câu xướng ý. Môn hát ở đây là «Quan họ» đáng kể là một bộ môn đặc biệt trong ngành ca nhạc Việt Nam và đặc biệt hơn nữa là các cô thôn nữ vùng Lim thường thường da trắng, má hồng, miệng cười rất có duyên, khéo mắt tràn đầy tình tứ ít ai gặp mà không cảm.

Hát «Quan họ» còn có tục là khi đôi trai gái hợp tình hợp ý thì thường tính luôn đến chuyện kết bạn hoặc đi tới hôn nhân, hoặc giao ước hàng năm cứ tới ngày sẽ tái ngộ để nói văn nói giọng.

Theo tác giả «Phong lưu đồng ruộng» khi người ta muốn kết bạn với nhau phải nhận ngày hội ở làng bạn gái, chàng trai mang lễ đến đình lễ thần và ra mắt quan viên trong làng và phụ huynh người bạn gái.

Trong buổi lễ thần có đốt

pháo, cỗ bàn linh đình như làm tiệc cưới. Rồi họ bèn gái công nhận bên trai kết bạn với con mình sau đó bọn quan viên bên gái cũng sang yết thần bên trai và thù tạc vui vẻ.

Tục này như trên đã nói, không buộc đôi trai gái nhất định bước sang giai đoạn hôn nhân và hãy là đôi bạn tình thần đã vì thế có khi người trai đã có vợ, người gái có chồng rồi mà vẫn kết bạn với nhau. Tóm lại tục hát «Quan họ» thuộc một căn bản nghệ-sĩ tính ít dẫu có và cũng một phần nào chống lại nguyên tắc luân lý «nam nữ thụ thụ bất thân».

Ngoài tục hát quan-họ còn hát Ví, hát Đúm cũng là những lối hát phong-tình, lãng mạn và đông dài hơn đề trai gái có dịp gần gũi nhau. Có nên nghĩ rằng thâm ý của cổ nhân do một tình thần khoáng đạt và thực-tế là chánh sách khóa kín phòng the, ngăn rào chim xanh đã gây nên nhiều điều bất lợi? Có lẽ nào cổ nhân lại không biết luân lý, giáo-dục là cần-thiết, nhưng trai gái có được tìm hiểu nhau trọn vẹn mới dễ đi tới hôn nhân

và cuộc hôn nhân sẽ tốt đẹp hơn là nhờ ở sự chấp nối của ông mai bà mối! Dưới đây là một số trò vui có tính cách thượng võ và đòi hỏi sự thông minh, khéo léo.



1. — Trò đánh đu

Đại-Việt sử ký toàn thư ghi chép phong tục nước ta vào những ngày đầu Xuân có nhắc đến các cuộc chơi Đu Du Ngô, Du tiên là lối đánh đu không có một người hoặc Nam đánh đu với Nam, Nữ đánh đu với Nữ. Điều dễ hiểu là Nam, Nữ cặp nhau đề rún rầy, trầm bổng trên cây đu tre cao ngất trông ngoạn mục và hấp dẫn hơn, chẳng vậy nữ thi sĩ Hồ-Xuân-Hương đã nảy tứ như sau :

... *Trái đu gối hạc khom khom*
cật

Gái uốn lưng ong giữa giữa
lòng

Bốn mảnh quần hồng bày phết
phớt

Đôi hàng chân ngọc ruỗi song
song...

thật là vẽ nên một bức tranh tuyệt bút hết sức linh động hướng hồ đây là cả một hoạt cảnh diễn ra trước mắt..

2) *Trò đánh vật* — Vật là một môn có thể nói vào hàng đầu của Võ Việt nam. Võ sĩ tất nhiên phải là những người sở trường về môn này sau khi đã rèn luyện dày công phu. Đánh vật cần phải có sức khỏe, dẻo dai và có nhiều thể lợi hại. Họ được đối phương các đồ-vật phải nhanh mắt, nhanh tay và nhanh trí khôn đề lừa địch vào chỗ yếu và khi đối phương bị hờ cơ thì dễ bị nhào như bỡn. Do lẽ này đồ vật hạng «ruổi» hạ đồ vật cỡ nặng nhẹ nhàng như trở bàn tay. Khi ra trước sân đình các đồ vật chỉ có đánh một cái khố ở hạ-bộ, thường thường đều có thân hình vạm vỡ, bắp thịt ở tay chân nổi lên tăng thêm sự hùng tráng. Khán-giả vây quanh sân cỏ võ cho hai bên rất náo nhiệt và võ tay hoan nghênh mỗi khi được trông thấy những động tác lợi hại.

3) *Vật cừ* : Môn này giống như môn bóng rổ ngày nay của Tây Phương. Người chơi chia ra hai toán, không quần bunn lấy lăm lăm tranh nhau quả cầu bằng gốc tre sơn. Ai bắt được quả cầu thì ném lên cho rơi vào rổ đối phương. Chiếc rổ này thường treo trên một cây tre

cao khoảng trên dưới ba thước tây.

4) *Đánh phết* : Môn này rất được dân làng Phù-đồng (tỉnh Bắc-ninh) và dân làng Hiền-Quan (tỉnh Phú-thọ) ham chuộng. Nó tương-tự với khúc-cầu (Hockey) đang thịnh-hành thời bấy giờ. Người chơi cũng chia ra hai phe : mỗi phe cầm một cái gậy đầu uốn cong đề gạt mạnh trái cầu cũng làm bằng gốc tre vào lỗ do đối phương canh giữ.

5) *Đấu roi* : (Trung-bình-tiên) môn đấu roi xưa kia rất thịnh hành ở Bắc-Việt nhưng gần đây môn này lại được phổ biến hơn từ Thanh-hóa trở vào. Người ta còn gọi môn này là đấu gậy bởi hai người dùng mỗi người một chiếc gậy dài ngắn ba thước tây đầu có quấn giẻ tằm vôi trắng đề đánh dấu vào người của đối phương. Ai bị nhiều dấu vôi trên mình là thua.

Những trò vui tập thể cho nam-nữ có một số như sau:

a) *Chơi kéo co* : Đây là cuộc vui chung cho trai gái. Mỗi bên có hai chục người và mỗi bên nắm một phần dây chèo (thùng

lớn). Bên nào thua thì phải uống nước, bên nào được uống rượu. Đề có sự hào-hứng có khi người ta không dùng giầy chèo mà dùng giầy song là một thứ mây lớn bằng ngón chân cái để trơn. Bên nào bị tuột tay thì càng dễ thua và không ý được vào sức mạnh.

b) *Chơi bắt trạch* cũng là một thú chơi khá xưa: ngày nay không còn tồn tại: một trai một gái choàng tay vào cờ nhau đề một tay (dĩ nhiên là hai tay phải thò vào cái chum sâu đề bắt con trạch ở dưới đáy (trò chơi này có ghi trong sách « chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi của Trương-vĩnh-Kỳ).

c) *Tung còn* : Còn là một quả cầu ngoài bọc vải màu trắng trong nhồi châu hay bông chônệ, một đầu có kết tua. Trên bài cỏ, trai có độ mười người, gái cũng vậy sắp thành hàng, đối diện nhau. Bên này tung thì bên kia phải bắt cho bằng được rồi tung trả lại. Nếu ai bắt trượt phải gán cho người tung còn một vật gì mình đang đeo trên mình. Có người thua quả chỉ còn có cái quần dính vào thân mà thôi.

Tàn cuộc người thắng trả lại đồ vật cho kẻ bại và bắt uống rượu phạt theo lệ đã định. Tục tung còn rất thịnh hành tại các miền Thượng với các đồng bào Mường, Thổ, Thái v.v...

Tại phủ Quy (Nghệ-An) Lang-chánh (Thanh-hóa) Bảo-lạc (Cao-băng) đồng bào Mường còn tổ chức các cuộc đi thăm hang Ré (ở Lang-Chánh) và các danh lam thắng cảnh địa phương. Trong khi đi chơi họ mang đồ ăn thức uống và lễ vật để cúng thần. Tới chỗ nghỉ chân và sau khi làm lễ, họ thổi « khèn », hát « Đúm », tung còn, uống rượu, rồi từng cặp tìm nơi thanh vắng chuyện trò và đánh ước trăm năm.

Qua các cuộc vui này ai cũng thấy cuộc sống phóng khoáng phù hợp với thiên-nhiên và mang lại nhiều hạnh phúc cho con người, đồng thời nó tăng thêm lễ sống.

Những cuộc vui công cộng

a) *Đuôi heo săn cuộc.* Tại làng Tích Sơn (tỉnh Hưng hóa B.V.) làng Yên-đô (tỉnh Hà nam B.V.) có cuộc thi đuôi heo, bắt cuộc vào ngày mồng 2 Tết.

Sáng sớm mọi người trong làng dờ ra hết ngoài đồng. Ban tối chực thả một con heo sau một hồi chiêng nổi mọi người đều bắt con heo cho kỳ được. Còn tục săn cuộc thì già trẻ lớn bé nài nịt gọn ghẽ chờ tiếng cồng nổi lên là chạy ra ngoài đồng lùng cuộc. Giống chim này như ta đã biết có tài lủi trong các ven bờ ruộng rậm hoặc ven hồ, ao để kiếm ăn vì chúng ưa tĩnh. Thấy huyên nao chúng bỏ chạy và có khi cuống lên chúng ngã lăn người ta mới bắt được.

Với cuộc đuôi heo, bắt cuộc, người ta có sự mê tín là bắt được hai thứ ruộng súc này dân làng sẽ gặp nhiều điều may, nhưng trong thực-tế ít nhất ta thấy có một ý nghĩa là cuộc vui này khích lệ sự nhanh-nhẹn, tháo vát và cũng gây được nhiều sự hào-hứng. Tuy nhiên sự thành công còn tùy ở may rủi nữa.

b) *Bơi trái:* Các làng ở bên sông hay có cuộc thi bơi trái. Thuyền dùng vào việc bơi trái là những con thuyền làm bằng gỗ hình thoi do nhiều tấm ván ghép vào dài sáu bảy thước tây, dáng rất nhẹ nhàng. Một người giữ lái, mỗi bên sáu bảy tay chèo

ngồi sát sườn thuyền. Mỗi tay chèo đầu quấn khăn đỏ, khố đóng ngang lưng, mình trần đen bóng như tượng đồng đen. Sau tiếng mõ hay trống họ đồng loạt đập mái chèo xuống nước và tiến nhanh như gió để vượt các thuyền khác. Mỗi lần thi bơi trái, có tới hai ba chục chiếc thuyền như vậy đua nhau trên mặt sông rất là hào hứng. Người đứng hai bên bờ vỗ tay khuyến-khích. Những người dự cuộc cũng hò hét để tự nâng cao tinh thần trong khi con thuyền lao mau như mũi tên và chẳng thua các xuồng máy như ta từng thấy. Cuộc thi bơi trái gây nhiều thích thú như các cuộc đua ngựa, đua xe máy ở đô-thành.

Giải thưởng tùy theo khả năng quyên góp hay tài-chánh của hội-đồng xã và của ban tổ-chức. Thường thường giải gồm có vài chục bạc và một vài vuông nhiều hay lựa đồ, hoặc kèm theo cái ð. Ngày xưa là vài quan tiền. Thực ra người ta cần lấy danh dự cho làng mình, cho phường mình hơn là lấy giải. Cũng trong dịp này một số khán giả đánh cá với nhau tiền trăm bạc chục như đánh cá ngựa.

e) *Đua bắt cá:* Nhiều làng có

dâm hồ, ao chuôm trong dịp vui xuân bày ra cuộc đua nhau bắt cá để thử thời vận trong năm. Tỉ dụ làng Ngũ-xá (tỉnh Hà-đồng) làng Phù-lưu (tỉnh Hà-tĩnh) đến ngày hội thì già trẻ trai gái ụa ra sông ngòi hay ngoài đồng, giăng lưới, úp nơm để bắt cá. Cá bắt được đem làm cỗ tế thần và chia nhau đầu ít, đầu nhiều.

Tại Lang-chánh (Thanh-hóa) cũng có tục tương tự gọi là *Tết cơm cá* vào tháng ba. Món ăn đặc biệt trong dịp này là lạng thịt những con cá lớn nhất trộn với muối và gạo nếp đã ngâm sẵn đêm hôm trước trong nước lá xả rồi đồ lên như ta thổi xôi (vì đồng bào Mường không dùng gạo tẻ như người Kinh).

d) *Thi thổi cơm và luộc gà:* Với cuộc thi này người ta đòi hỏi cơm phải thật thơm, ngon, dẻo và gà luộc thật béo, vừa chín tới mà không nứt da, dẫu cánh phải sắp đặt cho có mỹ-thuật để tế thần (trò này thịnh nhất ở làng Thổ-Khối, tỉnh Phú thọ B.V.). Ở một vài địa phương khác người ta bày nhiều điều kiện ngặt nghèo để thử tài và thử cả trí của người dự thi.

Có hai lối thi: thi cá nhân và

thi tập thể. Người dự thi phải chạy nhanh đến giếng để lấy nước hay cướp cho được lọ nước múc sẵn để đầy. Việc tiếp là kéo lửa bằng nòng tre hay giang rồi thi giã thóc ra gạo. Cuối cùng mới là việc nấu cơm (tục này ở làng Thị-Cấm tỉnh Hà-đông). Ở nơi khác (làng Chuông cũng thuộc tỉnh này) người ta còn bày ra nhiều sự oái-oăm hơn là bắt nấu cơm trên mặt nước. Và trước khi nấu cơm phải ăn mía lấy bã làm củi. Người dự thi ngồi trên chiếc thuyền thúng có mấy chiếc que diêm nhất định và một bó rơm bơi ra chỗ có đóng chiếc cọc tre ngoài ao. Cái cọc này nhô đầu lên khỏi mặt nước chừng một gang. Người thi thời cơm phải giữ sao cho thuyền không trôi, lại phải vo gạo, nhóm lửa. Đây là một cuộc thi dành cho đàn ông, còn cuộc thi dành cho đàn bà cũng buộc ăn mía lấy bã làm củi có khác là phải ăn một đũa trẻ nít chưa biết đi, phải chặn một con cóc buộc ở sát bếp sao cho nó không nhảy ra ngoài vạch vôi đã vẽ theo một hình tròn trên mặt đất...

e) Rước cái nồn nường.

Cận lại một số ít làng còn giữ tục rước « nồn nường » trong những hội hè vào tháng giêng (tại làng Khúc-lạc và Di-nậu tỉnh Phú-Thọ Bắc-Việt), Nồn nường là gì? — Là khúc gỗ đeo theo hình cái sinh-thực-khí của đàn ông và đàn bà. Sau cuộc rước linh-đình người ta xô nhau tranh cướp, giành giật của quý này do tin rằng cướp được cái nồn nường sẽ gặp được như sự mai mắn như chữa đẻ hay nuôi tằm tốt tay...

Khảo về văn hóa Chiêm-Thành ta cũng thấy dân Hời tôn thờ sinh-thực-khí. Hình này đeo vào đá cỡ lớn để trên cái bệ đá cao trên một thước tây, hiện nay được trưng bày thường xuyên tại viện Bảo-tàng cổ vật ở Đà-nẵng. Chúng tôi muốn hỏi rằng tục này phát sinh ở đâu? Ta bắt chước Chiêm hay Chiêm bắt chước ta? Xét văn hóa Trung quốc ta không thấy nói đến việc tôn thờ sinh-thực-khí của đàn ông hay đàn bà.

Thờ sinh-thực-khí, có lẽ người xưa đã nghĩ một cách hết sức đơn giản là nồn-nường biểu

dương là âm dương, âm dương sinh ra muôn vật, âm dương cấu tạo ra nhân loại. Nói cách khác, không có nồn nường thì không có loài người, vậy nồn nường là vật thiêng liêng cần được tôn thờ. Ngươi đời ta hy vọng thờ nồn nường để sinh sôi nảy nở, làm ăn phát đạt. Người mua tranh húng rùa, tranh gà, tranh lợn, tranh cóc dạy học, tranh đám cưới chuột v.v... cũng không ngoài mong ước kể trên.

f) Cờ người: Từ mồng ba Tết trở đi tức là ra ngoài giếng thường thường làng nào của Việt-Nam ta cũng vào đám (mở hội). Ban tổ chức bao giờ cũng nghĩ đến việc lập cờ người ngoài sân đình trong khi có lễ thần. Nói là cờ người vì quân cờ có người ngồi bên. Quân cờ là cái biển gỗ sơn son thiếp vàng có chữ xe, pháo, mã v.v... cắm trên mặt đất. Các cô gái làng xinh đẹp được lựa ra để làm quân cờ. Quân cờ chuyên dịch thì người cũng đi theo. Các cô được tuyên dụng trong dịp này rất xứng ý vì đây là dịp để trai làng và trai thiên-hạ đến nhòm ngó. Âu cũng là một cơ hội để quảng cáo cho đất chông.

Chơi cờ cũng có ăn giải. Giải là một số bạc xưa kia là vài chục

và vài vuông nhiều điều cũng như giải các cuộc chơi khác. Người chơi cờ cũng chỉ cần thắng lấy vinh-dự mà thôi.

Cờ người chơi cũng gay go hết sức. Mỗi bên thường có một bộ tham mưu khi bí-mật khi công khai, tùy theo thế lẹ của ban tổ chức. Cờ mà gặp kỳ phùng địch thủ thì hạ được nhau không phải là dễ dàng, mau lẹ có điều đặc biệt là giỏi cờ chưa hẳn là do văn hay chữ tốt, tuổi tác, già nua. Ở một vài trường hợp thắng các cụ già, các đấng tu-mi lại là những cô gái mười bảy mười tám từ các làng xa tới Xin nhắc rằng chơi cờ cũng như chơi túc cầu, phải đánh thử, những người giỏi nhất mới được vào chung kết. Đánh thử thì đánh bằng bàn cờ gỗ ở một gian phòng bên cạnh đình hay chùa. Đi xem đánh cờ, người ta được dịp nghiên cứu các thế cờ, đó là đối với những ai sành cờ, còn với thanh niên đó cũng là một dịp ngắm người đẹp để tính chuyện trăm năm.

g) Tục giã đám làng La: Một cuộc liên hoan vào ngày Xuân có lẽ hời hợt hơn cả là cuộc giã đám làng La. (Không rõ làng La đây là La-khê hay La-cả

chuyên đặt the lụa ở tỉnh Hà-đông hay không) nhưng chuyện chúng tôi kể ra đây là chuyện có thực, thuộc một cổ-tục nhưng đã bị bãi bỏ cách đây vài chục năm.

Ở làng này, khi hội hè bề mạt thì đêm cuối cùng khi khói hương còn nghi ngút trong đình, chiêm trống còn inh-ôi, vào một giờ khuya bất thình lình người ta tắt hết đèn nến. Rồi trong bóng tối dày đặc, đàn ông đàn bà, trai gái tha hồ lôi kéo nhau để mở cuộc giao tình. Ánh sáng bùng lên, đâu lại về đấy. Phép Vua thua lệ làng thì luân-ly cổ truyền đến đây cũng phải ngoạn mục. Tục này là một dị-đoan, có lẽ phát sinh ở ông Thần hoàng địa tỉnh làng mạn và vào giờ phút liên hoan mọi người trong làng phải dự cuộc nếu không làng sẽ gặp tai ương bất thường, mất mùa hay dịch lệ. Trò này hợp với tính xác thật của con người nên được nhiệt liệt hoan nghênh nhất là được khoan dung tuyệt đối, do đó đã có câu ca dao:

*Rủ nhau đi hội chùa Thầy (4)
Vui thì out thật chưa tây Già La!*

Vua quan mừng xuân thế nào?

Trên đây là những cổ - tục, những cuộc vui của đại chúng trong dịp đón xuân về. Thiết nghĩ cũng nên biết những nghi lễ, những cuộc liên hoan của thượng tầng kiến trúc xã - hội Việt-Nam từ ngàn năm trước.

Các sử chữ nho (Đại Việt sử-ký toàn thư) kể rằng dưới đời Lý, Trần dân ta có nhiều phong tục rất thuần phác. Không khí tôn giáo bao trùm khắp cung đình ra ngoài dân dã.

Ngày 30 tháng chạp dân đội pháo mừng Xuân. Pháo là cái ống lệnh chứa thuốc nổ có ngòi chớ không làm bằng giấy quấn thuốc bên trong như ngày nay. Người ta đốt pháo ngoài sân và ngoài cổng trong khi gia nhân giết gà mổ lợn sửa soạn cỗ bàn cho 3 ngày tết.

Mồng 5 tết trong cung vua có mở tiệc khánh hạ. Vua quan và dân chúng đi lễ chùa, viếng đền đài lăng miếu và phong cảnh địa-phương.

Tháng hai quan cho dựng Xuân-dài đón phường chèo và múa hát. Ai ai cũng được đến dự. Ở nơi công-cộng người ta bày các cuộc đánh vật, chọi gà,

4) Chùa Thầy ở Sơn Tây, tháng giêng cũng có mở hội rất vui.

đánh cầu lấy giải thưởng. Chánh quyền và dân chúng rất thân cận với nhau trong dịp này.

Đúng ngày lập xuân, vua cắt người tộc-trưởng cầm roi vút vào lưng con trâu đất (thỏ ngưu) do mục-dịch khuyến nông. Ở các tỉnh theo lệnh của nhà vua, các quan được trích tiền kho ra làm yến tiệc (khoảng trung tuần tháng hai) mời các bộ lão đến thọ ơn mưa móc. Ra về các thực-khách còn được tặng một số tiền gọi là tiền đồ giang (hành-phí) và vài vuông lụa hay nhiều làm kỷ-niệm. Cụ già nào yếu quá không đi được thì quan cho mang tiền đến tận nhà. Tục này bị bãi bỏ từ thời Pháp thuộc.

Ngoài nghi-lễ, yến tiệc, giới phong-kiến và quý-tộc có những cuộc vui như sau (theo An-nam chí-lược do Lê Tắc là người đời Trần):

... «Ngày mồng ba Tết, vua ngự ra gác Đại-hưng (trên cửa Đại-hưng), xem các hoàng-tử và nội-thị đá cầu. Trái cầu là một quả tròn bằng năm tay bọc gấm hay lụa. Kẻ nào đá liên tiếp, lâu không rớt xuống đất là thắng.

Các quan thì đánh cầu bằng tay trên ngựa.

Thật không ngờ môn đá cầu tức đá kiện ngày nay lại thịnh hành trong giới quyền quý đời bấy giờ và cả ở nơi dân chúng nữa.

Người ta kể rằng vào đời Lê có một ông quan đá đá cầu chúc thọ chúa Trịnh với lời hứa mỗi quả cầu là một tuổi thọ. Đặc biệt là ông ta đá cầu trên thuyền, thuyền bị rung rinh mà ông đã được tới mấy trăm quả không biết mỗi...»

Môn đánh cầu trên ngựa xét ra cũng khá phổ biến ở Đông phương trong cuộc giải trí của vua quan (xin coi Lý thường Kiệt của Hoàng-xuân-Hán). Ta thấy tục này cũng có ở Chiêm-thành từ lâu đời. Người chơi chia ra hai phe. Ai nấy đều cưỡi ngựa, cầm trượng đẩy mạnh quả cầu sao cho lọt vào cửa của đối phương. Lối chơi gôn của Tây-phương xem ra cũng tương tự một phần.

● Kết luận

Trước những tập tục truyền, những trò vui trong ba tháng Xuân, nếu gạt bỏ những yếu tố mê tín, dị đoan, ta phải công nhận các cuộc vui của cổ nhân

có nhiều ý nghĩa lành mạnh hợp lý. Những tục lệ ấy, những trò chơi ấy có rất nhiều liên hệ đến đời sống tinh thần của mọi tầng lớp xã hội chúng ta và có ảnh hưởng rất tốt đẹp đến người dân vui vẻ mà sống, háng hái tranh đấu trên mọi phương diện nhờ đó nước được giàu dân được mạnh.

Còn gì thích hợp hơn là lựa những ngày Xuân để thông cảm với trời đất, quý Thần và ông bà?

Còn gì thú vị hơn là vào những lúc thời tiết ấm áp, ánh dương sáng lòa thanh niên nam nữ được tự do cởi mở tâm

tình để yêu đương và đi tới hôn nhân?

Còn gì hợp lý hơn là có một khoảng thời gian để mua vui với nhau sau những ngày tháng mưa rêu nắng rã, cực nhọc?

Còn gì sung sướng hơn là cũng trong dịp này bà con thân hữu xa gần gặp gỡ nhau để thù tạc cho tăng thêm tình đoàn kết xóm làng, dân tộc?

Cổ nhân đã khéo suy xét và tổ chức các cuộc vui Xuân như vậy là hợp với lẽ trời, hợp với lòng người, nếu bỏ các cổ tục ngày Xuân thì còn gì là quốc hồn, quốc túy? ● ★



★ YÊU LÀ THỂ

Cô gái thủ-thủ với mẹ :

— Anh ấy rất yêu con. Anh hao tốn không biết bao nhiêu để mua quà tặng con. Con á ngại lắm, và con muốn anh ấy đừng làm thế nữa. Làm cách nào, hở mẹ?

— Dễ mà con ! Sau khi con lấy hãnh ta...



TIỆC XUÂN
NĂM ẤY
CÂY
nhật xuân

Nhân ba ngày Tết rảnh rồi tôi xin kể hầu quý bạn một câu chuyện đặc biệt.

Đạo ấy tôi còn làm Quận Trưởng một quận miền thượng du ở tỉnh Quảng Ngãi. Địa phương này xưa kia người Pháp dùng để lưu đày những người bị tù tội nặng. Quận Minh Long của tôi cũng nổi tiếng là nơi ma thiêng nước độc như các vùng Trà Bồng, Sơn Hà xứ Quảng

(Chuyện thật kể theo lời một người bạn)

TRONG đời quân ngũ tôi đã gặp nhiều chuyện khó tin nhưng quả là sự thật. Tôi kể ra đây bạn đọc, có người sẽ không tin, cho là tôi viết láo, ba xạo. Xin các bạn hiểu cho rằng tôi cũng là một kẻ liều lĩnh, gan lì và ít khi tin nhảm. Vậy mà...sau này tôi lại trở thành kẻ mê tín hơn ai hết.

Nhà Thơ Nguyễn Vỹ — «người tù 69» — đã được ném nước độc ở Sơn Hà và Trà Bồng... nhưng vùng Minh Long cũng... độc nước không kém gì hai nơi đó. Đản ở M.L. đến nay còn đồn đại rằng, trước đây vài chục năm. Suối Tia ở gần Quận đường, nếu ai lỡ lội chân xuống sẽ bị tuột hết lông chân.

Ngày dời lên Quận, tôi chỉ nhìn mà phát ngán. Dân, ngoài một vài trăm người kinh còn tất cả là người Thượng. Năm giữa « thung lũng tử thần », quận dường được bao vây bởi một số tiền đồn quân sự. Công chức thầy thợ được dăm ba « ngoe », toàn những người « bị » đi chớ chẳng ai thích lên ở xứ khi họ có gáy này.

Sống ở miền rừng núi thật buồn chán và ngày giờ dài đến khủng khiếp. Ở Saigon với cuộc sống hối hả, thoát một cái hết 4 giờ nhầy dăm, thoát một cái hết một đêm bạc. Và nhiều khi thoát một cái đến chửa nhật, đến kỳ lương lại cũng thoát một cái một cuộc đời, một đám cưới, một vụ ly dị. Ở đây chúng tôi sống trong những ngày những đêm dài dằng dặc. Đợi mãi mới tới phiên chợ, dù cứ ba ngày là một phiên, chờ mãi mới có dịp về Tỉnh. Còn đi Saigon, chúng tôi bảo nhau... chắc phải đợi « Tết Congo » mới đi được.

Quận của tôi có hai đại đội Bảo An và độ 15 trung đội Dân Vệ (1) 99% quân số là Thượng, tế dĩ nhiên vì thế cấp chỉ huy cũng hầu hết là... đồng bào

« Việt Nam mới ».

Ngày mới lên, ông Phó Quận Trương Hồng Vũ căn dặn tôi :

— Đại Úy phải cẩn thận. Dân Thượng ở đây hiền, tốt ; nhưng một số có bùa phép nhất là thuốc độc của Thượng. Đại Úy phải canh chừng hết sức.

Tôi không sợ lắm nhưng hơi ngạc nhiên :

— Bùa phép ? Bộ họ trừ ốm tôi chắc. Còn thuốc độc, mình có ăn nhậu gì với họ đâu mà họ « thuốc » mình được.

Ông Phó Quận Trương Vũ, vẫn bằng một giọng nói nghiêm trọng cũng như với nét mặt nghiêm trọng thực sự của ông đã trả lời câu hỏi của tôi như sau :

— Đề phòng trước vẫn hơn. Thuốc độc Thượng đã giết hại Dân Vệ, Bảo An, Biệt kích ở đây khá nhiều. Đó là bọn nội tuyến của Việt Thượng cộng mua chuộc. Không ăn, uống đã đành. Nếu họ bắt tay Đại Úy hay bước lên cái bóng của Đại Úy là về Đại Úy có thể chết được.

— Lạ nhỉ, bắt tay mà chết được. Kỳ cục !

(1) bây giờ là ĐPQ và NQ

Lúc đầu tôi không tin, nhưng sau này, ở hơn mười tháng với người địa phương tôi có dịp xác nhận lời ông Vũ. Có hai, ba Dân Vệ Thượng bị thuốc chết. Bác sĩ kiểm không ra bệnh. Nạn nhân cứ chường phình bụng lên, mắt đỏ như lửa và thè lưỡi ra chết chằng cẳng. Những báo cáo của Trung đội Trương, Đại Đội Trương và Xã Trương đều trình là nạn nhân bị « thuốc Thượng » mà chết.

Có nhiều bạn khác, vào những buổi tối nhàn rỗi, tình hình an ninh cho phép, chúng tôi tổ chức câu cơ. Hôm thì gặp Sơn-Lâm Đại Tướng quân, bữa gặp cụ Phan chu Trinh, Huỳnh thúc Kháng. Những tối câu cơ nào cũng gặp « tầm lum » mấy ông Biệt Kích, Dân Vệ Thượng bị thuốc độc chết. Hồn mấy vị ma Thượng này, vì không biết chữ, nên cứ quay tít thò lò. Những người Thượng làm thư ký ở Quận ngồi quanh bàn cơ nói xì xỏ tiếng Thượng một lúc và ra dấu, cơ chỉ vào chỗ họ đặt tay. Cuối cùng họ cho biết :

— Đó là hồn mấy ông lính Thượng bị thuốc chết, về đòi tiền tử tuất và xin Quận trưởng

báo thù cho.

Đòi tiền tử tuất thì có thể giúp được, chứ báo thù... tôi biết kiếm ai ra mà báo... bây giờ Hồi có biết ai ám hại không, cơ cứ quay tít thò lò không trả lời. Thánh thần ma quỷ còn không biết kẻ bỏ thuốc độc hướng hồ là người trần mắt thịt như tôi đây.

Đặc biệt có chuyện thật lạ lùng này khiến tôi càng... mê tín dữ.

Đạo ấy, tôi còn nhớ rõ là đúng vào dịp Tết. Nhân có phái đoàn của tỉnh lên, quận phải mời họ ở lại nhậu nhẹt một bữa. Phái đoàn gồm có ông chủ sự phòng tài chính, ông phó quận trưởng hành nghĩa tháp tùng theo lên chơi và một vài sĩ quan của tiểu khu.

Trong bữa « tiệc đầu xuân nơi xứ Thượng » có cả hai ông đại đội trưởng Bảo An là Đinh Kín và Đinh Bi (người Thượng miền Quảng Ngãi ai cũng mang họ Đinh hết ; cũng như thời Ngô đình, thiên hạ lớn bé đều « theo đạo » và... lấy tí họ Ngô cho thơm. « Thiên hạ » đây có thể kể đủ mặt *văn, võ* bá quan đấng các cụ nhé ! Rượu cần nhậu vài ly lớn, nhiều người

nghe tin ông Trung úy Đinh Bi nổi tiếng là xem tướng và đoán số hay nên yêu cầu tôi nói với ông xem hộ số mệnh công danh tài lộc của họ ra sao.

Trung úy Đinh Bi thì tôi biết. Ông ta là một sĩ quan nhầy dù của Pháp ngày xưa, rất can đảm và bình tĩnh khi lâm trận. Phần nhiều, tôi đề ý mỗi lần sắp hành quân, ông đều coi cẳng gà và lấy máu gà đổ lên đầu rồi xoa khắp mình. Tuy buồn cười nhưng vì đó là phong tục người ta, tôi cũng chẳng « ý kiến » làm gì. Có đi đâu, mấy lần hành quân, thắng bại ra sao. Trung úy Bi đều nói trước và kết quả trúng phong phúc. Lần này nghe mấy ông trong phái đoàn Tỉnh tôi mới biết ông Đinh Bi của tôi còn kiêm thêm nghề tướng số ngoài cái mục đoán... quẻ hành quân bằng máu và cẳng gà.

Thực ra dù vậy tôi vẫn chưa tin lắm nhưng tôi nể lời yêu cầu của họ cũng nói với Trung úy Bi:

— Ông Đại-đội-trưởng xem hộ cho mấy vị trong phái đoàn đề làm kỷ niệm chơi nhân dịp họ lên thăm Quận mình.

Miệng nhai trầu bồm bồm, khuôn mặt say rượu đỏ lừ, mắt ông sếch sếch nhìn hết người nọ

đến người kia. Một lát, chỉ vào một thực khách ông nói:

— Trong nửa năm nữa ông sẽ chết.

Đó là ông Phó trưởng chi cảnh sát quận. Ông ta béo tròn béo trọc, nghe thấy nói thế, cười nhẵn:

— Chết ở đâu, bệnh gì « thầy »?

— Bệnh to bụng như đàn bà chữa.

Mọi người cười ồ. Tài, tên ông phó trưởng chi nói:

— Biến thành đàn bà dễ mà... được « chữa » rồi chết thì cũng chịu.

Trung úy Châu làm ở quận Hành-nghĩa vội hỏi:

— Còn tôi bao giờ chết và bao giờ lên lon đây cụ?

— Trung úy hả? Ông sẽ chết rồi mới đeo lon Đại úy được.

Mọi người lại cười thét lên. Châu gât gù:

— Ừ thì cho là truy thăng cố Đại-úy đi. Có thể lắm. Nhưng bao giờ chết và chết thế nào mới được chứ. Bị mìn, bị bắn, bị đâm...?

Người sĩ quan Thượng lắc đầu:

— Không. Trung úy bị... đề mà chết. Qua cái Tết này, chưa thì Tết sau... là Trung úy lên lon!

Châu cười rử rượi:

— Tôi cũng nhầy dù đây nè cha. Dọa nhau làm gì vậy? Đề mà chết tức là «thượng hoặc hạ mã phong» rồi còn gì. Chết thế mà sướng đấy nhé. May là cũng còn được một năm nữa. Dù sao, xin cảm ơn thầy đã... báo trước.

Từ nãy tới giờ ông Long chỉ ngồi yên lặng nghe. Ấy mấy ông công chức tỉnh lẻ cỡ chủ sự trở lên.. là bao giờ cũng hay. «ra cái vẻ» như vậy. Thấy mọi người hỏi xong Long mới háng động vai cái rồi thủng thảng:

— Sao mà ông xem cho hai người, ông đều bắt họ chết ráo tội vậy? Còn tôi liệu có chết không đây?

— Ai mà chẳng chết, thưa ông chủ sự. Nhưng sau khi Trung Úy Châu chết một năm, thế nào cũng đến lượt ông.

Mọi người ngạc nhiên nhưng vẫn buồn cười và ít ai tin, kể cả tôi. Long lại hỏi:

— Buồn nhỉ, tôi lại cũng chết trẻ à Ông Tài 6 tháng nữa chết, ông Trung Úy Châu một năm. Tôi thì sống lâu hơn họ được thêm 12 tháng. Người.. thì «chừa» (chứ không đề..) mà chết, người thì «được đề» rồi mới chịu chết.

Còn tôi, chắc chết trong bờ bụi khe hốc nào quá!

Trung Úy Bi vẫn nhai trầu chớp chớp và trả lời tinh bơ:

— Ông chủ sự có chết sẽ.. chết ở trong một khách sạn ở Sài Gòn.

Long cau lăm nhưng chỉ nhìn mọi người lắc đầu:

— Chịu ông này. Nói thật cứ như trạng mẹ. Vợ tôi mà nó nghe tin tôi thuê phòng ngủ, tôi sợ sẽ bị nó chém chết trước khi vô khách sạn là khác.

Chắc mọi người thấy ông Bi nói «ba xạo» quá cho là ông say nên chỉ cười riếu. Còn tôi, tuy tôi không tin nhưng tôi vốn quý Trung Úy Đinh Bi, tôi chỉ lặng thinh và lấy bao Salem mời ông hút. Ông Phó Quận Trưởng Vũ vội bảo tôi:

— Sao Đại Úy không hỏi ông Bi xem bao giờ thăng cấp và số mạng ra sao? Đặc biệt lắm Tết năm nay ông Trung Úy Bi mới cao húng xem như thế này. Lâu lắm rồi ông không coi cho ai đâu, nhân dịp này Đại Úy nên «thử» một lần. Hay Đại úy không tin?

Tôi cười gạt đi :

— Bây nào, ông Phó bảo tôi không tin Trung Úy Bi thì còn tin ai vào đây. Nhưng tôi... thấy rần rề sống chết nếu do số Trời thì không thể nào tránh được. Có biết cũng đến thế thôi.

Trung Úy Bi phì phà một hơi thuốc rồi quay sang tôi nói :

— Ông Quận thì cái máy bay nó đâm cũng không có chết đâu ! Mạng ông Quận lớn lắm, mà sợ gì ?

Lần này thì mọi người rủ ra cười. Cười lăn, cười lóc, cười bò lê hò càng. Cười nôn thốc nôn tháo, cười chảy cả nước mắt mà vẫn cười. Họ bảo :

— Máy bay nó bay ở trên trời thì làm sao đâm được vào ông Quận mà chết ?

— Bết đâu nhờ ông Quận phải đòi lên không trung chỉ đường cho máy bay ở trên đó thì sao ?

Thời gian đó là cuối năm 1963. Bây giờ là cuối năm 1965. Lần lượt những điều Trung úy Bi nói đều đã trở thành sự thật. Sau bữa tiệc Tết năm đó, đúng 6 tháng sau Tài bị bệnh chướng, nứt ruột chết. Người Thượng bảo đó là kết quả của một vụ "thuốc Thượng". Cuối năm 1964, chưa kịp ăn một cái Tết nữa, Châu bị mình nhưng không chết vì mảnh mìn mà chết vì chiếc xe Land Rover của anh đề sập lên ngực.

Chết xong, Châu được truy thăng Đại úy thật.

Sau hai cái chết này xảy ra tôi sự nhớ tới những lời nói linh nghiệm của Trung úy Đinh Bi và chú tâm theo dõi. Mới đây khi đang đứng nói chuyện với một người bạn ở quận Tư Nghĩa nhân một chuyến về tỉnh công tác, chiếc phi cơ Air VN chày từ lưng chừng trời lao vút xuống, lướt dài trên đồng ruộng và đâm vào tôi. May là trốn phi cơ chỉ đến đó là hết nên xô nhẹ tôi ngã xuống chưa kịp xây da chày máu thì máy bay đã dừng hẳn lại. Chúng tôi ba chân bốn cẳng chạy ra xa chỉ bị lửa lém phỏng sơ sài.

Và thưa quý bạn, quý bạn có tin hay không tôi không biết nói làm sao, vì khi tôi viết những hàng chữ này thì Long vừa chết được 4 ngày : Long về Saigon lĩnh tiền cho tỉnh và bị đâm chết trong một phòng ngủ.

Thuốc Thượng, bùa ngải, ma thiêng nước độc. Các bạn người tin, người không, nhưng những điều tôi kể hầu các bạn quả là những sự việc có thật. Cho tới bây giờ và có lẽ mãi mãi, chắc tôi sẽ không thể nào quên được bữa tiệc kỷ niệm trong ngày Tết hai năm về trước.

Đúng là toàn những chuyện kỳ cục khó tin nhưng mà lại có thật, phải không các bạn ?

12-1965 ● ★

THẾ GIỚI
MỘT NĂM QUA

★ GIANG-TÂN

1965 — Một năm đầy sóng gió vừa trôi qua. Sóng gió nổi lên ở Việt-Nam, ở Algérie, Indonesia, Ấn, Hô-lê, Saint Domingue, Rhodésie, Singapour, Mỹ, Trung Cộng...

Cũng trong năm qua, Thế giới đã mất đi 2 vĩ nhân : Cựu Thủ Tướng Anh, giải thưởng Nobel về văn chương, bác sĩ Schweitzer, giải thưởng Nobel về hòa bình.

Tìm hiểu những biến chuyển trên, mời bạn theo dõi bài dưới đây, một sự tìm đi sâu vào nội dung của từng sự việc, trình bày theo sự hiểu biết của người viết hơn là việc ghi lại thời gian các biến chuyển đó.

Algérie nổi sóng

VÀO buổi rạng đông ngày 9-6, các thiết giáp xa của quân đội Algérie rầm rầm chạy tới bao vây biệt thự Joly của tổng thống Ben Bella.

Quân đội tràn vào biệt thự trước con mắt ngỡ ngác của những người lính gác. Một cảnh đập phá dữ dội nhưng cũng kết thúc mau lẹ. Tổng thống Ben Bella vừa thức dậy và biết ngay rằng có biến... nhưng đã quá chậm!

Mới 2 ngày trước đó, trong 1 buổi ra mắt dân chúng ở Oran, Ben Bella quả quyết với họ là « tinh thần đoàn kết trong nước hết sức bền chặt ».

Được biết rằng, hội nghị các nhà lãnh đạo Á-Phi dự định khai mạc vào ngày 29-6. Ba ngàn đại biểu của 60 quốc gia Á-Phi sẽ đến thủ đô Algérie. Công nhân Algérie đã phải làm việc suốt 24 tiếng đồng hồ trong 1 ngày để hoàn thành phòng họp rộng rãi 18.000 thước vuông.

Và cũng vào sáng 9-6, xe tăng và quân đội rần rần di chuyển qua các đại lộ ở Thủ đô Alger.

Đến trưa, đài phát thanh Alger lên tiếng 1 Hội đồng Cách-

Mạng thành lập do bộ trưởng quốc phòng và tư lệnh quân đội, đại tá Honari Boumédiène cầm đầu. Một thông cáo do chính Boumédiène ký tên lên án Tổng thống Ben Bella, với nhiều tội, nào thâm lạm công quỹ, bắt lức, độc tài v.v...

Dân chúng Algérie không còn nghi ngờ gì nữa khi biết rằng chính Boumédiène cầm đầu cuộc đảo chính.

Vị đại tá có bộ râu mép đó



Boumédiène

THẾ GIỚI MỘT NĂM QUA

từng theo học đại học Azhar ở Ai Cập, đã làm giáo sư 1 thời gian, lúc khởi đầu cuộc Cách mạng chống Pháp lúc đó, ông 32 tuổi và là tư lệnh lực lượng du kích toàn miền tây Algérie. Năm 1960, Boumédiène có công rất lớn trong việc đào tạo quân đội Algérie.

Boumédiène cũng giống Bey Bella, cả hai có tư tưởng Mác-Xít trong đầu. Ông thường khuyến khích chính phủ mau tiến tới việc chia ruộng đất cho nông dân. Trở lại cuộc hội nghị lãnh đạo Á-Phi. Vì cuộc hội nghị này và cuộc đảo chánh kia liên quan mật thiết với nhau.

Trung cộng tỏ ra đặc biệt chú trọng đến hội nghị này vì vậy Chu Ân Lai, vội vả thừa nhận quyền hành của Đại tá Boumédiène và khuyến khích mọi cố gắng để khai mạc hội nghị đúng ngày dự định. Trong lúc đó Nga số phận trọng không bình luận gì.

Đưa đến việc Hội nghị Á-Phi đình hoãn vô hạn định

Trường cũng nên nhắc lại :

— Hội nghị Á Phi lần thứ I họp tại Bandoeng năm 1955 thu



Thont, Tổng thư ký L.Á.Á.

lượm được ít nhiều kết quả.

— Hội nghị Á Phi lần thứ II họp tại Tân-Đê-Li.

— Hội nghị Á Phi lần thứ III dự định triệu tập vào ngày 26-9-65 tại Alger, tạm đình đến ngày 5-11, kết cuộc đình hoãn vô hạn định.

Được biết sau thế chiến thứ II, nhiều nước tại Á châu và Phi châu mà đa số bị ngoại bang thống trị mới được trao trả độc lập đều ở trong tình trạng kém mở mang. Trước tình hình đó, một số nước trong 2 Châu nói trên nhận thấy cần thiết phải tìm một sự hợp tác thân thiện và đoàn kết giữa các quốc gia chậm

tiền đề tương thân, tương trợ xây dựng xã hội nghèo nàn.

Hội nghị Á Phi tại Bandoeng
(từ 18 đến 24.4-55)

Có 29 nước tham dự: 13 quốc gia theo Hồi giáo: A Phú Hân, Ai Cập, Arabi Séoudite, Irak, Iran, Jordanie, Liban, Lybie, Pakistan-Soudan, Syrie, Turquie, Yemen. 11 quốc gia Đông Á và Đông Nam Á: Việt Nam Cộng Hòa, Ấn Độ, Cambodge, Lào, Miến-Điện, Nam Dương, Népal, Nhật Bản, Phi luật Tân, Tích Lan, Thái Lan — 3 quốc gia Phi châu khác: Ethiopie, Côte d'Ivoire, Libéria — 2 quốc gia Cộng Sản: Trung Cộng và Bắc Việt.

Hội nghị Á-Phi tại Tân-Đề-Ly
(từ 9 đến 11-4-60)

Thành phần tham dự: 19 nước (trong đó có Nhật, Miến, Indonesia, Ấn-Độ, Tích Lan, Mã Lai, Népal, VNCH...)

Mục đích của cuộc hội nghị kỳ 2 này mang tên Hội nghị Á Phi về Tây Tạng và chống nạn thực dân ở Á và Phi Châu.

Hội nghị kỳ này lên án xâm lăng của T.C. vào Tây-Tạng.

Nhìn lại thành phần chuẩn bị hội nghị Á Phi tại Alger (29-6-65), chúng ta thấy các nước chủ trương là Trung Cộng, Indonesia, Ai Cập.

Trung Cộng muốn gây ảnh hưởng ở các quốc gia Trung Phi để khai thác nguyên liệu phát triển kỹ nghệ tại Trung-Hoa lục địa.

Ai Cập muốn thống trị các quốc gia Hồi Giáo chậm tiến và thành lập 1 khối A-Rập thống nhất.

Vì lẽ đó, người ta nói rằng Chu Ân Lai và Nasser đang cố gắng tạo ra 1 Liên Hiệp Quốc thứ II tại Phi châu.

29-6 được hoãn lại 5-11 vì xảy ra biến cố ở Algérie.

Nhưng ngày 30-10, sau cuộc hội nghị cấp ngoại trưởng của 40 nước có quyết định đi đến việc đình hoãn hội nghị đến một ngày vô hạn định. Đại biểu Indonesia đầu tiên đã đưa ra đề nghị trên. Cũng nên nhắc lại là Trung Cộng, Cam Bốt và vài ba quốc gia khác loan tin không tham gia hội nghị.



Sukarno

Đảo chánh huyệt ở Indonesia

Vụ đảo chánh huyệt ở Indonesia đã xảy ra đột ngột trước dư luận quốc tế.

Người cầm đầu lại là vị chỉ huy tiền đoàn phòng vệ của Tổng Thống Phủ.

Vụ đảo chánh suýt đã thành công vì quân đảo chánh đã hạ sát được 6 người trong các vị tướng lãnh cao cấp. Rất có thể

vụ đảo chánh này thành công nếu không có bộ trưởng Quốc phòng Nasution và một số tướng lãnh cao cấp khác cấp tốc hành động trong một trận phản công ác liệt.

Tổng Thống Sukarno được an toàn ở trong tư dinh tại Bogor, cách thủ đô Djakarta 64 cây số. Một ngày sau đó, ông đã ra mặt trước công chúng và đã truyền thanh 2 lần để kêu gọi dân chúng bình tĩnh và hợp tác với chánh quyền trong việc tái lập an ninh.

6 tướng lãnh bị hạ sát đều có lập trường chống Cộng đã được làm lễ quốc táng. Tổng thống Sukarno lên án bọn sát nhân, nhưng một điểm hơi lạ là ông không thẳng tay tố cáo Cộng sản.

Nội các Indonesia cũng lên tiếng tố cáo vụ tàn sát và hô hào tái lập không khí trật tự nhưng không lên án gì về Cộng đảng Indonesia. Điều đáng lưu ý là 2 lãnh tụ Cộng Sản số 2 và số 3 đều có mặt trong cuộc họp Nội Các.

2 ngày sau, những đám biểu tình chống Cộng đốt cháy trụ sở đảng Cộng Sản.

Nên nhớ rằng Tổng thống Sukarno năm nay vừa đúng 64 tuổi vào ngày 6-6 vừa qua.

Mấy năm gần đây, đã có nhiều tin ông mắc bệnh.

Ở thủ đô Djakarta, người ta không giấu diếm rằng đã khởi sự có một cuộc chạy đua để kế ngôi vị Sukarno.

Dường như các lãnh tụ đảng Cộng Sản Indonesia lo sợ lúc Sukarno bước khỏi chính trường. Khi đó 1 cuộc giành quyền bính giữa đảng Cộng sản Indonesia với phe quân nhân tất nhiên sẽ bùng nổ mà phe sau này xem ra mạnh hơn.

6 tháng trước, lãnh tụ Cộng Sản là Aidit kêu gọi võ trang cho nông dân và công nhân để chống Mã Lai Á và Anh-quốc. Chính Aidit đã bắt đầu chuẩn bị lực lượng. Các lãnh tụ Cộng Sản nghĩ rằng thành toán các tướng lãnh cao cấp trong quân đội là họ sẽ thành công vì ở Indonesia, Cộng Sản điều khiển phần lớn các nghiệp đoàn. Nhưng họ đã không hạ sát được tướng Nasution vì thế mà họ thất bại.

Tuy nhiên, có những tin đồn là Sukarno đã biết trước vụ đảo chánh và đã tán thành. Điều ấy không đúng vì Sukarno không phải là người chịu đóng vai đàn em của bất cứ ai.

Cho đến nay, thật ra chưa hiểu rõ người nào đã gây tiếng súng ở Indonesia. Tướng Nasution có

lập trường chống Cộng nhưng không phải là người thân Mỹ. Và cũng đến nay, tình hình ở Indonesia còn bấp bênh vì Cộng Sản lại trở lại hoạt động. Java và Sumatra vẫn còn rối ren.

Người ta còn nhớ rằng 5 tiểu đoàn tổng cộng 4000 người đã tham dự «Phong trào 30-9». Ngoài 1 tiểu đoàn phòng vệ Dinh Tổng Thống, phe đảo chánh còn có 1 tiểu đoàn thuộc không lực, 2 tiểu đoàn đồn trú ở Java và 1 «tiểu đoàn đặc biệt» chỉ nguyện quân được huấn luyện để chiến đấu với Mã Lai Á.

Trong những cuộc chạm súng, quân đội tịch thu được một số lớn vũ khí nhẹ. Quá phân nửa là do Trung Cộng cấp. Sự kiện này chứng tỏ Bắc Kinh có những tay vào phong trào 30-9.

Người ta tự hỏi ngoài số 4 ngàn quân nhân và số Đảng viên Cộng sản, còn có những nhóm nào tham dự cuộc đảo chánh và rồi đây Tổng Thống Sukarno sẽ xử sự ra sao? Liệu ông còn đủ uy tín để cầm đầu các lực lượng không Cộng Sản hay là lớp «người mới» sẽ gạt ông ra ngoài chính trường?

Người ta vẫn lo ngại Indonesia còn phải trải qua những ngày sôi động trong năm con ngựa này vì chắc chắn Cộng Sản vẫn chưa ngừng hoạt động.

ĐỔ MÁU ẤN-HỒI

Vào 1 sáng thượng tuần tháng 9 chiến tranh bùng nổ dữ dội tại một ngôi làng nhỏ của Hồi Quốc gần Lahore. Những phần lực cơ của không lực Ấn bản rốc-kết xuống 1 chuyến tàu đang dừng lại trước 1 nhà ga làm 3



SHASTRI, thủ tướng Ấn

người thiệt mạng và 11 người bị thương.

Chiến tranh thực sự giữa 2 nước bùng nổ mãnh liệt. Về lực quân Ấn có 16 sư đoàn nhưng chỉ có 6 sư đoàn tại ngũ, 1 sư đoàn thiết giáp trang bị chiến xa Centurion của Anh, 1 lữ đoàn thiết giáp trang bị chiến xa «Sherman» của Mỹ, 2 trung đoàn chiến xa hạng nhẹ trang bị chiến xa HMX của Pháp, và 2 trung đoàn chiến xa hạng nhẹ trang bị chiến xa Stuart của Anh.

Hồi quốc có 6 sư đoàn (có 1 sư đoàn đóng ở Đông Hồi) 1 sư đoàn thiết giáp trang bị chiến xa «Patton» của Mỹ, 1 đơn vị thiết giáp độc lập, 2 lữ đoàn độc lập và 1 lữ đoàn phòng không.

Quân đội Hồi gồm toàn quân tình nguyện, 1 lực lượng vệ binh 65.000 người trong số có 20.000 người Cachemire và 1 đoàn canh gác biên giới 25.000 người.

Về Không quân, Ấn có lối 28.000 sĩ quan và binh sĩ chia thành 25 phi đoàn. Ít nhất có 12 Mig, 4 chiếc «Markuta», 100 chiếc Mystère IV, 100 chiếc «Gnat» và 120 chiếc «Hunter», trên

50 phóng pháo cơ « Canberra ». Vận tải cơ : 80 chiếc « C-119 » 24 chiếc « Antonov » và 50 chiếc « C-47 ». Phi cơ trên hàng không mẫu hạm : 24 chiếc « Sea Hawk » và 15 chiếc « Alizé ».

Hồi có chừng 15.000 sĩ quan và binh sĩ. Có ít nhất 25 chiếc « Lockheed 104 », lối 100 chiếc F.86. Số phóng pháo cơ và phi cơ thám thính, lối 50 chiếc « Canberra » và vài chục chiếc « Lockheed RT. 33 », vận tải cơ 4 chiếc « Lockheed Hercules » và 7 chiếc « Bristol ». Ác chiến dữ dội trong 2 tuần lễ, thì cả hai bên đều tuyên bố đại thắng. Ấn cho rằng đã hạ hàng trăm máy bay Hồi, Hồi tuyên bố phá hủy hàng trăm chiến xa Ấn. Thật ra cho đến nay, cũng không ai rõ sự thiệt hại chính thức của hai bên. Người ta chỉ biết, tại vì vấn đề Cachemire mà hai quốc gia đổ máu.

Cachemire ! Phần đất này được xem như là một Thụy sĩ Á châu. Ở đây có nhiều cảnh đẹp, có nhiều hoa trái, đủ loại hoa Âu châu cũng như cây trái Âu châu : bom, lê, táo, mận. Ở đây, du khách sẽ nhận định ra rằng Tây Tạng nằm bên phải, Tân Cương của Trung Cộng ở phía Bắc, Nga

Sô và Pamir ở phía Tây Bắc, A Phú Hãn và Hồi Quốc ở phía Tây và Tây Nam... và du khách đang ở một nơi cách mặt biển 800 thước.

Cuộc chiến tranh Ấn Hồi đang lúc căng thẳng thì dùng một cái Hội Đồng Bảo An L.H.Q can thiệp và ra lệnh cho cả hai bên trước 7 giờ quốc tế ngày 22-9-65 phải ngừng bắn.

Và hai nước đã tuân theo.

Tân Gia Ba rút khỏi Mã Lai Á

Một tin sững sốt khác xảy ra ngày 10-8. khi Thủ Tướng Lý Quang Diệu loan báo Tân Gia Ba rút ra khỏi Liên Bang Mã Lai Á và tuyên cáo là 1 quốc gia độc lập.

Tân Gia Ba nằm giữa trung tâm Đông Nam Á. Văn hóa Đông Tây đã gặp nhau ở đây. Cũng tại đây, người Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ cùng dân Âu châu sống hòa nhịp và làm việc với nhau.

Đường biển, đường hàng không đã nối liền Singapore với Âu



Tunku Abdul Rahman

châu, Phi châu, Úc châu, Mỹ-châu và vùng Trung-Đông, và đã làm cho Singapore thành 1 trung tâm thương mại tự do. Tất cả sản phẩm Đông và Tây tập trung tại đây bởi vì Singapore là 1 hải cảng tự do thường thường giá bán ở đây có khi rẻ hơn cả những nước nguyên xứ sản xuất.

Về mặt địa dư thì Singapore là một miếng đất nằm ở phía cực nam quần đảo Mã Lai, chỉ ngăn cách lục địa Mã Lai bằng 1 eo biển rất hẹp. Hai phần đất

được nối liền bởi một con lộ và đường sắt đắp lên cao, bề dài khoảng chừng một cây số.

Năm 1958, Tân Gia Ba hưởng qui chế tự trị trong khối LHA. Tháng 9-1963, Tân Gia Ba gia nhập Liên bang Mã Lai Á.

Tháng 8 năm 1965, Tân Gia Ba rút khỏi Liên Bang Mã Lai Á.

Thủ Tướng Mã Lai Á Tunku Abdul Rahman xác nhận lời loan báo của Thủ Tướng Lý Quang Diệu. Hai chánh phủ Mã Lai Á và Tân Gia Ba đã ký một bản hiệp ước về phòng thủ chung và hỗ tương trợ giúp. Hai bên đồng ý không gia nhập một minh ước nào với các quốc gia khác mà có thể làm phương hại lẫn cho nhau.

Anh-quốc vẫn tiếp tục sử dụng các căn cứ quân sự ở Tân Gia Ba để phòng thủ cho Tân Gia Ba và Mã Lai Á.

Rhodésie « đơn phương tuyên bố độc lập »

Chiều 24-10, Thủ Tướng Anh Wilson và một phái đoàn 50 người đã tức tốc bay sang Salisbury, thủ đô Rhodésie để

chân đứng phong trào « đơn phương tuyên bố độc lập » (Unilateral declaration of independence (UDI) của Rhodesie. Bạn có nghĩ rằng đây là công cuộc tranh đấu sôi bỏng của người da đen ? Tại sao tất cả các quốc gia trong L.H.Q. lại lên án công cuộc tranh đấu này (trong đó cả các quốc gia Cộng sản).

Thật là lạ lùng và khó hiểu nếu chúng ta đứng quá xa ngoài Rhodesie du Sud, nếu chúng ta chưa chịu ngược giòng thời gian để tìm hiểu lịch sử của 4 triệu con người đang sống trên 1 miền đất rộng gấp 3, 4 nước Anh, lớn



Wilson

hơn cả V.N. Một miền có nhiều tài nguyên quan trọng và kỹ nghệ cũng như đặc biệt có giống ruồi. Tsé Tsé truyền bệnh buồn ngủ mà bạn đã biết ít ra 1 lần, hồi học lớp nhất.

Rhodesie du Sud là 1 quốc gia ở miền Nam Phi - châu rộng 390.964 cây số vuông, tiếp giáp với Nozambique, khí hậu dễ chịu, được tự trị về đối nội từ 12-9-1925. Đến năm 1951, bộc phát phong trào sáp nhập Rhodesie du Sud. Rhodesie du Nord và Nyassaland thành một liên bang và kết quả ngày 3-9-1953 liên bang Rhodesie và Nyassaland ra đời, nhưng đến 31-12-63 liên bang giải tán. Rhodesie du Sud trở lại tự trị.

Bây giờ thì Chính phủ Anh buộc lòng lựa chọn trong 2 giải pháp sau đây : Chấp thuận hoặc cưỡng bách. Ian Smith, Thủ Tướng đã trở thành một Verwoerd của Rhodesie du Sud bất chấp LHQ, bất chấp LHA. đơn phương tuyên bố độc lập để duy trì chế độ kỳ thị chủng tộc và bảo vệ quyền lợi của thiểu số da trắng.

Do đó mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều lên án cái gọi là

« đơn phương tuyên bố độc lập » của Rhodesie là thế.

Riêng nước Anh hiện đang bối rối về biển chuyện này.

Sir Winston Churchill đã từ trần

Một ngày trong tháng 1 năm 1965. Sir Winston Churchill

Dưới đây là một vài giai thoại và danh ngôn của Sir Winston mà không một người Anh nào có thể quên được.

Ngày 13-5-1940, ngày đen tối nhất trong thế chiến thứ II, ông Winston đọc 1 diễn văn tại Thủ dân Nghị viện, đại ý :

« Tôi chỉ có thể hứa với quý



Sir Winston Churchill

một vĩ nhân của thế kỷ từ trần.

Winston Leonard Spencer Churchill, thuộc giòng dõi quận công Marlborough, sinh ngày 30-11-1874 tại Blenheim một dinh thự quốc gia tặng cho tổ tiên ông.

vì sự cực nhọc, mồ hôi, máu và nước mắt. »

Sau trận Dunkerque, ông đã ngỡ lời kêu gọi người Anh với những lời lịch sử đại khái :

« Chúng ta sẽ bảo vệ Anh

THẾ GIỚI MỘT NĂM QUA

quốc với bất cứ giá nào. Chúng ta sẽ chiến đấu trên bãi biển, trong đồng ruộng, trên từng đường phố. Chúng ta sẽ chiến đấu trên các núi đồi. Anh quốc sẽ không bao giờ đầu hàng.»

Nguyên văn như sau :

« We shall not flag or fail.
We shall go on to the end.
We shall fight in France, We shall
fight on the seas and oceans,
We shall fight with growing con-
fidence and growing strength in
the air. We shall defend our is-
land, whatever the cost may be.
We shall fight on the beaches, we
shall fight on the landing grounds,
we shall fight in the fields and
in the streets, we shall fight in
the hills. We shall never surren-
der »...

Những năm ghi nhớ

- 1895 — Tốt nghiệp trường quân sự Sandhurst
- 1899 — Phóng viên chiến tranh Nam Phi (giặc Boers)
- 1908 — 1910 — Bộ Trưởng Thương Mại.
- 1910 — Bộ Trưởng Nội Vụ
- 1915 — 1916 — Phục vụ ở

tiền tuyến Pháp với chức vụ đại tá

- 1919 — Bộ Trưởng chiến tranh và Không quân
- 1929 — Viết các tác phẩm về lịch sử.
- 1940. — Thành lập chánh phủ.
- 1941. — Ký hiến chương Đại Tây Dương với ông Roosevelt.
- 1942 — Hội nghị ở Mạc Tư khoa với Staline — Harri-man.
- 1945 — Hội nghị Yalta — Postdam.
- 1948 — Phát hành quyền lưu bút chiến tranh (cuốn I)
- 1951 — Trở lại chính quyền với chức vụ Thủ Tướng
- 1953 — Giải Nobel Văn chương
- 1955 — Từ chức Thủ tướng.

đến... Bác sĩ Schweitzer

Bác sĩ Albert Schweitzer, người được giải thưởng Nobel năm 1953 về Hòa Bình và thường được coi là « Đệ nhất vĩ nhân của thế kỷ » vì những hoạt động cứu nhân độ thế của ông, vừa từ trần với 91

THẾ GIỚI MỘT NĂM QUA

sám tuổi thọ tại Lambarené (Gabon) nơi ông cư trú từ trên 50 năm nay để tận lực cứu trợ người Phi-châu.

Ông sanh ngày 14-1-1875 tại Kaysersberg trong quận Alsace hồi đó còn thuộc Đức-quốc. Cha và ông ngoại của ông đều là Mục sư và cũng là nhạc-sĩ.

Năm 1902, ông đậu bằng thạc sĩ thần học. Năm 1906, ông xuất bản 2 tác phẩm nhan đề « Lịch sử cuộc tìm tòi đời sống của Đức Chúa Jesus » và « Tư tưởng của thánh Phao Lồ ».

Năm 1905, ông xuất bản tác phẩm nhan đề « Jean Sébastien Bach, nhạc sĩ kiêm thi sĩ ».

Năm 30 tuổi, ông cảm thấy ăn phải tự mình góp phần vào công cuộc xoa dịu sự đau khổ của nhân loại. Được biết xứ Gabon rất hiếm y sĩ, ông liền quyết định thay đổi sự sinh hoạt chuyên chú về y khoa để sang Phi Châu săn sóc dân chúng Phi.

Chính ông là người, từ năm

1954 đã tố giác hiểm họa của nguyên tử trên báo chí Anh và trong các buổi diễn thuyết. Năm 1957, trên đài phát thanh Na-Uy, ông đã lên tiếng kêu gọi dự luận thế giới thúc đẩy các chánh phủ ký kết một thỏa hiệp ngưng những cuộc thí nghiệm khí giới nguyên-tử.

Qua năm sau, ông lại kêu Hoa Kỳ bãi bỏ dự định thí nghiệm nguyên tử. Năm 1958, ông xuất bản một cuốn sách mỏng viết bằng Đức và Pháp ngữ nhan đề « Hòa bình hoặc chiến tranh nguyên tử ».

Tin ông từ trần đã gây cho toàn thế giới một niềm xúc cảm vô biên. Hầu hết các quốc trưởng, chánh khách, vĩ nhân trên thế giới đã hết sức thương tiếc cố bác sĩ, gửi điện văn phân ưu với ái nữ của người, coi ông là « đại vĩ nhân của thế kỷ », một người có lòng nhân ái vô song, một đại ân nhân của nhân loại.

Đừng nhia vết chân Xuân

●
KIỂM
THÊM



Theo tuổi xuân mà tôi lớn lên
Nghe sáng reo mà tôi trở dậy
Ba mươi năm từng ấy lo âu từng ấy buồn
Tôi bắt đầu dong tay đầu hàng
Nhận lời thua cuộc

Trong tuổi xuân chỉ chờ trơ sần
Không nhận được gì của đời trao tặng
Ngoài nỗi đau ngoài lòng lừa dối
Tôi lớn lên với thân xác này
Và bắt đầu mục rở

Tôi đã qua xứ khổ đau này
Tôi đã thở hơi nóng khói súng
Máu đã chảy bạn bè đã chết
Cuộc tình đã chấm dứt

Thôi hãy để tôi yên trong thành phố này
Trong cô đơn và trong tiếc thương
Hãy để tôi đau với vết thương này
Xin mùa xuân cứ tới

nhà cách mạng bị giam
kín trong tòa

ĐẠI-SỨ

MỘT buổi chiều
tháng 10 năm
1896. Thành phố
London bị chìm
trong sương mù
và mưa ri-rà. Một thanh niên
Trung-Hoa vừa ở trên chiếc tàu
thủy *Le Majestic* từ New York
vượt Đại-Tây-Dương qua Anh,
cấp bến Liverpool, lên xe lửa

● TÂN-PHONG

xuống ga Euston. Tay xách hành-
lý, chàng lặng-lẽ bước đi trên các
đường phố ướt-nhẹp của Thủ-
đô Anh-quốc. Không ai để ý đến
chàng. Thành phố London có
hàng vạn những người ngoại-
quốc như thế, từ khắp các xứ

đến, thuộc đủ các giống dân, họ đến học tiếng Anh, hoặc học các trường Đại-học, hoặc đi kiếm việc làm.

Chàng thanh-niên vô-danh này mới hai-mươi tuổi, nhưng nét mặt cương-quyết, tóc hớt thấp, áo quần sít-sao. Chàng để một chòm râu mép. Tuy tuổi trẻ, nhưng chàng đã trải qua lắm cuộc phiêu-lưu, đã đi qua nhiều nước trên thế-giới, và bởi thành-tích hoạt-động cách-mạng âm mưu lật-đổ chế-độ Hoàng-đế Trung-quốc nên bị chính-phủ Triều Mãn-Thanh theo dõi, và trốn nấp. Chàng đã phải lìa bỏ quê-hương trốn đi ngoại-quốc.

Đến London, chàng thuê một khách sạn ở xóm Strand, và sau khi cất va-li, thay áo quần, chàng đi tìm một vị Giáo-sư cũ, Bác-sĩ James Cantlie, cựu khoa-trưởng trường Đại-học Y-khoa Hongkong.

Bác-sĩ và phu-nhân niềm-nở đón tiếp người bạn trẻ Trung-Hoa, một sinh-viên cũ mà ông mến nhất. Trong câu chuyện hàn-huyên, Bác-sĩ nhắc lại những năm thích thú mà ông đã sống ở bên Tàu, và bao nhiêu là kỷ-niệm êm-đềm tốt đẹp. Ông chỉ phàn-nàn sao chàng ít viết thư cho ông, sao

mấy bức thư ông gửi thăm không được chàng hồi âm ?

— Thư của tôi gửi cho ông đã bị sở kiểm-duyet của nhà Vua tịch-thâu hết, chàng trả lời.

— Các bạn sinh viên khác, tôi cũng có gửi thư nhưng cũng không được họ phúc-đáp. Hiện giờ họ làm gì ?

— Hầu hết đều đã bị bắt bỏ tù, hoặc trốn đi ngoại quốc. Như tôi, chưa biết chừng nào tôi sẽ trở về được Quê-hương tôi ! Dù sao tôi cũng có ý-định vài ba hôm nữa sẽ đến yết kiến ông Đại-sứ Trung-Hoa.

Bác-sĩ Cantlie chau mày :

— Đừng ! Tôi khuyên anh đừng đến tòa Đại-sứ. Cũng không nên lang-vãng gần đó. Anh sẽ có thể bị bắt cóc và bị đưa về Tàu.

Chàng Sinh-viên cũng có tìm đến thăm Bác-sĩ Henry Manson một cựu giáo-sư khác của chàng ở Đại-học Y-khoa Hồng Kông. Bác-sĩ Manson cũng khuyên chàng nên tránh tiếp xúc với Đại-sứ và các nhân viên Trung-hoa.

Mặc dầu có lời căn-dẫn của hai ông Giáo-sư đáng tin-cậy, chàng sinh viên vẫn tin-tưởng

nơi đời sống tự-do ở Anh-quốc, và không nghĩ rằng nhân viên tòa Đại-sứ sẽ bắt cóc chàng.

Ở khách sạn một tuần lễ, chàng dọn đến ở một căn phố thuê nhỏ nhưng xinh xắn ở Đường Grey's Inn. Chàng dọn nhà chiều thứ bảy. Sáng chủ nhật chàng đi qua đường Devonshire, để đến nhà Bác-sĩ Cantlie, vì chàng có hứa đến đi lễ nhà thờ với ông bà. Nhưng đến Oxford Circus, chàng thanh niên Trung-hoa có cảm-giác hình như có ai theo sau chàng... Chàng thấy mình đang băng qua công-trường Portland Palace, gần tòa Đại-sứ Trung-hoa. Chàng quay lại, quả nhiên thấy một người Tàu, mặc áo Tàu, hơi lớn tuổi. Người ấy hỏi chàng :

— Thưa ông, ông là người Nhật-bồn, hay người Trung-Quốc ?

Chàng Sinh-viên trả lời :

— Thưa, tôi là người Trung-Quốc.

— Ông có thể cho biết ông ở tỉnh nào ?

— Thưa, tôi ở Quảng-đông.

Người khách lạ liền tỏ vẻ vui mừng, nói tiếng Quảng-dông với

chàng sinh-viên để làm quen :

— Thế ra chúng ta là người đồng-hương !... Tôi cũng ở Quảng-Đông.

Hai người đi song-song, trò chuyện vui vẻ. Đến Đường Cavendish, một người Trung-Hoa khác đột-ngột hiện ra. Anh này cũng mặc y phục Tàu, và nhập bọn luôn, đi bên trái chàng sinh viên, xen vào trò chuyện vui vẻ một cách rất tự-nhiên như đã quen với nhau lâu. Anh rất lễ phép mời hai người kia :

— Dịp may được hân-hạnh làm quen với hai bạn đồng-hương, tệ-nhân xin mời hai bạn quá bộ đến tệ-xá dùng chén nước trà...

Chàng sinh viên đáp :

— Tiên-sinh có lòng quý-hóa, tôi rất cảm-kích. Nhưng tôi rất tiếc vì hôm nay đã lỡ hẹn với vài người bạn rủ tôi đi lễ ở Nhà-Thờ. Vậy xin tiên sinh cho một ngày khác.

Thình-lình một người Tàu thứ ba hình như đã đứng chờ sẵn ở đầu đường, tiến tới... Người này trông mặt mày hung-dữ, nói năng cộc-cằn. Đồng thời người Tàu kia cũng bỏ mặt nạ xã-giao, mỗi người nắm chặt một cánh tay

của chàng sinh-viên, lối chàng quẹo vào góc tường một ngôi nhà đồ-sộ ở ngay đó. Chàng sinh viên ngó lên mặt tường thấy tấm bản đồng đề: « Tòa Đại-sứ Trung-Hoa ». Một cánh cửa hông được mở ra, chàng sinh viên bị ba tên « đồng hương » kia xô thật nhanh vào trong.

Chàng sinh viên không hiểu gì cả. Có lý nào chàng vừa từ Mỹ sang Anh chưa được nửa tháng đã bị bắt cóc, lại giữa thanh-thiên bạch nhựt, ở ngay trung-tâm Thủ-đô ? Chàng hết sức nghi-ngác vì cuộc bắt cóc được thi-hành quá mau-leş, do ba người đồng-hương chắc-chắn là gián-điệp của tòa Đại-sứ.

Chàng bị nhốt kín trơ-trọi một mình, trong một căn phòng lịch-sự. Hai giờ sau, chàng bị đưa đến một gian phòng khác, và bị hai người Trung-hoa khám-xét rất kỹ. Tất cả các giấy tờ của chàng, và đồng hồ, tiền bạc, đều bị họ lấy hết. Xong, họ đưa chàng lên tầng lầu thứ ba, nhốt chàng trong một phòng kín-mít, chỉ có một cửa sổ song sắt, nơi đây chàng chỉ thấy các mái nhà, các ống khói, sương mù và khói mà thôi.

Thình-lình, cửa mở. Một

người Anh bước vào, khóa cửa lại. Mãi về sau, chàng sinh viên mới biết rõ người Anh này là Sir Halliday Macartney, một Luật-sư, được tòa Đại-sứ Trung-Hoa mượn làm Cố-vấn pháp-luật.

Ông bảo chàng sinh-viên :

— Cậu bạn trẻ ơi, chắc cậu cũng biết rằng hiện giờ cậu đang ở trên lĩnh-thò Trung-hoa. Về tất cả mọi phương diện, cậu đang ở trên đất Tàu, và phải tuân theo luật pháp của Tàu. (1) yêu cầu cậu cho tôi biết tên cậu là gì ?

Chàng sinh-viên bịa một tên giả.

Ông cố-vấn Anh của tòa Đại-sứ mỉm cười :

— Cậu tưởng chúng tôi không có đầy đủ hồ-sơ về cậu hử ? Tên thật của cậu là Sun wen (Tôn Văn).

Quả thật đúng như thế, vì chàng sinh-viên Trung-hoa chính là Tôn Văn, và chàng đã ký tên ấy trong các truyền đơn, tuyên-

(1) Theo công-pháp Quốc tế, khu đất, vườn, nhà, của một Tòa Đại-sứ, hoặc lãnh-sự của một nước được coi như hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của nước ấy, và được quyền bất khả xâm phạm.

ngôn, kiến-nghị trong các cuộc biểu-tình do chàng tổ-chức ở đền Trung-Hoa, đòi lật đổ chế-độ phong kiến của Triều vua Mãn-Thanh.

Viên Cố-vấn Anh của tòa Đại-sứ Trung-hoa nói tiếp :

— Chúng ta không nên để mất thì giờ vô ích, cậu nên biết rằng những hành-dộng và cử-chỉ nào của cậu ở đây, chúng tôi đều biết rõ cả, biết đầy đủ và đích-tác không khi nào sai lầm. Thí dụ như lúc cậu xuống tàu *Le Majestic* ở New York để sang Liverpool, người ta cũng đã báo tin cho chúng tôi biết trước rồi. Và chính-phủ của Hoàng-đế Trung-quốc đã đánh điện ra lệnh cho chúng tôi bắt cậu.

— Bắt tôi về tội gì ?

— Về tội gì, chắc cậu đã biết rồi. Đối với Triều-đình Trung-quốc, cậu là một tên phiến-loạn.

Chàng sinh-viên Tôn-Văn không ngạc-nhiên về những điều ông cố-vấn của tòa Đại-sứ Trung-Hoa cho biết, nhưng chàng không hiểu sao lại ông ta là người Anh chính cống mà hành động và ngôn-ngữ y như thể là một kẻ tội-tố trung-thành của Triều-đình Mãn-Thanh vậy !

Ông ta tiếp-tục hỏi :

— Tôn-Văn cậu có gởi lên Hoàng-Đế một bản kiến-nghị đòi Hoàng-đế phải cải-tổ rộng lớn các tổ-chức chính-trị ở Trung-quốc hiện nay, có phải không ?

— Phải.

— Thế thì chúng tôi buộc lòng phải cầm tù cậu trong phòng này.



Tôn Văn

chờ lệnh của Hoàng-đế sẽ quyết-định về số phận của cậu.

Quyết định của Triều-đình Mãn-Thanh đối với cậu như thế nào, Tôn-Văn đã biết chắc-chắn rồi. Cuộc hành-phạt chàng sẽ ghê-gớm lắm. Chàng tưởng-tượng lưới dao sắc bén của máy chém, hoặc lưới guom sáng ngời, kinh-rợn, của tên đao-thủ-phủ !

Nhưng Tôn-Văn vẫn bình-tĩnh hỏi :

— Tôi có thể báo tin cho những người bạn Anh của tôi biết là tôi bị bắt giam ở Tòa Đại-sứ đây không ?

— Không thể được. Nhưng cậu phải viết một bức thư, do tôi đọc cho cậu chép, gởi người chủ nhà của cậu, bảo cho họ rằng cậu không cần mượn gian nhà ấy nữa, và nhờ họ trao hết cả va-li, áo-quần, giấy tờ, đồ-đạc gì của cậu cho người cầm thư.

Tôn-Văn đành làm theo lời ép buộc của Sir Halliday. Xong, ông này ra đi, để chàng một mình trong gian-phòng khóa cửa kín mít...

(Ký sự tiếp)

(Theo tài-liệu lịch-sử của Kurt Singer và Jane Sherrod, trong « Prisonniers dans l'Ambassade ».

□ TRUYỆN NGẮN

MIẾNG BÁNH CÒN LẠI

• LAN-ĐÌNH

Tối nào Sanh cũng hắt ghế xích đu ngoài hiên, nằm hút thuốc lá vất, rồi thiếp đi. Tối



chừng Ngà đã lừa được đư con gái ngủ yên, nàng ra đánh thức Sanh, thì lại phả nhìn thấy bộ dạng hết sức «tội nghiệp» của chồng.

Dưới tay đèn dầu của Ngà thứ ánh sáng tù - mù đó trông mặt Sanh càng

MIẾNG BÁNH CÒN LẠI

có nhiều hốc xương và muỗi bâu ở chân Sanh, thoát nhìn cứ tưởng là đám tàn thuốc. Trông Sanh ngủ thật vất-vả, đầu ngoẹo về một bên, cổ ật ngửa, mắt nhắm không kín, tí hí nhưng lại có vẻ trợn ngược, vì chỉ còn toàn lòng trắng lộ ra thôi, miệng ngoác to và méo xệch, rai tra dài xuống má...Ngà nghĩ rằng Sanh đã khó nhọc lắm mới ngủ được như vậy. Cho nên Ngà hay nhắc lại cái câu cổ hữu :

— Ai bắt tội anh thế không biết ?

Tùy trường hợp, Sanh sẽ tỏ thái độ khác nhau. Hoặc cười gượng, ngáp dài. Hoặc một cái vron vai cũng không mấy cần thiết. Hoặc cau có xoa má lia lia (những nốt muỗi đốt dày như nổi ban). Nhưng bao giờ cũng chỉ có một câu trả lời, dù rằng giọng nói thì nặng nhẹ khác nhau :

— Anh thích thế.

« Anh thích thế ». Ngà nghĩ đến công việc của Sanh ở Hãng, suốt buổi cầm bút

với quyền sở cái to gần hết mặt bàn, những cột chữ số vira rộng vira dài, tí mi đến từng các một.

Ở nhà, thì Sanh lại phải bày trò để đưa con gái, đang tuổi làm nũng, được vui. Chẳng mấy khi có thì giờ xem hết tờ báo.

Sanh chỉ còn mỗi buổi tối để bắc ghế ngoài hiên, nằm hút thuốc lá. Thì biết đâu, cái mà Ngà tưởng là khổ sở Sanh lại thấy sung sướng. Kể cả giấc ngủ vất vả của anh.

Đặt lưng xuống, duỗi chân ra, nằm mà ngồi, một hơi thuốc lá thật dài ngọt lịm vào tận đáy ngực. Ban đầu, bao giờ Sanh cũng mỉm cười vô cớ một mình. Anh cứ để mặc đôi mắt bỏ ngỏ với quang đường trước cửa.

Chị Tàu khùng, ở trong xóm, lại hí hục gánh nước của nhà đem ra máy nước công cộng, xa mãi ngoài đường cái, đồ đi. Đang mùa hực, hơn nữa, nước càng hiếm vì điện, thế mà mỗi

chiều, tính bỏ đồng, chỉ ta vẫn đồ đi hàng năm đôi ước. Chỉ ta còn một cái thú nữa là, hề có tiền, chỉ thích mua va-li đem về bỏ xó.

Xăm tối. Đến lượt gã tầm quất cũng lạ đời. Thường thường những người làm nghề tầm quất đều có vẻ nghiêm-ngập, gầy yếu, chậm chạp, cả cái tay lắc «sâu tiền» cũng mệt mỏi, biếng nhác. Nhưng riêng gã này thì khác hẳn. Trẻ, khá to ngang, cái áo sơ mi trắng lớp, chân bước tay đưa mạnh và đều như nhịp quân hành. Tiếng sóc ngắn và rõ luôn luôn ăn khớp với bước chân trái, nghe gọn như chỉ «toách» một cái. Còn ít nhiều va động loạt soạt theo sau, thì cũng đúng như nhịp nhẹ của điệu trống diễn binh.

Đầu óc lan man, trí tưởng được buông thả quá đà, trở thành lang thang. Sanh bắt đầu lạc đến những mảnh vụn suy tư vô ích. Dù thứ ăn ức từ hang hốc trong lòng nhất loạt cồn lên...

Sanh lại cảm giận con bé

đó, chỉ muốn bóp cổ cho nó chết ngắc ra. Đạo đó. Sanh còn sống độc thân, trọ trên gác, hai mẹ con bà chủ ở dưới nhà.

Con bé 15 tuổi. Vị thành niên. Nhưng trông nó chẳng vị thành niên chút nào.

Một buổi trưa, Sanh đang chạp chờn, nó lay anh dậy, nhớ làm hộ bài toán. Sanh ngược lên, nó nhìn xuống. Hồi lâu. Sanh thử nắm tay nó, khế tri xuống. Mới có thể mà nó đã ngã vào giường và cũng rên rĩ cái câu « em xin anh » với giọng điệu cực kỳ từng trải. Về sau nó cũng dễ dãi như vậy bất cứ lúc nào.

Nhưng nó cứ đòi Sanh cho đi xem chộp bóng. Mãi, Sanh vẫn lắc đầu, mỉm cười. Nó mách mẹ rằng anh đã quyến rũ nó. Bà chủ toan kiện anh.

Đến bảy giờ, Sanh vẫn còn thuộc lòng đôi mắt đến gian, cái miệng đến điều của con bé đó, và anh chỉ muốn bóp cổ cho nó chết ngắc ra.

Ngay sáng nay, Sanh cũng gặp trường-hợp rất đáng giết người.

Chiếc xe gắn máy đang chạy ro-ro, bỗng nghe «xoet» một tiếng ngắn, tiếp theo «xèo» một tiếng dài rồi chết máy.

Sanh phải đạp không mãi mới gặp thằng bé sửa xe ở địa đường. Đang mệt và mồ-hôi, lại bực mình nữa, nhưng Sanh vẫn cố tỏ ra là người lịch sự :

— Em có thay « gioăng » được không ?

Thằng bé vẫn cúi đọc một mảnh báo cũ bản, cũ bản như vừa nhặt ở thùng rác lên :

— Há ?

— Em có thay « gioăng » được không ?

— Mấy cái ?

— Một cái thôi.

— Mười-lăm (đồng).

— Mười-lăm đồng lận à em ?

— Mười-lăm.

— Mắc thế ?

— Ờ.

Sanh chỉ muốn bóp cổ cho nó chết ngắc ra. Anh cầu nhất là mình đem tiền đến cho nó, mà nó đứng đưng, kính trọng nó, mà nó vô lễ. Sanh đã toan bỏ đi, nhưng đường còn xa quá, anh không thể đánh vật với chiếc xe chết máy được.

Từ xa đã vọng lại tiếng bánh gỗ lăn trên đường khô, lịch-cả lịch-kịch. Đồi vợ chồng già, người Tàu, ông chồng gầy dẹt, bà vợ héo quay, đẩy cỗ xe mì qua cửa. Trên xe vẫn có thằng con ngồi ghé bên cạnh thùng nước lèo, hai tay vtu lên, đầu gục hẳn xuống, nó cũng ngủ gật như mọi lần.

Trông theo cỗ xe mì, Sanh lại phải nhìn thấy ngôi lầu ba tầng của Mạnh, gọn đèn hiên phơi rõ tấm bảng «coi chừng chó dữ» gắn trên cánh cổng. Mấy hôm nay thì Sanh khó chịu nhất là tấm bảng này.

Mới hồi nào đây thôi, dưới quê bị lụt, Sanh về thăm nhà, thấy gia-đình Mạnh rheo-

nhóc, anh thương, giắt nó theo lên đó thành, tìm cho một chân quét dọn trong hăng. Đành rằng nó chỉ thật thà làm nên, nhưng nó tiến nhanh quá, từ phủ rác đến rửa xe, từ rửa xe đến sửa máy, từ sửa máy đến cai xưởng. Nhưng nếu Mạnh chỉ đứng lại ở chức cai xưởng.

Nhờ có mỗi cái tính hà tiện, chịu khó, thế mà Mạnh đã giàu bao giờ không biết, cất nhà lầu, tậu xe taxi cho thuê. Nó vẫn xưng em với Sanh, gọi Sanh là thầy. Thầy Sanh. Nhưng Sanh cứ thấy mình thua kém nó nhiều lắm.

Đã thế, tuần trước Mạnh còn mua chó berger. Nó bảo mua chó berger để canh trộm mấy chiếc taxi nghỉ đêm. Nhưng Sanh vẫn cho rằng nó chơi chường. Nó còn giữ lễ với Sanh, cũng chưa đủ. Sanh con muốn nó phải ngoạn lại soi gương vào dĩ-vãng của nó, một anh thợ. Nó không được làm ra vẻ ông chủ...

Sanh đã thiệp đi. Ngà ra đánh thức, lại phải chứng

kiến cái lối ngủ quái dị của chồng. Đầu ngoẹo về một bên, cổ ật ngửa, mắt còn mở tí hi nhưng cứ có vẻ trợn ngược, miệng ngoác to và méo xệch, rãi tra dài xuống má...

Sớm nào trước khi đi làm theo thường lệ, Sanh cũng dắt con ra tiệm cà phê ở đầu phố, ăn điểm tâm. Sáng hôm đó, Sanh dậy trễ, con bé chưa ăn hết cái bánh bao, anh đã dắt nó về.

Con berger của Mạnh cũng có thói quen trốn ra tiệm cà phê để kiếm chác. Thấy con bé cầm nửa cái bánh một cách hờ hênh, nó lặng lẽ theo sau. Thình lình, nó tấp nhanh, quá đà, ngoạm phải bàn tay con bé, chảy máu.

Ngay lúc, Mạnh đã chạy vội ra, ôm con bé về nhà mình, bóp dầu, và xin lỗi Sanh. Mạnh còn hứa sẽ chịu hết phí tổn để chạy thuốc cho con bé. Rồi anh đánh con Berger, đến gây cái gây vẫn dùng để mặc tấm bố che nắng.

Sanh chỉ cười nhạt, và đi trình Cảnh sát. Con berger bị giam. Cứ vài ngày Mạnh lại phải đến quận để trả lời thêm đủ thứ câu hỏi. Lần chót, Mạnh vừa ở quận về, đã sang gặp Sanh ngay, anh ngoẹo đầu, bẻ ngón tay thiếu nào :

— Thầy à, thầy dư biết con chó của em là chó khôn chứ đâu phải chó dại. Mà xui cho em, nó làm hỗn với cháu bé, nhưng cũng chẳng đáng gì. Em tình xin đưa thầy chút tiền...

Sanh vẫn cười nhạt :

— Bộ anh tưởng tôi muốn làm tiền hả ?

Mạnh càng thiếu não hơn :

— Dạ không. Dạ không. Bữa nay em nghe nói người ta sẽ đưa cháu bé đi viện Bất-tư, để chích. Mà có sao đâu mà để cháu bé phải chịu đau vậy ?

Sanh chặc lưỡi :

— Thì để nó đi chích. Lẽ tự nhiên là như vậy rồi. Chờ ai thêm lấy tiền của anh ?

Mạnh chép miệng bỏ về.

Chiếc kim tiêm dài cả tấc. Chích ở bạng-mỡ. Thuốc hành đến phát nóng. Nửa

tháng một lần. Mới được ba lần, con bé đã không chịu nổi. Nửa đêm nó nổi con sốt, làm kinh rồi chết.

Chiều chiều, Sanh vẫn bắc ghế ngoài hiên, nằm hút thuốc lá vệt. Nhưng độ này Sanh không nghĩ ngợi vẩn-vơ nữa. Anh chỉ còn mỗi phía nhìn, ngôi nhà của Mạnh.

Ở đó, tối nào con bé cũng đến ngồi chờ. Nó độ chừng mười tuổi, lớn gấp đôi và khác hẳn đứa con mới chết của Sanh, nhưng cũng chẳng sao nhìn nó thì Sanh vẫn liên tưởng đến con mình. Cha nó thuê Taxi của Mạnh, đi rước khách từ trưa, tới tối mới trở về trả xe. Gã tài xế từ thời mặc áo trắng với quần kaki vàng, guốc mộc.

Nhiều khi gã tài xế trả xe rất muộn, con bé cũng cứ chịu khó ngồi chờ, trông buồn so. Nhưng lúc cha con giắt nhau về, con bé lại tỏ ra vui thích quá chừng, nó hay đi kiếng chân cho thêm cao, và ngược lên khoe chuyện gì đó với cha nó.

Họ khuất vào một ngã rẽ, thì Sanh chỉ còn mỗi việc cúi xuống lòng, khóc thầm. ★



VỚI chiếc phi cơ lướt gió tung mây, con người hẳn tự hào đó là cái phát minh độc đáo của mình, nhưng có biết đâu rằng con ngựa nó chính

là thủy tổ của phi cơ đấy. Một chút khảo cứu trong sách sử thời sẽ đủ để cho những ai ngoan cố cũng phải chịu nhìn nhận như vậy.

Này nhé, như con Arion, con ngựa kỳ diệu của Neptune, thần Biển. Thần Neptune đã dùng cây chĩa ba của ông động vào mặt đất và đã khiến cho nó từ trong ruột trái đất thoát ra. Con Arion

CON NGỰA

• TỪ-TRÂM-LÊ

nói được tiếng người và sức phi của nó nhanh đến nỗi cơn gió mãnh liệt nhất cũng không bắt kịp nó. Đến như con Pégasse, con ngựa này lại còn tuyệt hơn nữa, nó phá tất cả những kỷ lục về sức nhanh. Xuất xứ của nó cũng rất dị thường. Nguyên nữ thần Méduse vì xúc phạm

CON NGỰA

đến nữ thần Minerve, thần này nổi giận mới biến mái tóc tuyệt đẹp của thần Méduse thành những con rắn rất kinh khiếp và làm phép khiến cho đôi mắt của thần Méduse có cái năng-lực hề nhìn ai thì người đó bị hóa thành đá. Persée, con của Jupiter, mới tìm đến chặt cổ thần

phóng con Pégasse bay lên thiên đình. Nhưng có lẽ vì không có tài kỹ mã cho lắm, nên dọc đường Persée bị rơi khỏi ngựa và con Pégasse vẫn thẳng cánh bay mất hút vào trời cao. Hơn 13 thế kỷ trước đây, nơi hiện giờ là thành đường Omar ở Jérusalem, giáo chủ Mahomet đã cỡi con ngựa cái Al Borak bay lên trời. Con Al Borak cũng có hai cái cánh, bộ lông nó trắng và tinh khiết như sữa, mặt nó là mặt người. Tên của nó, tiếng Ả-Rập có nghĩa là đàn chóp, như thế chứng tỏ sức nhanh của nó không hèn. Hơn 13 thế kỷ đã qua rồi, giờ đây tựa lưng vào những chiếc cột tròn mỹ lệ bằng đá hoa

Méduse. Máu từ cổ thần Méduse ản ra hòa vào bọt nước biển làm hóa sinh con ngựa Pégasse. Thần Persée phải lằm khó khăn mới bắt được nó, và thần dùng nó cưỡi đi cứu nàng Andromède bị xiềng vào một tảng đá sắp sửa bị một con thủy quái ăn thịt. Sau đó, Persée

TỪ
ĐÔNG
SANG
TAY

nặng đỡ vòm mái thánh đường bằng cẩm thạch. anh Hồi giáo, mắt lim dim, vắn mớ màng theo dõi bóng hình kỵ sĩ Mahomet đi vào cõi thiên đường muôn thuở trong tiếng vỗ ngựa không mây may khua động lớp mây trời.

Về sau, giống ngựa có cánh dần dần mất hẳn đi trên mặt trái đất, con người mới nghĩ cách chế những bộ máy bay được theo mẫu giống ngựa đó. Theo một ca khúc xưa, có chàng tên Pierre ở Provence có một con ngựa gỗ bay trên không như chim. Người cưỡi nó cần kéo qua bệ lại một thứ cần bằng gỗ là khiến nó đi về hướng mình muốn. Vua Sarra ở Tartarie lại có một con ngựa bằng đồng cũng biết bay. Con ngựa này do quốc vương Arabie và Ấn-độ tặng ông, nhân dịp lễ sinh nhật cô con gái của ông. Từ lúc mặt trời mọc cho đến khi lặn, con ngựa bằng đồng đó có thể chở người cưỡi nó đến bất cứ một điểm nào dù xa xôi trên trái đất. Muốn đi đến đâu, chỉ cần thì thầm vào tai nó tên của địa

điểm đó rồi vặn một cái chìa khóa gắn bên trán nó. Khi đến nơi rồi, người cưỡi vặn một chìa khóa thứ hai là nó từ từ hạ xuống mặt đất.

Về sau nữa, ngựa bay được tuyệt hẳn, chỉ còn những con ngựa chạy nhanh như gió. Như con Speipnier của Odin, con ngựa này có đến tám chân và có thể vượt qua biển; như con Rabican của Argilia mà cha mẹ nó là lửa và gió; như con Arundel của Siegfried mà tên có nghĩa là chim én; như con Bajardo ở trong một cái hang có một con rồng canh gác. Con ngựa này về sau người ta thấy nó đi lang thang khắp nơi, nhưng nó chạy biến đi rất nhanh như làn gió thoảng mỗi khi có ai đến gần, do đó cho đến nay chưa ai bắt nó được.

Có một con ngựa chẳng những không biết bay mà cũng không chạy được, nhưng nó to như một lâu đài đồ sộ. Đó là, «con ngựa thành Troie», bằng gỗ, chứa trong bụng nó một số người mà quân Hy-Lạp làm kế giả

rút chạy gấp bỏ rơi lại và quân thành Troie mang vào thành; để rồi, đến nửa đêm, số người đó mở bụng ngựa chui ra làm nội ứng cướp thành. Gần đây hơn, có con ngựa cũng bằng gỗ nhưng biết bay tên Aligero Clavileno mà nhà hiệp sĩ nổi tiếng của văn hào Cervautés là Don Quichotte dùng giải cứu nàng Dolorida, thay cho con ngựa cái Rossinaute trước kia của ông ta chỉ có da bọc xương.

Trong thần thoại Tây-phương, có giống nhân-mã, đầu người mình ngựa, gọi là Centaure. Đó là một giống người rừng — theo thần thoại — sống ở giữa khoảng Rélion và Ossa, ở Thessalie. Vào lúc hôn-lê của Piri-thouès, vua dân Lapithe, họ đến khuấy phá. Giữa đôi bên xảy ra một trận đánh dữ dội và người Lapithe tàn diệt cả giống Centaure. Về sau, các nhà thi sĩ tả họ thành những quái vật nổi tiếng, nửa người, nửa ngựa. Vào khoảng tháng 8 năm 1950 của chúng ta đây, người ta có thấy xuất hiện ở Ba-Tây, một con quái vật

khiến người ta liên tưởng đến con nhân-mã trong thần thoại. Con quái vật này tầm vóc như con ngựa cái, bộ lông xoắn tít, răng dài, mặt hao hao như mặt người.

Ở Mankala, có ngôi mộ một con ngựa to như một ngọn đồi. Đó là mộ của con Bucéphale, con ngựa yêu quý của Alexandre đại đế. Trước khi về tay Alexandre, không một ai cưỡi nó được hết. Đến Alexandre, lúc ấy 15 tuổi, ông nhận thấy, biết được nỗi sợ cái bóng của nó, nên ông xoay đầu nó về phía mặt trời, thế rồi bằng một cái nhảy nhẹ nhàng, ông phóng lên mình con Bucéphale và cho nó phi lên êm như không. Trước sự kinh hãi và thần phục của các võ tướng của vua cha. Từ đó, người và ngựa không rời nhau. Sau đó, nó cùng Alexandre bay từ chiến thắng này đến chiến thắng khác, cho đến trận đánh với Porus. Trong trận này, con Bucéphale bị tử thương. Trận này được gọi là «trận giặc voi»: bên Alexandre ngồi trên mình ngựa xông ra xáp chiến

với một đoàn chiến-trượng bên địch gồm 300 con. Mất con Bucéphale, Alexandre như mất một cánh tay. Vô cùng thương tiếc, ông cho xây một ngôi mộ lớn như ngọn đồi để chôn nó và dựng lên một thành phố lấy tên con ngựa yêu quý của ông mà đặt tên thành là Bucéphale. Nói về những công trình mỹ thuật to tát, phải kể đến những bức hình nổi của



Washington, Jefferson, Lincoln và Théodore Roosevelt do Gutzon Borglum tạc ở ngọn Rushmore. Hình của Roosevelt cao đến 73 thước, đè bẹp mấy hình kia. Thế nhưng nó còn thua xa hình của một cỗ tù trưởng da đỏ thuộc bộ lạc Sioux tên Ngựa-

Điên (cheval Fou), người đã chiến thắng tướng Custez ở trận Little Big Horn và bị giết chết năm 1877 do sự phản bội của người da trắng, trong thời kỳ hưu chiến. Nó được tạc ngay trong mấy ngọn đồi Đen (collines Noires) cách ngọn Rushmore 34 cây số. Đối với người da đỏ, nhóm ngọn đồi Đen là vùng đất thiêng, và khi viên tù trưởng Sioux Gấu. Đứng (Ours Debout) đến yêu cầu nhà điêu khắc Ziolkowski tạc bức hình đó ở nơi đó, ông có nói «đề cho người Da Trắng biết rằng người Da Đỏ họ có những bậc đại anh hùng». Công trình mỹ thuật này, Ziolkowski khởi công năm 1947 và ông trù tính phải 23 năm mới hoàn tất. Hình tượng đó sẽ do được 172 thước từ chân cho đến cái mũi nhọn của cái lông (cao 13 thước) giắt trên đầu Ngựa Điên. Ở phòng triển lãm mỹ thuật phẩm Corcoran ở Washington có pho tượng bằng đồng «Người của Núi Non» (d'Homme des montagnes)

tượng hình một tay đi khai hoang da trắng ở miền Far West của thời xưa. Tượng này vẽ lên hình một người cỡi ngựa đang từ trên đỉnh núi phi xuống. Tác giả nó là họa sĩ Frédéric Remington, người được cả thế giới coi như là kẻ chứng nhân của Far West ngày xưa, hoang dã và bất trị. Đề tài của phần lớn những điêu khắc phẩm của ông và của hầu hết những họa phẩm của ông là người kỵ mã. Thân phục trước cái thiên tài của ông, Théodore Roosevelt và Rudyard Kipling đã thành bạn của ông. Hiện giờ, những họa phẩm hay nhất của ông bán đến 250.000 quan mới. Nhắc đến họa phẩm, tôi xin nói sơ về một nữ đại họa sĩ chuyên vẽ thú vật: Rosa Bonheur, ở vào bán thế kỷ trước, mà với bức «Chợ Ngựa» đã khiến cho đến Napoléon đệ-tam và hoàng hậu Eugénie phải kính phục. Và hoàng hậu đã phục đến đòi xin nhà vua ân tứ cho nữ họa sĩ Bắc Đầu hội nh, điều chưa hề có từ

trước đó. Còn Victor Hugo, sau khi xem qua, đã tuyên bố chưa bao giờ ông được thấy một phụ nữ có một tài sáng tạo lớn lao như thế. Bức «Chợ Ngựa» do được 2 thước 40 bề dài và 5 thước ngang. Hiện nó thuộc Viện Metropolitan Museum of Art ở Nữu Ước. Hồi ấy, Rosa đã bán nó với giá 8.000 đô-la. Nhưng chỉ vài năm sau đó, ông Cornelius Vanderbilt mua nó để tặng cho Viện nói trên, ông phải trả đến 53.000 đô-la.

Nói về con ngựa ở phương Tây, không thể thiếu được cái hình ảnh rất quen thuộc của những anh cao bồi đội nón vành phi ngựa như bay vừa bắn súng đi đoàn. Biết bao chuyện hay ho hấp dẫn để kể ra về chuyện ngựa ở miền Viễn Tây nổi tiếng kia. Nhưng bài đến đây cũng đã khá dài mà còn phải kể chuyện ngựa ở phương Đông nữa. Vậy có dịp sẽ nói đến, giờ xin kể sơ đôi điều về... ma ngựa ở phương Tây trước khi chấm dứt «chuyện ngựa hương tây» để... thay đổi không khí. Nói

đen ma ngựa thì phải nói đến Anh quốc. Ở Anh quốc kể những thú vật thành ma, giống ngựa là nhiều hơn cả. Có điều lạ là thường thường những con ngựa hoặc người cỡi ngựa lại không có đầu; lắm khi cả người lẫn ngựa đều không đầu. Đó là những ma ngựa xưa. Còn ma ngựa nay thì mới mấy tháng trước đây, báo chí có đăng một tin tức với cái « tit » : « Người kỵ mã ma », Tin ấy thuật rằng : « mới rồi, tại hai làng ở Staffords hire (Anh quốc) hề trắng lên là có một người kỵ mã xuất hiện. Cảnh bình địa phương đã nhiều lần rượt bắt nhưng vẫn vô hiệu và nhà chức trách chỉ tìm thấy trên mặt đất dấu chân ngựa thôi. Người kỵ mã bí mật này đi tới đâu thì y cắt dây kẽm gai rào đến đó, phá luôn các cổng rào và phá cho bò ngựa chạy tán loạn ra ngoài đồng. Người ta không hiểu là người thiết hại ma và phá phách thế để làm gì ? ». Và cũng mới đây báo chí có đăng tin những nhân viên gác đêm ở cung điện Royal Ascot đều dè dặt

xin thôi việc. Cung điện này nằm ngay trước trường đua ngựa trú danh của Anh quốc trường đua Ascot. Lý do của họ nêu ra, mỗi đêm họ đều nghe thấy tiếng ngựa phi, ngựa hí rùng rợn, nghe như đó là những con ngựa điên vậy. Mà ở đó đâu có con ngựa sống nào, và ngày xưa trong các chuồng ngựa của cung điện vẫn giữ những con ngựa riêng của nữ hoàng Victoria những khi bà đến nghỉ ngơi tại đó. Vậy, có phải là những con ma ngựa ấy hiện về chăng ? Người phương tây, ngày xưa, có một phương cách dùng con ngựa dê khám phá nơi nào là ổ trú ẩn của loài quỷ hút máu người. Người ta cho một chàng trai trẻ còn tân cưới trên một con ngựa sắc đen tuyền, con ngựa này cũng phải là chưa nhảy cái bao giờ. Người và ngựa đó đi ra nghĩa địa. Chàng kỵ mã mới bắt buộc con ngựa nhảy ngang qua trên mỗi nấm mồ. Nếu thấy con ngựa thỉnh linh đâm ra hoảng sợ không khứng nhảy qua một ngôi mộ nào là người ta

quạt ngôi mộ ấy lên. Nếu nó chưa dựng một thi hài còn tốt, người ta dùng một cây cọc đâm suốt nó, rồi chặt đầu, kẻ đó đốt cho thành tro rải ra bốn phía.

Giờ xin bắt sang một giống ngựa lừng tiếng ở phương-Đông, ngựa Mông-cổ. Trong lịch sử Đông, Tây, đã từng có một thời kỳ, hơn 44 nước cả Á lẫn Âu bị d y xéo dưới vó ngựa của người Mông cổ, và bóng cờ làm bằng lông đuôi ngựa của họ đi đến đâu cỏ cũng không còn mọc nổi. Thành Cát Tư Hãn! cái tên của vị Chúa Mông đó vang như sấm sét, làm hung tại khủng khiếp trọn hai miền Âu Á. Hãn đã đứng nhìn lửa bốc thui rụi Bắc-Kinh, cái thành phố có 900 ngọn tháp ấy, trước khi vó ngựa của đoàn quân chinh phục liên tiếp vượt cả 7.000 cây số xuyên qua các nước Perse, Afghanistan, miền đồng bằng Nga, và Châu Âu cho đến tận ngưỡng cửa thành Vienn, để lại nơi nó đi qua hàng mấy mươi triệu thi hài. Người thời bấy giờ đã cho là Tận Thế. Cung tên, người

và ngựa, đó là những yếu tố thành công của họ. Ngựa ấy, đó là một giống ngựa nhỏ con, lông dài, mập mạp như người cưỡi nó, bụng thon, rất dẻo dai, bền sức, vượt 200 cây số 10 tiếng đồng hồ như không và vẫn còn đủ khỏe khoắn để xông ngay vào trận chiến. Và chính vì nó mà những giống dân du mục của miền đồng cỏ đã chế ra trước người văn minh rất lâu bộ đồ mặc của người kỵ mã.

Trong sử sách Trung-Hoa đầy đủ những truyện tích có liên quan đến con ngựa. Đời vua Phục Hy, nhân bắt được con long mã qua sông Hà Lạc có mang một bản đồ thơ, nhà vua mới theo đồ hình bát quái soạn ra sách « Tiên Thiên dịch » nói về lẽ huyền bí thiên địa âm dương Vua Hán Bái Công sau khi đẹp được Tần, Sở, có nói với các tướng rằng : « Ta được thiên hạ, chỉ ngồi trên lưng con ngựa ». Trần-Hậu-Chúa ngự thuyền trên sông Tần-hoài, thấy 5 con bạch mã lội qua sông, nhà vua linh cảm cơ nghiệp nhà Trần

đã hết mà chan rắng : « Năm con ngựa trắng bỏ chuồng lội qua sông, thế là đã hết phương dung võ ». Ông Giả Nghị có nói với vua Hán Văn Đế : « Người hiền cũng như ngựa Kỳ, ngựa Kỳ, dùng mà không biết chỗ dùng thì người hiền không từng phục tử như ngựa kỳ ngựa kỳ, không biết tánh ý nó thì không bao giờ sai khiến nó được. Cho nên Chúa thánh gặp tôi hiền chẳng khác người và ngựa tương đắc ».

Những con danh mã thì rất nhiều. Như con Hồn-hải-Câu của nguyên soái nước Phiên về đời Đường là Cáp Tô Văn, vốn là giống thiên lý mã, ngày chạy ngàn dặm, và bốn vó bơi được trên mặt nước mau như chạy trên bộ. Nhưng nó còn thua con Thoại long Câu của Tiết Nhơn Quý. Con ngựa này đã từng chạy ba ngày ba đêm trên biển đưa Tiết Nhơn Quý về kịp cứu thành Trường An. Và khi thua trận Long Môn, Cáp Tô Văn cỡi con Hồn hải Câu chạy ra biển đông, thấy

Tiết Nhơn Quý Juỗi theo đến bờ dừng lại, Cáp Tô Văn mới thách Tiết Nhơn Quý nếu theo ra được y sẽ cắt đầu dâng cho. Tiết Nhơn Quý liền giạt cương, con Thoại-Long-câu phi ngay xuống biển chạy mau như tên ra đến chỗ Cáp Tô Văn. Thấy mình không còn vùng thoát được, và cũng giữ lời, Cáp Tô Văn cắt đầu cho Tiết-nhơn Quý. Con Hồn hải Câu chạy tuốt ra biển đông biển mất, Trinh-giáo-Kim thì có con Thiết khứ, bốn cẳng đen thui, lông hình lốm đốm như hoa, chạy mau như gió. Con Bão-nguyệt-ô Chùy của Uất trì Cung thì vốn là một con yêu ở ao Kim-long làm hại người bị họ Uất đánh bắt được và nó hóa thành con ngựa, cả mình đen tuyền, dưới bụng có một chòm lông trắng tròn như mặt trăng. Nhưng tất cả những con ngựa trên đây đều thua con Hồ-lôi-báo của Thượng-sư - Đổ. Con ngựa này ngoài tài chạy mau hơn thiên lý mã, nó có một chòm lông vàng trên đầu,

Người cưỡi nó, khi làm trận, chỉ cần nắm chòm lông giạt một cái, nó sẽ hí lên một tiếng cùng lúc khạc ra một làn khói đen khiến các con ngựa khác đều run cồng cẳng té nhào. Quan-Vân-Trường thì có con Xích-Thổ cả mình sắc đỏ như lửa. Khi Quan Công thất thủ Kinh Châu bị Tôn Quyền sát hại, con Xích Thổ cũng bỏ ăn chết theo.

Trong «tàu ngựa lịch sử và dã sử» của nước mình. Có con ngựa chở An-Dương-Vương và công chúa My-Châu trên đường lánh nạn, và con ngựa chở Trọng-Thủy theo vết lông ngỗng tìm My-Châu. Con ngựa sắt của Phù-Đổng thiên vương thì, sau khi giặc Ân đã dẹp tan, nó chở Phù - Đổng thiên vương lên Sóc Sơn rồi bay tuốt lên trời mất dạng. Có ngựa sắt lại còn có ngựa đá. Đó là mấy con ngựa đá ở trước lăng tẩm mà sau khi Hưng Đạo vương thắng trận Bạch Đằng, vua Nhân Tôn thấy con nào chân cẳng cũng đều có lấm bùn, nhà vua mới nghĩ để thường

tiên để anh linh đã cỡi ngựa theo giúp mới thắng trận, nên nhà vua mới khải chiêm: «xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã, Sơn hà kim cổ điện kim âu». Kê nữa là 12 con ngựa bạch mà gãi chân vệt tên Ngô-Hoàn thay mặt vua Lý-Thái-Tôn đi xuống âm cung dâng cho Diêm-vương. Có một con ngựa rất «bi đát», hoàn toàn thực tế và rất gần với chúng ta, đó là con «ngựa người», hay là người kéo xe-kéo mà nó chỉ được xóa bỏ hẳn hồi năm 1953.

Trên sân khấu tuồng cổ có một vai quan trọng mà lại vắng mặt. Đó là con ngựa. Nó được thay thế bằng một cây roi có kết tựa xanh đỏ. Trong bài « cái hay của hát bội » ông Hồ đắc Trung, năm 1945, có phân tích về điệu cỡi ngựa trên sân khấu tuồng cổ như sau : « Điệu cỡi ngựa của hát bội là một môn nghệ thuật tượng trưng đặc biệt. Lễ tất nhiên nếu người hát trên sân khấu mà vụng về, dốt nát, không rõ được cái ý nghĩa của tượng

trung ấy, thì chẳng qua là làm một trò vô vị. Cái ý nghĩa ở đây không phải là ở trong con roi mây xanh đỏ, nhưng mà là ở trong cách người cầm roi. Thằng quân đưa con roi phải có cái điệu. Khán giả chỉ thấy cái bộ là biết họ đã lên yên, tùy theo cảnh ngộ, lúc gấp lúc hưỡn, lúc chạy dài như Tạ Ôn Đình trong tuồng San Hậu khi bị Phàn Diệm rượt, lúc rượt kẻ khác như Triệu tử Long lúc đuổi theo Tôn phu non lúc bà trốn về Ngô, lúc Đông kim Lân gõ cương lại dưới thành để trông rõ mặt mẹ bị Lôi Nhược, Ôn Đình bắt treo ở đó, lúc con Xích Thổ của Quan vân Trường đứng yên ở đường Hué Dung để cho ông nghe Tào mạnh Đức kể ơn chuộc mạng v.v... Bao nhiêu cái tâm lý của người ngồi trên ngựa trong mấy lúc ấy, chẳng những là biểu lộ nơi mặt mày, điệu bộ, mà lại trong cách ky mã nữa. ...Nói tóm lại thì chỉ trong một con roi mây xanh đỏ mà biểu thị được bao nhiêu

tâm hồn của nhân vật trong một lúc. Nghệ thuật là chỗ đó. Nếu không phải thế thì tội gì anh Mai lan Phương là một tay kép hát lỗi lạc của Trung hoa, tiếng tăm khắp cả hoàn cầu, phải gia công tập luyện cái nghệ thuật cưỡi ngựa ấy một hai năm trời. Có người lại bảo bỏ quách lối « cưỡi ngựa » đi vì khó làm cho hay được. Nói thế là bảo bỏ một cái nghệ thuật then chốt của hát bội. Không lẽ vì khó mà phải bỏ, còn nếu vì mình không hiểu được cái hay của nó mà bảo bỏ, đó là một vấn đề khác... » Ông Trung khen ngợi, còn ông Đoàn quang Tấn thì chủ trương bỏ.

Trong thi ca, chỉ nói riêng thi ca Việt, con ngựa có được một địa vị rất khả quan, vì bài này đến đây đã dài, phải dành chỗ cho anh em khác, tôi chỉ trích ra đây một số nhỏ những câu hay, ý nghĩa mà không đưa lời giới thiệu cùng phê bình :

Vó ngựa chập chùng lên ải Bắc.

Tuyết sương lạnh lẽo gió rêu
mây
Gươm thiêng lấp lánh bên
lưng nhẹ
Ngựa hí vang lừng trận gió
mây
(Thái Can)

Hãy nghe bão táp đêm trừ
tịch
Vó ngựa dấn Hồi dẫm đất
Áu

(Vú hoàng Chương)

Gấm chuyện ngựa Hồ, chim
Việt cũ
Lòng đây tưởng đó mất như
còn.

(Nguyễn đình Chiểu)

Bên thành dưng ngựa, mắt
xa đưa
Sông núi ta về vẫn cảnh xưa
Bốn chục năm thừa ơn việc
trước
Bản khoán nước cũ đến bây
giờ.

(Nguyễn-hải-Thần do
Trương Phổ dịch)

Trải bốn ngàn năm lịch sử
Ngựa đã từng qua vạn nẻo
gió sương
Xuống sông Nhị
Lên núi Nùng,

Một sớm với Quang Trung,
Mấy chiều cùng Lê-Lợi,
Khi cheo leo rùng Thái
Nguyên lặn lội,
Cùng áo nâu mài kiếm dưới
trăng
Khi hi vãng chiến thắng bên
Lô giang,
Khi gạt lệ khóc thương
người Yên Thế
Khi trở lại thủ đô bước chân
ngạo nghễ,
Khi âm thầm biên ải những
đêm sương.

Khi lửa đốt non sông,
Máu Việt Nam linh láng
ruộng đồng,
Thì ngựa bon vó sắt
Quyết đập tan u uất
Và đập tan bọn cướp đất dã
man,

Rồi một độ thu tàn,
Ngân ngọc bên giòng Bến
Hải
Ngựa thấy lòng tê tái
Nước chia đôi
Biết về đâu khi trặc trở
đường đời?...
(Minh-Ko).

Tiếng đồn ngàn dặm ngựa
Tiêu-sương
Lầm đừa gian mưu nghĩ
khả thương,

Dậm vô chẳng màng ăn cỏ
Tống

Quay đầu lại hi nhớ tàu
Lương

Chẳng cho chủ khác ngồi
lưng cõ

Thà chịu vua ta nắm khớp
cương,

Ngựa nghĩa còn cưu nhà
nước cũ

Làm người sao nữ phụ quê
huong ?!

Ngựa Tiêu-sương là con ngựa qui của vua nước Lương, bị vua Tống sai người lên bắt về đến Tống, ngựa nhớ nước cũ bỏ ăn đến chết — Trong Kiều, Chinh phụ-ngâm có nhiều câu có hình ảnh con ngựa đẹp hoặc rất hùng, trích đây vài câu :

Tuyết in sắc ngựa câu giòn...
Bóng chiều như giục cơn
buồn

Khách đã lên ngựa người còn
ghé theo...

Trông vờ trời bề mệnh
mang,

Thanh gươm yên ngựa lên
đàng thẳng dong...

Chí làm trai dậm nghìn da
ngựa

Gieo Thái-son nhẹ tựa hồng
mao

Giã nhà đeo bức chiến bào.
Thét roi cầu vị ào ào gió thu...

Xông pha gió bãi trắng ngàn
Tên treo đầu ngựa pháo ran
mặt thành...

Nắm lông hồng theo đạn lạc
tên bay

Phong ba ngựa mặc bèo trôi
sóng vỗ...

Có một hình ảnh về con ngựa rất tức cười, đó là con ngựa của ông Cống Quỳnh trong bài tứ tuyệt mà ông đọc ngay khi hay mình tên đề bằng hồ :

Mười năm đèn sách nhọc
công dờm

Thi đỗ ba trường tiếng nức
om,

Nhờ chút ơn vua về bãi tổ.

Mirng lòng lên ngựa nháy
lom xom

Thật con ngựa cũng...lý
lắc như chủ nó. Tả cảnh
vinh qui bãi tổ, Nguyễn
Bính có câu :

Chồng em cưỡi ngựa cả làng
ra xem

Và hai câu thơ sau đây,

chẳng nhớ của ai, nói về tánh
khí con ngựa :

Tánh chim mỗi cánh tung
về tổ

Kiếp ngựa từ chân lại nhớ
đường

Ca dao tục ngữ thì có
những câu như :

Đường dài mới biết ngựa
hay

Một lời đã hứa bốn ngựa khó
theo

Thì giờ như bóng câu qua
cửa sổ,

Mắt ngựa mới rào tàu

Ngựa ăn cám ngựa lười,
ngựa ăn rơm ngựa khỏe,

Giá tuổi ngựa, không ai giá
tuổi người...

Con ngựa, mà Buffon bảo là « sự chinh phục cao qui nhất của con người từ trước đến nay », mà người xưa sắp đứng đầu lục súc (mã, ngưu, dương, kê, khuyển, thi), mà trong « Ngưu mã kinh » nói có ba đức : trung, hiếu, dũng, nó là giống thú còn được đề cao về sự thương giống yêu nòi qua câu : « một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ ». Vậy nay, ở ngưỡng cửa năm Ngựa, chúng tôi không dám cầu tất cả người Việt mình có lòng vị tha, bác ái đến như Thích-Ca, Jésus, mà chỉ cần được cái tánh yêu nòi thương giống như con ngựa là qui rồi. ● ★



★ CẤP BỤC

Đọc đường một anh binh nhì gặp vị Đại Tá, Đại Tá cười và bắt tay anh ta, đoạn nói :

— Chào anh, anh là một anh lính can đảm trong đơn vị, tôi có lời ban khen anh đó !

— Cám ơn Đại Tá !
— Anh có thể viết thư cho cha của anh biết là anh có vinh dự được một Đại Tá bắt tay nhé !

— Vâng, thưa Đại Tá, tôi sẽ viết.
— Cha anh làm nghề gì ?
— Dạ ! Cha của tôi là Trung Tướng ạ !



ngợi ca mùa xuân em

Tôi đợi mùa xuân vào tóc em
Cho tim nổi lửa trong lòng đêm
Cho sâu xưa ngủ vùi trong mắt
Thôi tắt mùa đông thấp nắng lên

Em đến ngày xao xác gỗ trưa
Áo nghiêng nghiêng gửi buồn xa xưa
Tình yêu còn nép sau vầng trăng
Lòng nắng vàng hanh hay sắp mưa

Mắt em hay đầy chim hoàng anh
Tay em cỏ biếc hay sông xanh?
Tôi về nhốt gió trong lồng ngực
Cho lá ngừng rơi lối Nội thành

Buổi sáng em là hoa hướng dương
Buổi chiều em thành hoa-bàng-khuông
Tôi là năm đất khu vườn cũ
Em nở trên hồn tôi nhớ thương

Lòng tôi ngộ tối đêm mưa đổ
Bước nhỏ em về động giấc mơ
Có ngại đèn khuya vàng kỷ niệm
Xin em tay thấp ánh sao mờ

Tôi hát mùa xuân trong mắt em
Hồn vịn lá non ngày ngoan hiện
Mai sang em nhớ cài lên má
Những nắng vàng thơm hương thủy tiên.

● TẦN HOÀI DẠ VŨ



mùa xuân trống trơn

Rồi mùa xuân này anh đến thăm ai?
Rồi mùa xuân này tôi đến thăm ai?
Rồi mùa xuân này trời loang mưa bụi
Tôi đi vu vơ suốt dọc đường dài

Rồi mùa xuân này ai nói thương tôi
Rồi mùa xuân này ai nói yêu tôi?
Rồi mùa xuân này trời đầy gió lạnh
Tôi đi vu vơ buồn như cuộc đời

Rồi mùa xuân này ai đổi ai hồn
Rồi mùa xuân này ai ngồi u buồn?
Cho tôi vỗ về: ngoan anh thương, bé!
Rồi mùa xuân này tôi về cô đơn...

Thôi Thu xa rồi thôi Thu đã xa!
Em chết lâu rồi hay mới hôm qua?
Mùa Xuân tôi nhớ, buồn, tôi khóc!
Thôi từ bây giờ Xuân của người ta

★ ĐÌNH TRÂM CA
(vĩnh-diện)

Chức thư
Tết PARIS



Nguyễn Văn Côn

● ĐÊM NAY

TRONG im lặng, gió bắc và tuyết rơi càng làm cho đêm nay xa cách thực tế. Ngoài trời mà tất cả như tắt liệt, mà con người như đã bị áp lực của vũ trụ diệt hết sinh hoạt, ta chỉ còn thấy xác vài chiếc xe hơi chôn dưới đồng tuyết, trong lúc mà nhà cửa tựa vào nhau để chống lại luồng gió lạnh ngất đang gào thét đè bẹp mọi vật xuống mặt đất.

Ngoài đường, vài cây đèn đứng gác trong đêm, thả những vòng ánh sáng yếu ớt, lọt lạt, xanh mờ, và ở xa người ta tưởng đâu như những con ma-chơi ẩn hiện trong màn sương.

Qua cửa sổ, mình đưa tầm mắt nhìn quảng đêm trường lạnh lẽo, giữa cảnh hoang tàn, hấp hối, ý nghĩ của mình đi vào địa hạt sự việc xa vời, liên hệ với đời mình, với quê hương, với nhân loại. Nhưng đêm nay, mình nghĩ nhiều đến quê hương, vì là *Đêm Giao Thừa*, một đêm bao la, đen tối, không trăng, không sao, đêm cô đơn của mùa đông xứ lạ.

« Về đi nhỉ! » tiếng nói của nghìn xưa như văng vẳng bên tai mình, tiếng của sông núi, của máu mủ, của tình yêu!

Mình đã từng đợi và nhiều người cũng đã từng đợi « Ngày về »! đề *Đêm Giao Thừa* khỏi cô lạnh nơi quê người đất khách, và đề hôm sau, *Mùng Một Tết* được ôm một đứa bé Việt Nam vào lòng để nhận những cái hôn mừng chúc. Thơm mát làm sao da thịt của đứa bé mà bùi đời chưa làm khô héo! Đôi mắt nhung của nó nhìn một cách tin cậy và bàn tay mủn-mủn nhỏ

BỨC THƯ PARIS

xíu của nó se đặt mắt dịu trên đôi má đã nhăn nheo của mình.

Đêm nay, chắc tại quê nhà các gia đình Việt Nam sẽ thức đề đợi giờ *Giao Thừa*, không phải để vui mừng năm mới, mà để nghĩ đến Ông Bà, người đã chết, kẻ đang xa. Có lẽ bên đèn, sẽ có bóng một người mẹ già đợi con, một người vợ đợi chồng, một thiếu nữ đợi người yêu.

Hai mươi năm mong đợi! Người đàn bà nước tôi đã hai mươi năm mong đợi! Nếu mai hậu đất nước thanh bình, không biết có ai đo lường nước mắt của người đàn bà Việt Nam hay chăng?

Khô héo lá gan cây đình Ngự

Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương

Phải chăng hai câu đó đã tiên đoán được năm chục năm về trước nỗi lòng của người đàn bà Việt Nam ngày nay! « *Người thiếu phụ trông chờ* » phải chăng đó là hình dung tượng trưng (une image symbolique) của Tổ quốc Việt Nam trong cơn khói lửa, như hình dung của nước Hy-lạp trước kia khi người đàn bà nước ấy, năm 306 trước kỷ nguyên mới đợi chồng trong trận Samothrace, mà sự Chiến Thắng ngày nay còn hiện hình trong pho tượng trứ danh.

Vẫn biết một đoàn thể không bao giờ hoàn hảo cả — trong đời có gì là hoàn hảo — và ở nước nào hay thời đại nào cũng có những « *Cô thương nữ bất tri vong quốc hận* », luôn luôn bán mình để tìm kiếm khoái lạc xác thịt trong một nghề « cũ kỹ như thế giới », và hình ảnh ngã nghiêng trong rượu nồng, trong nhạc quay cuồng, dưới ánh đèn thò lò đã át hẳn hình ảnh chiến tranh! Thời trách làm chi, buồn làm chi những cô « *thương nữ* » ấy và những kẻ « *mày râu* » chỉ biết hiến mình cho Tiền-bạc!

Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê

Ta chỉ nên ghi lại trong trí nhớ những hình ảnh đẹp đẽ, cao quý của non sông đất nước;

Bóng Trưng Vương vẫn còn phảng phất
 Trong khói hương non nước tôn sùng
 Nghìn thu tổ dạng má hồng
 Ai làm thấy dấu Cột Đồng hạp xưa ?

Hình đó và hình của bao nhiêu thiếu nữ đã hy sinh vì nước
 vẫn còn là những ngôi sao chói lọi trong Thiên thu của Lịch sử
 Việt-Nam :

Mặt hoa tươi đẹp của non sông
 Vạn kỷ không phai sắc má hồng
 Hình nữ anh hùng cội sống mãi
 Trong lòng dân Việt dưới trời đông

Đêm nay, vì nghĩ đến những hình ảnh đẹp ấy mà tôi đã
 theo « cuộc hành trình trong xa xôi và xa xưa » (un voyage dans
 le lointain et dans le passé) và sau khi đã đề gót trong gần hai
 nghìn năm, tôi đã đem về được những hình ảnh sau đây :

Mặt Hồ Tây mông mênh mây nước
 Truyện Thần linh thuở trước đầu xa
 Chuông chùa Trấn Võ ngân nga
 Trâu vàng lìa đất Trung Hoa diên cưỡng
 Mặt Hồ Gươm trắng vàng rung động
 Nhắc đêm nao ngọn sóng chập chùng
 Rùa thiêng nổi trước thuyền Rồng
 Trên hồ Hoàn kiếm anh hùng là ai
 Núi Hồng Lĩnh chín mươi chín ngọn
 Suối ngậm thơ, gió chẹn đường tơ
 Sơn hà mai cũ hạc xưa
 Hồn thơ nhắc mãi Tổ Như muôn đời
 Đỉnh Đèo Ngang ngậm ngùi dừng bước
 Tiếng gia gia quốc quốc bồi hồi
 Thanh Quan bút họa thiên tài
 Bức tranh non nước chưa phai nét vàng
 Tại Mỹ Sơn lâu trang sập đổ
 Dấu Chiêm-thành khốc thuở tàn quân

Bùi ngùi nhớ bóng Huyền Trân
 Hai châu Ô, Rí đời thân nghìn vàng
 Đá Vọng-Phu nhớ thương thăm lặng
 Tay bằng con quyết đứng đợi chồng
 Xa xa trời bề vời trông
 Đầu non tượng đá tỏ lòng tiết trinh

Nước Tôi đã đúc thành một khối
 Từ Nam Quan đến Mũi Cà Mau

Đó là một vài hình ảnh đẹp của quê hương, đó là
 một vài giá trị luân lý và tinh thần của dân tộc mình
 (valeurs morales et spirituelles de notre race).

Hãy cao cả lên trí óc của ta ơi ! Trên con đường lịch sử
 dài bốn nghìn năm, ta đã thấy bao nhiêu hình tuyệt mỹ, bao
 nhiêu nỗi hân hoan, bao nhiêu niềm an ủi. Bọn lòng ơi ! Chỉ
 có mình mới hiểu được mình, chỉ có mình mới thương mình !
 chỉ có người Việt mới bồi hồi cảm động trước nỗi thịnh, suy
 của Tổ quốc, mới tội nghiệp dân tộc mình trong cơn hoạn nạn !

Trong những ngày nghỉ, tôi thường cho chạy đĩa hát để
 hưởng chút thanh nhàn, và trong gian phòng im lặng đã trôi
 lên bao nhiêu bản nhạc danh tiếng : 5e, 6e hay 9e *Symphonie*
 của Beethoven, « *La Mer* » của Debussy, « *Nocturnes* » của Chopin
 « *Concerto* » của Mozart hay của Tchaikovski v.v... nhưng thật ra,
 làm cảm động thâm tâm tôi, cảm động đến nỗi chảy nước mắt,
 đó là tiếng thánh thót của ống tiêu, tiếng ni non của đàn bầu,
 tiếng ngâm sa mạc, tiếng ngân Vọng cổ, tiếng hò trên sông.

Đêm nay, qua màn đen tối bao la, tôi tưởng chừng từ
 xa sẽ vọng lại tiếng gọi trong thanh vắng :

Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
 Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ

(Tú-Xương)

hay tiếng hò trên giòng trường giang :

Hồ ơi

Thuyền nay..

Thuyền nay có nhớ bến chăng ?

Bến thì một dạ khẳng khăng đợi thuyền

Nhấn ai gìn giữ con thuyền,

Qua cơn bão tố vững bền lòng sau.

Hồ ơi ! Dầu cho, dầu cho bến cách sông ngàn

Để gì chặn được duyên anh với nàng ! »

Những câu hát bình dân ấy làm cho mình thấy trong ý-tưởng bóng dáng một cô lái đò cật trên nền trời đêm nhưng, lướt trên giòng sông khuya, qua những khóm làng đang yên giấc hay qua những bụi cây đen tối. Rồi mình sức nhớ đến bao nhiêu lần mơ màng trên những con sông xứ mình :

Mặt sông hây hây gió chiều

Con thuyền lờ lững mái chèo buồm xuôi

và vai tuồng lịch sử của những con sông ấy. Con sông Thao, con sông Bạch-Đặng, con sông Đáy mà trong những năm 1258, 1284 và 1425, quân Việt-Nam đã diệt trừ thủy quân của Mông-cò và quân nhà Minh khi toan xâm chiếm nước mình.

Con sông Hoàng (Phủ-Lý) mà năm 1384 tướng Việt-nam Trần-khắc-Chân đã giết được Chế-Bồng-Nga, một Vua Chăm mà bao nhiêu lần đã làm rung động lãnh thổ nước ta. Nhưng cũng trên một con sông ở Phủ-Lý (sông Lý-Nhân) mà năm 1044, Nàng My-Ê, một cung phi Chăm bị bắt, đã gieo mình xuống giòng nước, chứ không chịu bước qua thuyền rồng của vua Lý-Thái-Tông.

« Tiết nghĩa mảnh chiến trời ảm lạnh

Cương thường giọt lệ nước đầy vơi. »

Hai câu ấy còn nhắc đến Nàng Cung-phi Chăm đang kính, đáng phục kia !

« Đá nguyên đời chữ đồng tâm,

Trăm năm thề chẳng óm cầm thuyền ai ! »

Rồi đến con sông Mã, con sông Lam đã bao lần che chở biên-giới của ta trước sự hăm dọa của Chiêm-Thành. Xuống một chút nữa, ta sẽ gặp con sông Hương thơ-mộng chảy qua thành phố Huế, đến con sông Bến-Hải mà huyết mạch của ta đã tạm bị chia đôi ; rồi đến con sông Trà-Khúc và sau hết con sông Cửu Long oanh liệt của miền Nam, cùng với núi Tân-Viên là biểu hiệu sự hùng-vĩ, tình thương và thống nhất của nước ta :

« Núi Tân-Viên dạn màu sương gió

Sông Cửu-Long thương nhớ đầy vơi. »

Thân mẫn làm sao hơi những giòng sông của xứ tôi, đã bao nhiêu lần nâng đỡ chiếc thuyền nan của tôi trong những buổi trời chiều êm-ả :

« Ai đâu biết bến bờ hội ngộ

Mượn gió đông đưa hộ thuyền tôi !

Than ôi ! nay đã xa rồi,

Mà lòng tôi vẫn nhớ người trên sông. »

Mấy câu thơ ấy, tôi đã viết trên sông Cửu-Long trước khi từ già quê hương qua Pháp, vì vậy giòng sông Cửu-Long đối với tôi là cả một niềm thương nhớ của thời xa xôi, và ngày tháng như vẫn còn nhắc :

« Tuổi lòng từ thuở biết yêu

Tình quê nhắc mãi muôn chiều không vơi ! »

Tình quê ! Đêm nay, khói trầm hương nghi ngút trong gian phòng nơi xứ lạnh và cánh hoa đào trong bình như phai hương lạt sắc để chia sót nỗi lòng thương nhớ của mình. Đêm nay hồn mình chơi vơi khắp bốn phương, hòa-hợp với toàn thể người Việt với kẻ khuất, với người còn.

Mỗi tình đời đoạn vò tơ

Giấc hương quan luống lẫn mơ canh dài

Song sa vô vô phương trời

Nay hoàng-hôn đã lại mai hôn-hoàng ! »

BỨC THƯ PARIS

Mượn bốn câu ấy trong truyện Kiều tôi sức nhớ đến mấy câu kết tôi đã viết trong bài diễn văn của tôi đọc ngày 11 tháng 12, tại Hàn-Lâm Viện khoa-học Hải ngoại Paris trong buổi lễ kỷ niệm Nguyễn Du :

« S'il est vrai que l'âme est immortelle, alors Ô poète ! la fumée de l'encens que nous brûons aujourd'hui à ta mémoire pourra emporter ton âme ainsi que la nôtre vers la terre natale, Patrie lointaine et héroïque ! Et s'il vrai, comme tu nous l'as enseigné dans ton long poème, que la vie est semée d'épreuves douloureuses, mais qu'elle réserve aux âmes bien trempées une issue douce et paisible, alors nous espérons, nous croyons, nous sommes sûrs que le Pays qui t'a vu naître verra bientôt se lever l'Aurore de la Paix dans son éclatante robe de lumière, et les nuages déployant comme de grands oiseaux leurs ailes d'or annoncer des lendemains qui chantent. »

Nếu quả thật linh hồn là bất tử, thế thì, Thi sĩ ơi ! Khói nhang tưởng niệm thi sĩ ngày nay sẽ đưa hồn thi sĩ và hồn chúng tôi về nơi cố quận, Tổ quốc xa xôi và hùng tráng ! Và nếu quả thật cuộc đời, như thi-sĩ đã dạy chúng tôi trong tập thơ, lúc nào cũng rải-rác những thử-thách đau đớn, nhưng vẫn dành riêng cho những tâm hồn kiên-trung một hậu-vận êm ái và hòa hảo, thế thì chúng tôi mong, chúng tôi tin, chúng tôi chắc rằng nơi mà thi-sĩ sinh trưởng sẽ thấy nay mai hiện lên Bình Minh trong tấm áo rực rỡ ánh-sáng và những đám mây, như những con chim đại-bàng, tung cánh huy-hoàng báo hiệu những ngày mai vui hát !

Mấy câu này cũng là mấy câu kết *Đêm Nay* ! qua cửa sò, mắt tôi nhìn về phía đông, đợi Bình-minh tươi sáng !

Năm mới, xin chúc bạn đọc Phò Thông một năm vạn an và tấn phát.

Thân mến. ● *

XUÂN BÌNH NGỌ

78

T
A
N
P
H
O
N
G
*



10 NĂM SỐNG CHUNG...

PICASSO
và
FRANÇOISE GILOT

(Tiếp theo P.T. 164)

← Gian nhà ký-niệm

MỘT buổi chiều thu hơi lạnh, Pablo Picasso đưa Françoise đến thăm Bateau-Lavoir, nơi đây ông đã ở 40 năm về trước :

« Pablo mặc một cái áo gabardine mastic đã phai màu quá rồi, cái quần nhều nát cũ kỹ mà ông thường mặc, và ông đội chiếc mũ ni cũ-xì, méo-mó, mà ông kéo sụp xuống tận mắt. Ông bảo tôi : « Anh đưa em đến Bateau-Lavoir. Anh phải đi thăm một bạn gái thăm-niên ở gần đây. »

Lá cây đã rụng hết. Các khóm nhà nhỏ hẹp và sụp-sụp có cái gì làm cho tôi xúc-động trong cảnh tịch-mịch hoang-liêu. Paris hình như xa quá rồi. Ngoại trừ vài ngôi nhà lầu đồ-sộ mọc lên đó đây, tôi tưởng chừng như chúng tôi đi một cuộc du-lịch xa-xăm trong thời-gian đề đến nơi lặn-cùng trong một xó tàn-tạ của dĩ-vãng. Pablo chỉ một túp nhà rách-nát trên sườn đồi, bảo : « Hồi trước, họa-sĩ Modigliani ở đây ». Chúng tôi bước chậm, chậm xuống lưng đồi, hướng về một mái nhà xám có một cửa sổ rộng xoay về hướng Bắc : « Đây là phòng vẽ

đầu-tiên của anh ». Chúng tôi quẹo sang bên phải và còn đi xuống lưng đồi, đường Ravignan. Pablo chỉ cho tôi một gian nhà hẹp, như thể một cái hộp đặt trên một gò đất, trong một khu vườn nhỏ có hàng rào che bọc chung quanh. « Thi sĩ Pierre Reverdy đã ở đây ». Sau cùng tôi thấy về bên phải, đường d'Orchamp với những nhà dù nhỏ-nhỏ và các cột đèn sắt xưa, y như một bức tranh thạch bản của họa sĩ Utrillo.

Chúng tôi đến một công-viên nhỏ, khá đẹp, có vẻ mơ buồn. Trước mắt chúng tôi là Hôtel Paradis, và bên cạnh có gian nhà hai tầng với hai cửa, tôi nhận ra ngay là Bateau-Lavoir. Pablo ngước đầu lên : « Đã tới đây rồi », và lấy ngón tay chỉ cái cửa sổ đóng kín, phía bên trái : « Họa sĩ Juan Gris đã làm việc ở đó ». Pablo mở cửa, chúng tôi vào nhà. Một mùi mốc meo xông lên từ các vách tường màu xám và màu nâu. Sàn nhà bằng ván đã hở nhiều đường, kêu rệu-rệu dưới gót giày của chúng tôi. « Bốn chục năm rồi vẫn không thay đổi mấy », Picasso nói, với một nụ cười gượng.

★ Hai Thi sĩ Apollinaire, Max Jacob, và một Lũ quỷ-sứ !

Một câu thang hẹp đưa đến tầng dưới. Pablo chỉ một cửa nhỏ : « Thi sĩ Max Jacob đã ở đó, gần ngay dưới phòng vẽ của anh. Bên cạnh là căn phòng của một chú bán hàng rong tên là Soriol. Một đêm, hai chàng Thi sĩ Max và Apollinaire, và một lũ văn nghệ sĩ nghịch như quỷ sứ ở trong phòng vẽ của anh. Tụi anh làm ồn-ào ác, liệt đến nỗi Soriol không ngủ được. Hắn la lên : « Ê! Lũ cút bò! Không để cho những kẻ làm việc lương-thiện nghĩ-ngợi một chút sao? » Nghe vậy, anh cầm cây gậy thật bự đập rầm-rầm xuống sàn gác của anh, — tức là trên trần nhà của hắn, vì hắn ở tầng dưới, — còn thằng thi sĩ Max thì rú lên : « Soriol, cái mồm của mi! Cái mồm của mi! Soriol! Cái mồm của mi! Cái mồm của mi! » Cứ như thế tụi anh làm ầm-ĩ lên một hồi thật lâu để cho hắn hiểu rằng tốt hơn là đừng có nhí-nhóe phản-đối. Từ đó về sau, hắn không hề than-phiên gì nữa ».

Pablo lắc đầu : « Max kinh-khủng, nó biết tìm luôn luôn chỗ

yếu của người ta ». Apollinaire mới thật là cái đích đề cho Max nhắm. Max biết cái lớp vỏ sắt-đá của Apollinaire có chỗ hở nào là hấn xung-kích vào chỗ đó. Mẹ của Apollinaire là một bà thầy bói hơi khùng-khùng mà bà cứ bắt người ta phải gọi bà là Nữ-Bá-tước Kostrowitzky. Nhưng Apollinaire cưng Mẹ lắm, và đứa nào nói xấu bà thì phải biết, hấn sùng-ôn như thế nào! Một hôm, Max làm bài hát bắt đầu mấy câu :

« Epouser la mère d'Apollinaire,

De quoi qu'on aurait l'air ?
De quoi qu'on aurait l'air ? »

« Cưỡi mẹ của Apollinaire,
Thì còn ra cái thứ gì mà « le » ?
Thì còn ra cái thứ gì mà le ? »

Bài hát đó không bao giờ làm xong được, vì Apollinaire nổi tam-bành lục-tặc, đuổi Max chạy trốn chết chung quanh bàn.

Apollinaire hơi hà-tiện. Một buổi tối, hắn mời Max và anh dùng bữa. Tình-nhơn của hắn là Marie Laurencin cũng có mặt ở đấy. Hắn có mua một khúc thịt xốt-xít khá bự và đã cắt ra 8 khoanh, — cho mỗi người

hai khoanh, anh nghĩ thế, — hẳn lấy ra để trên bàn nhưng không mời bọn anh. Hẳn và Marie Laurecain đã có vẻ say rượu, chắc hai người đã nhậu-nhẹt trước rồi. Sau vài phút ông bà đứng dậy đi xuống bếp. Max và anh ngồi chờ lâu quá, biết bao giờ mới được ăn cái xốt-xít? Bọn

anh bảo nhau mỗi đứa lấy một khoanh ăn trước. Lúc Apollinaire trở lại bàn, hẳn đếm các khoanh xốt-xít thấy mất hai, hẳn ngó hai đứa anh với cặp mắt ngờ-vực, nhưng không nói gì. Hẳn đoán biết là tụi này đã xơi rồi nhưng Max và anh cứ thản-nhiên như không. Hẳn cắt hai khoanh khác, để đấy. Rồi



Thi-sĩ Max Jacob
(nét vẽ của họa sĩ Modigliani)



Thi-sĩ Apollinaire

hẳn với Marie lại đi xuống bếp. Max và anh lấy ăn luôn hai miếng vừa mới cắt. Nhưng tụi anh vừa nuốt hết thì Apollinaire trở vào, đếm đĩa xốt-xít. Lại mất 2 khoanh. Hẳn lại cắt 2 khoanh khác rồi lại bỏ đi. Sau cùng lúc hẳn và cô tình-nhân trở lại ngồi bàn ăn thì cả đĩa xốt-xít đã hết sạch trơn, bọn anh mỗi đứa ngón luôn một lượt 4 khoanh!

Apollinaire lúc lăm, biết tụi anh chơi xỏ, nhưng không dám nói gì.

- * Một bài học ở đời :
một người bạn
gái già, khổ sở
- * Một cô tình nơn
cũ : Dora Maar

Pablo đưa tôi lên tầng gác trên. Đi một vòng cầu thang, chúng tôi đến trước một cái cửa trên đó có ghim một tấm danh thiếp. Ông ngó : « Anh không biết hiện giờ ai ở đây. Nhưng dù sao đây cũng là phòng vẽ cũ của anh ». Ông đặt một bàn tay trên cánh tay tôi và bàn tay khác trên hột xoài của cánh cửa. Ông bảo : « Chỉ vặn cái hột xoài này là chúng ta lại trở vào

trong thời kỳ xanh (1) Em có thiện cảm với thời kỳ đó thì đáng lẽ em đã phải gặp anh trong lúc đó. Nếu hai đứa mình quen biết nhau trong lúc anh còn sống ở đây, thì mọi việc đều đã tốt đẹp biết bao nhiêu, và chúng ta đã ở đường Ravignan. Nếu đã có em thì anh đã không bao giờ muốn rời bỏ ngôi nhà này ».

Ông vặn hột xoài, gõ cửa nhưng không có ai trả lời. Ông toan đẩy cửa vào, nhưng cửa đóng kín. Thế là thời kỳ xanh vẫn ở phía bên kia. Tôi nhớ lại ngày mà Pablo đã bảo tôi đến ở với ông trong gian nhà ở đường Grands Augustins, để chúng tôi có thể sống chung với nhau, lén lút.

Thỉnh thoảng ông còn nhắc lại ý nghĩ đó, một cách khác : « Em nên mặc một áo dài đen xuống sát đất, và phủ một tấm voan trên đầu. Như thế em sẽ không còn là của những người khác nữa, không ai

« Thời kỳ xanh, thời kỳ hồng »
(Epoque bleue, Epoque rose) là những danh từ đặc biệt để chỉ những giai đoạn biến thiên trong nghệ thuật hội họa của Picasso.
Lời chú thích của Tân-Phong.

đám si-mê em nữa. Dù họ chỉ thêm thường ngắm em bằng đôi mắt cũng không được nữa. Nếu có người nào quý giá, thì phải giữ người ấy cho riêng mình, bởi vì tất cả mọi dụng cụ cá nhân của họ với thế-giới bên ngoài đều chỉ có thể làm lu-mờ người đó đi, và có phần nào làm giảm mất chân giá-trị của người đó.»

Chúng tôi trở ra công-viên nhỏ, vẫn vắng người. Chúng tôi đến gần máy nước, ông bảo: « Lần đầu tiên anh trông thấy Olivier, nàng đang hứng nước ở phông-ten này đây » (2)

Chúng tôi bước xuống vài bậc tam-cấp, qua phía bên kia công-viên để đi vào một đường nhỏ sau Hôtel Paradis. Có một con đường riêng vào sân sau của ngôi nhà Bateau-Lavoir. Pablo dẫn tôi vào đó và chỉ cho tôi hai cửa sổ lớn: « Đó là phòng vẽ của anh ». Cửa sổ cao quá, đứng ngoài ngó lên không thấy gì cả. Tôi nhận thấy toàn thể ngôi nhà hình như sắp sụp đổ. Pablo bảo: « Từ xưa đến nay nó vẫn nát như thế nhưng vẫn không sụp. Nó đứng yên được vì thói quen ». Ông nói tiếp: « Khi anh sống ở đây, có một em bé, con gái của

chị gác cổng, cả ngày chỉ chơi nhảy giầy. Nó dễ thương quá đến nỗi anh muốn nó cứ bé nhỏ như thế mãi, đừng bao giờ lớn. Sau khi anh dọn nhà đi, có lần anh trở lại đây thăm cảnh cũ, anh thấy nó đã trở thành một thiếu-phụ bệ-vệ. Mấy năm sau anh trở lại lần nữa, thì thấy nó mập thù-lù. Rồi mấy năm sau, anh lại gặp nàng, nàng đã già. Thấy thế, anh buồn chán quá. Trong trí anh, nàng vẫn luôn luôn là con bé chơi nhảy giầy. Nhưng anh thấy rõ thời gian nhanh quá, và đường Ravnigan dài với anh bây giờ đã quá xa.

Pablo kể chuyện đến đó, bị xúc động mạnh, không muốn nói nữa. Ông im lặng nghĩ ngợi cho đến khi trở ra công viên nhỏ.

Chúng tôi lên dốc, đến đường des Saules. Nơi đây, sau khi gõ cửa một gian nhà, ông đẩy cửa bước vào không cần chờ đợi. Tôi thấy một bà già, gầy, bệnh hoạn và sún răng, nằm dài trên giường. Tôi đứng tựa vào cánh cửa, còn Pablo

(2) Olivier, một trong những người yêu cũ của Picasso.

đến gần nói nhỏ gì với bà. Lúc sau, ông để một ít tiền bàn. Bà ấy nói mấy lời cảm ơn, đôi mắt bà rưng rưng. Chúng tôi đi ra, Pablo không gì cả. Tôi hỏi ông tại sao đưa tôi đến thăm người bà ấy. Ông dịu dàng trả lời: « Anh muốn em học hỏi cuộc đời. Người đàn bà đó là Germaine Pichot. Khi bà trẻ, bà đẹp lắm, nhưng bà quá đau khổ một họa sĩ, thân của anh, đến nỗi anh phải tự tử. Khi anh ấy với đến Paris, những người đầu tiên mà tụi anh đã gặp là ông chú thợ giặt ủi, nàng thì ở công ở tiệm giặt ấy. Họ cho anh biết địa chỉ của nàng ở Espagne và nàng thường mời anh dùng bữa ăn trưa. Nàng

đã làm điên đảo si mê nhiều người rồi bây giờ nàng đã già, nghèo và khổ »

Pablo có hứa với tôi rằng mùa hè năm đó ông và tôi sẽ đi nghỉ mát ở miền Nam. Tôi nghĩ rằng nơi nghỉ mát sẽ là Côte d'Azur. Nhưng một hôm ông về phòng vẽ, bảo tôi: « Tụi mình đi nghỉ mát, và trước tiên sẽ ghé nhà Dora Maar (3), ở Ménerbes. »

Tôi cho ý-định đó là kỳ-cục. Đối với tôi, chuyện đó không lấy gì làm thích-thú, còn đối với nàng cũng thật là khó chịu. Tôi có tỏ ý-kiến ấy cho Pablo biết. Ông trả lời tôi theo một quan điểm quả thật là thực-tế: « Chính anh đã cho nàng ngơ ngác đó thì anh không hiểu tại sao anh lại không xử dụng nó? »

(còn 1 kỳ nữa)

(3) một trong những người yêu của Picasso.

(1) Picasso 26 tuổi, chưa nổi tiếng





nhạc ngựa

Mười năm hôn vấn vương
Quyện trện khói tỏa trầm hương lặng chờ
Bèo trôi năm tháng lững lờ
Vầng trăng hờ hững vui lời ru xuân

Ngất ngây phố thị reo mừng
Ngựa theo tiếng nhạc chiều buông thu tàn
Bước lên vầng nguyệt thiên đàng
In hình dáng mẹ chứa chan một lời

em nhỏ

Câu văng bóng ngựa chiều phơi
Hát lên em hát tuổi đời còn xanh
Sông Hằng tiếng sóng lãng quên
Hồn xưa còn đọng, trở thành, ải quan

Đôi xanh dưới ánh trăng tàn
Chèo leo vách đá, buồn hoang ngọn cờ
Tìm về non nước nghìn thu
Mắt em giông lệ trôi mờ trắng sao

Hát lên tiếng hát năm nào
Ngân hà nổi nhịp mái chèo khua vang
Tấu lên khúc hát trần gian
Tuổi đời, sắc nước mệnh mang vọng về

□ NGUYỄN-VƯƠNG



H... thân mến,

Anh viết thư này cho H...
giữa lúc cây đang thay lá, chồi
non lộc mới đang tua tủa đâm ra,
nhựa sống đang căng đầy trong
mạch máu trái tim của vạn vật.
Anh nghĩ đến H... thật nhiều
khi chiều, lúc anh bước xuống
một thung lũng đầy hoa và đầy
gió. Trong đời sống, trong tình
yêu của chúng mình, hầu như
chưa bao giờ chúng ta tìm được
một chỗ đi chơi vừa ý, một chỗ
trú chân cho tình yêu. Mỗi lần
hai đứa lên chiếc tắc xi, em
thường hỏi anh, chúng mình
nên đi đâu, và rồi anh trả lời

TÙY
BÚT

● HỒ - NAM

em chỗ nên đến thì em lắc đầu
vì những chỗ đó đều bất tiện
cho mình. Vì vậy mà lần cuối
cùng mình gặp nhau, hai đứa
phải chọn cái thành phố ba tàu
đón ào. Anh đứng dưới thung
lũng đầy hoa và đầy gió này và
nghĩ rằng chúng mình là những
kẻ lỡ mùa xuân của tuổi trẻ. Tuổi
trẻ của anh thì không còn gì
đáng kể nữa, tuổi trẻ của một
kẻ thất bại liên miên, tuổi trẻ
của một kẻ sống toàn bằng ảo
tưởng, vì thực tế buồn quá,
chán quá, vì một mình anh thì
bất lực, có thêm vài người anh
em nữa thì cũng chẳng hơn gì.

Anh đứng dưới thung lũng
này và nghĩ đến một câu nói của
H... Trong một buổi chúng mình
đi ra ngoài thành phố, H... nói

với anh rằng chúng mình nếu muốn làm gì thì nên bắt đầu bằng những đứa trẻ sinh năm 1965 này, may ra như vậy còn nuôi được một vài hi vọng là việc làm có kết quả, chứ bắt đầu bằng những người cùng trang lứa, thì một là họ khôn quá, hai là họ chán quá, ba là họ khờ quá, họ sẽ chẳng làm gì, hoặc làm ngược lại những hoài vọng của mình. Anh vốn là người ảo tưởng nên anh không đồng ý với H..., anh vẫn lẩn mình vào những việc mà đôi lúc anh biết là chẳng đi đến đâu chỉ thêm buồn thêm chán. Cái khổ của anh là sinh ra ở đời này không tìm được một thú say mê nào, nếu anh được như một vài đứa bạn anh, buồn quá đi uống rượu say, uống rượu như điên rồi văng tục như khùng, biết đâu tâm hồn lại chẳng vui đi được một phần buồn chán.

H... đã ra khỏi tình yêu của anh, anh đã bị trục xuất ra khỏi tâm hồn H., thật ra không phải do những lý lẽ của trái tim, mà do những lý lẽ rất lặt vặt của đời sống, những lý lẽ lặt vặt này đã làm cho H... không muốn nhìn thấy mặt anh và dĩ nhiên là anh,

một kẻ rất ảo tưởng nhưng một khi đã bực mình rồi thì lòng ái cũng nổi lên như điên và anh không đi tìm H..., mặc dầu có lúc nhớ H... đến có thể chết được và muốn gặp H... qua tiếng nói chỉ việc nhắc ống điện thoại là được nghe tiếng H... nói, là được thấy H... nài giã. Chiều hôm qua ngồi dưới thung lũng hoa vàng này, trong lúc mơ màng nghĩ đến chuyện tình yêu, một tên bạn anh mới từ Saigon lên, có kể với anh rằng H... có hỏi anh dạo này có buồn không. Anh xin trả lời H... rất buồn, buồn nhiều lúc có thể khóc được, nhưng H... ơi, nỗi buồn của anh không hẳn do tình yêu tạo thành mà nó còn có nhiều nguyên do khác nữa. Anh sống ở đây với những người biệt kích Thượng, anh sống ở đây với những đám mê thật khùng, đám mê đêm nay được bắn nhiều quả hỏa châu sáng chói, được nghe những tiếng bom nổ đinh tai bên kia núi, và sáng thức dậy được thấy cái tiền đồn khốn kiếp này vẫn chưa bị tràn ngập.

Những đêm bọn chúng nó

không đến quấy rối anh, nhưng đêm im lìm tiếng súng, anh nghe nổi chết như đang rình mò đầu đây, và những lúc đó, anh nhớ em, anh muốn điên lên về những hình ảnh em trong trí tưởng tượng của anh. Những đêm như vậy anh thường dẫn mấy người biệt kích Thượng ra rừng nằm, nằm như chết dưới những cội cây già ngửi mùi hoa lạc, nằm như chết dưới những cội cây già để nghĩ rằng mình không chết trong những công sự ẩm ướt, mình không chết như những con chuột.

Đêm nay một mình anh, với một chiếc máy siêu tần số và một khẩu súng tự động xuống thung lũng sương mù này ngồi tình tự với hoa cỏ trong bóng tối và trong rét mướt của đêm trừ tịch, anh nhớ tới người thứ nhất là em, sau đó là những thằng bạn đã chết, trong đó có một tên mới hai mươi ba tuổi đầu, nó đang học đại học sư phạm còn một năm nữa thì ra trường, nó là một loại người điển hình của hạnh phúc, học năm nào thi đậu năm đó, gia đình có tiền, muốn gì được ấy, nó có một người yêu nhỏ, người yêu rất vừa ý nó. Tóm lại nó là

một người tương đối đầy đủ tất cả hạnh phúc, nhưng nó vẫn thấy cuộc đời nhàm chán, nên nó đã lao đầu vào chiến tranh, nó đã chọn những chiếc xe thiết giáp và nó chết trong khối sắt lầm lì này khi nó cưỡi cỗ bé người yêu trong một đám cưới chạy tang vừa được hai tháng. Nó chết không một hồi tiếc, một buổi sáng, không phải phiên trực của nó, và đáng lẽ nó về Saigon với cô vợ xinh đẹp vừa có mang, nó đã lên xe thiết giáp thay thế một thằng bạn đã lao đầu vào tử địa. Nó đã chết một cách thản nhiên cùng cái khối sắt lầm lì của nó, nó đã ra đi để lại bao hồi tiếc cho bạn bè và người yêu. Một ngày kia anh cũng sẽ như nó nhưng chắc chắn không còn để lại một nhớ nhung tiếc nuối nào trong lòng H... như thế mà hóa ra hay đấy.

Sương đã xuống ướt đầm vai áo, nhưng một khi người biệt kích đã ra khỏi tiền đồn ban đêm thì phải chờ đến sáng mới được về, nên anh đành âm thầm căng chiếc võng lên một cành cây và đu đưa chiếc võng trong đêm tối để chờ đón mùa xuân về. Dĩ nhiên là mùa xuân này

là một mùa xuân buồn, nhưng biết làm sao. Trong khi anh đang chập chờn trong giấc ngủ thì tiếng súng nổi lên ở tiền đồn, hỏa châu sáng rực. Bây giờ mới chính là lúc cô đơn, khi người ta cô đơn thì người ta cần nghe tiếng nói của bất cứ ai, nên anh đã liên lạc với tiền đồn bằng chiếc máy siêu tần số trên tay. Nhưng vô tuyến điện ở tiền đồn đã hỏng, và tiếng súng địch mỗi lúc một gào lên thâm khốc. Không hiểu sao lúc đó đầu óc anh sáng suốt một cách lạ kỳ, chiếc máy siêu tần số trên tay được điều chỉnh lại liên lạc với tiêu khu xin tau bay xin trọng pháo. Xin được tàu bay, và trọng pháo rồi anh đi chuyển ngay vô một hóc đá và nằm im trong đó. Thật thú vị kinh khủng H... ơi, tiếng bom tiếng trái phá nổ như điên và anh thì được sống những phút đỉnh tai nhức óc nhưng mà khoái, khoái vì thấy nhờ ảo tưởng mà được sống thêm những ngày khốn kiếp.

*** DANH NGÔN**

Một con cừu cầm đầu đàn hồ ít nguy hiểm hơn con hồ cầm đầu đàn cừu !!

Thành ngữ Hy-Lạp

Cái buồn nhất là khi mặt trời mọc lên, bãi chiến trường chỉ còn thịt bầy nhầy và những khẩu súng gãy nát, anh trở về đồn làm kẻ sống sót duy nhất, lãnh nhận những chiếc huy chương, trong khi lòng mình khinh bỉ thân xác mình đến tột độ.

Mùa xuân đã về thật rồi, nắng trong, trời nhẹ, hoa nở và anh nhận được tất cả những quà xuân mà người ta dành cho cái tiền đồn này. Anh đã mang những thứ đó xuống thung lũng và chờ những người lính nói đến. Nhưng anh vừa đặt chân xuống thung lũng thì có lệnh được về hậu cứ, được đưa đi gần mà đây, được trở lại thành phố.

Lá thư này là lá thư thứ nhất và cũng là lá thư cuối cùng của anh gửi em mong em tìm được mùa xuân của đời người. Riêng anh chán và buồn hơn bao giờ hết nên chắc không còn cảm bút nữa. Thân mến. * ●

**thư
cho mùa xuân**

PHƯƠNG - TẤN

*** NỖI CHIỀM**

*Ơi xa cớ khởi phân chia
chừng bao dung cũng tiêu điều dấy lên
nghiêng thân bán thả đôi ghềnh
ôi con lòng nổi lênh đ'nh kêu chiều.
ý riêng anh lợi chặt chiu
một thân anh được bấy nhiêu mộ phần.*

*** * NHỮNG NGÀY Ở HUẾ**

*so chân ngồi kéo đỉnh trời
im im cõi cút về với phận con.
ôi em dạ những bồn chồn
sầu che sắc diện che hồn héo khô.
buồn sông bóng nổi cơ đồ
bao bùng phở đợi người xô dạt vào*

● ● ● NÓI VỚI CÁC EM

*và thân anh chảy qua cầu
hồn phơ phất vỗ rạo dưới xa.
tuổi tàn ơ tuổi sương hoa
hiu hiu buồn tại sầu xa lách vơ
đó hò reo nổi sấm sà
anh tay đất dạ tay che bóng mình.*

(Đà.nẵng)

T RUYỆN Tàu có ghi chép nhiều con ngựa lạ. Con nào cũng có kỳ tài và có cái tên nghe hay hay. Nào Vạn-Lý-Vân, Thiên-Lý-Mã, Hiện Nguyệt Long-Cu, Xích-Thổ, Huỳnh Biêu, Bảo-Nguyệt Ô, Chùy, Hô Lôi Báo, Một-Vĩ-Cu... Con nào cũng chạy như bay, như gió. Ngày đi ngàn dặm là lẽ thường. Có con lại còn có phép dị thường nữa.

Như con Hô-Lôi-Báo của danh tướng Thượng Sư-Đồ đời nhà Tùy (589 — 617), đầu ngựa, lông hùm, đuôi sư tử, có một chòm lông trên đỉnh đầu. Khi ra trận nếu gặp giặc quá đông, hoặc người tài cao hơn mình thì chủ ngựa Hô-Lôi-Báo nắm chòm lông giật mạnh. Hô-Lôi-Báo sẽ hét lên như sấm vang, làm những con ngựa tầm thường khác phải khiếp vía, công giặc quăng chủ xuống đất. Bấy giờ chủ ngựa Hô-Lôi-Báo mặc giết tha kẻ địch tùy ý.

Lại cũng có một con khá đặc biệt hơn nữa là Một-Vĩ-Cu của tướng Tả Hùng, cũng đời nhà Tùy. Ngựa này không có đuôi. Chủ của nó nếu không đánh lại địch, bỏ chạy. Địch đuổi theo gần kề. Bấy giờ, chủ nó đưa tay vỗ mạnh vào đầu nó. Một-Vĩ-Cu liền quì hai chân trước, hét lên một tiếng tức



thì có một chòm lông đuôi mọc ra ngay, quất nhanh vào đầu ngựa địch. Thế là đầu ngựa địch nát như tương. Tướng địch té, ngay xuống. Đánh trận bị té ngựa thì kẻ như rồi đời.

Truyện Tàu kể lại như vậy.

Có hay không ?

Chỉ biết nhà tiểu thuyết Tàu có tiếng là giàu tưởng tượng. Cũng như bây giờ, thời đại nguyên tử, họ vẫn còn tưởng tượng đánh bằng «chường». Ai muốn tin thì tin. Tin dễ chạy trốn thực tế hay an ủi nỗi bất lực của mình trước kỹ nghệ chiến tranh hiện tại... Hay để xen vào câu chuyện «trà dư tửu hậu»... trà loãng chơi âu cũng thích thú hay hay.

Bây giờ xin trở lại đầu đề, nói đến con ngựa Địch-Lư của Lưu Bị. Nó có liên hệ gì đến một triết thuyết định mạng của nhà tiểu thuyết đại danh Trung Hoa là La Quán-Trung, tác giả bộ «Tam Quốc chí»? Và truyện

NGỰA ĐỊCH - LƯ của LƯU - BỊ

MỘT TRIẾT
THUYẾT ĐỊNH MẠNG
CỦA NHÀ VĂN
LA QUÁN TRUNG
TÁC-GIẢ «TAM-QUỐC CHÍ»

chép về con ngựa này như thế nào ?

Ngựa Địch-lư sát chủ

Ngựa Địch-Lư, tác cao lớn vạm vỡ, vẻ cực kỳ hùng dũng. Dưới mắt ngựa, da dòn sâu như một cái vũng, trên trán có diềm trắng. Vòi mắt tầm thường, trông đáng ngựa, ai cũng nức nở khen.

Ngựa này nguyên của tướng Trương Vô ở Giang hạ bị tướng của Lưu Bị là Triệu Vân giết chết, rồi bắt ngựa này dâng cho Lưu Bị. Lưu Bị lúc này chưa có đất dung thân nên tạm qua Kinh châu, ở

* NGUYỄN TỬ QUANG

cùng người bạn là Thái thú Lưu Biều. Biều thấy Bị cưới ngựa Địch Lư tấm tắc khen ngựa mãi. Bị liền đem ngay ngựa tặng Biều. Biều thích lắm, cười về thành.

Mưu sĩ của Lưu Biều là Khoái Triệt vốn giỏi khoa mã-tướng trông thấy ngựa, liền báo Biều :
— Trước đây anh Khoái

Lương tôi rất giỏi xem tướng ngựa nên tôi hiểu đôi chút. Như con ngựa này trông vẻ hùng dũng nhưng dưới mắt có đường lõm sâu tức là « vũng chứa lệ », sách gọi là đường « luy tào », lại trên trán có điểm trắng, chính là giống Địch-Lư hại chủ, không nên cưỡi. Trương Vô đã vì ngựa này mà chết Sao Chúa công còn dùng.

Biều nghe lời, hôm sau mời Lưu Bị dự tiệc, nhân thế bảo :

— Hôm qua được hiền đệ cho con tuấn mã, ta rất cảm hậu ý. Nhưng nay nghĩ hiền đệ thường hay đánh dẹp đó đây, cần có ngựa tốt. Vậy xin hoàn lại để hiền đệ dùng.

Thế là ngựa Địch-Lư trở lại tay Lưu Bị.

Theo khoa mã tước của Khoái Triệt thì ngựa Địch-Lư vốn sát chủ Trương Vô đã chết vì làm chủ ngựa này. Lúc bấy giờ có quan Mạc tân Kinh-châu là Y-Tịch nghe được lời của Khoái-Triệt nên cũng khuyên Lưu Bị không nên cưỡi. Nhưng Bị bảo :

— Tiên sinh quá yêu mà dạy cho, Bị thâm cảm tấm lòng. Nhưng nghĩ rằng người ta sống chết do số mạng. Há con ngựa có thể hại nổi sao ?

Như vậy, Lưu Bị không tin ở ngựa sát chủ mà chỉ tin ở số mạng thôi.

... Nhưng Địch-Lư cứu chủ...

Thái Mạo là em vợ của Lưu Biều muốn giết Lưu Bị. Nhân dịp Biều đau, đặt tiệc mời Lưu Bị đến thay Biều đãi khách, một mặt sắp đặt quân lính bao vây để giết Lưu Bị. Y-Tịch vốn có cảm tình với Bị nên lúc tiệc nửa chừng, Tịch mật cho biết. Bị hết hoảng, liền giả đi tiêu, đoạn lên ngựa ra roi cho chạy như bay.

Ngoài thành, bà cửa đông, nam, bắc đều có quân mã đón chặn. Chỉ có phía tây, Mạo không để quân đóng giữ vì có ngôi nước to, hẳn cho rằng Lưu Bị có chạy đến đây cũng không sao thoát qua được. Lưu Bị được Y-Tịch cho biết phía tây không có quân của Mạo nên cứ nhắm phía đó mà buồm cương.

Mạo được tin báo, lập tức đem 500 quân đuổi theo.

Lưu Bị ra khỏi cửa Tây, chạy chưa được vài dặm đã thấy một cái ngôi lớn hiện ra trước mặt

Hết mất đường đi ! Ngồi này tên là Đàn Khê, rộng đến vài trượng, nước chảy cuộn cuộn ra sông Trương. Bấy giờ gió xô sóng đập khá mạnh. Lưu Bị đến bờ ngồi thấy không thể qua được, phải quay ngựa trở lại. Thấy xa xa phía tây thành bụi bay mù mịt, biết có quân đuổi theo, Lưu Bị tắc đầu, tắc lưỡi :

— Phen này thì chết mất !

Rồi chẳng biết làm sao nữa đành phải quay ngựa ra bờ ngồi. Ngoảnh nhìn lại thì truy binh đã gần tới. Lưu Bị sợ quá thúc ngựa lội liều xuống nước.

Ngựa lội mới được vài bước, bỗng hai chân trước sa lầy. Ngựa phục xuống, nước tràn lên ướt cả áo bào người cưỡi... Bấy giờ tiếng ngựa hí quân reo to mờ phía sau hầu như đã sát lưng. Lưu Bị hết hoảng quất mạnh vào đít ngựa ! roi, kêu lớn :

— Mày thật giống hại chủ ! Địch Lư ! Địch Lư ! Hôm nay mi đã hại ta.

Tiếng quát vừa dứt, con Địch Lư từ dưới bùn nước, bỗng vùng mình nhô lên, rồi vọt nhảy đến bờ trước, qua bờ phía tây. Lưu Bị cảm thấy như bay bổng trên mây

mù ; và khi mở mắt thì thấy mình đã qua khỏi Đàn-Khê.

Về sau, nhà thơ đại danh Tô Đông Pha (1036-1101) đã từng có làm bài thơ cổ phong vịnh chuyện « Vượt mã Đàn Khê ». Trong bài có những câu :

.....
Đào sinh độc xuất tây môn

Bối hậu truy binh phục trong
đảo.

Nhất xuyên yên thủy đướng
Đàn Khê.

Cấp sắt chinh kỳ vãng tiền kiều
Mã đề đạp phá thanh pha ly
Thiên phong hưởng xứ kim
tiên huy

Nhĩ bạn dẫn văn thiên kỳ tầu
Ba trung hốt kiến song long phi
Tây xuyên độc bá tỳ anh

Tọa thượng long cẩu tướng
ngô.

Đàn Khê, Khê thủy từ đông
giếm
lưu.

Long câu, anh chúa kim hà xứ ?
.....»

Tạm dịch :
«
Cửa tây trốn nạn ra đi.

Sau lưng quân đuổi càng khi
càng gần...

Đường cùng : sóng nước chắn
ngăn !

Đánh liều thét ngựa lội tràn
qua khe.

Vút roi trong gió như mè

Vó câu đập vỡ pha lê một giòng

Nghìn quân đuổi đến đùng đùng

Bồng từ dưới nước đôi rồng
bay lên :

Rõ ràng chân chúa Tây xuyên

Mình rồng lại ngựa trên yên
ngựa Rồng !..

Nước kia vẫn chảy về đông

Long câu, anh chúa giờ trông
nơi nào ? (1)

.....»

Địch Lư đã cứu chủ. Lại
được nhà thơ đại danh tôn là
ngựa Rồng.

Rời Địch Lư.. lại sát chủ.

Lư Bị đem binh đánh Tây
xuyên cùng với tả thừa tướng Bàn
Thống. Một hôm, cả hai cùng cưỡi
ngựa đi, bỗng con ngựa của
Thống quỵ xuống, hát chủ ngã
lăn ra đất. Lư Bị vội nhảy xuống
 đỡ ngựa của Thống lên, hỏi :

— Sao quân sư lại cưỡi con
ngựa yếu thế này ?

Thống nói :

— Tôi vẫn cưỡi ngựa này từ
lâu. Chưa bao giờ nó thế này.

Lư Bị bảo :

— Ra trận mà cưỡi ngựa sinh
chứng thế này thì ngay cho tính
mạng lắm. Con ngựa của tôi cưỡi
đây tính rất thuần thục, vậy quân
sư hãy cưỡi lấy, khỏi lo gì. Còn
con ngựa này để tôi cưỡi cho.

Bàn Thống tạ ơn, đoạn đòi
ngựa cho nhau.

Thống xuất trận.

Tướng của Tây xuyên là
Trương Nhiệm đem quân đóng
chẹn con đường nhỏ hiểm yếu,
mai phục chờ quân của Lư Bị
đến. Lại ra lệnh, hễ thấy người
cưỡi ngựa Địch Lư chính là Lư
Bị thì cứ nhắm vào đó mà bắn.

Bấy giờ Bàn Thống đương
rong ngựa tiến binh, bỗng gặp
chỗ đường hẹp, ngẩng đầu nhìn
lên thấy hai bên núi dựng đứng
như thành, cây cối um tùm, lại
đương tiết cuối hạ đầu
thu, cảnh lá xanh rì
rậm rạp thì rất ngại. Thống
gò ngựa lại, hỏi tả hữu :

— Đây là chỗ nào ?

Có tên quân Tây-xuyên mới
hàng, trở tay thưa :

— Chỗ này gọi là đồi « Lạc
Phượng ».

Thống kinh hãi, bảo :

— Đạo hiệu ta là Phượng Sồ.

mà tên đồi này là « Lạc » Phượng.
Thật bất lợi cho ta !

Đoạn truyền quân lập tức lùi
lại. Nhưng đã muộn. Trên đồi
phía trước, một tiếng pháo lịch
nổ vang tức thì tên bay ra như
châu chấu. Bao nhiêu cung nỏ cứ
nhắm vào người cưỡi ngựa Địch-
Lư mà bắn.

Bàn Thống, người và ngựa
đều chết trong chỗ loạn tên. Một
người có tài gần ngang hàng với
Khổng Minh mà phải hết trong
vòng 36 tuổi !

Vậy, ngựa Địch-Lư sát chủ,
lại... sát cả mình.

**Một triết thuyết định
mạng.**

Trương Vô vì ngựa Địch-Lư
mà chết.

Lư Bị vì ngựa Địch-Lư mà
sống.

Bàn Thống lại vì ngựa Địch-Lư
mà chết.

Mang tiếng, tội nghiệp cho
ngựa.

Ngựa có sát chủ không ?

Cũng như Lư Bị đã nói với
Y-Tịch : « Người ta sống chết do
số mạng, chứ đâu phải do ngựa »

Trong « Tam-quốc-chí » có
đoạn chép :

Trước một thời gian khi Bàn
Thống chết, trẻ con ở vùng đông
nam đất Tây-xuyên thường hát
bài đồng dao :

« Nhất Phượng tinh nhất Long.
Tướng tướng đảo Thục trung
Tài đảo bán lộ lý,

Phượng tử Lạc-pha đông.

Phong tống vũ, vũ tống phong.

Long Hán hưng thời Thục đạo
thông

Thục đạo thông thời chỉ hữu
Long. »

Tạm dịch :

« Một Phượng với một Rồng
Cùng nhau đến Thục trung.

Xây đến nơi giữa lộ,

Phượng thác Lạc-pha đông.

Mưa đưa gió, gió đưa mưa

Nhà Hán hưng thì đường Thục
thông,

Đường Thục thông, chỉ có một
Rồng ».

Lời đồng dao đã ứng nghiệm
vào việc Bàn Thống chết.

Cũng trong truyện chép : trong
núi Cầm bình có một bức dị nhân,
đạo hiệu là Tử Hư Thượng
Nhân biết việc sống chết sang hèn
của người, có mấy câu thơ tiên

doán thời cuộc lúc tướng Tây
xuyên đến hỏi :

Tả Long hữu Phượng
Phi nhập Tây xuyên.
Sở Phượng trụ địa,
Ngọa Long hăng thiên.
Nhất đắc nhất thất,
Thiên số đương nhiên.

.....

Tạm dịch :

« Một Rồng một Phượng
Bay vào Tây-xuyên.
Pượng rơi xuống đất
Rồng lên thanh thiên.
Một được một mất
Số trời đương nhiên. (1)

.....



* AO THEO MÙA

Bà khách : « Chẳng hay « một » mới của áo mùa thu năm nay ra sao hở ông thợ may ? ».

Ông chủ tiệm : « Dạ, thì như thường lệ : có hai kiểu : 1 kiểu bà không ưa và một kiểu giá rất là đắt quá ».

Bằng Thống đương nhiên
chết vì số mạng, chứ không phải
vì ngựa Địch-Lưu. Cũng như Lưu
Bị thoát khỏi chết cũng do số mạng.
Và, họ Lưu là chúa một cõi cũng
là ở số mạng cả.

Không có truyện ngựa thì không
thấy rõ số mạng. Cần tạo truyện
con ngựa Địch-Lưu, tác giả « Tam
quốc chí » muốn nêu lên một triết
thuyết Định-mạng bằng những sự
kiện vừa thực tế... vừa pha vẻ
thần bí.

Không ai hại được ai.

Tất cả đều Định Mạng. Do
Định Mạng. ● *

(1). — Bản dịch của Tử-Vi-
Lang.



NIỀM
ĐAU
THẺ XÁC

● NGUYỄN-THU-MINH

chiều thứ bảy. Những ý tưởng
bực-bội lúc ở nhà như tiêu tan.
Cuộc hẹn-hò với Hồng bỏ dở
cũng không may-may còn vương
bạn ở lòng. Hoàng cảm thấy
khôe-khoản và hồn-nhiên lạ, như
chưa bao giờ Hoàng được sống
trọn vẹn cho mình như hôm nay.
Từ những yêu thương vụn-vặt
cho đến cảnh sống thường nhật
phải chạy ngược xuôi để kiếm
miếng cơm, manh áo cũng thoát
ra khỏi con người Hoàng. Mà
như vậy là điều đáng mừng hay
chưa xót cho con người Hoàng
trong lúc này. Nhưng, dù sao,
Hoàng cũng tự thấy rằng đây là
một điều rất hiếm đối với chàng
từ ngày chàng lăn vào đời và biết
yêu thương.

Đang mải-miết say mê với ý
nghĩ của mình, Hoàng đi lẩn đến
đầu đường. Tự-do bao giờ không
hay. Và, khi một bàn tay vỗ nhẹ
lên vai Hoàng, kèm với một lời
chào, chàng mới kịp trở về với
thực tại con người chàng. Hoàng
tự nhận thấy một niềm đau xót
lần yêu thương tràn ngập lấy hồn.
Kịp nhận ra Hải, Hoàng chạy đáp :

CHIẾC taxi đưa
Hoàng đến đầu đường
Lê-Lợi thì dừng lại.
Bước xuống xe, Hoàng
hơi ngần-ngại đôi chút rồi tiến
lần vào làn sóng người đang xô
đẩy nhau trong cảnh chợ Tết của

— Cám ơn Hải, Hoàng vẫn khỏe. Chúng mình cùng ghé lại Pagode ngồi chơi đi !

Hải mỉm cười :

— Cũng được, nhưng thư thả... Bây giờ chúng ta xuống trở lại Lê-Lợi đã. Nghe đâu có một đám người đang biểu tình hoành-hô, đã-đạo gì thì phải.

Một anh bạn Hải, xen lời :

— Nên trở xuống xem cho biết. Máy khi mình được chứng kiến một cách khách quan như vậy !

Nghe vậy, Hoàng cũng biểu đồng tình. Thế là cả ba không hẹn mà nên. Nhưng vừa đến ngã tư đường Công Lý, Lê Lợi thì gặp ngay đoàn biểu tình thật. Trông họ đi rất vui thích, cuồng nhiệt lạ thường, khiến Hoàng chợt có ý nghĩ hơi thắc mắc nên quay lại hỏi Hải :

— Đây, theo hai cậu thì chúng mình đi chơi không mục đích như vậy thích hay là những người kia thích hơn ?

Hải đáp nhẹ vào lưng Hoàng đáp :

— Dĩ nhiên là chúng mình thích hơn. Cái tự do của chúng mình là ở đây. Cũng như cậu

chiều nay được lang thang một mình vậy. Không vương chân vương cẳng vì người yêu... và một trăm thứ phiền phức không vây quanh đầu óc cậu, nào là tiền cơm, tiền nhà, tiền... tự do chơi và nói.

Hoàng nhìn Hải chưa kịp phát biểu ý kiến thì ông bạn góp chuyện :

— Theo mình thì ai cũng có lý. Chính họ muốn hoan hô, đã đảo bằng thích, không ai cấm đoán, đấy, là tự do. Chỉ sợ mỗi điều là muốn nói cũng không được, muốn đi cũng không được thôi.

Hoàng không đáp, không góp ý kiến gì, nhưng một ý nghĩ chợt đến với Hoàng khi nhớ lại câu nói của một đại văn hào Âu phương mà chàng quên tên, nói đến hai chữ tự do : « Chúng ta ở vào một nơi nào, một quốc gia nào mà thấy rằng nhiều người cùng chung một hành động, việc làm... thì ta có thể nói rằng ở đây đã thiếu hẳn tự do, mằm độc tài trong ấy đã có ! ». Nhưng liệu, ở trường hợp này, Hoàng có thể nhận xét theo câu nói ấy không ?

Đứng xem đoàn người biểu tình đi qua xong, Hoàng, Hải và ông bạn rủ nhau trở lại Pagode tâm

tiện. Nhưng lần này Hoàng cảm thấy ít vui và đầu óc không còn bình tĩnh như lúc đặt chân xuống taxi ban nãy. Và một niềm yêu thương trở đến với Hoàng khi nghĩ đến Hồng, mong rằng những sự chờ đợi dang-dở vừa rồi sẽ không xảy ra điều gì làm khổ cho Hồng và cho chính chàng, nếu nằng đến không có Hoàng ở nhà, vì Hoàng không muốn nằm nhà để nhìn ruồi, muỗi và một bầy chó của những nhà hàng xóm đang tranh nhau một khúc xương làm vang dậy cả xóm. Hơn nữa, đã làm phiền lòng hai cô láng-giềng vì một câu nói vô tình, mỉa mai đời của người bạn chàng khi hai con chó của mấy cô ả nhảy lại cắn anh ta.

Ngồi ở Pagode mãi cho đến khi đèn đường bật sáng, ba người mới chịu chia tay nhau ra về..

Bóng đêm vẫn không làm Hoàng sợ hãi, lo âu, nhưng trái lại cũng không đem đến cho Hoàng chút sung sướng, tự do theo ý muốn nào.

Và, lúc ấy Hoàng muốn hét thật to, la thật lớn rằng tại sao chàng vẫn khổ sở, đau buồn như vậy, dù là đau buồn trong tâm tưởng, ý nghĩ về cuộc đời hôm nay !

Gió đêm từ bờ sông lộng vào thành phố lạnh lạnh. Hoàng kéo cao cổ áo, lấy thuốc ra châm hút. Rít một hơi dài, nhả khói tan biến vào khoảng đêm, đã làm lòng Hoàng hơi ấm áp.

Tiếng kèn trompette từ một vũ-trường vọng xuống đầy quyến-rũ nhớ thương lạ thường đối với Hoàng. Chàng định tiến thẳng về phía ấy, nhưng lại thôi, khi nhận thấy đằng xa có một bóng dáng quen thuộc.

Quãng cách giữa Hoàng và bóng dáng ấy không còn xa thì Hoàng đã nhận biết ngay là Nga, một vũ-nữ, bạn của Liễu, cũng là một vũ-nữ, người yêu của Hoàng ngày nào ! Nhưng bây giờ trông Nga khác xa quá ! Thời gian thật là tàn-ác, ghê tởm ! Con người của Nga ngày nào, giờ đây trông không còn là một con người nữa !

Hoàng thấy vậy định đến gặp Nga để hỏi thăm, bỗng một người khách lạ từ đâu từ tới. Hai người nói chuyện tuy vừa đủ cho nhau nghe nhưng Hoàng cũng cảm nhận được trong câu chuyện của Nga và người khách. Điều mà Hoàng biết chắc không ngoài sự mặc cả việc đòi chác về

thề xác của hai người.

Thấy vậy, Hoàng không đủ can đảm đứng lại để nghe câu chuyện đến hồi kết thúc, vội tạt sang đường khác, và quyết tâm về nhà, dù phải chịu cô độc, những suy tư về đây về con người chàng — một con người đã phải chứng kiến nhiều đau khổ của kiếp sống hơn vui sướng — đây ràng buộc hơn là tự do.

Gió về khuya càng lúc càng lạnh. Hoàng vẫn lầm lũi bước. Tiếng gót giầy chàng nện xuống đường phổ như những tiếng kêu than. Âm thanh thật rộn người, nhưng Hoàng không thề từ bỏ, chạy trốn, mà là cả một sự gắn bó lấy Hoàng như bóng với hình, như sự sống cần phải có cơm ăn, áo mặc và nước uống. Cũng như sự tự do và độc tài luôn luôn kèm hãm lấy con người muốn sống, được sống, dành sống!

Con đường về nhà dài heo hút bóng đêm. Khung trời như đồ xuống, cái lạnh như bao quanh lấy Hoàng, thấm vào da thịt đến độ buốt người làm Hoàng nổi cơn ho. Cây như cao lêu khêu thêm lên, lá dừa dầy lớp lớp xào xạc, tựa tiếng rên xiết của những oan hồn. Cái tê lạnh sợ người cứ thế chùng chất lên

người Hoàng. Đường càng đi càng trống vắng. Xa xa về phía nhà thờ, ngọn đèn đỏ của sở bưu điện như hai cặp mắt cáo rình mồi trong bóng tối dày đặc. Bỗng một tiếng thảng gập của chiếc xe Taurus trở đến bên cạnh Hoàng. Một đầu người nhô ra :

— Lang thang đâu về đấy ?

Hoàng nhận ra Thành, đáp gọn :

— Xem biểu tình, chợ Tết.

— Không đi đâu sao bồ ?

— Không.

— Bây giờ muốn đi... không ?

— Nhưng tao cần tiền rồi !

— Tao còn.

— Mà thôi. Tao muốn về nhà nằm ngủ mấy ọ.

— Dở thế ! Lên đại đi với tao, chốc nữa hãy về. Tao cũng về với mày. Ở lại mày được chứ ?

— Được. Hẹp bụng chó hẹp gì nhà !

— Nhưng liệu có làm rầy mấy cô bạn quý hàng xóm của mày không ?

— Không đâu.

— Đôi khi tao thích làm rầy mấy cô ả quá !

— Không nên. Mày không sợ mấy con chó của mấy cô ả sao ?

— Tao ghét chứ không sợ. Thăng Minh nó hờn lắm. Mỗi lần đến đây, nó thường nhắc mãi một câu : « Con người đã không mấy tốt với nó đã xong, đến con chó của chủ nhà mày ở, cũng ghét nó nốt ! » Do đó mà tao muốn trả thù giúp Thăng Minh, bằng cách ghẹo lại chủ của nó.

— Không nên.

— Mày vẫn dùng hai chữ không nên hoài. Vì sao mà không nên đã chứ ?

Xe đang đỗ xuôi về miệt Chợ lớn. Đến ngã tư Nguyễn-Trãi, Nancy thì Thành đổi ý, cho xe quay trở về.

— Thôi, về nhà ngủ nghe cậu ?

— Ừ ! Tao đang cần ngủ đây.

— « Sức mấy » mà ngủ được vậy ?

— Thèm ngủ mấy ọ.

— Hôm qua đi suốt sáng sao ?

— Không.

— Thế tại sao lại muốn về với ?

— Đã nói là thèm ngủ mà.

— Thôi được. Tao chịu theo mày.

Vừa dứt câu, Thành đập thêm

ga cho xe chạy nhanh hơn. Gió đêm lộng vào cửa kính làm Hoàng bưng cả ốc và ngáp ngủ, bèn dựa ngửa ra thành ghế lim dim đôi mắt, tưởng nhớ đến Hồng, đến những sự việc Hoàng đã chứng kiến hồi chiều, lắm khi hài và đều già ! Cuộc đời thật lắm bất công và tội tệ ngoài sức tưởng tượng của Hoàng.

Đến nhà, Hoàng nhẹ tay mở cửa, quay lại Thành hỏi :

— Chắc chắn ở lại đây với tao chứ ?

— Ừ. Đ... mẹ, cuộc đời thật chán ! Mà lạ, sao chó của chủ nhà mày đâu rồi, không thấy chạy ra cắn tao một miếng cho vui ? Cứ nhờ Thăng Minh mà cắn, thật tội cho nó quá !

Hoàng bật đèn lên xong, nhia vào Thành nói nửa đùa nửa thật :

— Thân mày không lo, đi lo cho kẻ khác. Tao xem mày có vẻ yêu thương hơn Thăng Minh đấy, liệu hồn !

Thành nhún vai cười, nằm lả ra giường, đáp gọn :

— Cám ơn, tao mong lời mày nói đúng.

Hoàng cười :

— Thường gì... tao nói thêm cho nghe.

Thường mầy một châu... em út.

— Lúc nào cũng thấy mầy nhắc đến gái! Sao bệnh hoạn thế!

— Cuộc đời tao chỉ thu gọn có thể thôi. Giữa đời này có gì đáng giá hơn đâu? Tội gì không hưởng cho tận cùng, rồi chết!

— Mầy nguy biện!

— Cái đêch gì lại nguy biện. Yêu đương vợ vãn, trong sạch như mầy mới...

— Tao không nói mầy phải... như tao. Mỗi tháng có một lối sống. Nhưng mầy bị lệ thuộc về đàn bà quá!

— Lễ sống của tao là đó. Ngoài ra đều không đáng kể. Thà tao chết dưới tay đàn bà còn hơn...

Bống có tiếng chó tru đêm của nhà bên cạnh làm Thành bỏ lửng câu nói. Hoàng lặng lẽ đi lấy nước uống. Thành móc túi lấy thuốc ra mời Hoàng, cười đùa:

— Đời tao... thú thật rằng tao sống cho tao trước nhất. Bất cần đời. Bất cần ai khen, chê. Đạo-dức, lý tưởng khi gì ở đời mầy.

— Mầy có vẻ hờn đời dữ thế?

— Tao không hờn, cũng không mến, thích.

— Mầy ưa chết là phải.

— Ừ. Nhưng chết sớm hơi uổng, để tận hưởng thêm một ít nữa đã.

— Rồi cũng chết, chẳng đem theo được gì.

— Vì vậy mới cần chơi cho đã!

— Mà thôi. Tao về vậy. Đêm nay nằm đây e tao chết mất.

— Tao giết mầy sao?

— Không.

— Vậy sao lại về?

— Về đề...

— Lại nhắc đến gái.

— Đúng. Tối nay không có chắc tao xiêu luôn.

— Mầy làm như chết đuối mấy năm ở rừng mới được về thành không bằng.

— Hơn nữa chứ bằng đã may. Thôi, tao đi nghe mầy. Không thấy chó của mầy cô ả ra sủa, chắc tao hên lắm!

— Mầy ra khỏi cửa nó sủa cho xem!

— Nó sủa tao sẽ thương chú nó ngay.

— Đừng nói vậy, mầy cô ả còn thức nghe thì nguy.

— Mầy như vậy mới khổ vì đàn bà đó. Cái gì cũng giữ gìn còn thú nổi gì. Đem liệng cho xong.

— Ừ, mầy muốn sao thì muốn.

— Muốn mầy đi với tao bây giờ đây.

— Xin can.

— Khỏi can ở nhà mà ngủ. Đừng sống theo lối tao mà khổ.

Dứt lời, Thành mở cửa bước nhanh ra ngõ. Bóng đêm như nuốt trửng lấy Thành, mờ dần, mờ dần theo tiếng bước chân trên sỏi đá cho đến khi mất hẳn. Xa xa vẳng lại tiếng chó tru đêm vô cùng náo nức.

Hoàng bình thần nhìn ra khung cửa sổ. Trời buổi sáng thật mát và đẹp. Sự yêu đời trở về với Hoàng bằng tất cả cảm mến của tim óc. Hình ảnh Hồng lại hiện ra trước mắt đầy dịu hiền. Máu trong người như căng lên, tim Hoàng đập mạnh. Tình yêu thương Hồng trời dậy mãnh liệt kèm theo một ít xót xa. Ý nghĩ này khiến Hoàng phải đến tìm Hồng. Tìm Hồng cho bằng được, đề hỏi nguyên do tại sao chiều qua không đến thăm anh. Nhưng, qua một phút suy nghĩ, đắn đo,

Hoàng ngồi lại bàn viết đề lấy lại bình tĩnh.

Có tiếng người hỏi ở bậc thềm vẫn không làm Hoàng chú ý. Mãi đến khi bóng dáng người đàn ông hiện ra bên cạnh, anh mới ngẩng đầu lại nhìn, cười hỏi:

— Chà, lâu ngày nhỉ! Lúc này khá không?

Quân vẫn dáng điệu hào hoa muôn thuở, tươi cười đáp:

— Bình thường. Còn cậu thế nào? Đạo này hết đối rạch rồi chứ?

— Đỡ hơn nhiều.

— Thế cũng mừng cho cậu.

Rồi như nhận thấy điều gì khác lạ ở Hoàng, Quân hỏi tiếp:

— Tớ hơi vô ý. Cậu định sửa soạn đi đâu sao?

Qua một phút ngẫm nghĩ, Hoàng đáp nhỏ:

— Định ra Bô Na chơi thôi. Sáng chủ nhật mà!

— Vậy thì đi. Tớ cũng muốn dạo phố xem thiên hạ cho đỡ buồn đây.

— Cậu mà cũng có chuyện buồn à?

Quân nhún vai cười nửa miệng:

— Bộ trên đời này chỉ mình

cậu mới có chuyện buồn sao? Lâu lâu mới có dịp rồi ghé thăm mấy tâm sự với mày cho đỡ nhớ. Tao thú thật là ngoài mày ra, không có ai thân và chịu nỗi tao cả. Vì lối

sống của tao khác mọi người lắm. Làm những việc mà thiên hạ ít ai làm, ít ai khen!

— Cậu lại ưa lý luận rồi!

— Tớ mà lý luận. Sự thật là



vậy mà. Tớ hỏi thật, nếu tớ nói cậu biết việc làm của tớ hiện nay, cậu có chê cười, ghê tởm mình không? Liệu có còn làm bạn với mình không?

Hoàng hơi thắc mắc, đáp:

— Bậy nào, việc gì phải chê cười ai. Cuộc đời này... tranh nhau mà sống được là may rồi!

Quân hình như chờ Hoàng nói thế để tâm sự. Cái tâm sự của kẻ được dịp nói ra những nỗi ảm ức của lòng mình và được người khác vui lòng nghe. Giọng nói của Quân lúc này trầm và thảng lạ lùng:

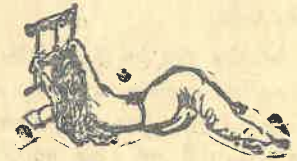
— Mình đang làm một chủ thầu cậu à.

— Nói thế, chắc cậu giàu nhiều.

— Việc đó hẳn nhiên rồi! Nhưng không phải thầu nhà cửa vật liệu mà là thầu... em. Tìm những em nào trông được, và bằng lòng, rồi may sắm cho em ăn mặc đàng hoàng, xong trung gian cho em dễ chia nhau hưởng.

Hoàng hơi rờn rợn người khi nghe những lời này thoát ra từ miệng Quân, con người mà ngày trước sống rất lý tưởng và giàu niềm tin ở cuộc đời hơn ai cả, kẻ trong số bạn bè thân của chàng.

— Cậu can đảm đấy. Hoàng chỉ nói được có thế. Và Quân vẫn tiếp tục kể một cách say sưa, không cần để ý đến lời nói của Hoàng vừa rồi.



— Cuộc đời này chỉ là sự đời chác thôi. Khôn thì sống, dại thì chết. Có ai thương mình đâu. Hơn nữa, cậu thử nghĩ việc làm ấy có gì là không lương thiện. Mình cũng tốn công tốn của vậy, lại còn giúp người ta thoát khỏi cảnh nghèo khổ, rúng bán mà gọi là không lương thiện thì trên đời này việc làm nào mới lương thiện? Cứ để người ta sống nhục, sống khổ, chẳng chịu giúp đỡ còn chê cười mới không lương thiện chứ! Đàng này còn có sự thỏa thuận và vui thích nữa là khác. Chúng ta không nên chê trách ai cả. Chỉ có một điều: là chà đạp lên nhân phẩm của kẻ khác để

sống sung sướng lấy
 mình, cướp của giết người và
 xúi giục kẻ khác làm theo ý mình
 một cách ngông cuồng, đề thủ
 lợi mới là không lương-thiện. Nói
 vậy không phải đề binh vực cho
 mình đâu ! Chê, khen với mình
 đều thừa.

Hoàng vẫn im lặng ngồi nghe
 trong buồn chán và tuyệt vọng.
 Cuộc đời thật đáng ghê tởm, xấu
 xa quá, thế mà con người vẫn
 phải nối tiếp tranh giành nhau,
 lừa bịp nhau để sống. Việc làm
 của Quân có đáng trách chăng ?

Ngoài trời, nắng đã lên cao.
 Sự oi bức đã phủ đầy trên mọi
 vật. Tiếng chó lờng lộn cắn nhau
 vang rền khắp xóm. Nhà bên
 cạnh bỗng có tiếng cãi vã
 nhau của đôi vợ chồng về việc
 làm ít ăn tiêu nhiều, gây nên
 một cảnh tượng vô cùng bi thương,
 khiến Hoàng không tài nào chịu
 đựng nổi. Có lẽ Quân cũng nhận
 thấy vậy nên vội thúc giục Hoàng :

— Đi cậu. Ngồi mãi ở nhà
 này chắc mình ngạt thở mất. Rồi
 như nhớ đến việc gì, Quân vội
 hỏi :

— Cậu lúc này thế nào ? Tở
 sinh thật, nếu cậu không chê.

mình gọi cậu một ít
 tiêu tạm. Minh lúc này
 không dám nói là giàu, nhưng
 cũng chẳng đến đói nào.

Vừa nói Quân vừa móc ở túi
 quần ra một phong bì, đặt lên bàn :

— Chia xẻ nhau chút ít chả
 đáng là bao, cậu đừng ngại.

Hoàng lắc đầu từ chối :

— Đừng làm thế. Khi nào cậu
 mình sẽ hỏi.

Quân nhìn Hoàng với sắc mặt
 lạ lùng, thiếu não, tưởng chừng
 trên đời này không tìm ra kẻ thứ
 hai có dáng mặt như vậy, khiến
 Hoàng càng ngờ ngáe thêm. Rồi
 với giọng trầm buồn, Quân nói :

— Cậu nhận cho mình vui. Chỉ
 có cậu hiểu được mình, mình mới
 không ngại ở điều đó. Thôi, mình
 đi trước nhé. Trả cậu về cho
 người tình của cậu, hôm khác hẳn
 đi với mình.

Hoàng không nói một lời nào,
 chỉ nhìn Quân cười thương cảm
 theo bước chân của Quân xa dần
 rồi mắt hút ở cuối ngõ.

Xa xa, từng tiếng chó sủa dồn
 dập hòa lẫn tiếng cãi vã của hai
 vợ chồng người hàng xóm còn kéo
 dài chưa dứt. Và lòng Hoàng tự
 đứng đau buồn hơn bao giờ hết.



ngựa trong nghệ-thuật

HỘI-HỌA

● LÊ-TRĂNG-KIỆU

Đặc-tính của Ngựa

Ngựa là một giống linh-vật,
 và bất cứ ở thời nào cũng có
 một giá-trị đặc biệt. Ngựa lại là
 biểu-hiệu cho tinh-thần tiến-
 thủ.

Ngựa kỳ, ngựa kỳ... đi được
 con đường ngàn dặm.

Ngựa tuần có giá-trị ngàn
 vàng.

Ngựa bạch-câu ví với người
 hiền cao-thượng. Ngựa Xích-thố
 giúp cho Quan Võ lập thành
 chiến-công. Ngựa thần-mã, dựng
 điềm lành cho Vua Hán Võ Đế.
 Ông Bá Nhạc, nhờ xem tướng

ngựa mà nổi danh ở Kỳ Bắc.

Bởi vậy người ta mới đề loài
 ngựa đứng đầu loài lục súc, và
 người ta cũng vì con ngựa hay
 gặp người cội giỏi, cũng như
 tôi hiền gặp được vua thanh.

Ngựa còn có một lương-trí
 đặc-biệt hơn các con vật khác,
 là ngựa cha có tinh, ngựa con
 có hiếu, dù cách xa nhau mấy
 cũng biết mẹ con. Cho nên anh
 em, chị em (ngựa), chung một
 chuồng không hề cắn đá nhau.
 Đối với chủ nhà rất trung thành
 phục tùng mệnh lệnh. Đi xa
 mấy cũng nhớ đường về.

Một đặc tính của ngựa : bao giờ cũng đua tranh, không hề lùi bước, hình như cho sự nhượng bộ là bất tài. Lại một tính chất siêng năng từ nhỏ đến lớn, đến già, chỉ biết chạy và đứng, không bao giờ chịu nằm lì, chực ăn như loài trâu, dê, heo, chó.

Vi những đặc tính của ngựa như vậy cho nên người ta rất ưa. Người ta thích chơi tranh ngựa, trong nhà Trung Hoa thường treo tranh ngựa. Các họa sĩ cũng đua nhau vẽ ngựa. Có nhiều họa sĩ Đông Tây cổ kim, nhờ vẽ ngựa mà được nổi danh, chẳng hạn ở Trung Hoa, Hàn Cán đời Đường nhờ bức tranh ngựa « Mực mã đồ » mà vua biết mặt, chúa biết tên, danh để muôn đời. Các bức cổ họa của Hàn Cán có một giá trị không thể lường được. Người ta tranh nhau sưu tầm và đề dành trong những bảo tàng viện quốc tế.

Hàn Cán nhà họa sĩ chuyên về Ngựa.

Sách cổ thư Trung quốc chép rằng: Hàn Cán (an Kan 720—780) người đất Lam điền tốt ngọc, chuyên vẽ cầm thú, nhất là ngựa. Nhà nghiên cứu tranh Tàu họ

Đoàn, xem tranh tàu bình luận rằng « như bức Mực mã đồ » của ông, có thể coi là kiệt tác : tinh - tế, cân xứng, hòa hợp, có bề thế, không khác nào ngựa của Francesca hay Ucello thời Phục Hưng Ý ; và nếu so với người cùng vật của nhiều họa-sĩ Âu-châu đồng thời, thế kỷ thứ VIII, thì quả thật hội họa Tàu đã vượt rất xa hội họa Gothique hay Roman.

Theo truyền thuyết thì Hàn Cán, đồ-đệ trực tiếp của Tào Bá, họa-sĩ chuyên về ngựa, dường như xuất thân nghèo, phải làm công cho một cửa hàng rượu, tức là nơi mà thi họa sĩ Vương Duy (chàng Vương này ta rất quen với câu « Nét đan thanh bức chí chàng Vương » trong C. O.) và các bạn của Vương thường ngày đến mua chịu rượu để mang theo những cuộc du-ngoan. Một lần Hàn Cán đến thu tiền rượu tại nhà Vương Duy, và trong khi chờ đợi, có vẽ nghịch xuống cát những hình người, ngựa. Ngạc nhiên thấy cậu bé có tài và có khiếu về hội-họa, Vương Duy liền cấp cho Hàn Cán một số trợ giúp hàng năm là 20.000 quan tiền và trông nom việc học vẽ của cậu trong khoảng hơn 10

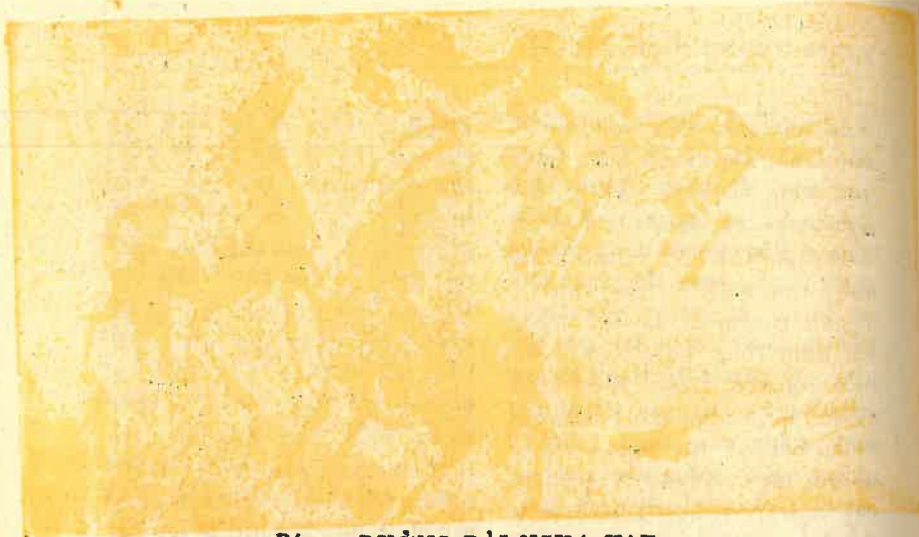
năm. Đến giữa niên hiệu Thiệu-Bảo (742 - 755), Hàn Cán được vời vào Triều và được lệnh học phép vẽ ngựa của Trần Hoàng. Nhưng một hôm, Đường Minh Hoàng nhận thấy Hàn Cán vẽ khác hẳn lối của thầy, liền hỏi vì sao lại có thể như vậy được, thì Hàn Cán trả lời rằng : « Thần đã có những thầy riêng của thần : đó là những ngựa trong các chuồng của Bộ Hạ ». Câu này, về sau, trở nên một trong những danh ngôn của lịch sử mỹ thuật Trung quốc. (Tài liệu của Vũ Điền trong bài khảo cứu về sáu nguyên tắc hội họa của Tạ Hách)

Trong những bức vẽ ngựa (Vũ Điền VHNS. 81) của Hàn Cán có bức Chiếu dạ Bạch (Tchao Ye Po) của sưu tập Sir Percival và Lady David ở Luân Đôn là giá trị nhất. Bức này tả một trong những con ngựa quý của Đường minh Hoàng, hẳn là bức tranh khá cũ và có bị sửa chữa vài chỗ. Đây là hình một con ngựa tơ giống Mông Cổ. Bị cột vào một cọc, nó có vẻ tức tối, hung hăng nhảy động, bồm xù, đầu ngửa lên mà hí. Nhưng về ấy chỉ được nhận thấy rõ ràng ở phần trước như đầu, cổ, còn

móng và chân thì lại kém đẹp, có lẽ vì những chỗ hư đã được sửa không khéo. Đã thế, đuôi lại thiếu. Phải nên chú ý đến phần đẹp thì mới thấy con ngựa này đáng do một bức thầy vẽ. Đầu nó khiến ta liên tưởng đến những đầu ngựa đẹp nhất làm bằng đất về thời hậu Hán, vì đã được vẽ theo một kiểu thức cổ sơ. Trên bức họa này, ta thấy có nhiều dấu triện. Đó là những triện của các danh-nhân các thời như triện của Trương Ngạn Viễn, của Mễ-Phế, của Vua Càn-Long, v.v... (xin xem hình chụp).

Sau Hàn Cán, họa-sĩ Trung Hoa cũng nhiều người chuyên về ngựa nữa, nhưng không ai được coi là tinh-tường bằng Hàn Cán. Nghiên cứu qua Hàn Đường Tống Nguyên Minh Thanh, trong nhiều hội họa tuyển tập, ta thấy họa-phẩm về ngựa, nhưng tiếc rằng chúng tôi không có thể chụp in lại ở đây.

Các họa-sĩ Trung Hoa nổi danh Bắc phái hay Nam phái đời nào cũng có người thích vẽ ngựa. Ngô Đạo Tử đời Đường chẳng những giỏi về ngựa, mà còn chuyên về Rồng. Nhiều



Bức « ĐƯỜNG DÀI NGỰA HAY »

Hội họa độc đáo (monotype) của Trần-Quang-Hiếu

Bức « CHIẾU DẠ BẠCH » của Hàn-Cán (720-780). Tranh vẽ bằng mực và được tô nhẹ bằng màu. Cao 0m30, ngang 0m35. Sưu tập của Sir Percival và Lady David ở Luân-Đôn



NGỰA TRONG NGHỆ THUẬT

giai thoại chép rằng ngựa trong tranh của Hàn Cán có lần đã vượt khỏi nền tranh giấy, cũng như Rồng của Ngô Đạo Tử có lần bay ra ngoài nền tranh lụa.

Các họa sĩ có tài và nổi tiếng dưới thời Bắc Tống như Lý Thành, Quách Hi, hay Cự Nhiên đời Nam Tống, hoặc Ngô Trán thời Nguyên, Thâm Chu, Ngô Vĩ đời Minh, Chú Đạp (một nhà tu, có nét vẽ rất ngang tàng, thường lúc say ngày ngất mới vẽ) Ngô Lịch đời Thanh, hay Nhiệm Di, Nhiệm Hùng thời Cận đại v.v... đều là những họa sĩ hữu danh trong lịch sử hội họa Trung Quốc và đều có nhiều tác phẩm về ngựa được chú ý.

Trong các môn phái hội họa bình dân Trung Hoa, còn có nhiều họa sĩ vẽ phổ biến (in thạch bản, bản rở) những sự tích « ngựa », trong các pho truyện Tàu. Các tích ngựa này kể ra không ít. Trong truyện Tàu, đời Tam Quốc có ngựa Xích Thố trước của Lã Bố, sau về tay Quan vân Trường; ngựa Địch Lư của Lưu Bị. Xướng đến đời Tùy thì Tần thúc Bảo có con Hoàng Biều Mã, toàn thân lông vàng như ô kén; Ngũ viên

Thiệu có con truy phong thiên lý mã, sức chạy như gió.v.v... Các con thần mã này, đều được vẽ toàn tích truyện, in thành bộ, bán đầy ở Hồng Kông và Đài Loan, cũng như các tranh loại Lê Trung bèn ta vẽ về các tích truyện nước nhà, truyện Mục Liên Thanh Đề, truyện Trầu cau v.v.. rất được giới đại chúng hoan nghênh.

Riêng ở ta, những chuyện truyền kỳ về con thiên mã cũng không hiếm, tuy nhiên các tác phẩm mỹ thuật để lại về các tích ngựa thì thực ít ỏi.

Ngựa trong truyện tích Việt-Nam.

Xét trong những tích truyện truyền kỳ Việt-nam, trước hết, chúng ta phải nhắc đến con Thiên Mã của đức Phù Đổng Thiên Vương :

...Về đời vua Hùng Vương thứ VI, có giặc Ân sang xâm chiếm nước ta, thế giặc mạnh lắm. Vua Hùng hội quần thần để tìm mẹo đánh giặc, có người phương sĩ thưa rằng :

— Bệ hạ nên khẩn Long Quân. thì ngài cho thiên tướng thiên mã xuống giúp mới xong.

Vua nghe lời lập đàn làm chay, cúng cấp ba ngày cầu khẩn. Bỗng trời nổi cơn giông, sấm sét ầm ầm, mưa to như trút nước. Rồi có một cụ già cao lớn 9 thước, mặt mũi to lớn, đầu bạc, râu trắng ngồi ở ngã ba đường cái, vừa cười vừa hát, múa mang.

Ai trông cũng cho làm lạ mới vào tâu với vua. Vua thận hành đến mời ông cụ tới chỗ lập đàn chay, dâng cơm rượu thết đãi. Ông Cụ ấy không ăn uống mà cũng không nói năng câu gì cả.

Vua phán hỏi :

— Hiện có giặc Bắc xâm chiếm nước Nam, được thua thế nào, xin cụ bảo cho !

Ông cụ lâu lâu mới nói rằng :

— Sau ba tháng nữa giặc Bắc tắt kéo đến đây. Nhà Vua nên tìm khắp thiên hạ mà cầu người kỳ tài phá được giặc thì nên phong tước chia đất cho người ta. Nếu được người giỏi thì không khó khăn gì nữa.

Nói đoạn bay vút lên trời biến mất. Vua lấy làm lạ mới tuân lời ấy, sai sứ đi khắp trong nước cầu người tài. Bấy giờ ở làng Phù-Đông, huyện Võ Ninh có một ông phú hộ (nhà giàu) ngoài sáu mươi tuổi sinh được một người con trai lên ba mà

chưa biết nói gì, chỉ nằm ngửa không ngồi lên được. Khi sứ giả đến làng ấy, người mẹ cười, nói hớn rằng :

— Để được một chút con trai, chỉ biết ăn uống, ngồi đứng không được thì đánh thế nào được giặc đê mà lãnh thưởng của Vua, đền ơn công sinh dưỡng của cha mẹ.

Người con nghe vậy, bỗng nhiên bật nói bảo mẹ gọi sứ giả lại đây. Mẹ lấy làm lạ lưng bảo người láng giềng. Người láng giềng thấy lạ xui người nhà cứ thử gọi Sứ giả lại nhà xem sao.

Khi sứ giả đến nhà trông thấy người còn bé, hỏi rằng :

— Tiều-nhi kia gọi ta đến làm gì ? Tiều-nhi ngồi ngay giậy bảo với Sứ-giả rằng :

— Sứ giả trở về cho mau, tâu với đức Vua đúc một con ngựa sắt cao 18 thước, một thanh kiếm dài 7 thước ; và một cái nón sắt, đem lại đây cho ta. Giặc đến trông thấy ta, sẽ sợ bỏ chạy, Vua can gì phải lo ?

Sứ giả mừng lắm, về tâu với Đức Vua.

Vua mừng rỡ, bảo với quần thần :

— Đây là Long Vương cứu ta đây. Lời ông Cụ già trước đây



« GẶP GỠ THỜI XA XUA »
Họa-phẩm lựa của Trần-văn-Thọ

nói quả không sai, các người chớ hồ nghi gì nữa.

Vua lập tức sai thợ rèn đúc ngựa sắt, kiếm sắt, sai người mang lại cho tiều-nhi. Sứ giả sắp đến, mẹ ở nhà lo lắm, chỉ sợ con nói sàm thì cả nhà bị vạ lây.

Tiều-nhi cười ầm lên, nói rằng :

— Mẹ cứ kiếm rượu thịt cho

nhiều để tôi ăn uống còn đánh giặc !

Tiều-nhi tự bấy giờ mỗi ngày một lớn, cơm ăn áo mặc tốn lắm, mẹ tuy nhà giàu mà cũng không đủ nuôi cho con ăn, hàng xóm láng giềng phải tư cấp giúp thêm nào kẻ đỡ tiền thóc, kẻ dâng rượu thịt mà ăn vẫn không được no ; vải lụa nhiều thế nào mặc cũng không đủ ; cửa nhà ở

cũng không vừa, phải kén cõ lau lợp một cái nhà to để cho ở.

Khi giặc Ân kéo đến núi Châu Sơn thì sứ - giả đem ngựa, kiếm đến cho ngài. Ngài vươn vai đứng lên, cao hơn hai trượng. Ngang mặt lên trời gầm vài mươi tiếng, rồi rút thanh kiếm cầm trên tay, quát lên rằng:

— Ta là thiên tướng nhà trời đây.

Lập tức đội nón, nhảy lên ngựa, quát ngựa tể đi. Ngựa hét ra lửa mà chạy như bay, chỉ chớp mắt đã đến chỗ quân đóng. Ngài trở grom đi trước, quan quân kéo theo sau, tiến sát đến trại giặc. Giặc bày trận ở chân núi Châu Sơn. Ngài xông



Bức « Mực Mã Đồi » của Hàn Cán đời Đường

vào trận đánh giết một hồi lâu gãy mất cả kiếm, mới vớ lấy tre ở cạnh đường, nhổ cả cụm tre mà quật vào quân giặc. Quân giặc tan nát tựa hồ đất lở núi tan, tranh nhau lạy phục xuống đất kêu van :

— Lạy ngài, ngài là thần tướng ở trên trời, chúng tôi xin đầu hàng.

Khi đánh đến núi Đinh Sóc thì giặc đã tan hết cả rồi. Ngài mới cởi áo bỏ lại, rồi cưỡi Thiên Mã mà bay lên trời. Đến bây giờ hãy còn dấu chân ngựa của ngài ở trên núi.

Vua nhớ công không biết lấy gì báo ơn được ; mới phong ngài làm Phù Đổng thiên vương, sai vẽ hình Ngài cùng con thiên mã, rồi lập miếu thờ ở ngay vườn nhà ngài. Đây có lẽ là bức tranh ngựa đầu tiên ở nước ta. Tiếc rằng bức tranh không còn giữ được nữa. Bây giờ vẫn còn thờ ở làng Gióng, tượng tồ ở trên núi Vệ Linh mỗi năm đến tháng tư, dân làng mở hội rất to. Nhưng hỏi bức tranh thì không ai biết. Chỉ biết những tre Ngài nhổ lên đánh giặc, bây giờ mọc thành rừng ở huyện Gia Bình, gọi là tre Đẳng Ngà, Chỗ con thiên mã

thét ra lửa cháy mất một làng cho nên làng ấy bây giờ gọi là làng Cháy.

Thần Bạch-Mã

Trong những tích ngựa truyền kỳ của ta còn con thần mã mà ngoài Bắc Việt nhiều nơi có miếu thờ.

Nguyên đời vua An Dương Vương, sau khi thắng trận Hùng Vương. Vua An Dương mộng thấy một người cỡi con ngựa trắng đến báo tin cho hay : « Ta là Bạch Mã thần, ta giúp nhà vua được thành công, từ nay nhà vua phải lập miếu thờ thần « Bạch Mã »

Câu chuyện ấy sau lưu truyền khắp nơi các tỉnh Bắc Hà đều lập đền thờ vẽ hình đắp tượng ngựa trắng đề sùng bái Thục An Dương Vương. Nhiều nơi đền xưa còn thấy những bức tranh thờ với nét vẽ rất cổ kính.

Lại câu chuyện vua Lý-Thái-Tổ, một hôm đem quân đi chống giặc Bắc. Vua trú túc tại trên bờ sông Thương-Lang (tỉnh Nam Định bây giờ), đêm nằm mộng thấy một con ngựa có cánh hóa làm con rồng. Vua

Thái-Tổ cho là điềm tốt, sau thắng trận về, bèn cho lập đền thờ « Lục Long » tại trên sông Thương-giang.

Trong đền thờ có vẽ 6 tượng hình ngựa, một con ngựa đầu rồng, đuôi ngựa, có hai cánh như cánh chim phượng (có lẽ ngựa thần này cũng giống như con Phi-Mã Pegasus với đôi cánh tung bay dưới trời Âu mà các họa-sĩ Tây phương thường tả trong nhiều tác phẩm.

Những tượng hình ngựa đắp nổi này đều là những tác-phẩm mỹ-thuật đáng kể cả. Trường Bác Cổ ta hiện có chụp được một số tài-liệu như ngựa ở đền thờ thần Bạch Mã ở phố Hàng Bưởi Hà-nội.

Các họa sĩ Việt-nam chuyển về ngựa

Các họa-sĩ cận-đại ở ta chuyên hẳn về ngựa thực ra rất hiếm, gần như chưa có. Nhưng một vài tác-phẩm vẽ ngựa được giới mỹ-thuật chú ý thì ta phải kể như bức « Gặp gỡ thời xa xưa » của Trần Văn Thọ vẽ trên lụa, trong đó cảnh vật đều diễn hình trong ý-tưởng, rất xa sự thực và

làm sống lại một thời đã qua với một con ngựa bạch đứng vững vàng giữa bức tranh màu vàng ủa điểm những màu son và màu lam (màu áo của chàng thư sinh) là những màu thuần túy của một đạo lý xa xôi.

Trần Văn Thọ còn bức tranh tả Lê Lợi, lúc người anh hùng áo vải mới dựng cờ khởi nghĩa. Họa-sĩ đã tượng trưng cả cái dũng khí của một vị Vua sáng nghiệp bằng cái hình ngựa vẽ mờ sau « hậu bằng ».

Họa-sĩ Đinh Minh cũng có bức « Người đẹp bên cầu » vẽ một thiếu nữ với một con ngựa đứng nghỉ bên suối nước trong. Tác phẩm này làm ta nhớ đến bức « Ngựa trắng » của Gauguin với một thiếu-nữ cười trên lưng một con ngựa trắng.

Họa-sĩ Tú-Duyên cũng thường tả ngựa trên những thủ ấn họa như bức « Chen đua » (Phong dao : *Làm than bao quân nâng mưa, Anh đi anh liền chen đua với đời*), hoặc bức « Mặt chinh phu » (chinh phụ ngâm : *Hồn tử sĩ gió ù-ù thổi, Mặt chinh phu, trắng dãi dãi soi*.) Ngựa của Tú-Duyên trong những tác-phẩm này, thực là những « Ngựa kỳ, ngựa kỳ » giá đáng ngàn vàng.

Họa sĩ Nguyễn Khắc - Vinh trong tác-phẩm « Cao và Lạnh » cũng đã cực tả được những đặc-tính của Ngựa Đà-lạt trên một đồi núi lạnh. Bức này một hăng sáng ở đây có chụp lại trong một số đặc sang « Ánh Đèn Dầu ». Nhưng tả ngựa trên tranh sơn mài ta không thể quên được những bức như « Qua Suối », dáng ngựa thực nhẹ nhàng, ngựa đây là những con tuần mã rất đẹp mắt, cho đến trong bức « Gót sắt » (Talon de Fer) của Trần Minh Thi (Léthy), nhà họa sĩ miền Nam chuyên về sơn mài trứng (laque de coromandel) cũng như các loại sơn mài bóng (laque uni) và sơn mài nổi (laque sculpté). Vị giáo sư hội-họa Trần Thanh Hiệp (nhân viên Hội nghệ-sĩ Monégasques đã từng viết về tức « tả ngựa » này : « Sự linh-động mà ta thấy trên bức tranh *Gót Sắt* đã làm cho ta bàng hoàng về cách bố trí cảnh một đoàn ngựa bò mặt đá nhau. Trong khi ấy, bức *Hỏa Bình* xen vào để tương phản lại những bức tranh khác với một lối làm sơn hết sức cầu kỳ và cách cân võ trướng rất tỉ-mỉ công phu... ».

Bên Trần Minh Thi, ta phải chú ý đến Trần Quang Hiếu, nhà họa-sĩ thanh-niên 20 tuổi

của miền Nam mà toàn thể các báo chí Pháp (Figaro, Hort Côté; Alliance, Arts Lettres Spectacles v.v..) đã từng khen, « đó là những bức tranh bố cục khéo léo, màu sắc đậm đà, và đã được dung hòa trong hai nền mỹ thuật Âu Á... » (Trần Quang Hiếu *a su harmoniser l'art Occidental et Oriental dans ses peintures aux couleurs éclatantes et aux compositions savantes*). Hiếu thường ưa thích những đề tài thần tượng (vé nus), Tà áo Việt Nam (Tuniques Vietnamieanes), Lênh đênh sông nước (Sur le fleuve), nhưng ưa nhất, thích nhất là ngựa (Chevaux). Kỳ triển lãm ở Thủ Đô Saigon đây, (1960) cũng như những lần triển lãm ở các thủ đô Pháp, Đức, Thụy Điển, Ý, Thụy sĩ, Hy Lạp v.v... đề tài « Đường dài ngựa hay » vẫn được Hiếu « chăm chút » nhiều nhất.

« Nói làm sao cho hết sức dũng mãnh phi thường, khùng khiếp đến ngông cuồng của những đàn

* DANH NGÔN

« Hết phân nửa đàn bà phải khổ sở ở đời, vì phân nửa kia giàu và trẻ đẹp hơn họ ».

(EDW. GE FEUILLÈRE)

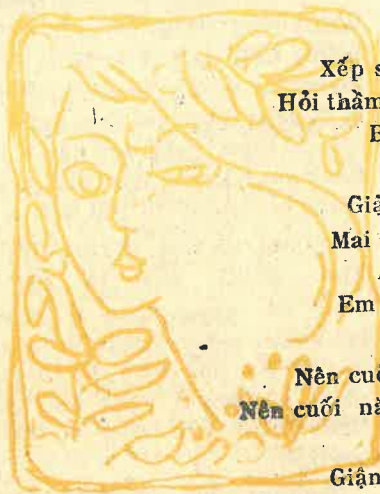
ngựa thuộc đề tài « Đường dài ngựa hay » của Hiếu. Ta sẽ thấy trong tiềm thức ta, sống dậy một sức mạnh vô song, cũng như những bước lớn của đàn ngựa, rộng lớn quá đến nỗi không lấy gì mà so được. Họa sĩ đã sống thực với lòng mình, diễn tả thực tiếng nói của con tim giang hồ, của cuộc sống lang thang mà họa sĩ đã trải qua... »

Nét bút của Họa sĩ NGUYỄN-TRÍ - MINH diễn tả ngựa cũng đã xứng đáng là một tay « thầy nghề ». Chuyến sang du lịch Mỹ, họa sĩ đã ghi được nhiều bức họa ở vùng Cát và Ngựa Texas vừa hùng vĩ vừa bát ngát.

Gần đây ngựa được tả trên những tranh thủy mặc của Trọng Nội đã làm cho ta nhớ tiếc lại cả một dĩ vãng của nền cổ họa xưa mà ngày nay nó chỉ còn lại một hai bóng dáng trên những tranh tét « lợn con lợn mẹ », « đám cưới chuột » hay « thầy đồ ếch » v.v...

giận anh đó

PHƯƠNG - DUYÊN



Xếp sách lại nằm buồn trong bóng tối
Hỏi thăm mình còn khóc được hay thôi ?
Bỗng ứa dài lệ mặn đắng đời moi,
Giận anh đó anh làm em khổ sở
Giận anh đó ngày xưa đang nức nở
Mai vào trường bài vở học chưa xong
Anh bỏ đi con gái nhờ chồng,
Em không học cũng... cô bằng bỏ túi
Giận anh đó tin anh em nghe vội
Nên cuối năm... kỳ quá phải không anh ?
Nên cuối năm... những giông thiệp xinh xinh
Nên... mất hết bạn bè và lớp học
Giận anh đó bắt người ta khuất phục
Lấy chồng rồi còn học ngược sao đâu !
Lấy chồng rồi còn bắt buộc cô dâu.
.19 tuổi phải sinh viên đại học
Giận anh đó áo blouse làm nổi bật
Giới thiệu bạn bè anh bảo « bachot ! »
Nếp bên anh nghe đôi má nóng bừng,
Thiên hạ chừng như đang cười giữa phố.
Giận anh đó đang điên vì đại số
Cứ trêu hoài làm tâm trí bấn khoăn
Sau học xong anh không muốn đi làm
Đời muôn mặt lo làm em mất mát
Giận anh đó làm em lo sợ mãi
Lo sợ đời và lo sợ tương lai
Vì làm sao em biết được ngày mai
Những chờ đón bước chân đời thứ nhất
Giận anh đó anh làm em phát khóc
Anh làm em tư lự suốt đêm này !

TRUYỆN
NGÂN
TRINH
THÂM

VỤ
ÁN

KIM : CƯƠNG

• TRỌNG - TÁU

CHIẾC xe xanh của sở Cảnh sát ngừng ngay trước cửa một ngôi nhà trệt ở đường Nguyễn-cảnh Chân. Ông cảnh sát trưởng Hoàng An cùng với viên thanh tra quan thuế Đỗ Thạc cùng bước xuống xe, đi lại bấm chuông căn nhà đó.

Một lát sau, một người nhỏ thó, mắt sáng, trán cao, gọn gàng trong bộ âu phục màu đen mở cửa bước ra. Vừa nhìn thấy hai người, chủ nhân căn nhà bỗng tươi cười hỏi ông cảnh sát trưởng :

— Kính chào ông cô ! Chắc đời lại có tội gì bị đòi lên bóp ?

Đậu xe bên lề vào ngày chẵn chẵn ?

Ông cảnh sát trưởng Hoàng An nghiêm nét mặt nói :

— Thôi đừng đùa nữa, anh Huyền linh Tử. Tôi có người bạn muốn hỏi thăm anh một việc.

— Việc gì đó ?

Ông cảnh sát trưởng vừa quay lại phía ông Thanh tra quan thuế Đỗ Thạc vừa nói :

— Xin giới thiệu với anh, đây là ông thanh tra quan thuế Đỗ Thạc.

Rồi ông nhìn Huyền-linh-Tử nói tiếp :

— Và đây là nhà ảo thuật gia lừng danh Huyền-linh-Tử, bạn học cũ của tôi.

Huyền-linh-Tử khiêm tốn nói với ông thanh tra Đỗ Thạc :

— Thưa ông, ông bạn tôi quá thương mà đề cao như vậy chứ thật ra tài tôi nào có gì ?

Ông cô An nói :

— Thôi, ta đừng nên khách sáo nữa. Anh cho phép chúng tôi vào nhà nói chuyện chứ ?

Huyền Linh Tử nghiêng đầu lịch sự. Ba người cùng bước chân vào nhà. Sau khi phân ngôi chủ, khách rồi, ông cô An đề cập đến câu chuyện ngay tức khắc :

— Ông bạn Đỗ Thạc tới đây muốn biết, anh sẽ làm cách nào để chỉ trong giây lát, có thể thủ tiêu được một mẻ « hột ».

— Hột dưa hấu ? Dễ quá mà ! Tập nhẫn cho thật nhanh thì mau hết chứ gì ?

— Anh vẫn còn giữ cái tật hay đùa ! Tôi và ông thanh tra Đỗ Thạc đang có một chuyện rắc rối giải quyết không xong phải nhờ tới anh. « Hột » mà tôi nói đây là thứ tiếng lóng của bọn buôn lậu để chỉ « hột xoàn » anh biết không ?

Viên thanh tra Đỗ Thạc nói :

— Chúng tôi được báo cho biết là có một tay buôn lậu khét tiếng đang chở hột xoàn lậu vào Việt Nam, do chuyển tàu biển « Impérial ». Được tin này chúng tôi bèn phái ngay một nhân viên quan thuế tới ngay chỗ tàu khởi hành để theo bèn gót kẻ buôn lậu. Nhân viên của chúng tôi đã cùng đáp một chuyến tàu đó với kẻ buôn lậu trên đường tới Việt nam. Chiều hôm qua, nhân viên của chúng tôi đã có dịp lục soát trong ca bin riêng của người bị tình nghi. Và cũng từ khi đó, trước khi tàu cập bến, kẻ tình nghi không được quyền tiếp xúc với ai và cũng không được phép rời khỏi phòng lấy nửa bước. Sáng nay, khi tàu cập bến, ba nhân viên quan thuế khác đã được cử lên tàu. Theo những giấy tờ khai báo, thì y không có khai chở hột xoàn, nhưng chúng tôi được biết chắc chắn rằng số hột xoàn lậu hiện vẫn còn đang nằm trong « ca bin » của y : Chúng tôi đã tổ chức một cuộc khám xét vô cùng tỉ mỉ. Trong va li cũng như trong người của y, chúng tôi vẫn không sao tìm ra nổi được lấy một viên hột xoàn nào cả.

Ông Cô An nói thêm :

— Anh hãy thử tưởng tượng xem, một khi nhà đoan đã khám xét thì tôi dám chắc đến một cây kim nhỏ cũng không thể nào lọt. Vì sợ rằng tên buôn lậu có thể giấu hột xoàn ở một nơi nào đó trong « ca bin », đề sau này y có thể tìm cách trở lại tàu như một du khách trước khi tàu tách bến, để lấy hai món hàng đó, cho nên sở quan thuế đã cạy gỗ từng mảnh ván trong ca bin y để tìm kiếm. Thế mà vẫn không có dấu tích gì cả.

Huyền linh Tử hỏi :

— Số hột xoàn đó trị giá chừng độ bao nhiêu ?

Ông thanh tra Đỗ Thạc đáp :

— Chừng độ gần 5 triệu đồng !

— Kể cũng to tiền đấy chứ.

Ông Đỗ Thạc tiếp :

— Chúng tôi đã khám xét rất tỉ mỉ, đã khai từ chiếc hộp quẹt máy, cắt từ miếng đế giày của y ra, thế mà vẫn không tìm thấy gì. Một điều làm cho chúng tôi điên đầu nhất, chính là nghề nghiệp của y.

Huyền linh Tử hỏi :

— Y làm gì ?

— Một ảo thuật gia. Cũng như

ông ! Tên y là Trần-Đỗ, biệt danh Người Tàng Hình. Ở trong giới chắc ông biết tiếng y ?

Huyền linh Tử nói :

— Tôi có biết ! Y thường trình diễn trong các rạp hát lớn và thường chuyên về màn « Biến hóa cổ bài tây » của y.

— Ông nói đúng đấy. Suốt cả buổi sáng nay, y không ngớt làm trò với cổ bài tây của y. Y bảo tôi rằng y muốn tập xử dụng cổ bài này cho quen đi, vì đó là bài Mỹ, khổ lớn hơn các loại bài khác.

Huyền linh Tử nói :

— Dạ y nói đúng đấy ! Bài Mỹ bao giờ cũng lớn hơn các loại bài thông thường. Tôi cũng muốn thử chơi vài ván với y xem tài y ra sao ?

Ông cô An nói :

— Theo tôi thì về môn đó, có lẽ anh đến thua y mất. Bởi vì theo báo cáo của sở công an, thì trước đây y đã từng hai lần bị ở tù về tội cờ bạc bịp và mưu toan lường gạt.

Ông Đỗ Thạc nói :

— Ông Huyền linh Tử ! Bạn tôi có cho tôi biết là đã có lần anh ấy được chứng kiến ông làm

biến nguyên cả một con voi. Vậy xin ông làm ơn cho tôi biết rõ, một ảo thuật gia đã làm cách nào để làm biến được một mớ bột xoàn quý giá? Sở chúng tôi sẽ trọng thưởng ông!

Huyền linh Tử không nói, lặng lẽ đưa điều thuốc lên miệng hút một hơi, đoạn bỏ mẩu thuốc đang cháy dở vào lòng bàn tay trái, nắm chặt lại. Sau khi phả một hơi khói trên tay, chàng xoay bàn tay trái ra. Điều thuốc đã biến mất. Chàng bắt đầu giải thích:

— Khi tôi làm cái trò ảo thuật này, thường thường tôi không bao giờ để cho nhân viên quan thuế lục soát. Và khi tôi làm biến mất một con voi, tôi cũng không bao giờ để cho khán giả tháo gỡ cả rạp hát ra như các ông đã làm trong « ca bin » của anh chàng Trần-Đỗ. Như vậy tức là nhà ảo thuật Người Tàng Hình này đã tìm ra được một mảnh khóa mới lạ trong lối diễn trò của y. Tôi cũng mong được biết mảnh khóa lạ lùng đó.

Ông cô An nói:

— Nếu vậy thì hay lắm. Hiện nay y đang bị tạm giữ tại cảnh sát cuộc thương khấu. Xin mời

anh đến ngay thử coi, vì chúng tôi không được quyền giam giữ y quá 24 tiếng đồng hồ.

Trước khi tới gặp Người Tàng Hình ở cảnh sát cuộc thương khấu, Huyền Linh Tử đã yêu cầu được lên tàu để xem xét qua nơi « cabin » riêng của y. Một nhân viên quan thuế vẫn túc trực canh gác trước cửa phòng.

Ông Đỗ Thạc mở cửa ra cho Huyền Linh Tử đi vào và nói:

— « Ca bin » của y đây!

Cả ba người cùng bước vào. Những chiếc ghế đều bị lật trăn để lộ ra những lò so trơ trụi. Nệm giường, gối ngủ cũng đều bị xé tung cả ra. Ngay đến những chiếc đèn gắn trên vách cũng đều bị gỡ xuống hết. Nhìn cảnh tượng đó, người ta có cảm giác như một con kiến cũng không thể nào lọt qua khỏi được mắt của nhà doan.

Huyền Linh Tử hỏi:

— Y có chứng kiến cuộc lục soát của các ông không?

Ông Đỗ Thạc gật đầu nói:

— Đó là phương pháp mà chúng tôi thường đem ra áp dụng nhất. Bởi vì nếu có sự

chứng kiến của kẻ tình nghi chúng tôi mới có dịp đoán được nét mặt của y. Một khi nét mặt của y vẫn thản nhiên, chúng tôi sẽ biết ngay rằng mình không lục đúng chỗ dấu hàng lậu. Còn ngược lại, nếu mò được gần tới chỗ dấu, thế nào mặt y cũng đổi sắc. Nhưng Trần-Đỗ lại không phải là người dễ xúc động. Nét mặt y lúc nào cũng như lúc nào. Y vẫn đứng đó vẻ mặt luôn luôn tươi tỉnh và tay không ngớt trang bộ bài mới. Trông y có vẻ bằng lòng y lắm. Không những thế, y còn chỉ thêm cho chúng tôi lục soát nữa.



Nhà ảo thuật gia Huyền Linh Tử đã có dịp tới cảnh sát cuộc thương khấu cùng với ông cô An và ông thanh tra Đỗ Thạc.

Trần-Đỗ tự Người Tàng Hình vẫn ung dung ngồi hút thuốc lá phi phèo trong căn phòng trực. Hai người cảnh sát có phận sự canh gác vẫn luôn luôn theo dõi y từng cử chỉ nhỏ nhặt.

Tay phải y cầm một bộ bài tây hiệu Mỹ. Y trang nhanh không thể nào tả được. Với một

bộ bài mà y bảo là chưa chơi quen mà tay y đã thoăn thoắt đi như vậy rồi thì đủ hiểu là y lệ chân lệ tay đến như thế nào. Y vừa chia bài vừa ngược mắt lên nhìn người lính gác đang ngồi trước mặt và nói:

— Đàng hoàng đây nhé!

Người lính gác nói:

— Trông thì đàng hoàng thật, nhưng tôi chắc chắn là những lá bài tốt đều ở bên phía ông cả. Mắt tôi nhìn không kịp. Nếu có tiền chắc tôi cũng không dám chơi với ông.

Trần-Đỗ cười nói:

— Đùa với ông cho vui vậy thôi chứ tôi đâu có ga chơi ăn tiền? Bởi vì nếu được ông thì tôi mang tiếng là cờ bạc bịp. Còn nếu thua ông thì tôi cũng mang tiếng là nhà ảo thuật gia không biết nghề.

Vừa nói dứt lời Trần-Đỗ vừa cầm xấp bài mà y chia cho mình hồi nãy lên, lật ngửa ra và xếp thành hình cánh quạt trước mặt: Ba cây Ách và hai cây Tây.

Ông cô An nói nhỏ với hai người bạn:

Trông y có vẻ khoái trá lắm.

Ông Thanh tra Đỗ Thạc gật đầu :

— Đúng vậy ! Y có vẻ tự mãn lắm. Như thế chứng tỏ rằng món hàng hiện giờ cũng chỉ ở quanh quần đầu đây, ngay dưới mũi chúng ta thôi.

Huyền Linh Tử cúi xuống nhìn chiếc va-li trống rỗng mở toang nắp ra để ngay sát chân ghế. Những vật dụng để trong va-li được xếp về một bên.

Chàng quay lại hỏi ông Đỗ Thạc :

— Ông thấy có những gì lạ trong va-li của nhà ảo thuật không ?

Ông Đỗ Thạc đáp :

— Những khúc vải xanh đỏ đủ màu, 60 thước giấy thường, một lồng chim yến, một tá bánh « bi da »... Toàn những dụng cụ diễn trò ảo thuật không..

Huyền Linh Tử cầm một trái banh « bi-da » lên nhắc nhắc trên tay hỏi :

— Những trái banh này đặc ?

Ông Đỗ Thạc gật đầu nói :

— Đặc cả !

Đoạn ông chỉ một chiếc hộp gỗ sơn mài có hàng chữ nhỏ bên trên nói tiếp :

— Chiếc hộp này tuy có nhiều ngăn bí mật nhưng bên trong

đều rỗng. Chúng tôi đã cho chiếu quang Tuyền X. để nhìn rõ tất cả bên trong những vật gì khả nghi nhưng không thấy gì cả. Chúng tôi cắt những bánh sà bông thành nhiều mảnh vụn. Ngay cả « duyp » thuốc đánh răng cũng bị banh ra. Đồng hồ bút máy của y cũng bị tháo tung ra hết. Răng và mắt thì đúng là của y...

Huyền Linh Tử ngạc nhiên hỏi :

— Sao lại răng và mắt ?

Ông Đỗ Thạc giải thích :

— Thiếu gì người đã dấu hàng lậu vào trong những chiếc răng giả hoặc mắt giả rỗng ruột ?

Trần Đỗ tự chia cho mình bốn cây bài Ách miệng làm bầm :

— Các ông nhà đoan ghé gớm thật. Đầu có gì lọt nổi khỏi mắt các ông ?

Trần Đỗ đặt cỗ bài xuống bên cạnh mình, nhặt bốn lá bài Ách lên trang trang mấy cái rất nhanh, đoạn úp sấp lại. Y vỗ tay mạnh một cái và lại lật ngửa bốn con bài nói trên ra. Bốn cây ách đã biến thành bốn cây tây. Y làm bầm :

— Tận quen tay rồi đó Mai một diễn trò chắc không sợ bị hổ nữa.

Huyền linh Tử ngắm nghĩa đôi giày của Trần Đỗ tò mò hỏi :

— Đôi giày ông trông còn mới nguyên xi...

Trần Đỗ cười ngạo nghễ :

— Nha quan thuế mới tặng tôi đó. Đôi giày cũ của tôi đã bị các ông chặt vụn ra từng mảnh rời.

Ông thanh tra Đỗ Thạc kéo Huyền linh Tử qua một góc phòng hội nhỏ :

— Ông có thấy gì chưa ?

Chàng gật đầu đáp :

— Thấy rồi ! Đúng như lời ông dự đoán. Hàng lậu hiện đang ở dưới mũi chúng ta. Nếu tôi không làm thì lần này có lẽ địa điểm du lịch của y sẽ là nhà mát Chí Hòa. Vì không còn hy vọng gì gặp lại y nữa nên lần này tôi cũng muốn thử tài ảo thuật của y một phen cho biết rõ thấp cao.

Huyền linh Tử đi lại phía Trần Đỗ nói :

— Xin phép thử tài ông bạn một tí xem nào.

Trần Đỗ giật mình đánh rơi chiếc áo vét tông y vừa nhặt lên cầm nơi tay, y hỏi :

— Ông cũng là ảo thuật gia ?

Huyền linh Tử đáp :

— Tôi cũng có biết qua loa chút đỉnh.

Lần này thì Trần Đỗ không còn cười nữa. Huyền linh Tử lại tiếp :

— Vì lối chơi bài « pô-ke » của ông hồi này, tôi thật hết sức thần phục. Nhưng tôi còn có thể làm được hơn thế nữa. Bây giờ tôi đề nghị với ông chơi kiểu bài « bridge ». Ông hãy tự tay trang bài, tự tay ngắt, rồi cũng tự tay chia làm bốn phần đi. Ấy thế mà tôi vẫn có thể có được một xấp bài tốt cho ông coi.

Trần Đỗ chậm rãi nói :

— Bài « bridge » à ? Món đó tôi không được rành cho lắm.

Huyền Linh Tử nói :

— Bài đó chơi bốn người. Nếu tài ra thì người ta có thể chia cho mình được một xấp bài cùng một màu.

Trần Đỗ cảm bộ bài, bộ mặt có vẻ suy nghĩ lung lắm. Y bắt đầu trang bài. Y bỗng nói :

— Chắc hẳn ông muốn đánh cá với tôi cái gì chứ ?

Huyền Linh Tử nói :

— Đánh cá chứ ! Nếu tôi được thì ông sẽ mất cho tôi một trăm đồng. Còn nếu tôi thua thì tôi

xin chịu nộp cho ông một số hột xoàn lậu trị giá lối gần 5 triệu đồng, mà tôi sẽ kiếm ra...

— Nếu thế thì ông đến thua mất thôi.

Y bắt đầu chia bài làm bốn phần. Nhưng khi mới chia được cho mỗi phần có 4 lá bài y đã vội lật phần bài chia cho Huyền Linh Tử lên nói :

— Ông làm thế nào có nổi được một xấp bài cùng một màu, trong khi mới có bốn cây đầu bài ông đã toàn là bốn cây Ách cả ?

Huyền Linh Tử nói :

— Nếu ông cho phép tôi tự tay chia bài thì chắc chắn thế nào tôi cũng ăn.

Huyền Linh Tử chia tay ra. Trần Đồ tức khắc gạt ngang nói :

— Không được ! Lập luận của ông không vững tí nào cả.

Ông thanh tra Đỗ Thạc bực mình gắt :

— Ông Huyền Linh Tử có thể chơi bài với y ở trong khám được. Chứ giờ đây không phải lúc để ông thử tài cờ bạc với y. Điều tôi muốn biết hiện nay là số hàng lậu hột xoàn dấu ở đâu ?

Cần cứ theo những luận cứ kể

trên, chắc hẳn độc giả đã thừa đoán được ra là mớ hột xoàn lậu được Trần Đồ tự Người Tàng Ilink dấu ở đâu rồi. Nếu còn chưa đoán được, thì xin quý vị coi lời giải đáp dưới đây :

• Y đã dấu mớ hột xoàn lậu của y ở trong bộ bài cầm trên tay. Bộ bài đó chỉ có một số ít cây rời thôi, còn những lá bài thì chỉ là chiếc hộp rỗng để đựng hột xoàn lậu mà thôi. Nhờ lạ tay nên trong khi trang bài y đã dùng tài khéo léo để mà mắt kẻ khác, làm cho họ không kịp đủ thì giờ để nhận thấy rõ. Chính vì vậy nên khi bị Huyền Linh Tử gạt chơi bài «bridge» y đã trả lời là không được rành. Một ông vua cờ bạc bịp đầu còn thiếu ngón gì ?

Ngoài ra khi bắt đầu chia bài làm bốn xấp, y chỉ dám chia mỗi phần có 4 con rồi phải ngừng tay ngay để kiểm soát nói này nói kia. Đến khi Huyền Linh Tử đòi cho trang bài y cũng từ chối, vì y biết rằng nếu Huyền Linh Tử cầm đến bộ bài chắc chắn y sẽ bị lộ mặt nạ.



KHÓC EM THIẾU

(S.V.S.Q.V.B. khóa 19)

TÔN NỮ
HỖ KHƯƠNG

Giận Sài-gòn nóng bức
Chị lên chơi Đalat mấy hôm
Trời cao-nguyên lạnh lẽo u buồn
Lòng vẫn nặng «mưa nguồn
chớp bề»

Rồi một sớm mai
Khi sương mờ còn bao phủ
Được tin em từ trận
Ba chữ : «đền nợ nước» đã
xong rồi

Một cuộc đời chấm dứt
Có lẽ nào em chết thực không
em ?

Hăm bốn mùa xuân trôi chảy êm
đềm

Bỗng một phút bên thềm hoa
rụng !

Em say mê khói súng
Em thích chốn chiến trường
Em bỏ quên tất cả tình thương :
Nào mẹ, nào anh, nào em, nào
chị.

Bao nhiêu người yêu quý tiếc
thương em.

Em ơi !
Vì nhớ em chị dậm ra hòn trách
Vì đau thương chị cất giọng oán
thù.
Nhưng hòn trách ai, oán hận
thù ai ?

Em ơi !
Có nỗi khổ nào hơn nỗi khổ
này ?

Có cảnh nào đắng cay
Có tình nào ngang trái
Có nước nào chiến tranh mãi
như nước Việt-Nam mình !
Càng nghĩ càng hoảng kinh
Càng nghe càng lo sợ
Nhìn non sông bờ ngõ lúc xuân
về...

Bao cõi lòng tất 'e
Bao tâm hồn ảm đạm
Nắng ngày xuân không sưởi ấm
tình ai.

Từ bao lâu nay rồi
Cứ mỗi lần xuân đến
Chị làm thơ cầu nguyện
Cho đất nước thanh bình
Nhưng rồi nước vẫn đao binh
Tin xuân vẫn đến... tình hình
chẳng thay.

Gây chi lắm chua cay
Gây chi nhiều đau khổ
Cảnh trần gian gió dờ mưa sêu.
Em ơi !
Hương hồn nguyên chứng

Độ trì non nước mây mù sớm

Bồ - tát

QUAN-THẾ-ÂM

thường
hiện ra với
những

KẸ ĐAU KHỔ ?

★ NGUYỄN - VỸ

MỘT người thân thuộc thường kể cho tôi nghe, với tất cả lòng

chân thành tin tưởng của họ, rằng Đức « Phật Bà » Quan Thế Âm đã hiện hình ra cho họ trong giây phút hiểm nguy, cực cùng đau khổ mà họ chỉ còn biết kêu tên Ngài, cầu nguyện Ngài cứu họ thoát khỏi tai nạn. Và sau đó mọi nguy hiểm đều qua.

Trước kia tôi thường đón nhận những tin tức hiển linh như thế với một nụ cười lễ phép nhưng hoài nghi.

Tôi phải thú thật rằng mặc dù những đương sự đã kể chuyện cho tôi nghe đều là những người đáng tin cậy, tôi vẫn không thể vì sự đảm bảo linh thần đó mà tự xác nhận trong thâm tâm một sự kiện đã vượt quá trí óc hiểu biết tầm thường của tôi.

Tôi là một Phật tử, vâng, và là một Phật tử thâm niên. Nhưng tôi không phải chỉ có lòng tin ngưỡng suông mà thôi. Tôi còn có óc nhận xét nữa. Về điểm đó tôi không tự trách tôi, vì chính nhờ óc nhận xét mà tín ngưỡng càng được tăng cường. Tôi thích có một tín ngưỡng sán

BỒ TÁT QUẢN THẾ-ÂM

suốt trước mọi sự vật, dù là sự vật thiêng liêng nhất có thể cảm hóa hằng trăm triệu người trên thế giới.

Có nhiều kẻ quá kiêu căng ở Thế kỷ XX. Thấy bom nguyên tử tiêu diệt hằng vạn người trong nháy mắt, thấy các phi hành gia ngồi hỏa tiễn bay lên thám thính trên thượng tầng không khí, và chuẩn bị đồ bộ lên cung Trăng, họ đã tự phụ rằng khoa học hiện đại đang tiến tới một mức độ siêu đẳng do đó loài người sẽ làm bá-chủ cả vũ-trụ không-gian. Tôi thì tôi nghĩ thiển-cận rằng khoa-học hiện-đại và cả khoa học của những thời-đại sau, dù sẽ đến cao độ nào chẳng nữa, cũng chẳng có nghĩa lý gì trước huyền bí vô biên của tạo hóa. Những khả năng của khoa học, nghĩa là trí óc thông minh tột bực của loài người, chỉ có một giới hạn nào thôi, ngoài đó những định luật toán học cao siêu nhất, xuất phát từ những khối óc vĩ đại nhất của loài người, đều bị tiêu tan trong hố thẳm huyền vi, và thành con số không vô cùng tận của Thiên cơ.

Mặc dù vậy, trí óc quá hẹp hòi của tôi không thể chấp nhận một hiện tượng mà khoa học tối tân cũng chưa đạt đến tầm mức giảng giải tường tận được. Như tôi vừa nói, tôi không đặt tin tưởng triệt để nơi khoa học, tuy nhiên trong hiện tượng tiến triển khá cao của nó, ai cũng biểu-đồng tình rằng nó có thể giúp chúng ta hiểu biết được rất nhiều. Nhưng khi khoa học đã mặc nhiên tự nhận hoàn toàn bất lực, như trong trường hợp đang làm cho trí óc ta hoang mang, chúng ta có thể tìm một nguồn ánh sáng nào khác giúp được chúng ta thông cảm với bí mật của thế giới tàng hình không ?

Nhiều người không cần thắc mắc suy tư gì cả. Họ chấp nhận hiện tượng huyền bí không phải như là một yếu tố hiện tượng (élément phénoménal), mà là một sự kiện cụ thể, một chân lý.

Tôi thú thực rằng trước kia tôi khó tạo một quan niệm giản dị như thế được. Tôi là một Phật tử của phái Bắc tôn, có đọc các kinh Đại Thừa, tôi sùng bái Đức A-Di-Đà và đức Quan Thế Âm.

Nhưng các vị Phật đở, cũng như Phật Tồ Thích Ca Mâu Ni, đối với tôi là những Thần tượng của Từ Bi Bác Ái, của Cứu Khổ Cứu Nạn, của Giải thoát linh hồn. Toàn thể kinh Đại Thừa không những chỉ là một bản Đại Niết Bàn Ca (Chant Mahanirvanique), mà còn là một Trường hận ca của Nghiệp chướng loài người, một Hùng tráng ca của chúng sinh đau khổ.

Trước kia, tín ngưỡng Phật giáo của tôi chỉ hoàn toàn dựa trên căn bản thuần túy triết lý ấy thôi. Có lẽ tôi không phải là một Phật tử « thuần thành », nhưng làm sao được khi trí tôi cương quyết gạt bỏ mọi sự vật không thích hợp với yếu tố suy tư của nó ?

Thời kỳ anh em họ Ngô đàn áp Phật Giáo, nhiều người loan truyền rằng có thấy Đức « Phật Bà » hiện ra trong các đám mây. Chính tôi cũng có loan tin đó và tỏ vẻ tin tưởng là có thật. Nhưng sự tin tưởng ấy, thật ra, chỉ là một hình thức phản ứng chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của Ngô Đình Diệm đó thôi chứ nó vẫn là giả tạo, không có thực tế trong tâm tưởng của

tôi. Chắc hẳn nhiều người đã thấy Đức Quán Thế Âm hiện hình trong thời kỳ Pháp nạn, cũng như họ đã thấy tượng đồng của Đức Phật Thích Ca khóc. Riêng tôi chưa bao giờ được đặc ân đó.

Bỗng dưng một đêm tháng sáu 1965, vào lúc 11 giờ k huya, một sự hiện hình hết sức kỳ ngay trước mắt tôi đã làm đảo lộn hết những tư tưởng trần tục của tôi. Trong một trường hợp mà đến nay tôi vẫn không thể tự giảng giải được, đã hiện ra trong ánh sáng hồng leo lắt của một ngọn đèn những nét mờ của một Nữ Thần trẻ đẹp, giống na ná các bức tranh « Phật Bà » Quán Thế Âm mà người ta in bán khắp nơi.

Chỉ một mình tôi trong thư phòng. Đèn điện không có, cả khu phố đều bị cúp hơi. Tôi thắp đèn cây trên bàn, xem lại một bài thơ dở dang từ đêm trước. Nhưng tôi đang buồn bực suy nghĩ, không muốn và cũng không có nhiều nhiệt hứng làm nốt bài thơ. Tôi thật là đau khổ, chưa có lần nào tôi bị một số người vu khống, phỉ báng như lần này. Tôi vẫn làm thinh, không muốn dính chánh, không cần bào

chừa, nhưng tôi âm thầm đau đớn vì sự thâm độc tàn nhẫn của một vài kẻ muốn hại tôi. Tôi tự an ủi rằng Đức Phật Từ Bi Hỷ Xả và Chúa Jésus Christ đầy lòng bác ái nhân đạo còn bị những kẻ thù ghét, phỉ báng, vu khống đủ điều, âm mưu làm hại đủ cách, hưởng chi mình chỉ là một kẻ phạm tục liêu tốt vô danh, bé nhỏ như hạt cát trên bờ sông Hằng Hà, làm sao tránh khỏi những miệng hùm lưỡi rắn ? Biết bao nhiêu nhân vật tài ba nổi danh trong lịch sử cổ kim, còn bị bôi xấu bằng cách này hay cách khác, nào có mấy ai tránh khỏi định luật của loài người ty tiện tàn ác đó đâu ?

Tôi là một kẻ rất nhỏ mọn, tầm thường, có tài gì thoát khỏi món nợ tiền định của số kiếp ? Mặc dầu nghĩ như vậy, tôi đau khổ vô cùng cực, gục đầu xuống bàn như muốn quên tất cả, để tập trung tư tưởng vào nhiệm vụ mà mình phải tiếp tục hoàn thành. Tôi sức nhớ mấy câu thơ của Thi sĩ :

*Pleurer, « rier, gémir, est également lâche !
Fais énergiquement ta longue et lourde tâche,*

Dans la voie où le sort a voulu t'appeler,

Puis après, comme moi, souffre et meurs sans parler !

và câu thơ của thi sĩ khác :

Seul le silence est grand, tout le reste est faiblesse.

Vâng, « chỉ có im lặng là vĩ đại, mọi cái khác đều yếu hèn. »

Rồi tự nhiên, đề lấy can đảm, tôi mơ tưởng đến Quán Thế Âm, đấng từ bi, Cứu khổ Cứu nạn... âm thầm nhắm mắt âm thầm khẩn tên Ngài, bắt chước mẹ tôi khi bà tụng kinh Phổ Môn : *Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát ! Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát ! Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát...*

Tôi ngược đầu dậy, định châm điếu thuốc hút rồi bắt đầu làm công việc. Tôi gó mấy câu thơ gạch, xóa, thêm bớt, lem luốc trên giấy tờ bỏ dở... Tôi cầm cây bút chì...

Bỗng tôi có cảm giác một luồng điện chạy khắp trong linh hồn, tôi ngừng mặt lên... thấy... trong ánh sáng leo lắt của đèn cây, hiện ra... một hình ảnh lơ

mờ... Tôi lạnh toàn cơ thể. Hình ảnh dần dần sáng tỏ... một thiếu phụ... ò, một Nữ Thần... Không, Quán Thế Âm Bồ Tát..., gương mặt trái xoan hiền dịu vô cùng, phúc hậu vô cùng... Ngài ngó tôi... Tự nhiên theo linh tính tôi chấp hai tay trước ngực, sững sốt nhìn Ngài... Tôi cảm thấy như một nụ cười từ bi trên môi Bồ Tát. Nhưng hình ảnh phai mờ... nhạt dần...nhạt dần...rồi biến mất hẳn.

Chưa kịp có phản ứng nào cả, tôi hãy còn hoang mang, hồi hộp, bán tính bán nghi. Yên lặng trên ghế, không một cử động, tôi hãy còn nhìn trân-trân chỗ không khí mà Hình-ảnh-Nhiệm-Mẫu đã hiện ra trong vòng một phút đồng hồ và đã biến mất. Không còn một dấu-vết. Mãi một lúc lâu tôi mới nhắm mắt lại, vẫn để hai tay chấp trước ngực, đọc thầm mấy câu kệ :

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ
Tát

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán
Thế Âm Bồ Tát !

Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn
Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha
Tát...

Hôm nay, tôi vẫn còn băn khoăn tự hỏi tôi :

« Có phải thật Quán Thế Âm Bồ Tát đã linh ứng hiện ra cho tôi thấy đó không? Có phải thật Ngài là Quán Thế Âm Bồ Tát hay không? Có phải thật Quán Thế Âm Bồ Tát đã thấu rõ nỗi đau khổ của kẻ phàm trần không?

« Hay chỉ là một ảo ảnh, một ảo tượng « illusion optique », theo khoa học? Một giấc mơ, theo các thi nhân? »

Dù là ảo ảnh, dù là giấc mơ, sự hiện hình mẫu nhiệm trong đêm 21 tháng 6 trong thư phòng một kẻ-sĩ cũng là một hiện tượng vô cùng huyền diệu.

Tôi làm thính, không nói cho ai nghe, mãi đến hôm nay.

Mãi đến hôm nay tôi mới chép ra đoạn nhật ký này không phải để « xét lại » các nguyên tắc của khoa học đương kim. Xét lại, có thể có nghĩa là bỏ túc, là tiến thêm lên một chiều hướng mới. Trong khuôn khổ lý trí tuyệt đối (strictement rationnel) mà

đang hoạt động các nhà bác học hiện đại của Thế giới, tôi sợ rằng một ngày không xa, khoa học sẽ tiến đến chỗ cùng đường và sẽ bị nghẽn. Lối thoát không phải là khoa học huyền bí, chuyện đã cũ rích rồi, mà là khoa học chân chính, la Science tout court, la vraie.

Vì khoa học chân chính không phải chỉ là những khám phá trong vũ trụ hữu hình, mà còn phải là khám phá cả vũ trụ tàng hình (Univers Invisible).

Cho đến ngày nay, loài người chỉ sống trên một nửa hành tinh mà thôi!

* NGUYỄN-VỸ



* CHỈ LẮC VÀI CÁI

Ông khách hỏi người bồi phòng :

— Chú có thể gọi tôi thức dậy vào 6 giờ sáng mai hay không ?

— Thưa không thể ạ ! Nhưng tôi sẽ cho ông mượn chiếc đồng hồ báo thức.

— Chú có chắc nó sẽ reo không ?

Người bồi phòng đáp :

— Dạ, rùi nó có trục trặc, ông chỉ việc lắc vài cái là nó sẽ reo ngay !

điểm và đi vàng

* NINH - CHỮ

thói quen anh ngồi đây
lặng nhìn em đứng đó
bốn mắt bốn làn môi
thời gian âm thầm qua

cốc bia rót thêm đầy
đều thuốc đen dốt mắt
mắt em mờ trong khít
sầu lên tự bàn tay

một tờ dây rất mỏng
dăng ngang giữa chúng mình
tia mắt liếc có đuôi
em và anh không nói.



* PHƯƠNG-ĐÀI

ánh đạo thiên

Sương ngũ thêm rêu nắng trở mình
Vườn xuân tô thắm nét đản thanh
Nghiêng nghiêng hoa nhủ lời tha thiết
Rạng ánh thiếu quang đẹp ý thành

Én dẹt trời cao mây lững lơ
Thi nhân hoạt cảm nhà hồn thơ
Xem hoa trong nắng say men tú
Kết mạng thiên nhiên đắp cõi bờ

Ba cõi tung bùng hoa thể hệ
Nắng hồng ấp ủ cánh sơn xuyên
Mang mang bốn hướng reo tâm sự
Khung biệt xuân giăng ánh đạo thiên.

mười năm

* TƯƠNG - PHỐ

Thành Nha có khách ly-hương
Vân tương tư mộng con đường Cổ Ngư
Còn nhớ giọng ru tư buổi ấy
Hỏi : « Chị ơi, đi mấy trăng về ? »
Mười năm đất khách đề mê
Bắc Nam đợi một ngày về bật tâm
Cánh bư thiệp viếng thăm ngàn ngại
Rời người xa, xa lại càng xa
Em hôn lãng phí niên hoa
Chị nay mái tóc cũng pha sương rồi
Ngày thắm thoát năm trời vun vút
Hạn non sông đã phứt nào khuấy
Đôi bờ Bến Hải bấy nay
Bên kia ai ngóng, bên này ai trông
Một chia tay mười đồng ảng lặng
Tinh nước non cùng nặng tâm tư
Tháng ngày không một hàng thư
Cảm thông hãy đọc bức thư tình thần
Dãi tỏ hết xa gần ăn khuấy
Bạc đắng cay u uất đáy lòng

Tây hồ nhớ nước mình mong
Bồn lòng ta cũng mong mênh biển hồ
Ngao ngàn bức Đu-Đồ rạch nửa
Người nước non ai nở vô tình
Mười năm chẳng ngọt đào bình
Bao thanh niên Bắc Nam mình thác oan
Nồi da nấu thịt cam tâm mãi
Cốt nhục tương tàn hại mấy mươi
Anh hùng dân tộc chao ôi

Khoanh tay nữ đề giống nòi giết nhau
Khấp non sông ử màu tang tóc
Cô nhi quả phụ khóc bên đường
Còn xô nhau tới sa trường
Còn nhiều thảm cảnh bi thương nào nung

Đường Cổ-Ngư lời cùng hứa hẹn
Người còn đây mà hẹn sai rồi !
Đâu ngờ sông núi xẻ đôi
Đề em phương Bắc, chị người phương Nam
Mười năm quá dở dang tâm sự
Nguyện đi em, nguyện chữ trăng hoan
Nguyện ngày thống nhất giang san
Một cười dịu hắt muôn vắn đắng cay !



truyện ngắn

★ TUẤN-HUY

**cùng đi
vào
nhưng
mùa xuân
vui
tươi**

TRÌNH đi giữa ba người bạn. Về mặt anh lăm-lì đến danh cứng lại. Những tiếng cười nói xôn xao từ lòng phố vang lên. Trinh không để ý gì hết.

Anh cầm đầu bước những bước nặng nề, chán-nản. Lời rao hàng cuối năm của gã đàn ông bên vỉa hè nghe thiếu não như lời kêu xin của một người hủi. Trinh chợt thấy vai mình có một bàn tay giữ chặt lại. Xe cộ đang nối đuôi nhau chạy băng băng ra các ngã đường. Trinh ngược lên ngọn đèn xanh ở phía trái. Ánh đèn mở ngõ

CÙNG ĐI

cho một chiều đi hùng hổ vội vã. Khương nhìn anh mỉm cười. Toàn thì đứng cạnh Khương, nét mặt thần nhiên thật đáng ghét. Câu nói hỗn láo của nó trong câu-lạc-bộ lúc này khiến anh chỉ muốn đấm vỡ mặt nó ra. Tại sao được quyền chế riếu sự đau buồn của bạn? Tại sao lại mang kỷ niệm chua xót của người khác ra làm một trò cười? Lúc đó, anh đã nóng mắt nhìn mấy chiếc võ chai «33». Nếu Khương không kịp lời anh ra đường, có lẽ anh đã gây lộn, đánh cho Toàn một trận.

— Tao vừa thấy Khuê đi qua đây với một thằng đàn ông... Thằng đàn ông đó vừa già vừa xấu hơn thằng Trinh, chúng mày ạ.

Trinh uống một hơi bia, và muốn quên đi. Nhưng tiếng Toàn vẫn tàn nhẫn nối tiếp:

— Tụi con gái là như thế đấy. Vây mà ngày xưa nó với thằng Trinh xoắn xuýt nhau như sắp thành vợ chồng.

Trình dẫn mạnh cái ly lên mặt bàn:

— Đủ rồi! Mày cầm cái mồm mày lại!..

Đèn hiệu đổi sang màu vàng rồi đỏ gắt. Trinh đi bên Khương, Thằng Toàn và thằng Miên đi phía sau. Chúng nó hồ hởi cười, Chắc lại đang trêu ghẹo một thiếu nữ nào đó. Bất giác, Trinh nhớ đến những chuỗi cười của Khuê đêm giao thừa năm ngoái. Đêm đó, anh đón Khuê đi ăn rồi đi chơi. Khuê uống hơi nhiều rượu. Nàng chuếch-choáng say và không giữ được bình tĩnh:

— Anh Trinh! Sao anh không lấy em đi?

Trình để ngón tay lên môi nàng:

— Có chứ. Sớm muộn anh sẽ phải lấy em chứ.

— Nhưng... tết này em vừa đúng hai mươi bốn tuổi rồi. Chẳng bao lâu em sẽ già và xấu xí... Lúc đó, anh sẽ quên em như đã quên bao nhiêu người con gái khác phải không?

Trịnh thở dài :

— Em đừng nói thế. Giữa lúc ba má anh đang bắt hòa và không biết bỏ nhau ngày nào, anh chẳng thể vội nghĩ đến việc hôn nhân của mình.

Khuê cười sặc sụa :

— Vậy là anh coi trọng hạnh phúc của gia đình anh hơn hạnh phúc của chúng ta ?

— Hạnh phúc nào cũng quan trọng cả. Em thử đặt mình vào địa vị anh, mới thấy được những khó khăn.

Khuê vùng vằng :

— Bao giờ anh cũng có lý hết. Nhưng gia đình anh lục đục từ mấy năm nay rồi, chứ nào mới mẻ gì... Em biết đợi đến bao giờ, bao giờ ?

Trịnh cúi gầm mặt xuống. Hoàn cảnh của anh chưa cho phép anh được cưới Khuê. Cha anh bỏ đi biệt biệt suốt ngày ấy sang tháng khác. Mẹ anh thì gặt gồng buồn phiền. Thỉnh thoảng gặp nhau, hai người lại cãi cọ, đập phá... Những lời chi chiết bêu riếu, những câu nhiếc mắng tục tằn... Gia đình anh thường xuyên ở trong một tình trạng đen tối hỗn độn. Anh không muốn can dự vào sự đồ vớ đó, tuy thực lòng anh rất đau đớn. Nhiều khi ngồi đối diện với cha, anh định hỏi rõ nguyên nhân. Nhưng về mặt hăm hăm cau có của ông khiến anh ngại ngần. Hỏi mẹ, thì bà chỉ khóc lóc, kể lể những lời dài dòng vô ích. Một lần, anh cáu quá, bảo : « Nếu vậy, con sẽ đi khỏi nhà này. Sao bao năm ở nước ngoài trở về, thấy gia đình toàn những thù hận chia rẽ... » Mẹ anh mếu máo : « Mẹ biết thế là buồn lòng con nhưng không thể làm hơn. Mẹ chịu đựng đã nhiều nhưng cha con càng ngày càng quá quắt. Ông ấy hết say mê có nợ lại đuổi theo tán tỉnh cô kia. Mẹ khuyên ngăn thì ông ấy chửi bới, đánh đập... » — « Thì má cứ để mặc ba con. Chắc

cũng có ngày ba con phải hồi tâm hối hận ». Mẹ Trịnh lắc đầu : « Mẹ đã cố. Nhưng nếu con thấu rõ nỗi đau khổ của người đàn bà khi hạnh phúc của mình bị người khác tranh cướp mất. Mẹ không phải là thần thánh, nên vẫn có những ganh tức, ghen tuông... » Trịnh ứa nước mắt. Anh nhìn những sợi tóc hoa râm của mẹ, và lượng tưởng con số những tháng năm phiền muộn chông chất trên mái tóc ấy. Một niềm thương cảm dâng lên, lòng Trịnh xót xa cay đắng. Anh chẳng biết làm gì để hàn gắn nỗi vết rạn nứt mỗi ngày một trầm trọng hơn, giữa hai người thân yêu...

Khuê thấy Trịnh nín lặng. Nàng cười nhạt :

— Thế mà anh bảo rằng anh yêu em. Bây giờ em mới rõ những lời đó chỉ là giả dối.

Trịnh đặt tay lên vai Khuê :

— Em phải nhìn thẳng vào thực tế mới được. Liệu anh cưới em về lúc này, em có chịu nổi cái không-khí phức tạp của nhà anh không ?

— Chúng ta sẽ ở riêng. Ba má em có một ngôi nhà bỏ không trên Tân-Định.

Trịnh lắc đầu :

— Em quên rằng anh chưa có việc làm à ? Còn nhờ vả ba má em, thực tình anh không bao giờ muốn.

— Vậy cứ kéo dài thế này mãi sao ? Yêu anh, em mong được sống với anh hẳn hoi, chứ không phải chỉ là những lần hẹn hò, ăn uống, nhảy nhót.

— Anh biết. Nhưng tại sao chúng ta không thể chờ đợi nhau một thời gian nữa ?

Khuê héo hắt cười :

— Chúng ta quen nhau đã hơn bốn năm rồi. Nếu không muốn lấy em, anh cứ nói thẳng ra bởi vì em không thể chết già trong tình yêu lầm cảm của anh.

— Em nên bình tĩnh. Khi anh yêu em, anh chỉ mong làm thế nào cho em được sung sướng. Anh không nỡ lấy em về để em phải lo phiền.

— Biết đâu đó chẳng là một lối tri hoãn để anh dần dần quên bỏ em?

Trình phác một cử chỉ bực bội:

— Em đừng nói những lời thiếu suy nghĩ đó.

— Còn suy nghĩ gì nữa. Mỗi lần bàn việc hôn nhân là anh kiểm soát thoải thác. Anh tự coi mình như kẻ có độc quyền về việc lấy hay không lấy một người con gái. Nhưng người con gái đó cũng có quyền phản đối anh, khi anh cứ bắt người ta ngóng chờ. Em có cảm tưởng như mình là một kẻ đi ăn xin tình yêu...

— Ô, sự nóng nảy của em lúc này khiến anh không thể giải thích gì được nữa. Mọi việc, em đều nhìn qua lăng kính của kẻ nghi ngờ... Có lẽ, anh đưa em về là hơn.

Khuê nhún vai. Hai người lẳng lẳng trèo lên một chiếc taxi. Trong kia, thành phố lác đác vài tiếng pháo nổ. Trình không ngờ nay anh và Khuê đã có chuyện buồn. Đáng lẽ hai người đang ở trong tay nhau, bước những bước quyền duyên giữa sóng nhạc du dương đầm ấm. Đáng lẽ lúc này, anh phải dìu Khuê đi vào ánh đèn màu, đi vào niềm hy vọng ngập tràn tốt đẹp của những người đang yêu nhau trong giờ phút đầu tiên của một năm. Anh sẽ cúi hôn nàng và thầm thì: « Anh yêu em. Chúc em ba trăm sáu mươi năm ngày vui tươi ». Rồi những quả bóng bay, tiếng saxophone vang ấm tới tận tâm hồn, và những ly rượu ngọt ngào...

Trình lại thở dài. Anh liếc sang phía Khuê: Nàng ngồi khoanh tay, đôi mắt còn long lên hờn giận. Trình định nói mấy lời xin lỗi nhưng cái vẻ cao kỳ kiêu hãnh cản nàng làm anh không nói được gì hết. Anh ngoảnh ra

nhìn những hàng cây lùi về phía sau. Đêm trừ tịch, phố xá vắng ngắt. Một vài nhà đang sửa soạn cúng giao-thừa. Mùi hương ngào ngạt lan trong gió... Trình nghĩ đến cảnh đoàn tụ của các gia đình và tủi buồn cho gia đình mình. Đến nhà Khuê, Trình nắm tay nàng, thành khẩn:

— Khuê... Anh muốn nói với em...

Khuê rút tay lại. Nàng mở cửa xe, lạnh lùng:

— Thôi, chúng ta không còn gì để nói cả. Chào anh.

Trình bước xuống theo:

— Vay sáng mai anh lên mừng tuổi má và em. Em chờ anh nhé.

Khuê sửa lại vạt áo, giọng nàng trở nên gay gắt:

— Anh đừng đến nữa. Má tôi và tôi cảm ơn anh nhiều lắm.

Nói xong, Khuê hấp tấp chạy vào lối ngõ. Trình thần thờ trông theo. Một cái gì lạnh giá như vừa tàn nhẫn đổ xuống. Anh quay về xe với nỗi cô đơn tẻ buốt của mình...

Và thời gian hồ hững trôi qua. Khuê lần tránh Trình. Nàng không cho anh gặp và cũng không trả lời những lá thư anh viết. Trình chán nản xin làm cho một hãng tàu ngoại quốc. Nhưng sóng nước trùng dương và những chân trời xa lạ không thể xóa nhòa được hình ảnh Khuê. Mười một tháng trời lẩn lộn với biển cả, Trình được về nghỉ phép ít ngày. Những lời Toàn nói lúc này không biết là sự thực hay chỉ là trêu cợt. Trình không thấy rõ Khuê đi với ai, nhưng nỗi đau đớn vẫn nở ra và làm nhức nhối tim anh. « Có thể nàng đã lấy chồng. Có thể nàng đã có người yêu. Nhưng tất cả còn có gì liên quan đến mình nữa đâu? »

Tôi một công viên, Trình bắt tay từ già lữ bạn.

Anh muốn được đi một mình để sống lại với bao kỷ niệm đẹp đẽ của mỗi tình đầu. Thành phố này nhắc nhở anh những kỷ niệm ấy. Đây là con đường hai người vẫn đi. Kia là tiệm cà phê hai người thường ngồi chum dầu hàng giờ tâm sự. Đây là bờ sông, rạp chiếu bóng, giáo đường, những cửa hàng... Nơi đâu cũng còn như ghi chứa rõ rệt từng bóng hình của Khuê và anh, nơi đâu cũng còn như âm vang từng lời đối thoại của hai người...

Trịnh ngừng lại chằm một điệu thuốc. Anh chợt để ý tấm bích chương dán ở khung kính một hãng máy bay. Tấm bích chương vẽ một thành phố Âu châu mà anh đã có dịp ghé qua cách đây gần ba tháng. Nụ cười đầm thắm của Jacqueline như ẩn hiện sau cái tháp cao vòi vọi kia. Những ngày vui ngắn ngủi ấy chỉ làm anh nhớ nhung sâu đậm Saigon. Những vòng tay, những môi hôn của người đàn bà có mái tóc bạch kim, chỉ làm anh ngậm ngùi hồi tưởng đến Khuê, đến đôi mắt to đen và mái tóc mềm mại của nàng. Hôm chia tay Jacqueline, Trịnh còn nhớ rõ — Jacqueline nghẹn ngào nói với anh :

— Trịnh ơi ! Anh thật tốt. Anh không giống những thanh niên em đã gặp từ xưa đến nay. Em yêu anh bằng tất cả tâm hồn trong trắng của người đàn bà đầy đặn...

Trịnh vuốt ve Jacqueline và an ủi nàng :

— Anh tin em, nhưng rất tiếc anh không thể ở lại. Đời thủy thủ các anh, phải sống nay đây mai đó.

Jacqueline nức nở :

— Em biết các anh yêu biển khơi hơn yêu đàn bà. Vì vậy em chẳng dám nài giữ. Nếu anh ở lại, một ngày kia anh cũng trốn bỏ em.

Trịnh buồn rầu :

— Ai cũng có thành kiến đó. Nhưng biển cả và đàn bà, mỗi cái cho mình một cảm giác khác nhau.

Jacqueline nắn ca-vát cho Trịnh :

— Anh hãy để em vào hẳn nhà rồi anh hãy đi, nghe anh. Em không có can đảm nhìn theo một người thân yêu bước xa dần, xa dần rồi khuất hẳn...

Trịnh gật đầu. Hai người trao nhau cái hôn cuối cùng đầy cay đắng. Jacqueline ở lại căn gác ấm cúng với thế giới riêng biệt của nàng. Anh xuống tàu, nối tiếp cuộc đời bồng bênh, xuôi ngược. Bây giờ...

Trịnh vào một tiệm bán tạp phẩm, chọn mấy chai rượu mạnh. Anh nghĩ đến bữa cơm chiều vui vẻ ở nhà đang đợi chờ. Cha mẹ anh đã làm lành với nhau ngay ít lâu sau ngày anh bỏ đi. Sự việc đó là nguồn an ủi lớn lao nhất cho Trịnh, dù tình yêu của anh hầu như tan vỡ. Anh mua biếu mẹ một hộp sô-cô-la mà bà vẫn thích. « Anh coi hạnh phúc của gia đình hơn hạnh phúc của chúng ta ư ? » Lời Khuê nói hôm nào lại vẳng lên, vẳng lên. Anh muốn trả lời : « Hạnh phúc của gia đình, anh có rồi; chỉ còn hạnh phúc của riêng anh — anh sẽ tìm kiếm ».

Với ý nghĩ đó, Trịnh trở về nhà giữa những tiếng cười hề hả của mẹ. Bà đang sửa lại cành mai, và nói với chồng :

— Đã lâu lắm tôi mới để ý đến Tết. Minh có thấy cành mai này nhiều nụ không ?

Cha Trịnh gật đầu. Ông âu yếm nhìn vợ. Trịnh sung sướng lấy cái không khí thuận hòa của cha mẹ, nhưng lại ngùi nhớ đến người yêu của mình. « Giá lúc này em được chứng kiến cảnh đầm ấm của gia đình anh ? Chúng ta sẽ có thể lấy nhau, nếu em đồng ý ». Trịnh lên tiếng chào cha mẹ. Cha anh vồn vã :

— Kia con.

Mẹ anh nhanh nhẩu :

— Con lên tắm đi, rồi xuống ăn cơm.

Trình đặt các thứ lên bàn. Anh nhìn những đóa hoa lay-on tươi thắm :

— Chà ! Tết này nhà ta tung bưng quá. Thế mà con định đi Osaka thì uổng phí biết bao !

Cha anh khoát vai anh, thân mật :

— Cha mong con sẽ được hoàn toàn vui vẻ.

Mẹ anh rơm rớm nước mắt :

— Mẹ cũng thế.

Trình khẽ thở dài. Làm sao chia mẹ anh thấu hiểu nỗi đau đớn hiện hữu của anh ? Ngoài tình máu mủ ruột thịt, người thanh niên còn cần phải có tình yêu thương của một người đàn bà... Trình bước lên cầu thang, cố dấu kín sự buồn khổ của mình. Cha mẹ anh ngó theo và thầm nói với nhau :

— Mong nó được ngạc nhiên trong sung sướng.

Trình mở cửa. Anh dừng lại với nỗi ngạc nhiên đến sửng sốt. Khuê đang ở trong kia. Nàng đứng sát cửa sổ, ngó xuống đường. Ô, Trình chưa thể quên : vẫn mái tóc bồng loai và tấm áo hồng nhạt ngày xưa. Anh bấm vào ngón tay để xem mình mơ hay tỉnh. Giữa lúc đó, Khuê ngoảnh lại. Trình kêu lên, bối rối :

— Em...

Khuê mỉm cười :

— Hai bác bảo em đợi anh ở trên này. Anh còn nhớ em không ?

Trình đến gần nàng :

— Nhớ chứ. Chúng ta xa nhau đã gần một năm rồi.

— Vâng. Kể cả ngày hôm nay là ba trăm sáu mươi

ba ngày. Lúc chiều, em thoáng thấy anh ngồi trong câu lạc-bộ hàng hải.

Trình nhìn Khuê dò xét :

— Có. Anh có thấy Toàn nói. Em đi với bạn phải không ?

— Em đi với chú em. Ông ấy mới ở Đà Lạt về.

Trình nhớ những lời trêu chọc của Toàn :

— Vậy mà, bạn anh tưởng...

Khuê nhoẽn miệng, chận lời :

— Tưởng em đi với ai... Anh cũng tin vậy sao ?

— Không. Anh không nhìn thấy rõ nên chưa tin gì hết.

— Còn cô Jacqueline của anh ?

— Cô ấy vẫn ở Paris. Sao em không trả lời thư anh ?

— Tại em quá ngượng ngùng. Hơn nữa, em nhiều tự ái lắm. Nhưng nếu anh hiểu rằng người con gái khi yêu ai chỉ nghĩ đến tương lai...

Trình nhìn thẳng vào mắt Khuê :

— Anh hiểu. Mong em tha lỗi cho anh.

Khuê ngồi xuống ghế :

— Chúng ta đều có lỗi cả. Mãi khi anh đi xa rồi, em mới thấy mình hoàn toàn nông nổi. Sự hối thúc của em quá lỗ bịch phải không ?

Trình nắm bàn tay khuê :

— Sự hối thúc đó là đặc tính đáng mến nhất của những người yêu nhau chân thành. Chúng ta đã bỏ phí một ít ngày vô ích. Nhưng nếu em còn yêu anh...

— Đáng lẽ em phải hỏi anh câu đó thì mới đúng. Khi nhận được thư anh kể chuyện Jacqueline, em tưởng có thể diễn lên được.

CÙNG ĐI

— Thật ư ?

— Chứ em nói dối anh sao ? Nhưng em hỏi thực anh có yêu cô ta không ?

Trình vuốt tóc Khuê, triu mến :

— Sự có mặt của anh ngày hôm nay đã trả lời em đây đủ rồi.

Khuê nép đầu vào ngực Trình :

— Nếu Tết này không có anh, em sẽ buồn biết bao nhiêu. Bao giờ anh lại đi ?

— Anh không đi nữa. Anh sẽ xin một việc làm khác ở Saigon, để sống với em... Đã đến lúc chúng ta cần phải quyết định dứt khoát tương lai của mình.

Khuê không nói gì. Có lẽ nàng đang muốn tận hưởng nỗi vui sướng chưa từng có. Từ dưới nhà, vọng lên một bản nhạc vui. Mùa xuân mới như đã trở về qua những tiếng nhạc dồn dập ấy. Khuê nhìn giầy đèn chói sáng dưới đường phố. Nàng tưởng tượng đó là hội hoa đăng rực rỡ, mở đầu cho những ngày dài hạnh phúc lứa đôi... ★●



★ THỰC TẾ

Chàng nọ cầm bó hoa, đứng chờ người đẹp tại một công viên. Nàng đến và bất bình :

— Hử ? Anh tặng em một bó hoa giả làm bằng giấy như thế này sao ?

— Vâng em ạ ! Mỗi lần hẹn, em đến quá muộn, anh phải dùng hoa giả kẻo hoa thật thì nó héo ra hết.

xuân lên

■ THÙY - DƯƠNG - TỬ

Mùa xuân về lại rồi em

Non sông còn khóc ử mềm thương đau

Rừng cao đội lá mới vào

Biển vui nước mới xin chào người lên

Anh nằm mơ tuổi hồng em

Nghe hồn sơ cỏ quện mềm khói hương

trầm thơm ngát tuổi quê hương

Người vui ra mặt rộn đường nhân gian

Gió trong lên ấm mai vàng

Người lên chiến tuyến buồn sang xuân này

Ta về với tuổi em đây

Cười ngoan em nhé, vui ngày xuân sang

sài-thành xuân cảm

■ HOA - MAI

Phường-phố đua nhau cất dựng nhà.

Bin-din chất-ngất về nguy-nga.

Cầu may bao kẻ ham mua số

Thấy bỏ nhiều em rủ bán « bar »

Tiền-tuyển kêu vang hồn tử-sĩ

Hậu phương say tỉnh mộng đô-la

Giàu sang kiến-thiết bên xương máu

Tết-nhứt ai ôi chán lắm mà !

diễn tả

★ TRẦN ĐỨC UYÊN

Tôi đứng đây hai tay duỗi bơ thờ để thấy lòng mình xanh xao
màu tuyết vọng, để nghe mỗi mòn thân xác và chùng kiến
máu me.

Hãy ngâm ngùi vài phút, viên đạn soi vào ngực, kẻ nào gục
chết đó. Thằng bạn ta phải không. Lịch sử chuyển động ri
rầm như một dòng sông, ôi dòng sông dài bất tận, trong đó
những xác người đang bơi, em nhìn xem.
Em nhìn xem, thấy chưa.

Một đốm nâu co quắp trên thảm cỏ xanh. Tôi mừng tưởng ra
bóng địch thù. Chiếc mũ xám vừa rớt khỏi đầu nó. Nó, ngắm
coi, ngắm coi, đứng nó không.

Người mang bộ quần áo lục thì đang cựa quậy. Vết thương rỉ
nước vàng, lỗ sâu tun hút. Hấn ngời dậy và gắng sức lê đi.
Bây giờ hai xác chết dính nhau làm một.
Và cả hai đều nín thê.

Mặc niệm thôi. Gió thốc ào ào, chiếc mũ đập dính rồi lăn tròn
và quay lông lốc. Còn đợi gì, cúi đầu mau cho tổ quốc chúng
ta, cho bất cứ ai, cho con cháu sau này sẽ làm nên sáng láng.
Bởi vì sông núi vô tri nhưng tôi làm thơ diễn tả.

Từng đôi giày được tháo rời chân.
Súng đeo vai hạ xuống
Khi đó tình anh em
Tội xót xa tôi cùng tội ác.

Linh hồn cháy đỏ, lửa reo tung bưng. Tôi núp dưới tàn trời
đèn vang tiếng động, mắt giận bi thương và trái tim ám khói.
Em khóc

Thở
Dòng lệ khô khan, vết tích hải hùng

Sự sống qua từng lớp lang bụi phủ, không ai cứu đổi linh hồn
chúng ta. Em ngược nhìn lên, trên đó chỉ thấy mây vàng lãng
đãng. Và bóng ta lơ lửng treo cao.

Cỏ mùa Xuân hiềm hoi, anh rao tìm cùng khắp. Em nghe
chàng lời trời của mặt trời, của rừng và của anh.
Mà đôi giày và chiếc mũ là dấu chứng.

NGỰA VIỆT

NGỰA TÀU!

• THÁI-BẠCH

GIỐNG NÀO
OANH LIỆT TRÙM
THẾ GIỚI?
LOÀI NÀO
PHI

NHANH NHẤT
XƯA NAY?

NĂM nay, năm Ngọ, năm thuộc hành tinh ngựa, một gia súc có công và có nghĩa hơn hết. Vậy ta mượn đầu đề trên làm quà khai xuân, hiến quý bạn đọc trong ngày Tết đến, đề xua đi tất cả những gì khổ não, buồn rầu, là ghê sợ, hận thù của một năm "tấn độc" vừa qua...

Thưa các bạn.

Nói đến loài ngựa, người ta thường kể đến con ngựa Truy phong xích thố của Quan-vân-Trường

xưa là phi thường và oanh liệt, đã vang bóng một thời đại Tam-quốc.

Nhưng xét ra không đúng, con ngựa ấy tuy có mẽ có danh, nhưng quá trình hoạt động đã thay thay đổi chủ không khác nào các tay chánh trị thò lò đã quen miệng hoan hô, sẵn mồm vạ tuế bất cứ một triều đại nào dù. Pháp, dù Nhật, dù Việt-Minh và dù cho chánh phủ nào khác...

Các bạn không tin, hãy tra xét lại Tam quốc diễn nghĩa, xem con ngựa ấy trước khi đề lưng cho

Quan-Công nhảy lên, đã từng làm tôi Đổng-Trác cùng Lã-Bổ rồi không ?

Than ôi, thật chẳng xứng đáng với danh hiệu «Truy phong xích thố mã» chút nào ! Không biết «Quan ngài» có hiểu thế chẳng mà còn để mấy tay thợ vẽ, vẽ ngài rồi vẽ luôn cả nó để đưa lên bàn thờ cho dự phần xôi thịt cúng lễ !.

ĐÂY NGỰA Ô TRUY CỦA TÂY - SỞ - BÁ - VƯƠNG

Bởi vậy theo người Tàu thì con ngựa anh hùng đứng vào bậc nhất trong thiên hạ xưa nay phải nói là con ngựa ô truy của Tây-Sở-Bá-Vương.

Căn cứ Hán-sử, con ngựa này xuất hiện ở núi Đồ sơn thuộc huyện Cối kê vào khoảng đầu đời Tần-Nhị-Thế, cách đây khoảng hơn 2.000 năm, do một con rồng đen hóa ra. Nó phá làng xóm, hoa màu thóc lúa, không ai ngăn cản nổi. Sau Hạng-Vũ đi qua, bắt gặp, liền nạt lớn rồi xăn áo xông vào chụp lấy lông mao thót lên cuờn. Nó cố sức cự, nhưng không được, và từ đó trở thành chiến

mã của anh chàng thiếu niên họ Hạng. Nó đã góp phần công lao rất lớn trong cuộc chiến tranh cách mạng lật đổ chế độ tàn bạo của nhà Tần thối nát.

Ngoài cái sức khỏe vô địch «càng cổ vị kim», nó còn là con ngựa sáng suốt và khí tiết chưa từng. Sáng suốt vì khi chủ nó định phá vòng vây Cai hạ, nó biết thất lợi, nên không chịu đi, khiến Hạng Vũ tức Tây-Sở Bá-Vương đã phải ngậm ngùi than :

*Thời bất lợi hề truy bất thệ,
Truy bất thệ hề nại nhược hà ?*

Nghĩa là «thời không thuận lợi, ngựa ô truy không đi, ngựa ô truy không đi, biết làm sao bây giờ ?».

Quả nhiên, trận ấy Sở-Bá-Vương thua thật. Tiết tháo vì khi đến Ô Giang, nó bị thương, được Sở Bá vương cho xuống đò trước với Chung-ly-muội để trở qua Giang-đông, nhưng khi thấy chủ tự tử, nó bỗng chảy nước mắt ra, rồi lao đầu xuống giữa dòng sông xanh thắm thắm để tự kết liễu lấy cuộc đời, khiến tên lái đò Đinh-Trưởng sau đó trong cuộc đàm thoại với tướng Chung-ly-Muội, đã phải cảm động thú thật :

— Xin thưa tướng quân rõ, bản ý tôi đến đây là đưa Bá - vương sang sông rồi đến giữa dòng thì đánh đắm giết đi. Nhưng cứ chỉ

của Vương đối với tướng quân con ngựa ô truy đã làm tôi thay đổi. Tuy nhiên trước sự đã rồi, thì hỏi biết làm sao bây giờ ?

Quả thật con ngựa ô-truy của Tây-sở-bá-vương là một chiến tướng anh hùng trong lịch-sử loài ngựa.

Và ngựa gỗ của Gia-Cát Không-Minh

Cũng theo lời con cháu các cụ Phục-Hy, Thần-Nông, Viêm-Đế ở nước Tàu còn một con ngựa kỳ dị nhất hoàn cầu ấy là con ngựa may bằng gỗ của Không-Minh dùng để tải lương khi đem quân đánh Ngụy.

La-quán-Trung tác giả Tam-quốc-chí điển-nghĩa cho biết con ngựa máy được chế theo cách thức như sau :

Sườn dài 3 thước 50, rộng 3 tấc, dày 2 tấc 50. Hai đầu phía trước có khoan lỗ trục cách đầu 4 tấc, đường kính lỗ 2 tấc. Chân trước có lỗ cách đầu 4 tấc 50, dài 1 tấc 50, rộng 1 tấc. Các cần trước có lỗ, cách lỗ chân trước 2 tấc 70, lỗ dài 2 tấc, rộng một tấc. Lỗ trục sau

cách lỗ cần trước 1 thước 50, dài rộng bằng lỗ trước, lỗ cần sau dài 4 tấc 50; cần trước dài 1 thước 80, thùng dài 2 thước 70, cao 1 thước 65, rộng 1 thước 60, mỗi thùng chứa được 2 hộc 3 đấu gạo. Từ lỗ cần trên xuống dưới sườn 7 tấc, trước sau như nhau. Lỗ cần trên cách lỗ cần dưới 1 thước 30, lỗ dài 1 tấc 50, rộng 7 phân. Tám lỗ như nhau, bốn chân, mỗi chân rộng 2 tấc, dày 1 tấc 50. Da thuộc dày 4 tấc, kính diện 4 tấc 30, dòn dọc dài 2 thước 10, rộng 1 tấc 50, dày 1 tấc 40.

Con ngựa này leo đèo vượt núi rất tiện.

Tướng Ngụy là Tư-Mã-Ý cướp được mấy con, đem về chế theo, nhưng vì không biết cái máy hãm bí mật ở lưỡi, nên khi thả ra, ngựa chỉ có chạy mà không ngừng, thành thử làm ra bao nhiêu lại về tay Không-Minh bấy nhiêu.

Kề cũng kỳ dị thật !..

Nhưng đâu bằng ngựa của Phù-Đổng Thiên Vương

Người Trung-hoa tự hào có hai con ngựa ấy. Nhưng khoe

với nước nào thì được, chớ với Việt-Nam thì xin lỗi.

Con ngựa Ô-truy của Tây-Sở Bá - Vương dẫu bằng con ngựa của Phù - Đổng Thiên-Vương.

Sứ chép đời Hùng-vương thứ 6, nước ta bị lũ giặc Ân tràn sang, khí thế mạnh lắm, không ai dẹp được. Nhà vua sai sứ đi khắp nước tìm người tài giỏi chống xâm lăng. Tại làng Phù-đồng, họ Vũ - Ninh (nay thuộc huyện Vũ-giàng, tỉnh Bắc-Ninh) có đứa trẻ xin đi.

Sứ giả về tâu, vua lấy làm lạ, đòi vào châu. Đứa trẻ xin đúc cho một con ngựa bằng sắt. Khi ngựa và roi đúc xong, đứa trẻ vươn mình một cái, lớn ngay cao một trượng, rồi cầm roi nhảy lên mình ngựa ra đi.

Ngựa phóng đến đâu, lửa phun đến đó, quân giặc chạy không kịp, chết như rạ.

Sau khi phá giặc, người ấy và ngựa ấy đến núi Sóc-sơn thì bay lên trời mất. Nhà vua nhớ ơn, sai lập đền thờ tại xã, sắc phong là Phù-đồng Thiên-vương.

Hiện nay, còn đến mỗi năm đến ngày mồng 8 tháng 4 có hội hè vui lắm.

Oanh liệt biết bao ! Phải thời này mà ngựa ấy còn thì bao nhiêu máy bay, tàu thủy, đại bác, hỏa tiễn, nguyên tử, vệ tinh cũng đành câm họng tịt ngòi hết.

Và còn đây nữa, con ngựa đá ở bờ sông Vĩnh Lại

Tục truyền ở bờ sông Vĩnh-lại thuộc tỉnh Hải-dương trước đây vào thời nhà Mạc có một con ngựa đá. Trên lưng có khắc hai câu thơ lục bát chữ Nho :
*Hà thời thạch mã độ giang,
Thử thời Vĩnh lại nghênh ngang*
công hầu.

Và hai câu Nôm, do hai câu trên dịch nghĩa :
*Bao giờ ngựa đá sang sông,
Thì dân Vĩnh-lại quận công cả*
làng.

Dân làng Vĩnh-lại cho đó là những câu sấm ký, nên thán gờ năm chờ.

Chờ xem ngựa đá qua sông mà làm sao qua được.

Đợi xem có phát được quận công, mà quận công cả làng hay chỉ là sự không bao giờ có cả.

Thế rồi đến đời Hậu-Lê, con

ngựa ấy nhờ sự bồi lở của hai bên bờ mà thành qua sông được.

Dân làng Vĩnh lại vui mừng biết mấy, vì nghĩ thế này là cả dân làng sẽ có dịp thành ông to bà lớn. Dân các làng khác cũng góp cho dân làng Vĩnh-lại. Con gái các nơi thi nhau về làm dâu Vĩnh-lại, với hy vọng sẽ thành bà quận chúa, đô đốc.

Đang khi ấy, tướng Tây-sơn là Võ-văn-Nhậm đem quân ra Bắc-hà đánh Nguyễn-hữu-Chính. Chính thua to. Vua Lê Chiêu-Thống phải giả làm dân thường mang ấn tín trốn đi.

Đến Vĩnh-lại, nhà vua tạm nghỉ chân. Dân làng biết được. Cho điềm trời xui khiến, họ rước vua về đình để thảo hịch mộ nghĩa. Sản ấn tín của nhà vua đem theo, họ đòi phải ký sắc phong tước. Tội nghiệp vua Chiêu-Thống, lúc ấy còn oai quyền gì đâu. Ngại vàng đã không giữ được thử hỏi còn tiếc gì tước nọ trước kia. Thế là chỉ nội một đêm, bao nhiêu kỷ lão, đình tráng trong làng đều thành quận-công, đô đốc cả.

Phong tước xong, nhà vua lên đường đi nơi khác. Nghe tin, đại quân của tướng Võ-văn-Nhậm tràn đến. Dân làng Vĩnh-lại phát cờ phù Lê chống đánh. Nhưng cư

không nổi, bao nhiêu quận công, đô đốc đều bị giết hoặc bị bắt, khiến tại họa xảy ra làm cho cả làng phải chìm trong tang tóc thảm thê.

● Kết luận

Ấy đây, thưa các bạn, có phải con ngựa đá này lại còn ly kỳ hơn con ngựa gỗ của Không-Minh hay không ?

Thế thì giống ngựa oanh liệt và phi thường dẫu phải giống ngựa Trung-hoa, mà phải nói một cách quả quyết là giống ngựa Việt-Nam, giống ngựa được hưởng cái hơi hám của con Rồng cháu Tiên, lãnh thọ không to.



mấy dân số không bao nhiêu, nhưng kẻ nào đụng đến thì hãy coi chừng ôm đầu cháy máu mà chạy, dù cho thiện chiến và thừa thắng như bầy quân Mông - Cò trước kia.

Nhất là con Ngựa của Phù-Đổng Thiên-Vương đã có chiến công chống xâm lược, mà xong việc rồi lại không cầu đòi hỏi gì hết.

Con Ngựa ấy chẳng những chỉ làm gương cho loài ngựa mà còn cho cả loài người nữa. Vậy nên kẻ viết bài này xin phép được mạn bàn đề nói :

— Những kẻ tàn dân hại nước, với chúng mà ta đem trâu ngựa để ví, thì nghĩ cũng tủi cho loài trâu, ngựa lắm thay. Kể cả những kẻ không thiết đến tiền đồ tổ quốc và vận mạng dân tộc là gì... ở trước những con giống tốt của lịch sử nước nhà.



★ ĐUA XE ĐẠP

Sau khi xem cuộc đua xe đạp, về nhà đưa bé hỏi người cha:

— Tại sao mấy người đi xe đạp lại rượt nhau nhanh dữ vậy, hả cha?

— Đây là cuộc đua đó con!

— Nhưng mục-đích cuộc đua là cái gì?

— Người cha đáp:

— Là kẻ nào về trước nhất được lãnh một phần thưởng.

— Con đã hiểu rõ tại sao người về trước nhất đạp xe nhanh để làm gì rồi, nhưng còn những người kia chạy chi vậy cha?

mùa xuân hôm nay

★ VƯƠNG TÂN

Đạm hòa châu kính hoàng
Giấc ngủ chấp chờn tiếng đạn
Anh nhớ tới em
Và Việt nam dớt đau
Mùa xuân đã về trên thung lũng
Những cánh hoa vàng và bướm bay
Mùa xuân chưa về trên tiền đồn
Những người lính lấy đêm làm ngày
Em ơi buổi chiều nay trên phố cũ
Trong rừng áo bay có còn nhớ ai
Cuộc chiến tranh này ở ngoài thành phố
Cuộc chiến tranh này không có những người con gái
Không có tình yêu không có hẹn hò
Giòng suối chảy thao thao trên núi bạc đầu
Con nai vàng chạy trốn vào rừng sâu
Anh ghim súng trong lỗ châu mai
Rời nhìn bè bạn

Những cặp mắt ngơ ngác
Vơi những hộp khẩu phần trên tay
Trời nắng nhẹ như buổi nào nhạt thực
Trời nắng trong vữa dù nhớ nhung
Chúng ta còn lại gì sau chiến trận
Tiếng bom nổ ì ầm bên kia núi
Như giấc mơ hãi hùng chiều qua
Mùa xuân rồi mùa xuân nữa
Sang năm anh bỏ làm thơ
Và em đi lấy chồng
Cuộc chiến tranh này mở rộng
Có còn ai nhớ ai
Hoa vàng trên thung lũng
Hoa trắng trên mộ hoang
Kỷ niệm xưa phai mòn
Những vết tích chiến tranh
Đạn địch bắt đầu nở
Anh bắt đầu nhớ em
Ôi nỗi chết không rời
Và Mùa xuân đương sang

mộng tưởng

● THU - NHI (Phan Thiệu)

Ngân mai, cúc cội cười trong gió lộng
Thiếp Xuân về tới tấp chúc mừng Xuân
Hồi tưởng nhớ Xuân nào xây ước mộng
Trần ngập hồn man mác áng hương Xuân
Vân cảnh xưa: rượu nồng chén sắc áo
Hoa tung bùng đùa nắng ấm lao xao
Thoang thoang bóng người đi qua sóng nhạc
Nhịp tim hòa say khúc hát tương lai
... Bừng tỉnh giấc nghe hồn vương trong gió
Lướt la-dá qua mây nước trắng sao
Người nơi đâu, vọng về đây chứng giám
Khói hương trầm tưởng niệm vút trời cao.

động giấc quỳnh hoa

● MẠCH - QUẾ - HƯƠNG

Gọi lòng nhớ buổi biệt ly,
Tiếng ca quyện gió người đi vẹn thề
Tầng mây chứa điện chớp lòe,
Trong đôi mắt ngọc lửa thề trào dâng
Niềm thương năm, tháng, rộng dần,
Trọn đời chưa dễ một lần hé môi!
Đêm nay rục rở góc trời,
Nàng Thơ đối Nguyệt chước mời tình ta.
Gió vàng động giấc quỳnh hoa,
Chín trời... hạc trắng ghé qua phương nào ?
Khiến lòng thực nữ nao-nao
Muốn thu trọn ánh Trăng, Sao, vào hồn.
Tạo thành Nguồn Sáng Yêu Thương,
Bao trùm khắp cõi Thiên Đường, Thế Gian
Sắc hoa thắm mãi không tàn,
Hương nồng diễm thoát, mơ màng Ý Thơ.

(Vĩnh-Bình)



TÔI chỉ quen biết anh Tam Lang Vũ đình Chí bảy tám năm sau khi đọc quyền phóng sự « Tôi kéo xe » của anh, xuất bản tại Hà Nội thời tiền chiến. Tuy không có gì đặc sắc và không linh động, tác phẩm vẫn hiển cho tôi một cảm mến chân thành sâu đậm, vì nó là thiên phóng sự đầu tiên về đời sống của một lớp người nghèo khổ. Nhưng từ ngày tôi biết anh Tam-Lang khá nhiều, và

nhất là từ khi vài người bạn thân trong làng văn khê bảo với tôi rằng Tam Lang không có đi kéo xe lần nào ; quyền phóng sự của anh chỉ được viết theo câu chuyện hàn huyên của một anh phu xe kéo mà Tam Lang đã mời ăn uống trong một tiệm cơm bình dân ở Cầu gỗ, thì tôi mới hiểu vì sao quyền phóng sự ấy không sâu sắc và kém phần linh động. Tác giả « Tôi kéo xe » đã không tôn trọng lương tâm nghề nghiệp của mình bằng một công trình giả tạo.

Anh đã không sống trong da thịt của anh, như một Jack London đã sống.

Anh đã không được hành-diện kéo xe như một người phu nghèo-rách đã kéo xe.

Tôi phải thú thật rằng vì thế mà tôi đã bị mối hận văn-ngệ đó trong một thời-gian khá lâu.

Vào khoảng năm 1937, tôi có dịp vào Sài Gòn, được nghe anh em trong giới Văn-ngệ ở đây đồn rằng có một sinh-viên « Trung-kỳ » du học ở Pháp về, đỗ bằng cử-nhân Luật, đã xếp bằng-cấp ấy vào xó đề đi làm « cu-ly xe kéo ». Động-cơ của thức đây chàng thanh-niên trí-thức ấy lựa chọn một nghề-nghiệp không thích-hợp với chàng một tí nào về mọi phương diện, chính là quan-niệm của chàng về giá - trị của bằng cấp cử - nhân Luật tương đối không bằng giá trị của một nghề lao động. Nếu bảo rằng đó không chắc là quan niệm thành thật của chàng, thì nó cũng là một hình thức chống đối lại các thành kiến hủ lậu của thanh niên thời bấy giờ, như :

đi học đề ra làm quan, đi Tây du học cho thành tài về nước đóng vai trò « trí thức thượng lưu », sống cho hạnh phúc ích kỷ của bản thân và gia đình mình, không hòa mình với các lớp đồng bào khổ cực.

Chàng biết rằng một cử nhân Luật du học bên Pháp về Saigon làm nghề kéo xe chắc chắn sẽ bị dư luận nghiêm khắc của giới trí thức và trường giả « An Nam », nhưng chàng đâu có cần dư luận đó. Trái lại, chàng muốn hành vi can đảm và cụ thể của chàng sẽ đạt đến kết quả : chứng tỏ cho các lớp thanh niên Việt-Nam thấy rằng trên bình diện luân lý xã - hội, quyền hạn và bổn phận của tay chân lao động và của đầu - óc trí-thức đều như nhau, không có cách-biệt. Hơn nữa, khi người trí-thức chỉ lo thỏa-mãn nhu-cầu cá nhân, từ-chối mọi đóng góp vào công cuộc phát-triển chung của tập-thể, thì giá-trị xã hội của nhà trí-thức thua kém hẳn giá-trị của lao-công.

Chàng sinh viên cử-nhơn Luật ở Pháp về muốn làm sáng tỏ ý-nghĩa của sự chàng đi kéo xe giữa thành phố Sài Gòn. Mặc dầu đó chỉ là một biểu-dương

tượng-trưng, nhưng chàng rất đáng khâm-phục bởi đã nhắm đột-kích vào thành-trì của hủ-lậu phong-kiến dưới sự che-chở của thực-dân, và mở rộng trí-óc của thế-hệ thanh niên mới hướng đến chân trời của Tự-do Thiên bộ.

Tôi rất tiếc nhiều lần đi tìm anh « cu-ly xe cử-nhân Luật » để nói với anh tất cả lòng cảm-mẫn của tôi, nhưng không được gặp anh.

Trở về Hà nội, tôi muốn đến thăm anh bạn Tam-Lang Vũ Đình Chí, tác - giả quyển « tôi kéo xe » đề đàm đạo với anh về con người mà một vài dư luận ở Saigon đã gọi là « anh cứ như điên ».

Nhưng tôi suy nghĩ kỹ, nói chuyện ấy với Tam Lang phỏng có ích gì ? Anh chàng họ Vũ thuộc về giới trí thức nghèo, có đời sống đơn sơ, lương thiện. Anh rất có thể làm nghề « cu ly xe » nhưng anh không làm, vì chút tự ái tiêu tư sẵn. Anh cũng rất có thể chạy chọt làm một ông công chức hạng bự, nhưng anh cũng không làm vì kính thường danh vọng. Thành thử, Tam

Lang cứ khư khư ôm lấy cây bút ký già, lang thang hết tờ báo này qua tờ báo khác, vật chất nghèo vãi, nghèo, và tinh thần không tiến bộ vẫn không tiến bộ ! Bởi anh đã viết « tôi kéo xe » mà anh không có làm cu-ly kéo xe. Anh vừa nói dối với cán bút vừa nói dối với gọng xe kéo. Anh không thành thật phục vụ một lý tưởng nào cả, dù là lý tưởng của Văn nghệ, hay lý tưởng của gọng xe cyclo.

Nghĩ như thế nên tôi không muốn nói cho Tam Lang nghe chuyện anh thanh niên cử nhân Luật làm cu ly xe kéo.



Tháng 12-1965, tôi lại lang thang ở Saigon, Một buổi trưa quá Ngọ, đứng đầu đường Phạm ngũ Lão, gần chợ Bến-Thanh, tôi đón xe taxi không được, xe cyclo máy chạy thẳng không thèm trả lời, tôi vay một anh xe cyclo đạp. Một bạn trẻ vào tuổi quân dịch.

— Ngã tư Phú-Nhuận, bao nhiêu, anh ?

— Bác cho cháu 30.

Tôi nhanh bước lên xe, không mặc cả. Giá taxi chỉ có 12\$, nhưng thời buổi khó kiếm xe, và cyclo đạp mệt nhọc hơn nhiều. nắng trưa gay gắt, thì giá đó cũng không quá cao.

Tôi còn thăm biết ơn anh đã đón tôi đi. Anh đạp thật mau. Gặp các nơi bị kẹt xe, anh lách qua, xe anh vọt lên trước, chạy bon bon một mạch, không thua gì xe gắn máy.

Qua khỏi ngã tư Lê thánh Tôn và Nguyễn trung Trực anh thẳng xe ngừng trước cửa trường Đại Học Văn khoa. Tôi ngạc nhiên nhưng không nói gì. Năm bảy sinh viên nam, nữ, đang đứng trò chuyện trên bờ lề. Anh phu cyclo móc trong cái giỏ nylon treo sau xe một tập giấy lớn khổ cuốn tròn, gọi một sinh viên:

— Hoàng ơi! Nếu tao về không kịp giờ, mày chép bài giùm tao, nghe!

— Ừ.

Sinh viên từ trong cổng Đại học, chạy ra lấy cuốn tập. Các sinh viên khác ngó theo cười. Anh phu cyclo cũng cười rất tự nhiên rồi đạp xe chạy. Qua khỏi ngã tư Gia long, tôi tò mò hỏi:

— Anh là sinh viên văn khoa hả?

— Dạ, anh phu xe cyclo điem nhiên trả lời.

— Anh bao nhiêu tuổi?

— Dạ thưa bác, năm nay cháu 23 rồi, bác ơi!

— Ồ, anh còn nhiều thì giờ để học.

— Đầu có nhiều, bác. Mỗi ngày cháu phải đạp cyclo hết 4, 5, tiếng đồng hồ... cyclo này đầu phải của cháu... của một ông quen biết người đồng hương với cháu ở Quảng Nam, ông cũng thuê của chủ xe. Nhưng ông yếu sức nên buổi trưa một ông nghỉ. Thấy xe để không, mà cháu thất nghiệp, không có việc làm để kiếm tiền tiếp tục việc học, cháu hỏi thuê lại ông vài giờ buổi trưa, và mấy giờ buổi tối. Nhưng ông cũng từ-từ. Biết cháu nghèo, ông cho cháu mượn xe để chạy kiếm tiền mỗi ngày từ 12 giờ trưa đến 2 giờ rưỡi chiều, tối từ 9 giờ tới 11 giờ, gần giờ giờ-nghiêm đem xe về trả ông.

— Ông cho anh mượn xe nhưng anh có chia tiền hoa hồng cho ông không?

— Dạ không. Ông không

đòi gì hết. Nhưng buổi nào cháu kiếm được khá, cháu mua biếu ông một chai bia, hay một gói thuốc Ruby, ông cũng vui-vẻ nhận lấy. Bữa nào ế, thì thôi.

— Sao ông từ-từ với anh như vậy?

— Dạ thưa bác, vì ông cũng ở Điện-bàn, cùng xóm với cháu. Ông quen với cha mẹ cháu, và biết cha mẹ cháu cũng là dân lao-động, đầu có tiền cho cháu học thêm. Cháu phải tự-túc, bác ơi!

— Anh đỗ Tú-tài ở đâu?

— Dạ ở Huế.

— Sao anh không học ở Văn-khoa Huế?

— Dạ, ở Huế khó kiếm việc làm lắm. Thành phố Huế nhỏ chớ không như Sài-gòn. Mấy thằng bạn cùng đỗ một lượt với cháu, rủ cháu vô Sài-gòn kiếm việc làm để tiếp tục học. Tụi nó không giàu, nhưng không đến nỗi tệ như cháu, gia-đình tụi nó mỗi tháng gửi cho một vài ngàn đủ rồi. Còn cháu thì phải xoay xở.

— Anh đạp cyclo như thế này, mỗi ngày kiếm được bao nhiêu?

— Dạ, cũng tạm đủ, không

có dư. Có bữa kiếm được một trăm, có bữa chỉ được 7, 8 chục. Bữa nào gặp mối Mỹ thì được khá hơn...

— Tôi tưởng anh có thể kiếm được nhiều tiền hơn. Anh còn trai-trẻ, tay chân khỏe mạnh, chạy mau, được nhiều mối...

— Ác một cái là cháu chưa thông thạo hết các đường phố Sài-gòn. Sài-gòn rộng quá, cháu cứ chạy lầm đường hoai. Thí-dụ có lần một bà khách kêu đi từ chợ Phú-Nhuận lên đường Bô-Na, đáng lẽ chạy như cháu chỉ 10 phút là đến nơi, nhưng cháu chạy quanh quẹo thế nào mà thiệt lâu, đến một ngã tư có đèn đỏ, cháu ngó lên tấm bảng tên đường thấy... đường Lê văn Duyệt! Cháu phải cố đạp thật nhanh cho đến nút đường Lê văn Duyệt, đến bến xe đồ hồ Ngã Sáu cháu mới quẹo xuống chợ Bến thành. Bữa đó cháu đạp thiếu điều hụt hơi, chở bà khách mập thù lù nặng ít nhất cũng 80 kí, mà chỉ lấy được 20 đồng bạc lại còn bị bà cự nự, muốn gây lộn với cháu nữa chớ!

— Anh đạp cyclo đủ trả tiền cơm tiền trọ và tiền học?

— Dạ cháu ở chùa, thầy trừ trì cho ở đậu không lấy tiền. Com thì có bữa về chùa cháu ăn com chay với mấy chú tiêu, có bữa cháu ăn trong các tiệm com bình dân, gặp đâu ăn đó. Về vấn đề đó, tụi cháu sao cũng xong, miễn no bụng là được rồi. Có khi ăn ở các quán com xã hội còn tiền phí tiền về việc học thì cháu lo đầy đủ. Kể hết các món tiền vật về các nhu cầu khác, cháu khéo tiện tặn cũng không thiếu thốn như trước nữa. Nhưng đạp xe cyclo mất nhiều thì-giờ quá, bác ạ.

— Nhưng anh vẫn theo đúng chương trình của niên-khoa, không bê trễ chớ ?

— Dạ, không đâu, bác à. Cháu quyết học cho đến nơi đến chốn mà. Thà cháu hy-sinh các cái gì khác, chứ cháu không đời nào bỏ dở-dang việc học...

— Anh định tương-lai sẽ làm gì ?

— Dạ, cái đó khó nói lắm, bác ạ. Cháu không có tham vọng gì lớn lao đâu. Cháu chỉ muốn học cho thành con người hữu-dụng thôi. Nhưng thấy thời buổi bây giờ, cháu ngại lắm. Di-nhiên là cháu có cái lý-tưởng

của cháu, cháu sẽ đem khả năng nhỏ bé của mình để phục-vụ cho Dân-tộc trước hết, cho Quê-Hương, cho Đồng bào. Nhưng hoài bão đó, biết có thực hiện được không?... Thưa bác, cháu vạch sẵn con đường, nhưng vẫn nhắm mắt theo định-mệnh... Thấy thời buổi bây giờ, và thể-hệ thanh niên hiện đại, sao nhiều lúc cháu chán quá, thấy tương lai của Dân tộc còn mù-mịt quá, thân-thể của tụi cháu cũng không biết sẽ như thế nào !....

Đến ngã tư Phú nhuận quẹo sang đường Chi lăng một chút anh sinh viên Văn khoa cu-ly cyclo ngừng xe, tôi xuống. Tôi móc túi còn hai tấm giấy 20đ tôi trao hết cho anh, anh lấy 10đ để trả lại, tôi bảo :

— Thôi anh khởi thôi.

— Cảm ơn bác.

— Chào anh nhé. và chúc anh nhiều may mắn.

Tôi xiết chặt tay anh trước khi từ biệt.

oOo

Về nhà, tôi vút cặp da trên bàn, nằm xuống giường, gát tay lên trán.

Tôi nhớ lại ông bạn Tam-lang Vô đình Chí, tác giả quyển sách «tôi kéo xe» mà ngày nay chẳng còn ai buồn đọc đến. Thế hệ đó vút đi !

Tôi nhớ lại anh cử nhưn luật du học bên Pháp về làm nghề kéo xe ở Sài-gòn để biếu dưỡng một luận lý xã hội Việt nam mới. Nhưng từ 1935 đến nay tôi không còn nghe nói đến anh nữa. Tôi dò hỏi tin tức về anh nhưng không tìm ra bóng dáng. Có lẽ, nếu anh còn sống, ngày nay anh cũng như tôi, lý tưởng không đạt, hoài bão không thành, bắt

lực trước muôn nghìn đau khổ của dân tộc, bi thảm của quê hương, khóc cũng dờ, mà cười cũng dờ, bọn người vô dụng, như chúng tôi, thôi cũng vút đi !

Chỉ còn cầu nguyện Phật trời và Hồn thiêng của Đất Nước phù hộ cho lớp trẻ có chí lớn của ngày nay, như những bạn sinh viên đạp xe cyclo, giữ đầy nghị lực nung đúc nhiệt tâm để thực hiện cho kỳ được giấc mộng nghìn năm của tuổi trẻ Việt Nam : gây dựng lực lượng tiến-bộ hùng-cường của Dân-tộc.

N.V.

CHIA BUỒN

BẠN TỪ - CHUNG

Tổng thư-ký tòa-soạn báo CHÍNH LUẬN tạ thế ngày 10-12-65.

Toàn thể bộ Biên-tập Tạp-chí PHỒ-THÔNG vô cùng cảm-kích, xin kính lời thành-thật phân-ưu cùng qui đồng nghiệp, và tang quyến.

Xin cầu nguyện cho anh-linh bạn TỪ-CHUNG được yên-diêu miền Cực-Lạc.

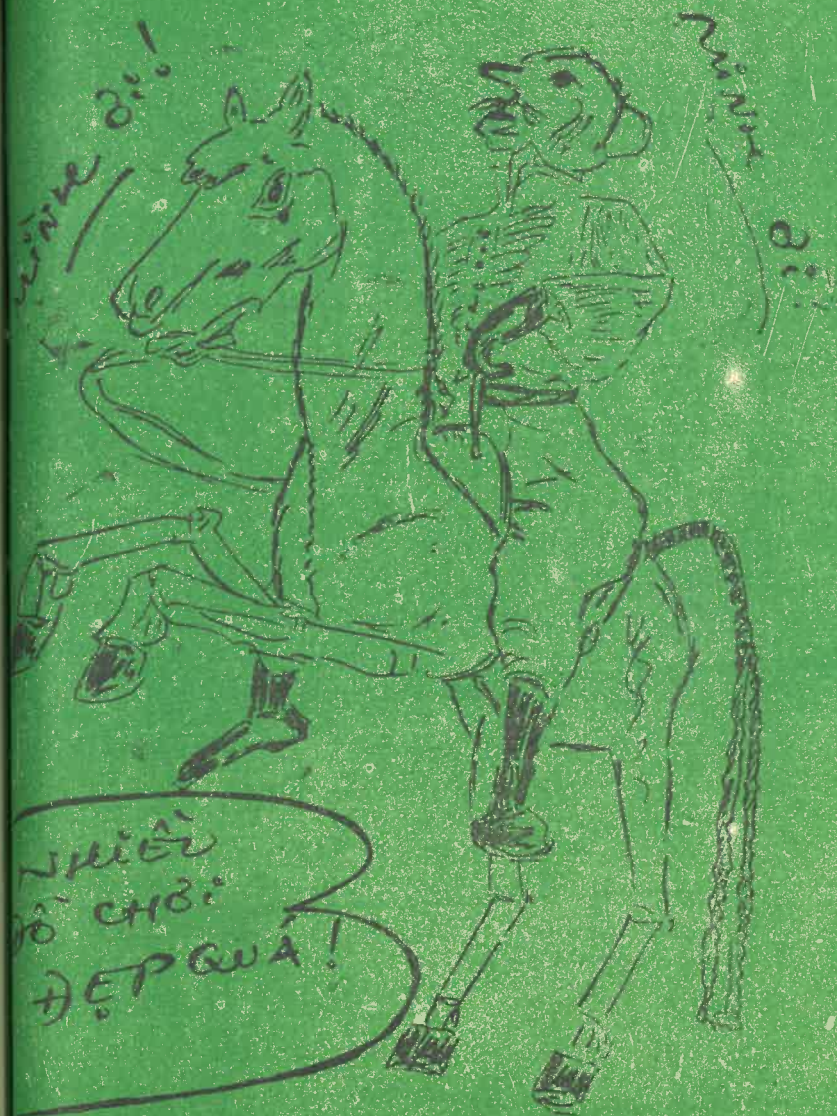
Tạp-chí PHỒ-THÔNG

gió xuân

□ TRẦN - TUẤN - KIỆT



niềm vui sướng như cánh rừng
xin hạt sương đừng rơi xuống
nguồn hạnh phúc như biển cả
xin đợt sóng đừng nhỏ lên
tình thân ái như vòm trời
xin bão giông người cuồng nộ
tất cả đều trở về
trong cõi vô cùng đó.
xin anh em đừng giận nhau
nhưng tôi xin từ già
ở mút mù sông núi mùa xuân
của người đời
để tôi làm hơi gió thổi
ngày mai em ngồi trên bao ton
ôi diện đài mệnh mông của một thời đại mở
hàng triệu năm sau
mùa xuân mang chiếc bờm ngựa trắng
sải qua khu rừng trầm
em có nghe làn hương
bát ngát một vùng hoa cỏ
xin em đừng buông tiếng hồ cầm
xào xuyên tấm hồn tôi lúc nọ.



BÀ Tú cứ nhòng-nhèo, đòi ông Tú đưa bà « đi Bô-na » để xem các gian hàng bán quà Tết.

— Người ta bày bán nhiều đồ chơi đẹp lắm, Minh ơi!

Ông Tú rất ghét đi « bát phố », bà Tú biết như vậy. Nhưng lần này chính ông cũng muốn xem đồ chơi năm 1965 được tiến bộ như thế nào, nên ông lấy dao cạo râu để sửa soạn đi. Bà Tú ngồi đánh mồi son.

— Em chỉ thích đi xem những con búp-bê. Minh mua cho em một con búp-bê nhé?

Ông Tú cầm kéo hót mấy sợi lông thò ra ngoài lỗ mũi.

— Tết năm nay em mấy tuổi nhì?

— Tôi không còn là con-nít nữa, ghen bỏ! Nhưng tui thích chơi với búp-bê hơn là chơi với người «nhón». Người ta họ ý họ là « người nhón » họ cứ mắng tui là « trẻ con », họ chọc tui khóc tối ngày, họ tàn nhẫn vô-nhơn-đạo, chứ tui thì luôn luôn hiền lành, ngoan-ngoãn như con búp-bê.

Ông Tú đã cạo sạch râu, sờ tay lên cằm thấy nhẵn thín. Nhưng ông quay lại Bà Tú:

— Còn tui thì không hiền lành ngoan-ngoãn hả? Bỏ bả tui tàn nhẫn vô-nhơn-đạo hả? Thời tui không đi Bô-na với bà nữa đâu.

Bà Tú vội-vàng chạy lại ông Tú.

— Không, không, Minh ngoan lắm chứ. Minh mặc áo đi Saigon với em đi. Minh mua một con búp-bê để làm quà Tết cho em nhé. Một con búp-bê biết nói, biết cười, biết hát, biết giận, biết hờn, và biết... ngoan-ngoãn như mình vậy nhé.

— Ủ, bỏ nói tui ngoan như vậy thì tui mới đi chớ bộ. Xong chưa, đi! Đi sớm, về sớm, đi tối nay tui còn bận nhiều việc lắm. Tui không có nhiều thì giờ rảnh đâu nghen?

Hai người sửa soạn xong, khóa cửa ra đi.

Đón xe taxi không được, cyclos máy và cyclos đạp đòi giá quá cao, bà Tú rủ ông Tú cưỡi bộ... từ Phú-Nhuận lên Saigon. Dọc đường bà hỏi:

— Minh ơi, hỏi mình còn nhớ Tết má thường mua những đồ chơi gì cho mình?

— Từ 3 tuổi đến 10 tuổi anh còn ở trường, chưa biết mặc quần

MINH OI

và mẹ đồ chơi lắm.

— Thật hả? Bà Tú phá lên cười: 10 tuổi bỏ còn ở trường à?

— Hồi đầu thế-kỷ này, cho đến khoảng 1920 — 21, hầu hết con nít Việt-Nam vào lứa tuổi của anh đâu đã biết mặc quần! Trên đỉnh đầu cạo trọc hãy còn chừa một chòm tóc. Mỗi lần mẹ đi chợ Tết là anh đòi đi theo. Mẹ cương anh cũng dất anh đi, không cần mặc quần cho anh. Ở các chợ tỉnh và chợ quê người ta bán biết bao nhiêu là đồ chơi! Nhưng có ba bốn thứ là thông dụng nhất cho con nít nhà nghèo cũng như nhà giàu. Nè con ngựa bằng đất, phết vôi trắng và tô màu lòe loẹt. Buổi chợ sáng 30 tháng chạp là buổi chợ tất niên, mẹ mua con ngựa cho thằng con trai của mẹ, đi thôi thằng con trai mừng quýnh lên! Về nhà, nó lấy giấy chuối buộc vào cổ ngựa, dắt ngựa chạy cụp-cụp trong sân và chạy khắp quanh vườn. Con ngựa cao không quá hai tấc, chạy cứ té lên té xuống, chú bé khoái lắm. Nhưng cho nó chạy nhiều sợ nó mệt, bé liền dắt ngựa ra giếng múc nước tắm cho nó. Không để bị dột nước nhiều quá các màu

xanh đỏ trên thân ngựa bị nhòe ra hết và sau cùng con ngựa đất cũng rã-rời từng mảnh. Thằng bé khóc dữ! Khóc suốt ba bữa Tết! Nhưng nó còn có con Chút-chít, gồm ở hai đầu hai cái nắp bằng đất sét, rỗng ruột, nối kín liền





đoạn giữa bởi một ống tròn bằng giấy-bồi xếp lại thành lăn, na-ná như chiếc accordéon nhưng chỉ lớn bằng nắm tay thôi. Hai nắp dặt ở hai đầu và ống giấy ở giữa đều tô màu, vẽ hình một con vật kỳ-lạ có hai đầu và một khúc mình. Tên của nó là con chít-chít. Hễ kéo ra đây vô hai đầu ống thì nó thốt ra một tiếng kêu "chít-chít" nghe dễ thương lạ! Nhưng thằng bé thích hơn hết là cái trống bưng loại lớn và loại nhỏ làm bằng một vành tre tròn, thứ lớn bề kính độ hai tấc, thứ nhỏ 1 tấc, hai mặt bồi bằng giấy bồi căng thật thẳng và vẽ hình những cành hoa. Hai bên cột hai sợi nọ dài độ 5 phân, nơi đầu nọ có dính một cục đất sét lớn bằng hột gạo. Một chiếc que bằng tre cắm vào vành tre để cầm. Lắc qua lắc lại

chiếc que đó thì hai sợi nọ cũng lắc lại lắc qua và hai cục đất dính lên hai mặt trống thành những tiếng lũng-bùng lũng-bùng nghe êm tai đáo-đề.

— Hồi ấy chưa có búp-bê, hà Minh?

— Chưa. Ngày nay gia-đình Việt-nam nào có con nít cũng đều có búp-bê, hoặc lớn hoặc nhỏ đủ hạng, nhất là loại búp-bê bằng nhựa.

Trước Đệ-nhi Thế-chiến, những búp-bê đó đều là hàng nhập-cảng của Pháp, nhưng chỉ phổ-biến khắp nơi từ sau Đệ-Nhất Thế-chiến mà thôi. Từ 1918 trở về trước, búp-bê này còn là đồ-chơi rất hiếm ở xứ ta. Nhưng ở Âu-Châu, nhất là ở Hy-Lạp, 2000 năm trước Giê-Xu, người ta đã làm búp-



bê cho trẻ con chơi rồi. Suốt mấy thế-kỷ từ Thượng-cổ Hy-Lạp-La-Mã, Ai-Cập, đã có búp-bê bằng gỗ, bằng đất, bằng xương, sau mới có búp-bê bằng sáp, bằng ngà. Thế kỷ XVII, vua Louis XIII của Pháp (1610-1643) hãy còn chơi búp-bê bằng đất.

— Vua mà chơi búp-bê?

— Louis XIII là con trai của Đại-Vương Henri IV, lúc phụ-hoàng băng-hà thì Louis lên nối ngôi mới có 9 tuổi. Ngài ra thiết-triều hãy còn ôm búp-bê trong tay để chơi! Hoàng-tử Cảnh, con trai của Vua Gia-Long, là đứa con-nít Việt-nam đầu tiên được chơi búp-bê, nhưng ở Paris! khi Gia-Long cho Hoàng-tử Cảnh đi với Giám-mục d'Adrian sang Pháp để cầu viện, Cảnh được ở tại điện Versailles với thái-tử Pháp, con trai của vua Louis XVI và Hoàng-hậu Marie Antoinette. Nơi đây, hai đứa bé đồng lứa làm quen rồi chơi thân với nhau. Con vua Louis XVI có lấy một búp-bê bằng sáp, mặc áo như Công-chúa Âu-châu, cho con trai của vua Gia-Long chơi.

— Hoàng-tử Cảnh có đem con poupée đó về Sài-gòn không?

— Trong Sử sách Pháp không có nói đến việc Hoàng-tử Cảnh có đem con búp-bê nào khác về xứ "Sài-gòn" không, chứ con búp-bê sáp kia thì đã bị té gãy tay.

Thế kỷ XVIII, búp-bê Âu-châu đã mặc áo đúng theo thời-trang. Đến năm 1823, thợ máy Maelzel, người Hòa-lan, sáng chế ra loại búp-bê biết nói, với một cái máy vận giây thiều được đặt ở trong bụng con búp-bê. Năm 1826, ở Paris xuất hiện loại búp-bê ngồi thì mở mắt, đặt nằm xuống thì nhắm mắt... ngủ!

— Ở, ở Saigon em cũng có thấy bán búp-bê mở mắt, nhắm mắt. Minh à. Dễ thương lắm! Đôi mắt chớp-chớp giống hệt nàng Bạch-Tuyết của Walt Disney.

— Loại búp-bê đó chỉ mới nhập-cảng qua xứ ta vài chục năm nay thôi. Bên Tây-phương các loại búp-bê đẹp, tinh xảo, đã được phổ-cập trên thị-trường từ lâu.

— Hồi nhỏ em mê chơi búp-bê lắm, Minh ơi. Bây giờ lớn rồi mà em cũng còn thích những búp-bê đẹp.

— Con gái, ai cũng thích chơi búp-bê. Có cô em gái nào mà không thích nâng-niu, âu yếm búp-bê, may áo may quần cho búp-bê ? Cho nên Tây có câu :

La poupée est l'enfant de l'enfant

(Búp-bê là đứa con của trẻ con)

— Bộ chỉ có con gái mới chơi búp-bê, chứ con trai không thích sao ? Hồi nhỏ Minh cũng thích ôm búp-bê chứ bộ !



— Anh đã nói hồi anh còn nhỏ, làm gì đã có búp-bê mà ôm ! Phần nhiều con trai có những đồ chơi riêng, không giống như con gái, cũng như con gái đâu có thích rờ đến đồ chơi của con trai.

Nên biết rằng thời xưa con gái không được có đồ chơi nhé. Những đồ chơi đặc biệt Tết của nước ta do những người thợ chuyên môn và tinh-xảo của xứ ta sáng-chế đều toàn là đồ chơi cho con trai, như con ngựa đất, con chít-chít, cái trống búng v.v.. mà rất tiếc ngày nay tìm không thấy nữa. Ngoài ra hầu hết các đồ-chơi khác như các đồ-chơi bằng giấy trong ngày Tết Trung Thu, **đầu lân, đèn kéo quân**, các loại **đèn**, **ông tiến sĩ giấy** v.v.. do người Tàu truyền qua từ mấy thế-kỷ trước, thì con gái 6, 7 tuổi mới được chơi chung với con trai, nhưng cũng chỉ được chơi đèn mà thôi. Bờ phải biết con gái của nhà Nho chỉ được có bốn món này : **Dung, công, ngôn, hạnh.**

— Sao thời trước các cụ bắt công với con gái thế, hả Minh ?

— Tại sao các cụ bắt công như thế, thì hỏi các cụ, chứ anh đâu có biết ! Nhưng xét cho kỹ, cũng đừng trách các cụ nhiều quá vì ngay ở bên Tây phương từ thế kỷ XIX trở về thời thượng-cổ, con gái cũng chỉ chơi búp-bê, đó là món chơi đặc-biệt dành riêng cho con gái. Chữ **poupée** chính là do chữ latin **puppo**, nghĩa

là nhi-nữ. Còn hầu hết các đồ chơi đều là đồ cho con trai. Một số đồ chơi hiện nay đã có từ thời Thượng-cổ, như cái **rung** (leng - keng), những **bàn ghế** nhỏ nhỏ, bằng đất, bằng bột. Ở **Ấn-Độ**, **200 năm trước J.C.** và ở **La-Má** **cổ điển** đã có **xe ba bánh**, bốn bánh (đồ chơi bằng gỗ) và **trái vụ**. Trái vụ, (toupie), ngoài Bắc gọi là **« con quay »** từ thuở xa xưa đó không những là đồ chơi của trẻ con, mà của cả người lớn. Một Thi-sĩ Pháp, thế kỷ XX, đã ca ngợi nó :

*Tourne, tourne, ma Toupie,
Tourne, tourne, tourne encor..
Si tu t'arrê'es, ma mie,
Je te frapperai plus fort.*

.. ..
*Ma Toupie est bien conduite,
Et tourne sur le sol plat.
Elle a peur, ma pauvre petite,
De mon fouet qui la bat*

*Quay, quay, con quay của ta ơi.
Quay, quay, quay nữa đi thôi.
Nếu mi ngừng, mi té.
Tu sẽ đánh mi mạnh hơn thế !
Con Quay của tớ chạy ngoan lắm*

*nhé,
Nó quay trên mặt đất bằng*

*Nó sợ, tội nghiệp con bé.
Cát rơi của tớ đập nó chạy phăng.*

300 năm trước Chúa Giáng-sinh, ở Ai-cập, Ba-tư, Hy-lạp, trẻ con cũng đã chơi **quả bóng** bằng sáp, và **đánh vòng** bằng những cành cây mềm uốn tròn. Trẻ con Việt-nam thì chơi **bong bóng heo** phơi khô và thổi phồng lên.

Đồ chơi bằng đất, hoặc bằng chì, nắn thành hình **người lính** cầm dao, mác, được xuất hiện từ Thế-kỷ XIV. Vua **Charles VI** (1380-1422) đã lớn vẫn còn mê chơi **súng đại-bác** nhỏ bằng gỗ. Vua **Louis XIII**, lúc 10 tuổi, thích chơi trống, và ná. Con trai của Hoàng-đế **Napoléon, Roi de Rome**, cả ngày chỉ chơi với đám lính bằng chì, sơn đủ màu. Ná cho trẻ con chơi hồi xưa làm bằng gỗ, và chỉ để bắn trái cây, hoặc ngọn cây. Đầu thế kỷ XX mới có ná cao-su bắn chim chích và chim sẻ. **Lính bằng chì**, đầu tiên, xuất hiện dưới thời vua **Saint Louis**, còn mộc-mạc, vụng-về, qua thế kỷ XVIII và XIX dưới thời **Cách mạng Pháp** và thời **Napoléon**

thành phố Nuremberg (Đức) mới biến-cải ra thành những hình thức mới và có mỹ thuật hơn nhiều. Ngựa gỗ xít-đu, để trẻ con ngồi trên yên ngựa, nắm hai tai ngựa, nhún lên nhún xuống bắt chước như ngựa chạy, mà ngày nay ở tận thôn quê Việt-Nam đâu cũng có, đã xuất hiện từ 120 năm trước J.C., dưới thời La - Má chiếm đóng xứ Gaule. Hiện nay ở Bảo-tàng viện British Museum của Anh hãy còn giữ được một chiếc ngựa gỗ xít-đu của thời-đại Gallo romaine ấy.

Ở thôn quê Việt-Nam, trước đây chưa phổ-biến đồ chơi ngựa xít-đu, thì trẻ con ở nông-thôn ta làm ngựa bằng tàu chuối... hoặc một cành cây.

— Làm cách nào, hả Minh ?

— Thì cời tàu chuối mà chạy nhong-nhong như « ngựa ông đã về » chứ có gì đâu ! Đôi khi không có tàu chuối, thì dùng cái chổi cau làm ngựa cũng thích thú vậy ! Trẻ con Việt-nam còn dùng tàu chuối làm súng nữa chứ. Đồ chơi súng gỗ mới bắt chước của Pháp từ sau Đệ-nhất Thế-chiến mà thôi.

— Súng tàu chuối làm cách nào ?

— Ngày Tết, mẹ mình rọc lá chuối xanh để gói bánh chưng, bánh tét, còn cái tàu không thì vứt đi. Mình lượm cái tàu đó, rồi rón rén vô bếp, lấy cặp con dao phay thật bén đem ra sau hè, mình bõ một vết xiêng khá sâu vào tàu chuối rồi lật đứng nó lên, làm một dọc mười cái như vậy suốt trên thân tàu chuối. Rồi lấy bàn tay vuốt một lượt từ góc đến góc cho mấy miếng chuối đó nằm rệp xuống chỗ cắt của nó, đồng thời một loạt tiếng tạch tạch-tạch... nổ nghe như súng mi-tray-dét vậy.



Hồi nhỏ Minh hay chơi súng như vậy đó hả ?

— Ơi,

— Còn đồ chơi súng máy, bây giờ, và những xe ô-tô, xe jeep, xe lửa... có từ hồi nào ?

— Bắt đầu thế kỷ XX, đồ chơi ngựa đất, ngựa gỗ hết còn hấp-dẫn nữa rồi, vì theo luật tiến hóa, các đồ chơi xe ô-tô, xe mô tô, xe lửa bắt đầu chạy rầm-rầm trên thị-trường của trẻ con. Lần lượt các đồ chơi máy-móc xuất hiện, do sự phát triển của máy móc mà ra. Dĩ-nhiên thời đại cơ-khí phát minh ra nhiều nguyên-liệu mới, thì có những đồ chơi tinh-vi làm bằng những nguyên-liệu mới, thu nhỏ lại hình-thức của những cơ-khí mới, từ chiếc xe lửa có đường rầy đến những tàu ngầm nguyên-tử, tàu bay Skyraider và hỏa tiễn lên rặng ...

— Nhưng cũng có những đồ chơi chỉ thịnh hành nhất thời mà thôi. Như yo-yo, hula-hup, diablo...

— Diablo như thế nào ?

— Nó cũng như yo-yo, chỉ có khác đôi chút về hình thức, và đã có từ thế kỷ XVIII, thịnh hành nhất giữa thế kỷ XIX.

Thời Nữ sĩ George Sand số đông văn nghệ sĩ trẻ tuổi đã chơi diablo.

Đầu thế kỷ XX, diablo lại tái hiện trong vài năm đầu rồi biến mất. Năm 1932-33, diablo lại xuất hiện dưới hình-thức yo-yo đúng vào thời kỳ thanh niên lãng-mạn và tiêu-thụ tân-thời đua chơi và khiêu-vũ, sau những vụ khởi nghĩa oai hùng và bi thảm của Việt-Nam Quốc Dân đảng ở Bắc, và những cuộc nổi loạn, máu lửa đầu tiên của Cộng sản ở Trung, Nam.



Lúc bấy giờ đường phố Saigon cũng như Huế, Hà-nội và khắp các tỉnh lớn nhỏ một số đông thanh niên đi chơi với cái Yo-Yo trong tay, với một sợi giây rút lên rút xuống bằng nhiều « pha » biểu-diễn tài-tình khéo-léo.

Nhưng chỉ vài năm rồi tự nhiên phong-trào Yo-Yo biến mất. Năm 1960-61 lại xuất hiện, do

người Mỹ nhập cảng, phong-trào chơi **hulahup** mà chắc em còn nhớ. Chắc em cũng có chơi hula hup đó. Nhưng chỉ được gần hai năm, không ai thèm chơi nó nữa cho đến trẻ con cũng hết đòi mua hula-hup để chơi.

— Hồi đó, em cũng tập chơi halahup nhưng không được. Em để ý thấy ai chơi hulahup giỏi thì nhảy mambo, và twist cũng giỏi...

— Ngày nay đồ chơi rất tiến bộ. Không những trẻ nhỏ mà phần nhiều người lớn cũng thích. Ở Paris vừa rồi có một cuộc triển lãm các đồ chơi của khắp thế-giới. Có hàng mấy nghìn thứ đồ chơi tối tân, tuyệt hảo như các thứ **búp-bê** biết nói, biết cử động của **Mỹ**.

— Làm sao búp-bê biết nói được hả Minh?

— Người ta đặt trong bụng nó một máy *magnéophone* đã ghi âm một số câu nói thông thường. Hễ vận giây thừng cho chạy *magnéophone* thì tiếng nói phát ra chứ có gì đâu. Có nhiều loại Búp-bê **Mỹ** có những cử-chỉ và cười nói y hệt một em bé. Ngồi xem một lúc cứ tưởng là một em bé thật chứ không phải là *poupée*. Có

những *poupées* đòi uống, đòi ăn, và nếu đánh nó nó ré lên khóc. Cũng như có những đồ chơi bằng con gấu, con chó, của **Walt Disney** biết kể một chuyện đời xưa, và hát những bài hát trẻ con hay đáo để. **Trung-Cộng** có những xe lửa chạy kêu ầm-ầm, điếc tai, y như xe lửa thật. Những đồ chơi bằng **Plastique** đẹp và rẻ tiền, do **HongKong** chế tạo nhiều nhất. **TâyĐức** sản xuất toàn các loại thú vật bằng sành, bằng nhựa đủ loại, đủ cỡ, để chưng diện trên bàn giấy, hoặc trong tủ kiến, hoặc trên mặt tủ.

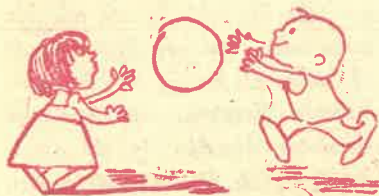
Và nhất là loại búp bê, và thú vật, cử động rất tự nhiên theo những sợi giây điều khiển do những bàn tay bí mật. Về loại đồ chơi **marionnettes** đó, người **Đức** có thể là quán quân, sau nữa là người **Trung Hoa**. Một vài Chú Chết ở Chợ Lớn biểu diễn tuồng Tam Quốc bằng các nhân vật búp bê bằng vải được điều khiển một cách tuyệt diệu. Sau búp bê **Mỹ** loại *mannequins*, thì búp bê *mannequin* của **Nhật** và **Úc** khéo không đâu bằng. Các loại súng, xe **tank**, xe **thiết giáp** chạy tót, chạy lui, do người Anh sản xuất nhiều hơn cả, và đó là món sở trường của

thần dân của Nữ hoàng Elisabeth. Các loại đồ chơi xe máy, xe ba bánh, do sứ **Espagne** sản xuất chuyên môn. Có điều mâu thuẫn nhất, là đủ loại đồ chơi của cây Noel, lại được xuất cảng nhiều nhất từ các xứ **Cộng sản Nga xô, Tiệp khắc, Ba lan** là những xứ vô thần, chống tôn giáo. **Pháp** thì sản xuất các loại đồ chơi bằng *plastique* tháo ra được và trẻ con có thể ráp lại được. Đặc biệt nhất là loại **Búp bê bỏ túi**, (*Bébé de poche*) có thể xếp lại gọn gàng để bỏ trong túi các em khi nào hết chơi. Loại này đã được giải thưởng **Oscar** đồ chơi trong năm 1965-66.

— Trẻ nít đời nay sướng quá, đồ chơi nhiều và đẹp, tha hồ chơi. Thuở em còn nhỏ, đồ chơi cũng chưa có nhiều như bây giờ.

— Đồ chơi bây giờ, người lớn cũng thích, chớ đừng nói là trẻ con. Những xe-lửa có đường rầy chẳng hạn nhiều người cha nói là mua về cho con chơi, nhưng về nhà chính người cha thích bày nó ra giữa xa-lông để nó chạy cho coi mê. Cái kèn trẻ-con chẳng hạn có ra cái dếch gì đâu thế mà họa sĩ **Picasso** khoái chí-tử. Ông

già trên 80 tuổi ấy cứ mỗi lúc buồn-buồn, hai tay không có gì về thì lấy cái kèn ấy ra thổi chơi. **Frank Sinatra**, cái ông vua *claquette* độc-đáo ấy chỉ thích mua các thứ đồ-chơi chưng-diện đầy nhà. Nhà văn **Claude Farrère**, và Thi-sĩ **Cocteau** thì trên bàn viết luôn luôn có mấy cô *geishas* **Nhật** bằng búp-bê. Không kể **Walt Disney**, nhà quý-thuật của *Dessins animés*, khoái đồ chơi đến đổi bỏ tiền túi ra xây dựng nguyên một khu giải-trí gọi là **Disneyland** toàn đồ chơi cho con nít và.. người lớn. Vua **Duy Tân** của nước ta thì thích chơi đầu sư-tử bằng đá, có khi cả buổi nhà vua trẻ tuổi ấy ôm đầu sư tử đá ngồi mơ-mộng trong vườn Thượng - Uyển. Vua **Thành Thái** thì, trái lại chỉ có một trò chơi say mê nhất là cỡi ngựa cầm gươm chém các cây chuối trồng quanh vườn. Tại vậy mà có lần Hoàng-đế đang hăng say phi ngựa vung gươm chém sứt một cái vú của một bà thứ phi đứng gần đó. Có nhiều người có những món chơi lạ kỳ, thích những trò chơi thật là vô lý, như vua



*Pour nous porter des tas des jouets,
des poupées...*

Ông (ông nội) đã băng qua Paris
giữa mùa gươm sáng thắm thê,
Đề đem về cho bọn tôi những
đồng đồ chơi, những búp-bê...

Louis XVI từ nhỏ cho đến bốn
năm mươi tuổi chỉ mê chơi chìa-
khóa, chuyên môa làm cô-léc-xong
chìa khóa đủ loại. Trong lúc
cách-mạng 1789 nổ bùng-bùng
trong kinh đô Paris, dân-chúng
biểu tình hết âm-tỉ, thì nhà vua
còn say-mê trong lò-rèn sau Cung-
điện, lấy sắt vụn đúc chìa khóa
è... chơi!

Thi-sĩ Victor Hugo làm thơ
nhớ những đồ chơi và những búp
bê hồi còn nhỏ, trong thi phẩm
« L'art d'être Grand-Père ».

*Il (grand père) traversait Paris
ragique et plein d'épées*



nữa. Tiếng cười nói ồn ào náo-
nhiệt, xe chạy vùn-vụt như mắc
cửi. Câu chuyện Đờ chơi của ông
Tú đành bỏ dở. Nhưng bà Tú
trông thấy những quả bong-bóng
bay lơ-lửng lên trời xanh, liền reo
lên như một em bé :

— Ô kia, Bong-bóng téc-ni-cô-
lô... đẹp ác! Đẹp ác!

■ DIỆU HUYỀN

VĂN CHƯƠNG



THÂM
THÊ
HÀ

NĂM nay, tôi hứa với
anh Nguyễn-Vỹ sẽ
viết bài « Phê bình
văn nghệ 1965 » cho Phổ-
Thông số Xuân. Kiểm điểm
lại những tác phẩm đã xem,
tôi có ý muốn nhận xét một
cách lạc quan, trái hẳn với
thái độ cầu toàn, bất mãn
của bao nhiêu nhà phê bình
trước hiện tình văn - nghệ
hiện nay. Tôi định nhận xét

rất tỉ mỉ ba nhà văn mới
hiện diện trên văn đàn :
Hoàng Trúc Ly, Lê Xuyên,
Sĩ-Trung qua những tác
phẩm vừa xuất bản. Tôi cũng
định đề cập đến vài nhà thơ
mà tôi thấy có ít nhiều triển
vọng qua những tiếng thơ
tâm huyết trên các thi phẩm
và tạp chí văn nghệ gần đây.

Tôi tự hẹn tuần này, sau
khi đi dạy học ở trường

trung học bán công tại Trảng Bàng về, tôi sẽ viết thật xây dựng, thật cõi mở...

★

Đêm ấy nằm ngủ ở đất Trảng tôi nghe tiếng ầm ì nổ. Rồi tiếng đại bác, tiếng mọt chẻ vang lên từng chập làm rung chuyển cả lòng đất. Bỗng nhiên tôi nhớ đến hai câu thơ thật phù hợp với cảnh này :

*Ai nghe lòng đất quặn đau,
Sóng năm núi đứng nhìn
nhau bụi ngùi.*

Bao nhiêu năm nay, tôi chưa từng đọc được bài thơ nào thâm thúy, thật tế và cảm động như hai câu thơ ấy.

Sáng hôm sau nhằm 6-12-65, tôi đến trường dạy học như thường lệ. Học sinh ở đây ngoan ngoãn, lễ phép. Tình thầy trò có vẻ đậm đà, thăm thiết hơn ở thủ đô. Có lẽ vì vậy, mà tôi lưu luyến mãi không khi học đường nơi đất Trảng.

Tôi đang giảng hăng say, bỗng nghe một tiếng nổ

vang dội. Cánh cửa lớp bật tung ra. Khói từ đầu tuôn lên mù mịt. Học sinh nhón nhao. Vài đứa nói to với giọng sợ hãi :

— Thưa thầy, tiếng súng nổ bên lớp Đệ-thất.

Tôi bình tĩnh bảo :

— Các em hãy nằm xuống. Coi chừng đạn lạc.

Nhiều đứa vẫn lao-chao :

— Thưa thầy, khói từ lớp Đệ thất công-lập bay sang.

Nên rõ trường bán công tôi dạy và trường công-lập cùng ở chung một địa-điểm, giữa khu vực quân-sự. Một bên là nghĩa quân, một bên là biệt-động-quân và pháo binh.

Giữa lúc ấy, tiếng súng lại nổ lên từ phía, súng lớn cò, súng nhỏ cò.

Tôi vẫn bình-tĩnh dặn :

— Nằm rạp xuống. Chắc khu vực này bị V.C. pháo kích. Đừng chạy bậy.

Mười lăm phút trôi qua trong kinh-khủng, hãi-hùng. Bỗng tiếng súng im bật. Một

phút, hai phút, ba phút... Tôi đếm từng giây đồng hồ. Học sinh các lớp Công-lập bỗng ùa ra như nước vỡ bờ, chúng cố thoát chạy ra khỏi khu vực quân-sự. Học sinh bán công lại nhón nhao, đòi chạy về. Rồi chúng túa ra, chạy thụt mạng. Tôi cũng đứng lên nối gót theo.

Bỗng một tiếng nổ vang lên như trời long đất lở. Tôi nằm rạp xuống, lẩn vào văn phòng gần đó, chỉ còn kịp nghe nhiều tiếng kêu la thảm thiết. Rồi tiếng súng lại vang lên như sấm sét, như những bản nhạc khủng-khiếp của tử thần. Tiếng súng xen lẫn với những tiếng rên la. Tôi chỉ thoát lưới hái tử thần trong đường tơ kẽ tóc. Nhưng lúc ấy, tôi không sợ tiếng súng mà chỉ sợ tiếng rên la. Những tiếng kêu thảm-thiết ấy như sỏi vào tim tôi, làm cho lòng tôi đau xót, cổ tôi nghẹn-ngào...

Lúc tiếng súng im bật, tôi chạy đến chỗ có tiếng rên la. Những mái đầu xanh lúc này còn tươi vui trong lớp học, giờ đây đang quẩn-quại trên

vũng máu. Những gương mặt xinh tươi đã trở nên tái ngắt vì mất máu quá nhiều. Có đứa ôm chân rên la. Có đứa chỉ đưa mắt nhìn tôi, môi lép nhép không nói ra lời. Có vài em gái khóc lên, tiếng khóc đứt quãng vì đau đớn, vì sợ hãi.

Tôi hoa cả mắt, dòng lệ rung rung lúc nào tôi cũng không hay. Tôi chỉ thầm nghĩ: « Chúng ta là những nạn nhân của thời cuộc. Chiến tranh tàn nhẫn không buông tha cả những mái đầu xanh vô tội như các em. »

Tôi đang nghĩ ngợi thì xe cứu thương tới. Nhưng đã trễ rồi...

★

Tôi cảm bút đề viết bài « Phê bình văn nghệ 1965 ». Tôi kiểm điểm lại những văn, thi phẩm đã đọc, những nhà văn nhà thơ đã gây sóng gió ít nhiều trong văn đàn năm qua.

Xa xa, vắng vắng lại tiếng súng. Những hình ảnh thật linh động, thật náo-nùng hiện ra trước mắt tôi : lớp học trang nghiêm, những mái đầu xanh vô tư ; kia nư

VĂN CHƯƠNG THOÁT LY

cười hồn-nhiên ngây-thơ của Cúc, gương mặt hiền lành phúc hậu của Swong, giọng nói ngập-ngừng bền-lẽn của Liên, đôi mắt bồ câu đen láy của Oanh. Rồi tiếng nỏ. Rồi hỗn loạn. Rồi ngã gục. Không-gian như nhuộm màu máu. Thời gian như ngừng đọng lại trong tiếng gào thét, rền siết, nức nở...

Tôi bàng-hoàng buông bút. Lâu thật lâu tôi mới nhìn tới những quyển sách để trên bàn. « *Mối tình đầu* » của An-Khê, « *Chú Tư Cầu* » của Lê-Xuyen, « *Đêm dài muốn thuở* » của Hoàng Trúc-Ly đối với tôi bỗng trở nên nhạt-nhẽo vô duyên. Mĩa mai hơn, « *Trái Cấm* » của Hoài Diệp Tử như một tràng cười quái gở nổi lên chế riễu nỗi đau thương quần-quai của kiếp người thời-loạn.

Tôi có cảm tưởng hầu hết những tác-phẩm văn-chương Việt nam 1965 đều thoát - ly thật - tế

xa rồi, cuộc sống đau thương sôi động đang biến chuyển không ngừng từng giây, từng phút. Tôi có cảm tưởng đa số nhà văn, nhà thơ ta đang chán nản thời cuộc, trốn tránh thật tế, thu hẹp cái nhìn lại trong phạm vi thủ đô hoặc chui rút trong tháp ngà để ru hồn người trong tưởng tượng.

Nhà văn ta không có lối thoát nào khác sao?

"Năm nay, tôi đành thất hứa với anh chủ bút tạp-chí « *Phổ - Thông* », không thể viết đầy đủ bài « *Phê - bình văn nghệ 1965* ». Vì tôi biết rằng, nếu thẳng-thắn viết ra, dẫu với ý thức lạc quan xây dựng thế nào đi nữa, các nhà văn nhà thơ sẽ không khỏi bất mãn, phiền trách. Vậy nên tôi chỉ kể lại trong muôn ngàn câu chuyện thật tế thảm thương đang xảy ra hàng ngày trên đất nước, để chúng ta cùng suy gẫm về sứ mạng nhà văn.



● DANH NGÔN

Người thừa hưởng là một người đi theo lượng con mồi mà kẻ khác bắn được.
Pierre Verne

hoa xuân

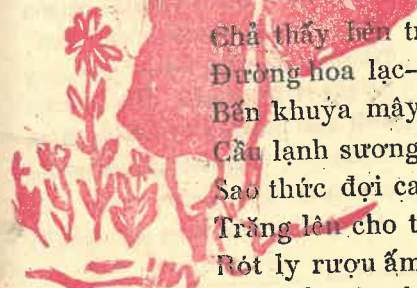
★ TÔNG - MINH - PHỤNG

Hoa xuân trở nụ đây rồi,
Mùi trinh ngào ngạt khung trời sắc hương.
Ngửa tay hứng lấy con đường,
Em bình thân quá, bốn phương bụi mờ.
Chừ nghe hoang đã tiêu sơ,
Bỗng cơn chim hướng thân thờ kêu xuân.
Bàn tay nua kéo xả dần,
Dáng em còn đó thiên thần ru anh.
10 năm nuôi mộng xây thành,
Dấu chân khua nát nẻo mây lành hiện lên,
10 năm mài thép bén đèn,
10 năm đồ trận chưa quên hận lòng.
Mùa xuân những tưởng mùa đông,
Cánh chim én lướt giữa đồng bao la,
Bây giờ trở nụ trăm hoa,
Giọt mình xuân đến chan hòa niềm tin.

đợi chờ

● DAN . QUẾ
PHÙNG-ĐÌNH - LIÊN

Chả thấy bên trời bóng một ai!
Đường hoa lạc-lỡng mảnh hình-hài.
Bến khuya mây lắng bờ kim cở,
Cầu lạnh sương mòn nhịp vắng lai.
Sao thức đợi canh lâu rút ngắn,
Trăng lên cho tóc liễu buông dài.
Rớt ly rượu ấm chờ hương mới,
Đem cả mùa thơ ướp cánh mai.





Tuần ĐAN CHÚNG LỊCH SỬ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

* NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 164)

Tuần theo sát các phong trào văn nghệ đang nhóm dậy từ năm 1933-1934 tại Hà nội. Dù muốn dù không, Hà nội cũng là nơi tụ họp của các văn nghệ sĩ trẻ tuổi của thế hệ mới say sưa với nhiệm vụ thiêng liêng của họ. Chính người Pháp lúc bấy giờ cũng phải nhìn nhận rằng Saigon là kinh đô thương mại, (capitale commerciale). Huế là kinh đô cổ kính của Nam Triều, Capitale

impériale, Hà nội là kinh đô Trí thức (Capitale intellectuelle). Nói như thế không phải là thời Pháp-thuộc Hà nội không chú trọng về thương mại, Saigon không có hoạt động văn hóa. Nhưng ai cũng thấy rõ rằng Saigon là trung tâm điềm rộn rịp nhất của các hoạt động kinh tế và thương mại, các nhà máy lớn của ngoại quốc, các hãng xuất nhập cảng lớn bang giao khắp

TUẦN, CHÀNG TRAI

các thị trường quan trọng của thế giới. Saigon lại là một nhà máy lúa gạo vô tận để tiếp tế cho cả Trung, Bắc kỳ trong những năm mất mùa, hay đói rét. Trái lại hoạt động văn hóa ở Saigon không được thịnh-hành. Nếu có chăng cũng chỉ được coi như là một xa xỉ phẩm mà thôi.

Các văn nghệ sĩ nổi tiếng trong nước không hẹn nhau mà lại gặp gỡ nhau ở Hà nội nhiều hơn cả. Hầu hết các tác phẩm văn chương được dân chúng toàn quốc, từ Bắc đến Nam, hoan nghinh nhất, được đọc say mê, và bán chạy nhất bất cứ ở tỉnh nào của Bắc kỳ, Trung kỳ, hay « Nam-kỳ Lục tỉnh » đều xuất bản tại Hà nội, do các nhà Thơ nhà văn tập trung ở Hà nội.

« Làng Văn » Hà nội, — danh từ thông dụng của thời-dại, — gồm các tao nhân mặc-khách què quán ở các tỉnh Bắc kỳ, như Tân-Đà, Khái Hưng, Lan Khai, Thế Lữ, Lê văn Trương, Nguyễn công Hoan, Tú Mỡ, Trương Tửu, Phạm huy Thông, Vũ hoàng Chương, Nguyễn Nhược Pháp v.v... và què quán ở Trung Kỳ như Nguyễn Tuân, Lưu Trọng Lư, Nguyễn trường

Tam, Xuân Diệu, Phan Khôi v.v

Chỉ có Hàn Mặc Tử và Chế lan Viên là ở hẳn Qui nhơn (Trung Kỳ), không có mặt ở Hà nội trong thời-kỳ văn nghệ lãng mạn ấy. Phan Khôi sau khi vào Saigon thử tài vận một thời gian, thấy không được như ý sở nguyện, trở về Huế làm báo *Hương-Giang* cũng « chẳng nước non » gì, rốt cuộc cũng phải lê thân già ra đất Bắc. Ở đây xem chừng như thích hợp với tinh thần văn-nghệ hơn. Tao nhân mặc khách hình như lưu-luyến hơn với khí thiêng của Sông Nhị núi Nùng. Nhân nói về vị-trí của « Núi Nùng » Tuần đã thắc mắc từ lâu, vì không thấy địa-danh ấy trong các sách địa-dư Việt Nam. Vài bạn làng Văn Bắc Hà đã chỉ cho Tuần một gò đất không cao quá 5 thước ở phía sau chuồng chim trong vườn Bạch Thảo Hà nội. Thì ra các cụ Thi sĩ nhà nho ở Thăng Long xưa đã gọi ụ đất ấy là Núi Nùng để có một đối tượng thơ mộng với Sông Nhị, như núi Ngự sông Hương ở Huế đó vậy. Tuần thành thật nhận thấy rằng Hà nội có nhiều điều kiện rất thuận lợi cho sự phát triển

văn nghệ, loại văn nghệ thuần túy của trí óc, biểu diễn thanh cao của tư tưởng. Thời bấy giờ văn thơ là tiêu biểu cho cái gì cao quý, trong trắng nhất của tinh thần dân tộc. 1935 chưa có loại văn nghệ vụ lợi và văn nghệ xoi thít, văn nghệ con buôn, như 1965.

Tuấn đã phân tách tình trạng văn thơ ở Hà nội tiền chiến và nhận thức phong trào tiến hóa của nó từ 1933-34. Cái mà người ta gọi là «*Thơ Mới*» chỉ là hậu quả không thể tránh được của sự xâm nhập của văn thơ Pháp trong giới văn nghệ sĩ thanh niên.

Một nhóm người trẻ, xuất thân từ các trường «*Pháp-Nam*» (Ecoles Franco-Annamites), đã hấp thụ khá nhiều tinh túy của văn nghệ Pháp, nhất là của thế kỷ XIX, mặc nhiên đã được đào tạo một quan niệm mới về suy tưởng, và một thể thức mới về diễn tả. Cuối Thế kỷ XVIII Thi sĩ Pháp André Chénier đã hô hào chủ trương: *Sur des penses nouveaux faisons des vers antiques* (Trên những ý-tưởng mới ta hãy làm những thơ xưa)

Những «*thơ xưa*» tức là thơ alexandrins của Hy Lạp và La Mã cổ điển.

Qua Thế kỷ XIX, nhóm thi sĩ trẻ lãng mạn chủ trương thay đổi một vài điểm của hình thức thơ cũ, xê-xích một césure, chấp nhận một enjambement, và chỉ có thể mà cũng gây ra cả một cuộc bút chiến khá sôi-nổi trong làng Thơ. Người đề xướng hăng-hái nhất là Victor Hugo, thực hiện chút cải-cách nhỏ mọn về hình-thức đó, đã cả gan đem lên sân khấu một vở kịch viết bằng lối «*thơ mới*» đã bị các nhà thơ cổ-diễn huýt còi la hét rầm-rầm. Théophile Gautier với chiếc áo sơ-mi đỏ chói, đã phải hung-hăng đả-kích lại đề bênh vực cho chủ-trương lãng mạn của nhóm mới.

Đầu Thế Kỷ XX, nhất là sau Đệ-nhứt thế-chiến, lại có nhóm siêu - thực của Apollinaire, Aragon, Paul Eluard, phá hủy tất cả niêm lệ, chệ bỏ Alexandrins đặt ra «*Thơ tự do*» với lối diễn tả khác hẳn.

Dĩ nhiên lối thơ mới đó cũng đã làm đề tài cho một số người nổi dậy công kích dữ.

Ở Việt-nam, bắt đầu từ 1932

lớp thi-sĩ trẻ tuổi ở các trường Cao-dẳng tiểu-học Pháp Nam (Ecoles primaires - supérieures Franco-Annamites) vừa mới ra đời, đã đăng rải rác trong các báo ở Hà-nội những bài «*thơ mới*», bên cạnh những bài thơ cổ-diễn của những Thi-sĩ lão thành phái Nho-học.

«*Thơ Mới*» không bị ràng-buộc bởi một quy luật nào nhất-định, nhưng theo một xu-hướng chung: thoát ly các khuôn-khò và hình-thức niêm luật cũ, và theo văn điệu và cú-pháp của Thơ Tây. Thi phẩm đầu tiên có sắc-thái «*thơ mới*» rõ-rệt nhất là «*Vài nét đan-thanh*» của Lưu-trọng-Lưu, ra một lượt với truyện ngắn «*Người Sơn-nhân*» của tác-giả ấy, do Ngân-sơn từng-thư xuất-bản.

Lưu-trọng-Lưu là người Quảng Bình, đã học đến lớp đệ-tứ-niên Cao-dẳng tiểu-học. Tính-tình rất mơ-mộng, hơi dăng-trí, anh ta không thích học, thường đề thì giờ làm thơ. Không chịu được những gò bó niêm luật quá khắc khe của thơ Đường, và quá dễ dãi của thơ Lục bát (một bài thơ lục bát có thể trở thành một bài về 1), Lưu trọng Lưu xử dụng một hình thức

mới mà âm điệu uyển chuyển giữa hai hệ *Ca từ Việt Nam* và *Cổ phong Tàu*. Nội dung lãng mạn thì chứa chấp những ảnh hưởng của thơ Tây.

Đọc kỹ năm bảy bài thơ phóng khoáng đầu tiên của Lưu trọng Lưu, trong «*Vài Nét Đan Thanh*» Tuấn đã cảm thấy một hình thức thi ca mới, tuy còn hơi rụt rè, nhưng rất thích hợp với tinh thần mới của thế hệ trẻ 1932.

Kể Lưu trọng Lưu, Thế Lữ cũng bắt đầu đăng những bài «*Thơ mới*» trong tuần báo *Phong Hoá*.

Đến đây, Tuấn nhận thấy một sự kiện lịch sử giúp rất nhiều vào lịch trình phát huy của Thơ mới Đó là sự tiến triển của tinh thần độc giả song song với sự tiến triển của văn nghệ. Vì nếu có một thế hệ Văn Thi sĩ mới, thì đồng thời cũng có một thế hệ độc giả mới, sẵn sàng tiếp nhận những biến đổi thích ứng với thời đại. Lớp độc giả đông đảo này cũng đã được đào tạo trong các học đường Pháp-Nam, và cũng đã chịu ít nhiều ảnh-hưởng của Văn-nghệ Pháp. Sự hấp-thụ văn-hóa Pháp là một

ahu-cầu đương thời không thể nào tránh được, cho nên dù muốn dù không, cả một thế-hệ thanh-niên mới, trí-thức trung-lưu và thượng-lưu, sẵn sàng chấp nhận, và hoan-nghehnh mọi sự đổi-mới thích hợp với trình-độ tiến-hóa của họ trên mọi lĩnh vực.

Do tình-trạng đó, Tuấn đã thấy trong nhiều gia-đình An-nam những ông cụ già và những người của tuổi đàn anh, thích đọc văn thơ cổ-diễn trong những báo chí thủ-cựu loại *Trung Bắc Tân Văn* và *Nam Phong tạp chí* ở Hà-nội, *Tiếng Dân* ở Huế, *Công luận*, *Tin Đien*, *Sài thành nhật báo* ở Sa-gon. Trái lại những người tuổi trẻ có thẩm nhuần tư-tưởng văn chương Âu tây, lại thích đọc những báo chí tân tiến do lớp trí thức trẻ chủ

trương, như *Loa*, *Tiểu thuyết Thứ Bảy*, *Tiểu thuyết Thứ Năm*, *Phong-Hóa* ở Hà nội, hoặc *Trong Khuê Phòng*, *Mat*, ở Saigon.

Những bài Thơ-Mới được phổ biến rộng-rãi trong các cơ quan văn-ngệ của lớp trẻ, và rất được lớp này nhiệt liệt hoan nghênh. Thơ cổ-diễn bắt đầu suy-sút dần.

Nhưng Thơ-Mới không có quy-luật rõ rệt. «Thơ-Mới» chỉ là một danh-từ tổng quát bao gồm tất cả những loại thơ không theo khuôn-khò cổ-diễn: Thất-ngôn bát cú của Đường luật, hoặc Lục bát, song-thất lục-bát, hoặc ca-trò.

Vì vậy, năm 1934, «*Trường Thơ Bạch Nga*» xuất-hiện, đề-xướng một quy-luật cho «Thơ-mới»

(còn nữa)



* LỜI HAY Ý ĐẸP

— Cái làm cho chúng ta ghê sợ nhất là người đàn bà, dù họ có nói láo cho mấy, cái đẹp của họ vẫn không giảm sút chút nào.

ANDRÉ MIRABEAU

CATALINA

của

SOMERSET MAUGHAM

Văn-sĩ Anh (1874 — 1965)



UYÊN truyện này là một trong những tác phẩm rất hấp-dẫn của William Somerset Maugham, nhà văn nổi tiếng của nước Anh, vừa mới tạ-thế ngày 16-12-1965, hưởng thọ 91 tuổi.

Viết xong ngày 25-1-1947, truyện *Catalina* gồm XXXVII chương. Chúng tôi xin trích dịch sau đây những đoạn đẹp nhất ở chương X và chương XXIX.

Truyện xảy ra ở xứ Espagne, một nước mà Vua và dân đều sùng bái Đạo Thiên-Chúa hồi thế-kỷ XVII. Catalina là một cô gái ngây-thơ rất điệu-lành, thực-thà, được bà Soeur Nhứt Dona Beatriz, ở nhà Tu-kín giòng Carmélites rất mến chuộng. Bà muốn ép buộc nàng trở nên một nữ tu-sĩ ở đấy. Nhưng nàng có một người yêu Diego, con một chủ thợ may nghèo ở ngoài phố. Nàng quả quyết rằng Diego rất yêu nàng và không bao giờ lìa đổi nàng. Nàng thích ở với người yêu hơn là vào Tu-viện.

Nhưng Bà Xơ Nhứt khuyên răn nàng :

«...Đàn ông, con ạ, họ hay khoe khoan, nhứt nhát, và mặc dầu họ có những hành động xấu xa họ vẫn muốn được người khác nói tốt họ. Làm sao con biết rằng Diego không lừa dối con ?

— Sao con không biết, ma Soeur ? Con biết rõ lắm chứ, vì anh ấy yêu con cơ mà. Ma soeur là một vị thánh nữ, ma soeur không biết tình yêu là gì. Nếu con không được sống với Diego của con, thì con sẽ chết.

— Chưa có người nào chết vì tình yêu cả.

Catalina quý sụp xuống chấp hai tay tha thiết van xin :

— Ôi Ma Soeur ôi ! Ma Soeur tôn kính ! Xin Ma Soeur thương xót chúng con ! Con không thể nào sống xa anh ấy được ! Nếu Ma Soeur biết con đau khổ xiết bao khi con trông con sẽ mất anh ấy vĩnh viễn ! Con đã khóc suốt bao nhiêu đêm trường, đến nỗi con sợ rằng con sẽ trở nên mù lòa. Tại sao con không thể thành hôn với người yêu của con được ? Ma Soeur không giúp gì được cho con sao ?

« Con chỉ là một đứa con gái dốt nát khổ sở. Trên đời này con chẳng có gì cả, ngoài tình yêu của anh ấy. Con yêu anh ấy với tất cả lòng thành của con.

— Diego không xứng đáng tý nào. Hắn chỉ là một thằng con trai tầm thường như những đứa con trai khác, bà Dona Beatriz nói bằng giọng khàn khàn nghe như tiếng con quạ kêu.

— À, Thưa ma Soeur, ma Soeur nói thế bởi vì ma Soeur chưa hề bao giờ biết sự đau khổ và sự vui sướng của tình yêu. Con ước muốn được thấy đôi cánh tay của anh ấy ôm choàng lấy thân con, hơi nóng của miệng anh trên miệng con, hai bàn tay của anh mơn trớn trên tấm thân trần-trụi của con. Con muốn anh lấy con như một người tình-như lấy một người đàn bà yêu-dấu của

họ. Con muốn giòng tinh-khí của anh gieo sẽ **chảy** vào tử-cung của con để tạo ra một đứa con. Con **muốn** đứa con của anh sẽ bù vú con. »

Catalina đưa hai bàn tay nâng đôi vú lên, và từ thân thể của nàng toát ra một tinh-dục dè-mè đến nỗi bà Soeur Nhứt dật lùi mấy bước. Bà cảm thấy nóng hổi như lửa lò và bà đưa hai tay lên như để tự che-chở cho mình. Bà nhìn khuôn mặt của thiếu-nữ, và bà run lên thấy sắc mặt của nàng biến đổi, các nét xuân-tình như nổi bùng dậy : đó là bộ mặt của đức-tình. Nàng điên cuồng trong thèm-muốn đàn-ông ; như bị con ma tà-dâm ám-ảnh. Nàng dè lộ ra một trạng-thái lạ thường không thật còn là con người nữa, hầu như ghê tởm nhưng mãnh-liệt vô cùng, mãnh-liệt đến mức-độ hãi-hùng. Đó là xác-thịt ham mê, chỉ có xác-thịt điên-cuồng, rạo-rực, lôi kéo, xác thịt trần-trụi ghê-ron.

Bà Soeur uhút bồng nhần mặt, một nét nhăn đau đớn không dung tha được, và hai giòng nước mắt tuôn ra trên đôi má của bà.

Catalina thét lên một tiếng rùng rợn.

— « Ô, Ma Soeur !...Ma Soeur ! Con vừa nói **bậy** bạ đó xin Ma Soeur tha tội cho con, Ma Soeur tha **tội** cho con. »

Nàng ôm hai đầu gối của bà Soeur Nhứt. Bà hết sức ngạc nhiên trước cử chỉ xúc động của thiếu nữ mà trước kia bà thấy luôn luôn điềm tĩnh, đoan trang, nghiêm nghị. Bà hoảng hốt, không biết làm thế nào. Bà nắm lấy hai bàn tay gầy ốm của Catalina đưa lên môi hôn.

— « Ma Soeur, sao Ma Soeur khóc ? »

— Ta là một người đàn bà tàn nhẫn và khổ sở lắm, bà

lầm bầm trả lời. Catalina, con đừng lo nữa, con sẽ thành hôn với người yêu của con. »

★

Về Bà Soeur Nhứt Dona Beatriz, tác-giả kể lại tiêu-sử như sau đây :

Beatriz de Santo Domingo là con gái độc-nhất của công-tước Castel Rodriguez, một vị Thượng-quan của xứ Espagne. (1) Rất nhiều tiền của và rất nhiều thế-lực, ông đã chiếm được lòng tin của Philippe II, một vị vua hay quạu và đa-nghi, và đã được trao phó những chức vị quan-trọng ở Espagne và Italie.

Công-tước Castel Rodriguez sống một cuộc đời vương-giả, và ông bà-con thân-thuộc với tất cả những dòng-dõi quý-tộc trong xứ. Khi Béatriz được mười ba tuổi, ông có tìm cho cô một chỗ xứng-đáng để gả, là Công-tước d'Antequera, dòng-dõi Ferdinand d'Arager. Ông có cho con gái một món của hồi-món đẹp-đẽ, và việc kia được sắp-đặt không khó khăn gì. Đôi trẻ được đính-hôn, nhưng vì cậu công-tử mới có mười lăm tuổi, nên người ta hoãn lễ cưới vài năm. Béatriz và người chồng tương-lai được phép gặp-gỡ chuyện trò trước mặt hai bên cha mẹ, hoặc bà con cô bác. Vị hôn-phu là một chàng thiếu-niên mập-mạp, nặng-nề, không lớn gì hơn Béatriz, với một đồng tóc dày cộm và đen thui, một cái mũi tẹt, và một cái miệng hay quạu. Béatriz có ác-cảm với hắn ngay từ lúc mới trông thấy hắn lần đầu tiên nhưng nàng biết rằng chống-đối cũng vô ích, cho nên nàng chỉ tỏ với hắn bộ mặt nhàn-nhó thể thôi. Hắn hỏi gì, nàng chỉ trả lời bằng cách thề lưỡi ra.

1) Thế kỷ XVII.

Sau lễ đính hôn, Công-tước gửi con gái vào học trong nhà tu-kín của dòng Carmélites de l'Incarnation ở Avila. Ở đây có nhiều tiêu-thư quý-tộc cùng một địa-vị và hoàn-cảnh như Béatriz và một số các phu-nhân nội-trú không bắt buộc phải theo đúng kỷ-luật nhà tu.

Mười sáu tuổi, mẹ của Béatriz xin cho con gái được từ-giã Tu-viện và bà đưa con gái về Castel Rodriguez, với một đoàn tùy-tớ đi theo hầu. Hôn-lễ của Béatriz đã đến gần, và mẹ nàng, Nữ-Công-tước, bày vẽ cho nàng các phép xã giao với đời, mà bà nghĩ rằng các Xơ trong Tu-viện không có dạy. Bấy giờ Béatriz đã thành một cô gái lớn đẹp tuyệt, thân hình mảnh-khảnh, dịu-dàng, nước da trắng, các nét thân-thể đều-đặn. Nàng rất vui-vẻ, ham-mé khiêu-vũ, dồi-dào sinh-lực, hay nghịch-ngợm và có tính hơi độc-tài. Vì nàng là gái cung, suốt đời chỉ hành-dộng theo ý muốn của mình. Thấy tính muốn dè dặt dè dặt của người ta, linh-mục nhận-tội tỏ ý lo ngại, và nói chuyện với mẹ nàng thì bà trả lời lãnh đạm : « Con gái của tôi sinh ra để chỉ-huy. Cha không thể đòi hỏi nó một sự phục-tùng ti-tiện như một con mẹ giặt úi. »

Ở Tu-viện, Béatriz đã ham-mé tiểu thuyết kiếm hiệp mà nhiều phu-nhân nội-trú rất thích, và tuy là nàng bị cấm đọc các sách ấy, thỉnh thoảng nàng cũng ngón được một vài truyện tràng-giang đại-hải.

Về nhà ở lâu dài Castel Rodriguez, Béatriz thấy hàng đồng loại sách đó, và mẹ nàng thì đau, mặc sức nàng nghiên-ngẫm truyện kiếm- hiệp. óc tưởng-tượng của thiếu nữ phùng dậy, nàng nghĩ đến với lòng ghê tởm một cuộc hôn nhân không tránh được với một chú chàng bần thiêu, hay cầu nhâu và...it học. Nàng có ý thức về sắc-đẹp của nàng, và mỗi lần đi Nhà Thờ với mẹ, nàng dề ý đến

bọn con trai trong thành phố thêm thường, liếc mắt đưa tình với nàng. Một hai lần, những chàng trai bạo dạn nhất đã ôm đàn đến hát những dạ khúc yêu đương, dưới cửa sổ của nàng đều bị bà mẹ gọi đầy tớ ra đuổi cổ đi. Một hôm, Beatriz thấy một bức thư trên gối, nàng đoán chừng là có người nào cho tiền lo lót chị ở nhờ chị đem tho đề trên gối của tiểu thư. Nàng mở thư xem đi xem lại hai lần, rồi nàng xé vụn ra từng mảnh đưa lên ngọn đèn bạch lạp đốt cháy tiêu. Đó là bức thư tình đầu tiên và duy nhất mà nàng đã nhận được trong đời nàng. Thư không có ký tên, và Béatriz không biết tác giả là ai.

Một buổi sáng sớm, Béatriz đi lễ nhà thờ với người đi. Tim đồ chưa đến nhiều. Nàng trông thấy một huynh trưởng ở Séminaire còn trẻ tuổi mà nàng thường gặp ngoài phố trong lúc ông đi công tác từ thiện. Hôm ấy, trông thấy huynh trưởng bước đi chậm rãi vừa đọc một quyển sách. Nàng hỏi: « Ai đấy nhỉ ? » Người đi trả lời: « Trưởng nam của Juan Suarez de Valero. »

Béatriz làm thính, nhưng về nhà từ hôm ấy nàng mất tính vui vẻ, và ăn không ngon. Các lương y không tìm ra căn nguyên. Nàng trở thành xanh xao và khó tính, thường khóc, nước mắt chảy đầm đìa. Nàng buồn rầu quạu quọ. Càng ngày càng ốm, nàng có những quầng đen dưới đôi mắt. Cha mẹ nàng thấy vậy, bàn với nhau rằng chỉ có một môn thuốc linh-nghiệm nhưt để cứu sức khỏe của nàng, là cho nàng lấy chồng lập tức. Nhưng khi nói việc đó cho nàng nghe thì nàng hét lên, thần-kinh bị khủng-hoảng. Người ta trị nàng bằng đủ các thứ thuốc, cho nàng uống sữa lừa và huyết bò. Cho uống gì nàng cũng ngoan-ngoãn nuốt hết, nhưng chẳng có kết quả gì cả. Nàng không thích đọc tiểu thuyết nữa. Người đi kể các tin-tức trong thành phố, nàng nghe rất lễ-phép

nhưng không thích-thú. Một hôm, bà nói chuyện người con trai trưởng của Juan Suarez de Valero đã đi tu theo dòng Dominicains, bỗng đung Béatriz té xỉu. Người ta phải vục nàng vào giương.

Hôm sau nàng đòi đi lễ tại Nhà Thờ của dòng Dominicains. Nàng đi trong một chiếc xe song-mã lớn mà người ta chỉ dùng trong các ngày Lễ long-trọng. Nàng đã gặp mặt huynh-trưởng, con trai của Juan Suarez de Valero, tu ở nhà Thờ này. Trở về nhà, Béatriz lành bệnh liền. Đôi má hồng-hào, đôi mắt sáng rực với một tia ngời mới. Nàng quý bên chân cha nàng, xin cho nàng đi tu. Công-tước kinh-ngạc vô cùng. Không những ông không muốn nhường con gái độc-nhất của ông cho Nhà Thờ, mà ông còn khó chịu về việc phải hủy bỏ cuộc đính-hôn đã sắp đặt cho nàng từ lâu.

Béatriz cương-quyết theo chỉ hướng của nàng. Sau cùng, Công-tước phải chấp thuận. Nàng được vào tu trong Tu-viện của dòng Carmélites ở Avila. Mặc toàn nhung lụa, đeo đầy nữ-trang, nàng được cả gia-đình tiễn nàng vào nhà Tu-kin. Đến cổng nhà Thờ, nàng vui-vẻ vĩnh-biệt mọi người.

Sau một thời-gian lâu, Béatriz được lên chức bà Xơ Nhất ở Tu-viện Castel Rodriguez mà thân-phụ của bà đã bỏ tiền riêng ra sáng-lập để bà điều-khiển, ngay nơi quê-quán.

DIÊU HUYỀN dịch

* BẤT CÔNG

- Sao mặt mày buồn bã mệt nhọc thế hả ?
- Mày xem. Ba của tao thường hay sai tại tao làm công chuyện. Lúc nào ông cũng biếu nào là hai đĩa lớn làm cái này, nào là hai đĩa nhỏ làm việc kia. Và ba tao có ba đứa con mà tao là đứa giữa đấy !
- Thảo nào !



● Bà SONG-THU sinh năm 1897, tại Quận Điện - Bàn, tỉnh Quảng Nam. Nho học uyên thâm. Có tham gia các phong-trào cách-mạng chống Pháp, viết văn bằng Hoa-ngữ và Việt ngữ trong các báo Tàu và Việt ở Sài-gòn. Được nhiều danh-nhân Nhật, Đại-Hàn, Trung-hoa, khâm phục trí-thức về Nho-giáo, và Văn - nghệ Việt-Hán. Những văn thơ thường đăng trong tạp-chí Phổ-Thông bằng Việt-văn và Hán-văn rất được bạn đọc hoan nghênh.

光陰 乙巳 交 承
 文 墨 經 緯 玉 運 輕 塵
 世 身 紛 紛 年 已 晚
 了 醒 落 落 歲 逢 春
 病 隨 店 鼓 風 吹 散
 夢 穿 屏 示 雨 過 紗
 未 茂 江 山 明 日 景
 斯 未 瑞 氣 總 遠 欣

窗 林

● PHIÊN-ÂM

át ty, giao thừa

□ SONG - THU

Quang-âm sậu chí trực khinh trần
 Văn mặc triển miên ngộ thử thân.
 Thế cuộc phân phân niên dĩ vãng
 Thiên nhai lạc lạc tuế phùng Xuân.
 Bệnh tùy điếm cô phong xuy tán,
 Mộng ký đình hoa vô quá tân.
 Vị thức giang sơn minh nhật cảnh ?
 Đoán lai thụ khí tông hoàn nhân.

dịch :

Bóng ác như bay đuổi bụi đời,
 Bút nghiêng ràng buộc cái thân thôi !
 Rối - beng cuộc thế năm vừa hết,
 Lũng-thững v. n trời khách đến nơi !
 Gió thổi bệnh tan hồi trống dờ,
 Mưa về mộng gợi sắc hoa tươi.
 Ngày mai non nước chưa ai biết ?...
 Đoán chắc Xuân-quang trả lại người.

★ SONG - THU
 (Xuân Bình Ngô)

MỘT NGƯỜI TÊN LÀ HUYỀN

• BÙI-CHÁNH — NHU-TRỊ

LTS.

NHU-TRỊ là bút hiệu, tên thật là BÙI-CHÁNH-THỜI. Đã cộng tác với nhiều tạp chí Văn học dưới bút hiệu trên đây.

XUÂN BÌNH NGÔ

TRỜI sắp sang Xuân. Mùa xuân năm 195... năm nhiều giông tố,

Một buổi sáng kéo mây đen, trời trở lạnh. Đã 9 giờ ban mai mà như mới mờ sáng, nhiều căn nhà tăm tối còn soi ánh đèn.

Văn phòng luật sư X.. cửa mở hờ hững. Đó là một gian nhà chật hẹp nằm ở một góc phố vắng, vắng đến nỗi ngồi trong xa vẫn phân biệt được từng tiếng guốc kéo lê ngoài vỉa hè. Thoạt nhìn ít ai có thể biết đó là văn phòng luật sư, nếu không chịu khó dán mắt vào nếp tường lở lói, tróc vôi, để nhìn tấm bảng đồng nhỏ, đen đui gắn gần lối vào: « Luật sư X.. » Văn phòng bày biện sơ sài, dăm ba cái ghế cũ kiểu xưa màu gỗ nâu nhẵn thín mờ hôi, vài cái kệ chồng chất hồ sơ và những pho sách gáy da đã sần nhiều chỗ, giấy ngả màu vàng héo, thắm những vết đen bần khô tả. Khách đi vào bằng một hành lang dài hun hút, lạnh lẽo, tối tăm và để có cảm tưởng như đi vào một hang sâu vô tận. Trên vách tường chiếc đồng hồ cũ kỹ như kéo lê từng giây phút theo từng nhịp đu đưa của mấy

MỘT NGƯỜI TÊN LÀ HUYỀN

con nhện đang mãi miết dệt tơ trong một nóc tủ đầy bụi bặm. Thời gian ở đây có đọng lại.

Phòng việc cũng già nua theo với tuổi tác của luật sư. Bây giờ người ta đã quên lãng ông, nhưng đã một thời, thời ông còn trẻ, lúc trí óc còn minh mẫn, ông là một trong những luật sư nổi tiếng về biện tài trong những vụ Đại hình. Tuy vậy uy tín cũ vẫn lôi cuốn người ta đến tìm ông khi gặp vụ kiện khó khăn. Sáng sáng người ta vẫn gặp ông đến văn phòng, lưng khòm xuống chiếc cặp da cũ xách bên tay. Mấy hôm nay gần tết, các văn phòng luật sư hầu như vắng người chờ đợi nhưng Luật sư X.. cũng vẫn đến văn phòng tối tăm của ông, nhiều khi chỉ để ngồi trầm ngâm giây lát, như để nhớ lại dĩ vãng, rồi lại ung dung ra về. Nghề luật sư đối với ông là một lý tưởng và mặc dầu những cay đắng, ông vẫn yêu nghề như yêu lẽ sống của ông; tuy khi bênh vực thân chủ trước Tòa, ông là người đanh thép, luận lý sắc bén, nhưng bình thường ông là người hiền lành, dễ tính và thông cảm; vì thế những người khách

đến tìm ông thường vẫn thỏa mãn vì tha hồ tâm sự dòng dài.

Bây giờ, dù già nua sức yếu, mắt lòa, trí nhớ kém, những ông vẫn giữ được nhiệt tình của tuổi trẻ, vẫn tin tưởng ở chân lý, mặc dù, nhiều lúc, ông cũng thốt ra với những người bạn chí thân rằng « chân lý, chân ý là cái gì? Tôi chưa bao giờ nắm chắc được một chút chân lý trong đời tôi ».

Đại khái người ta có thể phác họa được hình ảnh của ông luật sư X.. như vậy; nhưng quả thật khó mà phác họa được những người giúp việc ở văn phòng ông.

Văn phòng ông có ba người giúp việc, họ là thông sự, là thư ký, là tổng thư văn, nhưng dường như công việc chính của họ là đọc báo, và chuyên viên bình luận thời cuộc. Luật sư X... không có nhiều việc làm và nhất là những ngày gần tết, như sáng nay, họ thật là rảnh rỗi...

Sáng nay, sau một bữa điem tâm kỹ lưỡng ở một quán cà phê gần đây, viên thông sự trở về loan vài tin đồn về những

vụ xảy ra trong thành phố. Mấy người khác lại thay phiên nhau ra nghe ngóng, rồi họp nhau nhỏ to, chốc chốc lại có người bật lửa châm thuốc, ghéech chân lên bàn, vừa phà khói lên trần nhà vừa chửi đồng một câu. Thế nhưng rồi chuyện cũng hết, mỗi người lại ôm một tờ báo đọc bàng quơ,

Giữa lúc ấy, một người đàn bà đi vào.

Người đàn bà trạc độ bốn mươi, nhan sắc tiêu tụy, nhưng vẫn giữ được vài nét đẹp kín đáo. Gió đầu xuân lành lạnh, da mặt người đàn bà nhợt nhạt, nhợt nhạt như màu da người chết. Ngập ngừng một chút trước cửa người đàn bà đi thẳng đến cạnh bàn giấy viên thông sự, lúc ấy đang say mê một mẫu tiểu thuyết đăng hằng ngày trên báo.

Viên thông sự vẫn không buồn nhìn lên và những người khác cũng không buồn nhìn lên. Dãy hành lang vẫn sâu thăm thẳm, hút gió từ ngoài vào. Người đàn bà vẫn đứng yên, chiếc áo dài màu trắng vải ta, nhàu nát, không đủ cản cơn gió đến.

Sau khi đã đọc hết mẫu tiểu thuyết và có vẻ thỏa mãn với cốt chuyện lâm ly bi đát, viên thông sự mới nhìn lên và lúc đó mới bắt gặp cái nhìn lạnh lẽo của người đàn bà. Vẫn giữ nguyên dáng điệu khi đang ngồi dựa ghế đọc báo, viên thông sự vừa đánh giá cách phục sức của người đàn bà, vừa hát hàm :

— Hỏi gì ?

Viên thông sự vẫn thường đặt câu hỏi như thế với những người khách hàng nào của Luật sư X... mà xem ra ăn mặc lòi thối, nghèo nàn. Đó là một thứ câu hỏi không có chủ đề nhưng người bị hỏi biết ngay cái chủ đề ấy là mình, kẻ không được gọi là ông hay bà hay một đại danh từ nào khác.

Người đàn bà từ lúc bước vào chỉ nhìn, bây giờ mới áp úng đáp lời. Nói rằng người ấy nói thì không đúng, thật ra chỉ là đôi môi mấp máy, và cái câu «tôi muốn gặp luật sư X...» nghe như hơi gió thoảng qua.

Người thư ký ngồi trong cùngthừ nãy giờ vẫn lừ lừ nhìn người đàn bà dường như để nhớ lại điều gì, lúc ấy mới lên

tiếng một cách thô kệch :

— Ông chưa đến.

Nói xong cả ba người lại vội nhìn xuống tờ báo, như sợ những tin tức sốt dẻo đăng trên báo sẽ bay đi mất. Người đàn bà vẫn đứng yên, dáng điệu lúng túng, hưng chỉ trong giây lát, và khi biết chắc không còn ai để ý đến sự hiện diện của mình, mới quay ra.

Trời bên ngoài bắt đầu đổ mưa, người đàn bà đi ra ngoài mấy bước, tóc ướt thê thảm lúi húi quay vào, tìm cái ghế nơi góc tối ngồi.

Không biết bao nhiêu thời gian trôi qua, van phòng luật sư vắng vẻ. Cho đến khi trời hơi ngớt mưa Luật sư X... mới đến

Bước chân của luật sư nặng nề, men theo dãy hành lang, đi dần vào bóng tối chập chờn bên trong. Người đàn bà vội đứng dậy theo vào.

Ánh đèn trên bàn giấy chỉ tỏa ra một vùng ánh sáng nh, ở căn phòng vẫn tối tăm, Luật sư X... cũng chưa kịp nhận ra người khách đến viếng mình,

thì người đàn bà đã vội nói :

— Tôi chờ luật sư từ lâu.

Vị luật sư già ngược lên nhìn, đôi kính ông lấm tấm nước mưa ông phải vội rút khăn tay ra lau lại. Trên đôi mắt ông hiện ra sự kinh ngạc nhưng ông vẫn không tin rằng mình đã nhìn đúng sự vật :

— Xin lỗi, hình như tôi có gặp bà ở đâu ?

Người đàn bà cố thu mình vào bóng tối, đáp lại, tiếng nói vừa nhỏ, vừa dứt quãng :

— Vâng, chắc luật sư không lạ gì tôi, nhưng hôm nay tôi đến vì một việc khác.

Trời lại đổ mưa dữ dội, tiếng nói người đàn bà quá nhỏ. Luật sư X... phải cố gắng mới nghe được.

— Tôi là Trần thị H. một người đã từng được luật sư biện hộ cho...

Luật sư X... vẫn nghe, nhưng tâm trí hoang mang, ông thầm trách tuổi tác đã làm ông bớt minh mẫn và dường như có nhiều sự kiện khá phức tạp quay cuồng trong đầu óc ông, những sự kiện của hiện tại lẫn lộn

với quá khứ khiến ông không phân biệt được điều gì rõ rệt. Ông chỉ biết rằng người đàn bà ngồi trước mặt ông đã nói rất nhiều, rất nhiều mà ông không thể nghe rõ; tuy nhiên tiếng nói ấy dường như có lúc lại phát ra từ tiềm thức của ông và ông có cảm tưởng rằng vài đoạn trong câu chuyện ấy, ông đã nghe thấy ở đâu. Trong lúc tâm hồn không định tĩnh, ông vẫn nghĩ rằng câu chuyện ấy có thể ngẫu nhiên trùng hợp với những vụ mà ông đã biện hộ. Kinh nghiệm trong nghề cho ông thấy rằng phần nhiều trường hợp vụ kiện vẫn giống nhau về đại cương: giết người, cướp của, ngoại tình, ly dị v.v... nhiều khi chỉ khác nhau vài chi tiết nhỏ.

Người đàn bà vẫn tiếp tục nói, đôi lúc khuôn mặt nhợt nhạt, hiện ra ánh đèn, rồi lại lùi vào bóng tối. Tiếng nói mỗi lúc một bí hiểm:

— Tôi đã nhận tội. Tôi mưu sát. Tôi đã giết chồng tôi. Người ta đã hỏi tôi tại làm sao, tôi không hề nói, vì tôi không thể nói và có nói cũng không ai có thể tin tôi. Tuy vậy tôi cần phải nói với luật sư tôi cần phải nói

hết, luật sư hãy nghe tôi và phải nghe tôi, vì tôi biết rằng khi đọc hồ sơ vụ án, luật sư cũng cảm thấy một vài điều bất thường. Tôi đã toan tự tử nhiều lần sau khi xảy ra vụ ấy, nhưng người ta luôn luôn ngăn cản tôi, nhưng tôi nhất định tìm cái chết, tôi đã dấu tất cả sự thật mà nếu nói ra, tôi có thể được hưởng sự khoan hồng: tôi đã thách thức những người ngồi xử tôi, tôi đã làm cho người ta thấy tôi là con quỷ sống và lần đầu tiên tôi đã thành công, vì hồ sơ vụ án kết luận rằng tôi đã mưu sát người chồng bệnh hoạn để để bề đàn diu với kẻ khác. Chắc luật sư cũng nóng lòng muốn biết bề trái của vụ án này chứ gì. Thật ra tôi yêu chồng tôi lắm. Lúc chúng tôi cưới nhau, thật nghèo khổ; chồng tôi phải đi lãnh thêm việc ở các hàng buôn về làm đêm, một thời gian sau chồng tôi bị lao phổi, không có tiền để chữa thuốc, tôi phải đi tìm việc vặt vạnh làm nuôi chồng; nhưng vì thiếu thuốc men, bệnh chồng tôi vẫn không bớt. Đến khi có vài người bạn bảo chồng tôi

hút thuốc phiện, và thuốc phiện có thể chữa khỏi bệnh. Chồng tôi nghe theo và chẳng bao lâu bị nghiện nặng. Gia đình tôi càng ngày càng lâm vào tình cảnh bi đát. Chính lúc bấy giờ những người bạn của chồng tôi mới khuyên rũ tôi. Xin Luật sư đừng nghĩ rằng tôi nhẹ dạ, chính chồng tôi đã ép tôi phải ăn nằm với mấy người bạn để lấy tiền đi đến các tiệm hút lén lút.

Tiếng nói bỗng im bật rồi từ trong bóng tối phát ra tiếng nấc thảm thiết. Luật sư X... vẫn lặng thinh. Rồi tiếng nói lại vọng lên:

— Lúc đầu tôi nhất định không chịu, nhưng chồng tôi hăm dọa tôi, sự cưỡng ép đó không quan trọng bằng vì tôi thương chồng tôi quá mức, tôi sợ chồng tôi chết, tôi cần có chồng tôi. Tôi đã chịu ý chồng tôi. Đó là lỗi lầm lớn nhất trong đời tôi. Dẫu dè chồng tôi lại bắt tôi rước những người khách lạ. Chính lúc này tôi mới cảm thấy tôi đã trở thành cô gái điếm thực thụ, và chồng tôi chỉ là tên chủ chữa. Tôi không trách chồng tôi vì tôi nghĩ rằng trong cái xã hội hiện tại mỗi người

đều có quyền bầu víu vào sự sống miễn là để sống. Nhưng tôi nghĩ rằng tôi cũng có quyền chọn cách sống khác, cách sống ít đê nhục hơn, đó là cái chết. Những nhân chứng trong vụ án, những người bạn cận đã cung khai những điều mà họ tưởng là chân lý, và mọi người khác cũng tin đó là chân lý. Những người làm chứng chỉ biết đêm đêm có những người khách lạ hay khách quen đến nhà tôi trong lúc chồng tôi nằm ở một tiệm hút bí mật nào đó, và cuối cùng chồng tôi bị chính tôi hạ thủ. Mặc dù những sự kiện ấy không tốt đẹp gì, nhưng tôi cho là còn hơn những điều tôi tỏ bày với luật sư trên đây và tôi cũng nghĩ rằng khó ai có thể tin rằng đó là sự thật... và mặc dù đó là sự thật đã được chứng minh bằng mạng sống của tôi.

Trời đổ mưa từng hồi, át tiếng nói và tiếng khóc của người đàn bà.

Luật sư X... đã từng biện hộ cho nhiều vụ giết người, nhất là những vụ giết người vì đam mê, vì dục vọng, nội dung

MỘT NGƯỜI TÊN LÀ HUYỀN

những vụ ấy không có gì khác nhau cho lắm. Nhiều khi ông có cảm tưởng rằng bao nhiêu hồ sơ ông đã cãi cũng chỉ là một hồ sơ duy nhất, thay thế tên các đương sự mà thôi. Đó cũng là cái thói quen nghề nghiệp mà nhiều khi người ta không cần tìm hiểu thêm làm gì những rắc rối của cuộc đời.

Nhưng sau khi nghe người đàn bà kể câu chuyện, mà nhiều đoạn, lẫn với tiếng gào thét của mưa gió, luật sư X... bỗng choàng dậy, ông thoát thấy dường như lần đầu tiên ông nắm chắc được một chút nào chân lý; ông nói với người đàn bà rằng ông sẽ tận tâm ông sẽ tìm đủ mọi cách để chứng minh sự thật ấy. Trong vài giây phút Luật sư... tưởng như ông đang đứng trước Tòa, đang thời kỳ trẻ trung của nhiều năm về trước, biên hộ và thuyết minh các sự thật ấy.

Trời vẫn đổ mưa từng hồi, gió mạnh tung vào cánh cửa sổ phòng giấy, lay lật ngọn đèn trên bàn. Luật sư X... lau lại đôi kính trắng lần nữa và nhìn lên như để trông rõ người thân chủ của mình. Nhưng trong cái khoảnh lơ mơ của căn phòng dường như người khách đã đi rồi ông chắc lưỡi thu

minh vào chiếc ghế.

Những cử chỉ của Luật sư X... bây giờ thật là khó giải thích, ông mở chồng hồ sơ trước bàn rồi lại khép lại hình như ông đã nhớ ra điều gì. Sau cùng ông đứng dậy đến một góc phòng tối om, chỗ dành để xếp những hồ sơ cũ, lật chồng hồ sơ đọc từng tên một, ông hít hơi mấy cái vì mùi ẩm mốc xông lên. Hồi lâu Luật sư X... mới rút ra ngoài một hồ sơ bìa đã rách, bụi bậm và mạng nhện bám đầy, như mới lấy từ một nhà mồ lên. Trên bìa hồ sơ có ghi « Trần thị Huyền, án tuyên ngày 3-2-194... Y án tử hình ». Luật sư X... bàng hoàng giấy lát và lật bèn trong hồ sơ có cài bực thư: « Kính gửi Luật sư X... viện chúng tôi hân hạnh báo tin luật sư rõ, thân chủ của luật sư là Trần thị H, sẽ bị hành quyết vào lúc 5 giờ sáng ngày 13.8.194... tại.... Vậy trân trọng mời luật sư đến dự kiến theo luật ».

Ngoài trời vẫn chưa ngớt cơn mưa. Luật sư X... vứt hồ sơ trở lại chỗ cũ, loạng choạng đi về phía chiếc ghế, ngồi xuống. Chiếc ghế cũ rít lên như nghiêng rảng. ● ★

Cuối mùa Đông Ất Tỵ

thơ ngoại quốc ★ ★ ★ ★

DOMINIQUE AUJOURD'HUI PRÉSENTE

★ của PAUL ÉLUARD

Tu es venue l'après-midi crevait la terre
Et la terre et les hommes ont changé de sens
Et je me suis trouvé comme un aimant
Régulé comme une vigne

A l'infini notre chemin le but des autres
Des abeilles volaient futures de leur miel
Et j'ai multiplié mes désirs de lumière
Pour en comprendre la raison

Tu es venue j'étais très triste j'ai dit oui
C'est à partir de toi que j'ai dit oui au monde
Petite fille je t'aimais comme un garçon
Ne peut aimer que son enfance

Avec la force d'un passé très loin très pur
Avec le feu d'une chanson sans fausse note
La pierre intacte et le courant furtif du sang
Dans la gorge et les lèvres

Tu es venue le voeu de vivre avait un corps
Il creusait la nuit lourde il caressait les ombres
Pour dissoudre leur boue et fondre leurs glaçons
Comme un oeil qui voit clair

L'herbe fine figeait le vol des hirondelles
Et l'automne pesait dans le sac des ténèbres
Tu es venue les rives libéraient le fleuve
Pour le mener jusqu'à la mer

Tu es venue plus haute au fond de ma douleur
Que l'arbre séparé de la forêt sans air
Et le cri du chagrin du doute s'est brisé
Devant le jour de notre amour

Gloire l'ombre et la honte ont cédé au soleil
Le poids s'est allégé le fardeau s'est fait rire
Gloire le souterrain est devenu sommet
La misère s'est effacée

La place d'habitude où je m'abêtissais
Le couloir sans réveil l'impasse et la fatigue
Se sont mis à briller d'un feu battant des mains
L'éternité s'est dépliée

O toi mon agitée et ma calme pensée
Mon silence sonore et mon écho secret
Mon aveugle voyante et ma vue dépassée
Je n'ai plus eu que ta présence

Tu m'as couvert de ta confiance

Bản dịch của Diêu-Huyền

HÔM NAY CÓ MẶT ĐÔ-MI-NÍ

Em đã đến buổi xế, trái đất đã nứt vỡ,
Cả trái đất lẫn loài người đã đổi chiều hướng,
Và anh như thể một kim-châm
Thăng-thấn như một cánh nhỏ

Vô cùng tận con đường của chúng ta, mục phiêu của
những kẻ khác
Những con ong bay, tương-lai đầy mặt của chúng,
Và anh tặng mãi những thềm muốn ánh sáng
Đề hiểu nguyên-nhân của nó.

Em đã đến, anh đang buồn quá, anh đã từ,
Chính từ hôm có em, anh mời từ với thiên hạ,
Em bé, anh đã yêu em, như một chàng trai
Chỉ biết yêu tuổi thiếu-thời của hẳn.

Với sức mạnh của một dĩ vãng rất xa, rất trong,
Với lửa của một bài ca không lối nhịp,
Đá nguyên vẹn và giòng máu thoáng chảy
Trong cổ họng và trong môi.

Em đã đến, lời cầu-nguyện được sống đã thành hình,
Nó đào sâu đêm nặng, nó mọc tròn những bóng tối,
Đề sạch hết bùn đêm và tan những băng đá
Như một con mắt thấy sáng-tỏ.

Cỏ non, những con chim én không bay được nữa,
Và mùa thu đề nặng trong cái bao của bóng tối,
Em đã đến, hai bên bờ giải-cho giòng sông
Đề đưa nó đến tận biển.

Em đã đến, trong thâm đê đau khổ của anh,
Em cao hơn cây mọc riêng ngoài rừng không khí,
Và tiếng kêu của phiến muộn của nghi ngờ đã đổ vỡ
Trước bạch-nhật của tình yêu đôi ta.

Vinh-quang thay, bóng tối và sỉ nhục đã nhường cho
mặt trời
Sức nặng đã dịu bớt, gánh nặng đã trở thành tiếng cười
Vinh quang thay, địa đạo đã trở thành tột đỉnh
Khốn khổ đã tiêu-tan.

Chỗ mà thường ngày anh đã dần-đốn,
Hành-lang không thức dậy, ngõ hẻm và sự mệt nhọc
Đều sáng bừng lên bằng lửa nổ lớp-đớp của những bàn tay
Vô tận đã tung ra.

Em ơi, em là suy-tư của anh đã rạo-rực và đã yên tĩnh
Là im lặng vang lừng của anh, và tiếng dội huyền bí
của anh

Là sáng chói lòa mắt của anh, là thị-giác bát ngát của anh.
Anh chỉ còn có em hiện diện đó mà thôi,

Em đã bao trùm anh với lòng tin-tưởng nơi em.

● ĐIỀU-HUYỀN

Chú thích của người dịch.

Dịch Thơ của Paul Eluard rất phiến, nên rất thận trọng, vì câu Thơ của ông không đặt dấu phết, dấu chấm. Ông để cho người thường thức thơ tự tìm hiểu lấy ý thơ. Ông sắp xếp chữ theo một lối riêng, thường đảo lộn trật tự của câu. Ông viết bằng ý nhiều hơn bằng chữ. Để bạn đọc Phổ-Thông thấu triệt dễ dàng, khỏi nhọc công tìm hiểu, trong bản dịch Việt-ngữ, chúng tôi đã áp dụng mấy nguyên tắc sau đây:

— Để dấu phết dấu chấm trong mỗi câu.

— Dùng chữ thích ứng để gợi ý thơ xác đáng theo tác giả.

— Cố gắng dịch sát nghĩa.

Không phải nhờ đó bài thơ của Eluard đã trở nên hoàn toàn dễ hiểu. Nhưng bản dịch Việt-ngữ trên đây đã cố linh mở ra nhiều ánh sáng hơn, bớt những bóng tối, để bạn đọc thân yêu thấy rõ hơn phần nào những khía cạnh mờ mịt trong hồn thơ tác phẩm của Eluard.

khi một người chết

★ NGUYỄN-HÙNG-TRÁT

Bây giờ mày nằm xuống đó
Đất cát này lại nhuộm máu hồng tươi,
Cây cỏ sẽ xanh vì thịt, vì xương của một gã con trai
Chiến tranh, đạn đồng, súng thép
Chúng cướp của bà mẹ già còm cõi
Một đứa con,
Chúng cướp của cô gái
Một người yêu,
Chúng cướp của tao
Một thằng bạn.
Những kẻ đi qua,
Những người đi lại
Nhìn mảnh đất này họ sẽ nghĩ sao ?
Bây giờ tao không còn khóc được,
Đặt bàn tay lên xác của mày
Sờ những vết to nhầy nhụa
Fôi đưa bàn tay bê bết làm gương soi mặt :
Mày nằm đây hay tao nằm đây ?
Máu của mày
Máu của mày hay máu của tao ?
Với những người đi qua,
Với những người đi lại
Tao sẽ chỉ ngôi mộ của mày
Và những ngọn cỏ màu xanh :
« Có một thằng con trai năm đó yên giấc ngủ muộn đời... »

LỬA TÌNH

★ Trần-Thuần-Kiệt

(tiếp theo PT 164)

T R I Ệ U ngồi theo thế đờ phòng, và nói với Nga :

- Em đừng ngại gì cả.
- Em lo quá.
- Anh từng đánh trận. Có mấy ngại lo gì ?

Triệu chưa dứt lời. Hai cái bóng đen vọt tới.

Một tên cao dong dong, mặt mày râu mọc bó, cầm như ma-rốc, nghiêng đầu nhìn Nga, hăm dọa nằng :

— Nửa đêm có đi đâu ?

Nga lúc này thối ức. Hẳn là tên tay sai của lão chủ. Hẳn tên

Chín dao găm. Tuy giận nhưng Nga cố bèn giải :

- Xin anh bỏ qua cho.
- Thật gan lắm đả. Thôi về tôi bỏ qua.

Nga âm ức :

- Anh về đi, giầy lát tôi về, không sao mà.
- Không sao ?

Nga bực tức :

- Tôi đã hết giờ làm rồi.
 - Hết giờ nhưng phải đi báo cho ông chủ hay. Có đi bưng
- quá.

Triệu thấy khó chịu. Chẳng bảo Nga ; nhưng có ý hiềm tên nọ :

— Có việc gì thì đề mai giải quyết, sao Nga lại làm rùm lên vậy ?

Nga thành thật nói :

— Tại anh này mà, nào phải tại em.

Trong khi tên nọ quắc mắt nhìn hăm hực. Triệu đứng lên :

— Thôi ta đi vậy.

Nói xong kéo tay Nga đi.

Tên Chín dao găm bước đến chặn ngay :

— Đi đâu ? Nga ở lại đây đã.

Triệu nhìn hẳn, cố ăn lời :

— Nga là bạn gái từ xưa của tôi mà.

— Mặc, hãy để nàng lại đây.

— Xin anh một đêm vậy. Vui vẻ dùm cho. Nga nói.

Triệu không dẫn được :

— Cứ đi, lên xe.

Giọng nói như ra lệnh khiến tên nọ tức quá, hỏi gằn :

— Thật không bạn ?

Triệu nói :

— Tôi không bạn bè gì với anh cả.

Hắn hăm hờ xây về phía tên bạn hết :

— Thế nào Tư ?

Tên bạn hẳn, nhìn Nga nói thật bình tĩnh :

— Nga hãy về với chúng tôi đi.

— Anh làm ơn về nói với chủ, mai tôi về.

— Nga cãi lời tôi ư ?

Triệu kéo tay Nga nói :

— Đi đã, đừng nói nữa.

Nga dợm bước thì lập tức tên Tư nhảy vọt đến, dấm một quả vào mặt Triệu. Bất thình lình nhưng Triệu cũng lùi một bước tránh được.

— Khá đó. Tên Tư vừa nói vừa tạt luôn một sóng tay vào cổ chàng theo một thế chém của phái võ Tàu.

Triệu ngồi thụp xuống. Chàng cũng dùng võ Việt tấn công lại. Thật ra thì Triệu không kém sức tên nọ. Chàng chỉ sợ trong lúc dấm đá này tên râu càm sẽ kéo Nga lôi đi. Mà hẳn lôi đi thật, Nga không đủ sức cưỡng lại. Nga chỉ còn kêu cứu :

— Anh Triệu ơi tiếp em với.

Triệu giật mình bỏ tên Tư, chạy theo Nga. Lập tức tên Chín dao găm quay lại.

Nga hét lên :

— Coi chừng anh, nó dùng dao.

Nói chưa dứt lời, tên Chín dao găm lia một lần sáng xanh biếc ngang mặt chàng. Trong đêm tối ánh thép xẹt lóe ngời như tia điện.

Nga kêu lên :

— Chết, anh ơi.

Nhưng Triệu lúc đó thật bình tĩnh, chàng tiến sát vô người hấn tay dùng thế nhu-đạo, chân khóa chặt lấy bàn chân hấn theo một thế thiếu lâm. Hai đòn chớp nhoáng, tên nọ bị khóa cứng. Và tiếp theo là một cái đánh chỏ vào mặt. Hấn buông tay dao té ngửa ra sau.

Chưa kịp dừng bộ, chợt Triệu nghe Nga hét :

— Phía sau đó anh.

Giật mình, không tránh kịp, Triệu bị tên Tư đá thẳng vào sườn, ngọn đá mạnh quá, chàng té ngồi xuống đất. Hấn tập theo đá bật vào mặt chàng. Triệu không tránh được, bề vụn sống mũi, máu ộc ra lênh láng, chàng kêu lên một tiếng ngã nhào sang bên. Nhưng cố trấn tĩnh. Chàng rút súng nhắm tên nọ bóp cò. Hai ba phát liên tiếp...

Triệu thấy hấn kêu lên. Ôm lấy vai, cùng với tên bạn lui nhanh vào bóng tối. Còn chàng không chịu nổi nằm bất tỉnh luôn sau đó.

★

— Này em đời quả thật nhiều mâu thuẫn lắm.

— Anh nói em không hiểu.

Nga vừa đáp nước nóng lên trán người yêu vừa nhìn thẳng vào đôi mắt sâu thẳm đen của chàng. Mặt Triệu bị thương trông thật ghê tởm. Tuy thế nhưng Nga không dám bảo cho chàng biết.

Triệu đã tỉnh từ lâu, chàng đã thông cảm được nỗi lòng đó.

Triệu nói :

— Em nghĩ thế nào về ngày mai ?

— Ngày mai ra sao ? Nga hỏi lại.

Triệu phân vân vì thật ra mình đã có vợ con. Nói ra Nga sẽ cảm thấy tủi thân và cô quạnh biết bao. Vì thế chàng cảm thấy lòng mình

vò xé không bờ. Thật ra nga đáng lý là vợ của chàng từ trước. Chàng yêu Nga vô cùng. Thế mà nàng lại đến sau trong hoàn cảnh quá thể thiết như vậy.

Thấy Triệu im lặng, Nga nhắc :

— Anh có nhớ đến người ký giả bạn anh không ?

Triệu gật đầu :

— Tôi nghe nói bạn tôi đã mất rồi. Nhưng không rõ vì sao ?

Nga bầy giờ mới tỏ thành thật hỏi :

— Này anh, em hiểu mọi việc về gia đình anh. Xin đừng giấu em nữa. Nhưng đời em như vậy, chỉ cần một người yêu thành thật. Là anh đó. Đừng giấu em, và cũng đừng ngại gì hết. Anh yêu quý của đời em muôn thưở.

(còn tiếp)

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.



* **Của bạn Đinh-công-Giác, sinh viên năm thứ 4, Đà Nẵng.**

● **Nàng đó Chàng**

... Em viết thư này nhờ chị vui lòng giải giúp câu đố này của bố em đó em, mà em mít, nàng nói nếu anh giải không ra thì em không yêu anh nữa, nàng làm em giật gân, rợn tóc gáy lo sợ.

Vậy em mượn hộ chị vui lòng giải giúp em, kéo người yêu xa em tội lắm :

Câu đố như sau :

*Anh đi em một trồng hoa
Anh về hoa nở được ba trăm cành
Một cành là bảy búp xanh
Bán ba đồng một, để dành có nơi
Bây giờ đặng chữ thành thơ
Mượn anh tính vốn, tính lời bao nhiêu ?*

Đáp — Câu « Bán ba đồng một », tức là một cành, cho không phải một búp, vì người ta mua cành hoa để cắm lọ, chứ không ai mua búp hoa làm gì. Vậy thì hoa nở được 300 cành, bán được 3đ x 300 = 900đ.

Đây chỉ là một câu hỏi về trí khôn (question d'intelligence) ta thường nói là « hỏi mẹo », chứ không phải một bài toán khó.

* **Của bạn Nguyễn-ngọc-Bắc — 32, Nguyễn-công-Trứ, Tuy Hòa.**

● **Ma! Ma!**

... Đây là một chuyện mà giáo sư Lê trọng Hiệp dạy trường công lập Nguyễn Huệ, Tuy-hòa đã gặp.

Ông ấy có kể lại cho chúng em nghe là trong khi đi gác ở nhà trường. Vào lúc 3, 4 giờ sáng gì đó, lúc ấy ông vẫn còn thức, mà chỗ ông nằm lại ở giữa, xung quanh có các giáo sư khác nằm ngủ.

Rồi bỗng ông Hiệp thấy một người mặc đồ trắng đi lại phía ông rồi lại đi xung quanh. Lúc đầu ông ấy cứ đứng là ăn trộm, ông ấy vẫn nằm yên, người mặc đồ trắng ấy lại đến gần ông hơn, và đi xung quanh ông hai ba lượt.

Ông hoảng quá vội lấy chân trùm kín đầu, ông lại nhận thấy một bàn tay đè nặng lên ngực ông lạnh toát, lạnh đến nỗi tê cả trên ngực ông, không la gì được nữa, mặc dù ông đã cố vùng vẫy và lấy tay đâm mạnh vào bàn tay quái dị ấy.

Một chập sau thì hết và ông Hiệp mới la được : « ma... ma, trời ơi ! Mọi người xung quanh thức dậy và ông Hiệp cương quyết nói là đã trông thấy thật sự.

Thưa chị, không cứ gì hoàn cảnh trên, mà các chuyện khác thường xảy ra và các giáo sư đi trực đêm thường gặp luôn. Chẳng hạn như giữa đêm khuya, bàn ghế trong lớp tự nhiên rung lên rung xuống, có khi ngã hẳn xuống.

Vậy thưa chị, câu chuyện của giáo sư Lê trọng Hiệp có phải là trạng thái « ảo tưởng tập thể » như ông Xuân-Anh đã nói ? Em hoang mang quá ! Vì ma có thật hay không thưa chị ? Em mong sự giảng giải của chị.

Đáp. — Không thể giảng giải được, nhưng tôi cũng xác nhận rằng MA có thật trong rất nhiều trường hợp, như việc ông vừa kể.

* **Của cô Phan-Tuyết-Anh, London**
● **Mọi có đuôi !**

... Nhận một bài giảng về Nhân chủng ở Đại-học, giáo sư có nói ở miền Núi VN có giống Mọi có đuôi. Tiếc rằng giáo sư không nói rõ hơn. Xin ông. nếu có thể, cho chúng tôi biết một vài tài liệu xác thực về giống Mọi ấy...

Đáp. — Giống « Mọi có đuôi » này ở về vùng núi Đă-vích, thuộc giãy Trường Sơn (Amametic Mountains), địa phận tỉnh Quảng Ngãi. Sự thực chỉ là một khúc xương sừng dài ra từ 5 đến 10 centimetres ở trên hậu môn và có một chùm lông. Thường chúng ngồi chồm hồm, thỉnh thoảng ngồi hẳn

xuồng sản thì chỗ sản ấy phải có khoét lỗ. Sau khi Đại-chiến 1914-18, nước Pháp thắng trận có tổ chức một cuộc «Triển lãm thuộc địa» — (Exposition Coloniale) tại Marseille, Thủ tướng Georges Clémenceau có gửi thư yêu cầu vị Thống đốc Nam Kỳ (Gouverneur de la Cochinchine) gửi qua một vài người «Mọi có đuôi, để triển lãm với những của lạ ở các thuộc địa. Nhưng vị thống đốc không thể nào tìm được một kiểu mẫu của giống người ấy, vì không thể nào lên tận miền Núi Đá Vách để bắt họ. Xin nói thêm rằng giống ấy ăn thịt người (anthropophages). Hiện nay chúng đã bị tiêu diệt dần dần, chỉ còn độ 7. 800 người ở rải rác các nơi bí hiểm trong núi, mà người VN không dám léo hánh tới. Khi giới của họ là ná với mũi tên tẩm thuốc độc.



Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHỢ LỚN

- Đặt-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-hiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

PHẢI GÁC LẠI NHIỀU BÀI

Vì dư bài nhiều quá, nên chúng tôi đành gác lại một số bài kỳ này vào số TÂN NIÊN, 166, của quý bạn Vô-quang-Yến, Thiều - Sơn, Đông - Xuyên, Tế-Xuyên, Nguyễn-Vỹ, Hoàng-Thắng, Vũ-minh-Thiều, Phan-minh-Hồng, Thanh-Việt-Thanh, Nguyễn-vạn-Hồng v.v... Xin bạn đọc thông cảm. Chúng tôi thành thật cảm ơn.

PHỒ THÔNG

★ Bạn Thanh-Phúc, Phan Rang.

— Viết « độc-giã », vì danh-từ đó là gốc chữ Hán, cho nên viết « độc-giã » là sai. Nhưng viết theo tiếng Việt thì : « bạn đọc ». Cũng như viết theo chữ Hán, nói về người đàn bà Góa thì : « quả phụ », chứ viết hoặc nói « góa-phụ » là sai.

— Sinh năm 1948, tức là năm Mậu-Tý. Ngày 5-6 Mậu Tý đúng vào ngày 11-7-1948.

Ngày 18-10 Tân-Tỵ là ngày dương-lịch 6-12-1941.

★ Bạn Nguyễn-thành-Phước, Qui-Nhon.

— Mồng 9 tháng 5, Nhâm-ngọ, là ngày Thứ Hai 22-6-1942.

— Bạn trẻ tuổi đã uống rượu nhiều, tức-nhiên sẽ bị nhiều chứng bệnh nặng, kể cả bệnh thần-kinh, và làm suy giảm trí nhớ.

— Thuốc bổ-óc không làm tăng được trí-nhớ, nhưng bảo vệ thần kinh khỏi bị mệt nhiều.

★ Bạn Vương-văn-Đáng, KBC 4523

— Chúng tôi không tin theo truyền-thuyết cho rằng con người chết qua 49 ngày thì đầu-thai. Về vấn đề đầu thai, chưa thấy có sách nào, kể cả sách Phật, nói thật rõ-ràng.

— Sinh ngày 29-6 năm Ất-dậu, nhằm vào ngày 6-8-1945.

★ **Bạn Lê thị Diệu-Anh, Đại học Văn Khoa, Sài Gòn.**

Người Pháp chiếm « Nam-Kỳ », trước nhất năm 1859, chiếm « Bắc kỳ » năm 1882, sau cùng chiếm « Trung kỳ » năm 1884.

● **Bạn Kiều Thông, Đalat.**

Địa chỉ Trung Tâm Văn hóa Pháp : (Centre Culturel Français), đường Đồn Đất Saigon. Không có nội trú. Về anh ngữ có rất nhiều thực, hoặc Hội Việt Mỹ, bạn phải ở Saigon mới theo học các lớp anh ngữ đó được.

● **Bạn Ngô-văn-Chương, Quốc học, Huế.**

Sử dụng chữ không phải « xứ dụng ».
— P.T. số 72, tại tòa soạn không còn.

● **Hai bạn Kim Nhân, Hoài Bút, Quảng-ngãi**

10-3, Nhâm Ngọ : 24-4-1942.
20-5, Tân Ty : 14-6-1941
8-4, Bính Tuất : 8-5-1946.

— Ngôi sao lạ mà các bạn trông thấy vào khoảng 5 giờ sáng ở hướng Đông Nam cách đây vài tháng, chính là sao Chổi Ikeya-Seki 1965 F.

● **Bạn Lê-thị-Oanh, Cao Thắng, Saigon**

— Bà cụ sinh ngày 6 tháng 10 năm Canh Dần, nhằm vào ngày 17 tháng 11 năm 1890.

Danh từ « Huế », do hai chữ *Thuận-Hóa* mà ra. Sở dĩ phải đổi chữ « Hóa » thành chữ « Huế », vì « Hóa » là húy danh của một ông Hoàng.

★ **Bạn Dominique Lan Như, Paris**

— Ngày 10-6-1943 : 8 tháng 5 năm Quý Mùi, (con Đê).
— Cụ Phan-thanh-Giản có ba người con trai, tên là Phan Liêm, Phan Ngử, và Phan Tâm. Năm 1867, ba người này mộ binh chống Pháp tại các tỉnh Trà Vinh, Sa đéc, Vĩnh Long. Bị thua, cả ba đều trốn ra Thăng Long theo Nguyễn tri Phương, tiếp tục chống Pháp.

— Hai chữ « Việt-Minh » là viết tắt do « Việt-nam Độc-lập Đông-Minh ».

« Việt-Quốc », viết tắt do « Việt-Nam Quốc-dân-dảng » của Vũ Hồng-Khanh.

« Việt-Cách », viết tắt do « Việt-nam Cách-mạng Đông-Minh-Hội », của Nguyễn-Hải-Thần.

« Đại-Việt », tức là Đại-Việt Quốc-Dân đảng, của Trương-Tử-Anh. Ông này bị V.M. giết năm 1946, Nguyễn-tôn-Hoàn lên thay-thế.

★ **Bà Liên-Thạnh, Phạm-ngũ-Lão, Sài Gòn.**

Đạo Tin-Lành khác đạo Thiên-Chúa, ở một điểm chính là Tin Lành không thờ Đức bà Maria.

Đạo Cơ-dốc Phục-Lâm (Les Adventistes du 7è jour) cũng thờ Chúa Jésus, nhưng nghỉ việc ngày Thứ Bảy, chứ không nghỉ ngày Chúa nhật. Không thờ Tượng.

Các chi-tiết về lễ-nghi của ba tôn-giáo có khác nhau rất nhiều.

● **Bạn Hoài-Lương, Bến-Hải.**

Giờ Tý : từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng.

— Sửu : từ 1 giờ đến 3 giờ.

— Dần : từ 3 giờ đến 5 giờ.

— Mẹo : từ 5 giờ đến 7 giờ v.v...

— Ngọ : từ 11 giờ trưa đến 1 giờ chiều.

12 giờ trưa là đúng Ngọ, giữa Ngọ.

● **Bạn Lương-Trọng-Minh, Giáo-sư Bồ-đề, Qui-nhơn.**

« Triết-lý còn *từu*,... » con *từu*, tiếng Bắc, là con khỉ.

— Địa chỉ ông Ng-v-Cồn : Ministère de l'Éducation Nationale, Rue de Grenelle, Paris.

— Chúng tôi không có xem quyển sách « Năm sắc diện, năm định mệnh ».

— Mấy lúc sau này, vì vấn đề thiếu giấy in, và bị cúp điện thường, nên báo ra có trễ đôi ba ngày, nhưng vẫn ra đều mỗi tháng hai kỳ.

★ **Ô. Trần thẳng Lâm, Giáo sư, Saigon.**

Chúng tôi không biết ai đã dịch chữ *Existentialisme* thành ra « Thuyết hiện sinh ». Chúng tôi, ở Phò Thông, luôn luôn dịch danh từ ấy là « Duy Sinh ». Françoise Sagan, không có dính líu gì với J. P. Sartre. Người đàn bà đệ tử trung thành của Sartre là nữ văn sĩ Simone de Beauvoir.

★ Ô. Chế-Phiên — New York

Danh từ « tiến sĩ » có từ đời vua Trần Duệ Tông, vào năm 1374. Sau này người Việt Nam cũng gọi *Tiến sĩ luật khoa*, *Tiến sĩ văn chương*, vì không có danh từ nào khác cụ thể tạm so sánh về cấp bậc đại học, từ Tú tài qua Cử nhân, lên Tiến sĩ. Nhưng riêng về Y-khoa, lại gọi là *bác sĩ* chứ không gọi là Tiến sĩ y khoa, vì có lệ trong hệ thống thi cử của ta xưa, không có môn y học, cho nên người ta đã đặt ra danh từ mới là *Bác sĩ*.

— Quân đội Pháp chạy dù xuống Điện Biên Phủ ngày 20-11-53, chiếm cứ thung lũng này cho đến ngày 7-5-1954 thì Điện Biên Phủ bị thất thủ.

● Bạn Đặng-thành-Quý, An-Giang

Bạn hỏi : Câu tục-ngữ « *Tại vách mạch rừng* », có nhiều người lại nói : « *Tại vách mạch dừg* » là tại sao, và câu nào đúng ?

Câu *Tại vách mạch rừng* được thông-dụng hơn, từ Nam chí Bắc, và có nghĩa là vách có tai (người Anh cũng có tục-ngữ : *Walls have ears*), chuyện nói kín ở trong nhà có thể bị tiết-lộ ra ngoài. Cũng như trong rừng có mạch nước, chuyện bí-mật hai người nói ở đây tường không ai nghe, nhưng có mạch nước nghe, mạch nước chảy ra suối, suối ra sông..., trước sau gì rồi cũng có người thứ ba hay được. Ý-nghĩa câu tục-ngữ trên là chuyện gì bí-mật đến đâu cũng sẽ bị tiết-lộ.

Riêng ở miền Nam Việt-nam, câu trên có thể đổi thành : « *Tại vách mạch dừg* », và cũng có nghĩa. Trong Nam, « dừg » là tấm phên để dừg chung quanh nhà, phần nhiều là nhà lá của người nghèo, gọi là *tấm dừg*, bằng tre, hoặc bằng nứa. *Mạch dừg* là những thớ tre, thớ nứa. (les nervures du bambou), và cùng nghĩa với *tại vách*. Câu tục-ngữ sau chỉ thông-dụng ở miền Nam mà thôi. Ở miền Trung và miền Bắc người ta nói câu trên nhiều hơn.

— Bạn hỏi : Tại sao ngoài Bắc gọi là « Anh Cả », trong Nam gọi là « anh Hai » ? — Gọi anh Cả, con cả (hoặc con trưởng) là đúng theo lẽ-tự-nhiên. Riêng ở miền Trung (từ Huế trở vào) và miền Nam, người ta tránh tiếng *Cả*, mà gọi « *thằng Hai* », « *anh Hai* », v.v... vì có hai nguyên nhân. 1) Vì lễ độ gia đình. Trong gia đình chỉ có cha mẹ là lớn hơn hết. Nếu gọi con là *cả*, em gọi anh lớn là *anh*

cả, thì sợ phạm đến ngôi thứ thiêng liêng của cha mẹ, cho nên tránh tiếng « *cả* » mà gọi là « *Hai* ». 2) Vì taê tín. Trong gia đình Việt-Nam, nhất là ở Trung và Nam, đặt tên cho con lúc mới sinh thường đặt một tên rất xấu xí, hoặc tên thú vật, Chó, Chuột, Miêu, Vện, v. v., tùy theo tập quán của mỗi địa phương, để khỏi bị ma quỷ bắt.

Nhất là người con đầu lòng chỉ sợ nó chết yểu sẽ có hưởng trong gia đình, và ảnh hưởng xấu cho đứa con kế tiếp. Vì thế, thay vì con cả, hoặc là con trưởng, người ta gọi là « *con thứ Hai* », « *thằng Hai* », « *anh Hai* », v.v... là có hậu ý đánh lừa ma quỷ, và các người « *khuaít mây khuaít mặt* » rằng con trưởng đã chết rồi, bây giờ chỉ còn có con thứ hai, để ma quỷ đừng khuấy phá nữa.

★ Bạn Lưu thanh Nhân, Bạc Liêu.

Bạn nên làm đơn xin hoãn dịch, đến nộp tại Phòng Quân Vụ nơi tỉnh nhà.

● Đại úy, Trần nguyên Trung, Bộ tư Lệnh H Q.

Quyền sách ấy, chúng tôi không có. Chắc có sự hiểu lầm.

● Ô. Phạm xuân Lượng, Vien'iane, Laos.

Những cây cao su đầu tiên ở Việt Nam được lấy giống ở Ceylan (Tích Lan), và do bác sĩ Yersin và ông Halfner trồng tại Ong-Yem và Suối Giao, năm 1898. Sau đó, ông Bellan và vài người Pháp khác. Đến năm 1910, đã có 15 đồn điền cao su tổng cộng độ 2000 mẫu. Năm 1940, bắt đầu đệ nhệ thế chiến, toàn thể diện tích đồn điền cao su ở Đông Dương lên đến 134.000 mẫu sản xuất được 50.000 tấn cao su mỗi năm, (6% số lượng sản xuất của thế giới).

★ Cháu Trần thị Hồng Phúc — Đà-nẵng.

Bài của cháu viết lưu loát và cảm động lắm, nhưng có tính cách cá nhân, không đáng được. Bác rất tiếc. Cảm ơn những lời cháu cầu chúc.

● Ô. Thân Mộng Hùng, Huế.

Bài Kinh trong mục Minh ơi, P. T. 163 là của đảng *Ku Klux Klan* đặt riêng để đọc trong các cuộc lễ của họ, chứ không phải trích trong Thánh-Kinh. Xin ông đọc kỹ, bài đó nói về K.K.K.

Xưởng cơ máy

NAM-HƯNG

190, đường Nguyễn-văn-Học
cầu Bông-Ky — GIA-ĐÌNH

*Kính chúc quý khách hàng một năm mới tốt đẹp,
bình yên, đầy hạnh phúc và may mắn.*



Bồn hãng chuyên môn mua bán các
sắc gỗ súc và gỗ xẻ đủ cỡ để kiến trúc.



**Một xưởng cơ máy đã được
tín nhiệm của khách hàng.**

TINH THẦN SUY KÉM, ĐÀN ÔNG CŨNG NHƯ ĐÀN BÀ
ĐÃ CÓ SẢN THUỐC BỒ THẬN

SÂM NHUNG ĐƯỢC TINH
HIỆU ÔNG - GIÀ

TRỮ BAN KHẮP NƠI

VIÊN - ĐÔNG ĐƯỢC HÀNG

115, Đường Phùng-Hưng — CHOLON

KNBYT số 674 ngày 17-1-64

Thuốc bổ huyết điều kinh của Phụ-Nữ

PHỤ-NỮ **HÒI - XUÂN - TỐ** DI-AN-HÒA

Trị : **Kinh nguyệt bất điều**, tháng trời tháng
sụt; khi có ít khi có nhiều, hay dây dưa hoặc mới có hay đau
bụng, tử cung hư hàn hư nhiệt, gây chướng yếu, bạch đới hạ
khí huyết suy kém xanh xao mặt nhợt, khó thọ thai, hay bị
tiểu sản. Quý Bà dùng Phụ-Nữ : **HÒI-XUÂN-TỐ** đã
mau lại sức, ăn ngủ ngon, điều kinh sửa huyết, có tháng
đúng ngày, trị hết bệnh bạch đới tử cung và đau bụng. — (C
bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Tổng Phát Hành: **Nhà thuốc : DI-AN-HÒA.**

252 A Lê-thá-h-Tôn Saigon

K.N. B.Y.T. Số : 1.188 Ngày 9-6-65



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THÈ XÁC và TRÍ-ỨC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯ ẦM-ĐƯỢC.

Số 252 BYT/QCDP/18-10.62



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

DẪN BÀ ĐƯỞNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÈO-ỚT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯ ẦM-ĐƯỢC.

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ
dùng **Kim Xiên-Sơn** hiệu "con Ve" mau hết.

● **AI BỊ BỆNH HO :**
Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống
thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn** hiệu **Con Ve Ve** trừ đàm
bổ phổi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 153 đường Lê-
văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.



EM NHỎ MỎNG!

Cho em uống

THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN
(PAKEMID K. Q.)

NHÀ THUỐC TÂY **KIM-QUAN**
SỐ NGUYỄN HUỆ 110 SAIGON

K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG
110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon
Điện-thoại 23.187

Phạm-văn-Lạng
Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

573, Phan-thanh-Giản SAIGON

Kiểm duyệt số 049 ngày 7-1-66
Giấy phép số 292 CDVIT(TIN) ngày 9-10-1961
Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**
m tại **THƯ LÂM AN THƯ QUẢN**
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon



Kính Chúc Quý Vị
Hạnh Phúc
Thịnh Vượng
An Khương
trong Năm Mới.



CÔNG TY **MAC-PHSU** VÀ CÁC CON

205, đường Lê-Thành-Tôn, Saigon • Điện-thoại : 22.256

DẦU CÙ LÁ MAC-PHSU - 1966 • XUÂN BÌNH NGO